



VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC HÁN TRUYỀN

TỪNG THỨ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

CỐT LỖI

Kinh Trường A-hàm

Soạn giả: THÍCH HẠNH BÌNH

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

NHỮNG VẤN ĐỀ CỐT LÕI
trong Kinh Trường A-hàm

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC HÁN TRUYỀN

TỪNG THƯ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

NHỮNG VẤN ĐỀ CỐT LÕI
trong Kinh Trường A-hàm

Biên soạn: THÍCH HẠNH BÌNH

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

1. Phật là vị Nhất Thiết Trí, có thần thông	13
2. Nói năng như Chánh pháp im lặng như Chánh pháp.	13
3. Thường pháp của chư Phật trong quá khứ	14
4. Đức Phật - nhà cố vấn chính trị cho vua A-xà-thế	40
5. Bảy nguyên tắc khiến cho Phật pháp hưng thịnh.....	44
6. Giới - Định - Tuệ	48
7. Tam quy ngũ giới.....	48
8. 5 điều hại cho người phạm giới và 5 điều lợi cho người giữ giới.....	49
9. Khái niệm Đại thừa xuất hiện.....	50
10. Phật nói vấn đề thọ sinh.....	50
11. Đức Phật giáo hóa dân nữ.....	53
12. Oai nghi của Tỷ kheo	54
13. Năm điều khó xuất hiện ở thế gian.....	54
14. Phật giáo khích lệ cúng dường vàng bạc, ruộng vườn	55
15. Đời sống kinh tế xã hội có ảnh hưởng nhất định đến sinh hoạt Tăng già	56

16. Đức Phật bị bệnh	56
17. Lấy Pháp làm nơi nương tựa là lời di giáo trước khi Thế Tôn nhập Niết-bàn	57
18. A-nan không thỉnh đức Phật kéo dài tuổi thọ	59
20. Tám nguyên nhân khiến quả đất rung động	62
21. Tám hội chúng	63
22. Tùy căn cơ nói Pháp	64
23. Thế Tôn tu tập 37 phẩm trợ đạo mà chứng ngộ Giải thoát.....	65
24. 12 phần giáo.....	65
25. Có sinh thì phải có diệt	66
26. Y Pháp bất y nhân	67
27. Châu-na vô ý cúng dường năm độc cho Phật nhưng lại được phước báo.....	70
28. A-nan hầu Phật 25 năm	71
29. A-nan không lấy nước cho Phật uống	72
30. Cách trà tỳ Như Lai	72
31. Bốn hạng người được xây dựng tháp.....	74
32. Nơi Thế Tôn nhập diệt có liên quan đến thế giới Cực Lạc trong Kinh A Di Đà.....	74
33. Bảy báu của vua Chuyển luân Thánh vương.....	76
34. Tu-bạt là người cuối cùng được đức Phật giảng dạy Giáo pháp.....	83
35. Ngoại đạo muốn xuất gia phải trải qua 4 tháng thử thách.....	85

36. Tuạt chỉ xuất gia trong một đêm chứng A-la-hán ở tuổi 120	85
37. Thế Tôn tán thán A-nan.....	86
38. Sau khi Phật nhập diệt, tưởng nhớ 4 Thánh tích.....	88
39. Sau khi Phật nhập diệt, lấy Kinh và Giới làm nơi nương tựa.....	88
40. Giới nhỏ cần phải bỏ đi	89
41. Không buông lung là cơ sở để thành Chánh đạo	89
42 Thế Tôn nhập Niết-bàn bằng con đường vào 8 định.....	90
43. Lý do Ca Diếp triệu tập kết tập Kinh điển lần thứ nhất.....	91
44. Một trong 6 tội Đột-kiết mà Ca Diếp kết tội A-nan	92
45. Phân chia Xá-lợi Phật.....	93
46. Tứ Thiên Vương	97
47. Chư Thiên nói về Thế Tôn và giáo lý của Ngài.....	97
48. Không có hai vị Phật cùng xuất hiện một lần.....	99
49. Chuyện tiền thân của Phật	100
50. Tinh thần cứu khổ của Bồ tát Quan Âm chịu ảnh hưởng tư tưởng kinh Điển Tôn.....	101
51. Không phải là pháp cứu cánh.....	101
52. Thọ ký (Ký biệt)	103
53. Vào thời đức Phật, Ấn Độ gồm 16 tiểu Vương quốc.....	104

54. Niệm Phật và vấn đề thọ sanh.....	104
55. Phạm âm	105
56. Cư sĩ tại gia chỉ chứng quả vị cao nhất là A-na-hàm.....	105
57. Tứ Niệm Xứ.....	106
58. Bảy giác chi	106
59. Bốn thần túc.....	107
60. Phật Pháp là phương tiện, dùng phương tiện đến cứu cánh.....	108
61. Thần thông	108
62. Mục đích giáo dục của đức Phật	109
63. Quan điểm của Thế Tôn đối với giai cấp.....	110
64. Không có giai cấp trong Tăng đoàn và bình đẳng giữa các giai cấp	113
65. Nguồn gốc hay quá trình hình thành 4 chủng tánh.....	116
66. Lấy Chánh pháp để trị thế của các vua.....	124
67. Đức Phật Di Lạc ra đời.....	137
68. Thọ mạng lâu dài.....	139
69. Thế nào gọi là sắc diện Tỷ kheo vui tươi	140
70. Thế nào gọi là sắc diện Tỷ kheo an ổn khoái lạc ...	140
71. Thế nào gọi là sắc diện Tỷ kheo phong nhiêu (giàu có)	141
72. Thế nào gọi là sắc diện Tỷ kheo đầy đủ oai lực	141
73. Đồng nữ A-la-hán	142

74. Sự tranh luận giữa Phật giáo và các ngoại đạo về thuyết có đời sau hay không.....	143
75. Sát sinh và đánh đập tôi tớ không phải là việc thiện.....	162
76. Không nên lấy vật mà mình không dùng được bỏ thí cho chư Tăng hay người khác.....	163
77. Đương thời, ở xã hội Ấn Độ có những Phạm chí hay bàn luận thế sự.....	164
78. Các Phạm chí chê bai đức Phật là con trâu đui ăn cỏ.....	164
79. Những giới cấm của ngoại đạo.....	165
80. Thế nào gọi là vị phạm hạnh có cấu uế không thanh tịnh.....	167
81. Thế nào gọi là vị phạm hạnh không cấu uế thanh tịnh.....	168
82. Khái niệm khổ hạnh theo đức Phật.....	170
83. Pháp của Thế Tôn là pháp không những giải thoát cho mình mà còn giải thoát cho người.....	171
84. Phật không vì lợi dưỡng vì địa vị mà nói Pháp.....	172
85. Lý do Phật giáo kết tập Kinh điển.....	173
86. Kết tập theo pháp số từ 1 pháp đến 10 pháp.....	176
87. Pháp Tam Tụ.....	176
88. 12 nhân duyên.....	181
89. Đức Phật nói về âm nhạc.....	183
90. Nguyên nhân của hận thù.....	183

91. Thế Tôn và các Phạm chí thường có những cuộc đàm luận giao lưu	185
92. Quan điểm của Thế Tôn đối với vấn đề thần thông, bí mật	186
93. Danh xưng A-la-hán bị lạm dụng	188
94. Phạm Thiên - người sáng tạo thế giới.....	192
95. Cách lễ lạy của Phật giáo	194
96. Ý nghĩa 6 phương và cách đèn đáp 6 phương	200
97. Quan điểm của Thế Tôn đối với bậc Đạo sư và giáo pháp của vị đó	203
98. Thế nào là Phạm hạnh đầy đủ và không đầy đủ	205
99. Lời khuyên của Thế Tôn đối với đệ tử khi phát sinh kiến giải bất đồng	207
100. Tứ sự cúng dường.....	210
101. Thế Tôn tán thán thiên lạc chê trách dục lạc	211
102. Thiên lạc có xu hướng đưa đến kết quả Niết-bàn	214
103. Thế nào là vị lậu tận A-la-hán	215
104. Phật giáo Nguyên thủy chủ trương hữu trụ hay vô trụ	216
105. Thái độ của Như Lai đối với những việc quá khứ, hiện tại và vị lai.....	216
106. Thế nào gọi là Như Lai	218
107. Thế nào gọi là Chánh đẳng Chánh giác	218
108. Thế Tôn không nói lời hư dối, vô ích.....	219

109. Từ một Tăng đoàn độc cư tu tập trong rừng núi, Phật giáo đã trở thành một tôn giáo của xã hội.....	220
110. 32 tướng và 7 báu là một loại văn hóa truyền thống Ấn Độ.....	225
111. Đức Phật nói về chủng tánh.....	225
112. Những giới điều cho vị Tỷ kheo khi đức Phật còn tại thế.....	231
113. Thế Tôn chê trách những người lợi dụng tôn giáo vì cá nhân trục lợi.....	233
114. Đời sống phạm hạnh và kết quả của đời sống đó.....	239
115. 12 loại kinh mà Bà-la-môn thường tụng đọc để mong cầu sanh Thiên.....	249
116. Thái độ của Thế Tôn đối với lời chê bai hay lời khen ngợi.....	250
117. Quan điểm của Phật đối với vấn đề Giới luật.....	251
118. 62 tà kiến.....	254
119. Tiếng đồn về đức Phật và lời dạy của Ngài.....	255
120. Năm đặc điểm của người Bà-la-môn.....	255
121. Những yếu tố đặc thù của Thế Tôn.....	256
122. Những người Bà-la-môn hưởng chế độ phong ấp.....	261
123. Quan điểm cúng tế của đức Phật.....	261
124. Quan điểm của Phật đối với vấn đề thần thông....	276
125. Quan điểm của Phật đối với pháp tu khổ hạnh và lỏa thể.....	283

126. Quan điểm của Thế Tôn về Phạm Thiên và con đường đi đến Phạm Thiên	289
127. Chủ trương của 6 phái triết học.....	300
128. Người xuất gia được quả báo trong hiện tại như thế nào	304
129. Vua A-xà-thế trước Phật sám hối về việc ông đã hại vua cha Bình Sa vương.....	307
130. Bà-la-môn hoài nghi Sa-môn che giấu không nói pháp đã được chứng đắc	307
131. Có 3 hạng người làm thầy	308
132. Nói năng như Chánh pháp im lặng như Chánh pháp.....	311
133. Thế giới quan của Phật giáo.....	311
134. Mô tả về cuộc sống con người sơ khai - cuộc sống vui tươi sung sướng không có chiến tranh	315
135. Truyền thống vua Chuyển luân Thánh vương	320
136. Thế giới của Địa ngục.....	320
137. Câu chuyện các người mù sờ voi.....	322
138. Mô tả về con người ở cõi Diêm-phù-đề.....	323
139. Chúng sanh ở 3 cõi.....	328
140. Ba loại tai họa ở thế gian	329
141. Chư Thiên và A-tu-la đánh nhau	330
142. Những tai họa của thế gian.....	332
143. Nhân sinh và vũ trụ quan Phật giáo	337

1. Phật là vị Nhất Thiết Trí, có thần thông

Số 1. “Kinh Đại Bản Duyên”:

“Các hiền giả Tỳ-kheo, duy chỉ đấng Vô thượng tôn rất kỳ diệu, oai lực lớn lao, thần thông viên đạt mới biết rõ quá khứ vô số đức Phật nhập Niết-bàn, dứt sạch các kết sử, tiêu diệt các hý luận và cũng biết rõ kiếp số các đức Phật ấy dài hay ngắn, cho đến danh hiệu, dòng họ thác sinh, sự ăn uống, thọ mệnh dài ngắn, cảm thọ lạc và cảm thọ khổ như thế nào; lại biết rõ các đức Phật ấy có giới như vậy, có pháp như vậy, có trí tuệ như vậy, có giải thoát như vậy, an trụ như vậy”¹.

2. Nói năng như Chánh pháp im lặng như Chánh pháp

Số 1. “Kinh Đại Bản Duyên”:

“Các người đã với tâm chánh tín xuất gia học đạo nên làm hai việc: một là nói năng theo pháp Hiền Thánh, hai là im lặng theo pháp Hiền Thánh”².

1. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 5.

² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 6.

3. Thường pháp của chư Phật trong quá khứ

Số 1. “Kinh Đại Bản Duyên”:

(Bảy vị Phật trong quá khứ)

“Này các Tỳ-kheo! Quá khứ cách đây chín mươi một kiếp có đức Phật hiệu là Tỳ-bà-thi, Như Lai, Chí chân xuất hiện ở thế gian.

Lại nữa, Tỳ-kheo, trong quá khứ cách đây ba mươi một kiếp có đức Phật hiệu là Thi-khí, Như Lai, Chí chân xuất hiện ở thế gian.

Lại nữa, Tỳ-kheo, cũng trong ba mươi một kiếp đó có đức Phật hiệu là Tỳ-xá-bà Như Lai, Chí chân xuất hiện ở thế gian.

Lại nữa, Tỳ-kheo, trong hiện kiếp này có Phật hiệu là Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm, Ca-diếp. Ta nay cũng ở trong hiện kiếp này mà thành Tối chánh giác”.(Kệ).

“Các người nên biết, thời đức Phật Tỳ-bà-thi, nhân loại sống đến tám vạn tuổi; thời đức Phật Thi-khí, nhân loại sống đến bảy vạn tuổi; thời đức Phật Tỳ-xá-bà, nhân loại sống đến sáu vạn tuổi; thời đức Phật Câu-lưu-tôn, nhân loại sống đến bốn vạn tuổi; thời đức Phật Câu-na-hàm, nhân loại sống đến ba vạn tuổi; thời đức Phật Ca-diếp, nhân loại sống đến hai vạn tuổi và nay Ta ra đời, nhân loại sống đến một trăm tuổi, tăng thì ít mà giảm thì nhiều”. (Kệ).

“Đức Phật Tỳ-bà-thi sinh về dòng Sát-ly, họ Câu-lị-nhã. Phật Thi-khí và Phật Tỳ-xá-bà, dòng họ cũng vậy. Phật Câu-lưu-tôn sinh về dòng Bà-la-môn họ Ca-diếp. Phật Câu-na-hàm, Phật Ca-diếp, dòng họ cũng vậy. Còn nay Ta, Như Lai, Chí chân thì sinh về dòng Sát-ly, họ Cồ Đàm”. (Kệ).

“Đức Phật Tỳ-bà-thi ngồi dưới cây Ba-ba-la chứng thành bậc Tối chánh giác. Phật Thi-khí ngồi dưới cây Phân-đà-ly, thành bậc Tối chánh giác. Phật Tỳ-xá-bà ngồi dưới cây Sa-la thành bậc Tối chánh giác. Phật Câu-lưu-tôn ngồi dưới cây Thi-lị-sa thành bậc Chánh giác. Phật Câu-na-hàm ngồi dưới cây Ô-tạm-bà-la thành bậc Chánh giác. Phật Ca-diếp ngồi dưới cây Ni-câu-luật thành bậc Chánh giác”. (Kệ).³

(3 hội thuyết pháp)

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có ba hội thuyết pháp: hội đầu có mười sáu vạn tám ngàn đệ tử; hội hai có mười vạn đệ tử; hội ba có tám vạn đệ tử. Phật Thi-khí cũng có ba hội thuyết pháp: hội đầu có mười vạn đệ tử; hội thứ hai có tám vạn đệ tử; hội thứ ba có bảy vạn đệ tử. Phật Tỳ-xá-bà có hai hội thuyết pháp: hội đầu có bảy vạn đệ tử; hội thứ hai có sáu vạn đệ tử. Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, một hội thuyết pháp, đệ tử bốn vạn người. Đức Câu-na-hàm Như

³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 7~10.

Lai có một hội thuyết pháp, đệ tử ba vạn người. Đức Ca-diếp Như Lai có một hội thuyết pháp, đệ tử hai vạn người. Ta nay một hội thuyết pháp, đệ tử một ngàn hai trăm năm mươi người”⁴. (Kệ)

(2 đệ tử ưu tú)

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có hai đệ tử là Khiên-trà và Đề-xá. Đức Phật Thi-khí có hai đệ tử là A-tỳ-phù và Tam-bà-bà. Phật Tỳ-xá-bà có hai đệ tử là Phò-du và Uất-đa-ma. Phật Câu-lưu-tôn có hai đệ tử là Tát-ni và Tỳ-lâu. Đức Phật Câu-na-hàm có hai đệ tử là Thư-bàn-na và Uất-đa-lâu. Đức Phật Ca-diếp có hai đệ tử là Đề-xá và Bà-la-bà. Còn nay Ta có hai đệ tử là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên”⁵. (Kệ)

(Thị giả)

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có vị đệ tử chấp sự là Vô Ưu; Phật Thi-khí có vị đệ tử chấp sự là Nhẫn Hành; Phật Tỳ-xá-bà có vị đệ tử chấp sự là Tịch Diệt; Phật Câu-lưu-tôn có vị đệ tử chấp sự là Thiện Giác; Phật Câu-na-hàm có vị đệ tử chấp sự là An Hòa; Phật Ca-diếp có vị đệ tử chấp

⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 11..

⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 13.

sự là Thiện Hữu; còn Ta có vị đệ tử chấp sự là A-nan”⁶.
(Kệ)

(Con)

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có con tên Phương Ứng. Phật Thi-khí có con tên Vô Lượng. Tỳ-xá-bà có con tên Diệu Giác. Câu-lưu-tôn có con tên Thượng Thắng. Câu-na-hàm có con tên Đạo Sư. Ca-diếp có con tên Tập Quân. Ta nay có con tên là La-hầu-la”⁷. (Kệ).

(Dòng tộc)

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có cha tên Bàn-đầu, dòng vua Sát-ly; mẹ tên Bàn-đầu-bà-đề, quốc thành của vua trị tên là Bàn-đầu-bà-đề”. (Kệ).

“Đức Phật Thi-khí có cha tên Minh Tướng, dòng vua Sát-ly; mẹ tên Quang Diệu; quốc thành vua cai trị tên là Quang tướng”. (Kệ).

“Đức Phật Tỳ-xá-bà có cha tên Thiện Đăng, dòng vua Sát-ly; mẹ tên Xưng Giới, quốc thành vua cai trị tên Vô dụ”. (Kệ).

⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 14.

⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 14-15.

“Đức Phật Câu-lưu-tôn có cha tên Tụ Đắc, dòng Bà-la-môn; mẹ tên Thiện Chi; vua tên An Hòa và quốc thành cũng theo đó mà có tên là An hòa”. (Kệ).

“Đức Phật Câu-na-hàm có cha tên Đại Đức, dòng Bà-la-môn; mẹ tên Thiện Thắng, vua tên Thanh tịnh và quốc thành này cũng theo đó mà có tên là Thanh tịnh”. (Kệ).

“Đức Phật Ca-diếp có cha tên Phạm Đức, dòng Bà-la-môn; mẹ tên Tài Chủ; vua thời đó tên Cấp-tỳ, trị vì quốc thành tên Ba-la-nại”. (Kệ).

“Còn Ta có thân phụ tên là Tịnh Phạn dòng vua Sát-ly, mẹ tên Đại Thanh Tịnh Diệu; trị sở thành của vua là Ca-tì-la-vệ”. (Kệ).

“Đó là nhơn duyên, danh hiệu, chủng tộc và chỗ xuất sinh của chư Phật. Kẻ trí nào nghe đến nhơn duyên đó mà không vui mừng sinh tâm ưa muốn!”⁸

(Bồ tát thọ thai)

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo! Nay Ta muốn bằng túc mạng trí sẽ nói về sự tích của chư Phật quá khứ. Các thầy muốn nghe không?”.

Các Tỳ-kheo trả lời: “Nay thật đúng lúc. Chúng con muốn nghe”.

⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 15~17.

Phật nói: “Này các Tỳ-kheo, hãy nghe kỹ, hãy suy ngẫm kỹ. Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho các thầy”.

“Này các Tỳ-kheo, nên biết pháp thường của chư Phật. Đức Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cõi trời Đâu-suất giáng thân vào thai mẹ, do hông phải mà vào, chánh niệm không tán loạn. Ngay lúc ấy cõi đất rung chuyển, ánh sáng rực rỡ soi khắp thế gian, những chỗ mặt trời mặt trăng không soi tới cũng đều mong nhờ chiếu sáng. Chúng sinh chôn u minh nhờ đó được trông thấy lẫn nhau và tự biết mình hiện đang sinh ở chỗ nào. Ánh quang minh đó lại soi đến cung điện Ma vương. Phạm thiên, Đế Thích, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng sanh khác cũng đều được mong nhờ ánh sáng. Ánh sáng của chư thiên tự nhiên biến mất”. (Kệ).

“Này các Tỳ-kheo, nên biết pháp thường của chư Phật. Bồ-tát Tỳ-bà-thi lúc ở thai mẹ chuyên niệm không tán loạn, thường có bốn vị thiên thần tay cầm qua mâu hộ vệ cho mẹ Ngài, dẫu loài người hay loài phi nhân đều không thể xâm phạm. Đó là pháp thường”.

“Lại nữa, này các Tỳ-kheo, đây là pháp thường của chư Phật: Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ trời Đâu-suất giáng thân vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến thân mẹ được an ổn, không có các não loạn, trí tuệ ngày càng thêm. Mẹ tự xem thai mình thấy rõ thân Bồ-tát đủ các căn tốt đẹp như chất vàng tía không chút tỳ tích, khác nào kẻ có mắt sáng xem vào đồ lưu ly trong sạch, thấy suốt

cả trong ngoài không chút ngăn ngại. Nay các Tỳ-kheo, đó là pháp thường của chư Phật”. (Kệ).

“Này các Tỳ-kheo, Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến tâm mẹ lúc nào cũng thanh tịnh, không có các dục tưởng, không bị lửa dục thiêu đốt. Ấy là pháp thường của chư Phật”. (Kệ).

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến mẹ Ngài giữ trọn năm giới, phạm hạnh thanh tịnh, thuần tín và nhân từ, thành tựu mọi điều lành, an lạc không sợ hãi và khi thân hoại mệnh chung, được sanh cõi trời Đao-lợi. Ấy là pháp thường của chư Phật”. (Kệ).⁹

(Bồ tát xuất thai)

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi khi sanh từ hông phải của mẹ mà ra, cõi đất rung động, ánh sáng chiếu khắp nơi. Khi mới vào thai, những chỗ tối tăm thấy đều được chiếu sáng. Ấy là pháp thường của chư Phật”. (Kệ).

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi lúc sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên

⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 17~19.

niệm không tán loạn. Khi ấy mẹ Bồ-tát tay vịn cành cây, không ngồi không nằm, có bốn thiên thần bung nước hương đứng trước mẹ mà thưa rằng: ‘Tâu Thiên mẫu, nay Ngài sanh Thánh tử, chớ có ưu lo’. Đó là pháp thường của chư Phật”. (Kệ).

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi lúc sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn, thân Ngài thanh tịnh không bị ô nhiễm bởi các thứ ô uế. Ví như kẻ có mắt sáng liêng hạt minh châu sáng sạch lên lụa trắng, thấy rõ cả hai đều không làm bẩn nhau vì cả hai đều sạch. Bồ-tát ra khỏi thai cũng như vậy. Đó là pháp thường của chư Phật”. (Kệ).

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi khi sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn. Ngài từ hông phải ra, vừa đến đất, không cần người đỡ, liền đi bảy bước, ngó khắp bốn phương, rồi đưa tay lên nói rằng: ‘Trên trời dưới đất, duy Ta là tôn quý, Ta sẽ cứu độ chúng sanh khỏi sinh, già, bệnh, chết’. Ấy là thường pháp của chư Phật”. (Kệ).

“Này các Tỳ-kheo, thường pháp của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi khi sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn, tức thì có hai suối nước, một ấm, một mát tự nhiên ở dưới đất tuôn ra để cúng dường tắm rửa cho Bồ-tát. Đó là thường pháp của chư Phật”. (Kệ).¹⁰

¹⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 19~21.

(Xem tướng Bô-tát)

“Lúc Thái tử mới sanh, phụ vương Bàn-đầu mời các tướng sư và đạo sĩ đến xem tướng Thái tử để biết sự tốt xấu. Bảy giờ, các tướng sư vâng lệnh đến xem, và ngay trước khi chưa mặc áo, họ nhìn rõ các tướng đầy đủ. Bèn đoán rằng: “Người có tướng này sẽ có hai con đường, chắc chắn không nghi ngờ. Nếu tại gia thì sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, trị vì bốn châu thiên hạ, đủ bốn thứ quân binh, dùng chánh pháp trị dân, không thiên lệch; thi ân khắp thiên hạ, tự nhiên có bảy thứ báu qui tụ, có ngàn người con dũng kiện hay dẹp trừ ngoại địch, không cần dùng đao binh mà thiên hạ thái bình. Còn nếu xuất gia học đạo thì sẽ thành bậc Chánh giác, đầy đủ mười hiệu”.

Rồi các tướng sư tâu vua: “Con trai của đức vua có ba mươi hai tướng, sẽ có **hai con đường**, chắc chắn không nghi ngờ. Nếu tại gia sẽ là vị Chuyển luân thánh vương. Nếu xuất gia sẽ thành bậc Chánh giác, đầy đủ mười hiệu”. (Kệ).¹¹

(32 tướng tốt)

“Lúc bảy giờ, Phụ vương ân cần hỏi lại tướng sư ba lần: ‘Các người hãy xem lại ba mươi hai tướng của Thái tử là những gì?’ Các tướng sư bèn khoác áo lại cho Thái

¹¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 22.

tử và kê rõ ba mươi hai tướng: 1- Bàn chân bằng phẳng đầy đặn, đi đứng vững vàng; 2- Dưới bàn chân có dấu chỉ như bánh xe có ngàn cãm, ánh sáng xen nhau; 3- Có màng lưới mỏng giữa kẽ ngón tay, chân như chân ngỗng chúa; 4- Tay chân mềm mại như áo trời; 5- Ngón tay, chân thon dài không ai bằng; 6- Gót chân đầy đặn trông không chán; 7- Óng chân thon dài như cửa nai; 8- Các khớp xương móc lầy nhau như xích chuyền; 9- Mã âm tàng; 10- Đứng thẳng tay duỗi dài quá gối; 11- Mỗi chân lông đều có một sợi lông. Sợi lông ấy xoáy hữu, màu lưu ly xanh biếc; 12- Lông mọc xoay phía hữu, màu xanh biếc thẳng lên; 13- Thân sắc huỳnh kim; 14- Da thịt mịn màng không dính bụi nhơ; 15- Hai vai ngang bằng đầy đặn tròn đẹp; 16- Giữa ngực có chữ vạn; 17- Thân cao gấp đôi người thường; 18- Bảy chỗ trong người đầy đặn; 19- Minh cao to lớn như cây Ni-câu-lô; 20- Hai má như sư tử; 21- Ngực vuông đầy như ngực sư tử; 22- Có bốn mươi cái răng; 23- Răng ngang bằng đầy đặn; 24- Răng khít nhau không hở; 25- Răng trắng, trong sáng; 26- Yết hầu thanh sạch, ăn thức gì cũng thích hợp; 27- Lưỡi rộng dài có thể liếm tới mép tai; 28- Tiếng nói trong rõ như tiếng Phạm thiên; 29- Con mắt màu xanh biếc; 30- Mắt như mắt trâu chúa, trên dưới có hai mí; 31- Có lông trắng giữa hai chân mày, mềm mại kéo ra dài một tấc, thả thì xoáy tròn ốc về phía hữu như chơn châu; 32- Trên đỉnh có chỗ thịt nổi. Ấy là 32 tướng đại nhân”. (Kệ).

Phật lại bảo các Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo, lúc Phật Tỳ-bà-thi sinh ra, chư thiên ở phía trên, giữa hư không,

tay cầm lông trắng, quạt báu để ngăn che lạnh, nóng, gió, mưa, bụi bặm”. (Kệ).

“Bảy giờ, Phụ vương cấp bốn người vú: một, cho bú; hai, tắm rửa; ba, bôi hương; bốn, vui đùa. Họ vui vẻ nuôi nấng không hề biếng nhác”. (Kệ).

“Lúc còn là đồng tử, con trai con gái cả nước ngấm nhìn Ngài không chán”. (Kệ).

“Lúc còn là đồng tử, con trai và con gái cả nước đều ẵm bồng như ngấm hoa báu”.

“Bồ-tát khi mới sanh mắt Ngài không nháy như chư thiên trời Đao-lợi. Do cặp mắt không nháy mà có hiệu là Tỳ-bà-thi”. (Kệ).

“Bồ-tát khi sanh âm thanh của Ngài trong suốt êm dịu hòa nhã như tiếng chim Ca-la-tần-già”.

“Bồ-tát khi mới sinh, mắt có thể nhìn thấy suốt một do-tuần”. (Kệ).

“Bồ-tát khi sinh, tuổi lớn dần, ở tại Thiên chánh đường để khai hóa. Ân đức ban đến thứ dân, đức lớn đồn xa”. (Kệ).¹²

¹² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 24~28.

(Bồ tát dạo 4 cửa thành)

“Một hôm, Bồ-tát muốn ra khỏi thành để dạo chơi và quan sát, bèn ra lệnh sửa soạn xe báu để Ngài đi đến viên lâm tuần hành và du ngoạn. Người đánh xe sau khi sửa soạn xong, tâu Thái tử: ‘Giờ đã đến lúc’. Thái tử cỡi xe báu đi đến khu vườn công cộng kia. Giữa đường Ngài gặp một người già, đầu bạc răng rụng, lưng còng, mặt nhăn, run rẩy trên chiếc gậy, thở khò khè theo nhịp bước khó khăn. Thái tử liền xoay hỏi quân hầu: ‘Đó là người gì?’ - Đáp rằng: ‘Đó là người già.’ - Lại hỏi: ‘Già là thế nào?’ - Đáp: ‘Già là người mà tuổi thọ sắp hết, không còn sống bao lâu nữa’. - Thái tử lại hỏi: ‘Ta đây cũng sẽ như thế, không tránh khỏi họa này chăng?’ - Đáp: ‘Phàm đã có sinh tất có già, đâu kể chi sang hèn’. Nghe vậy Thái tử buồn bã không vui, liền bảo quân hầu đánh xe về. Ngài lặng lẽ suy nghĩ về nỗi già khổ mà chính Ngài cũng chưa tránh khỏi”. (Kệ).

“Bấy giờ Phụ vương hỏi quân hầu: ‘Thái tử xuất du có vui không?’ -Đáp: ‘Không vui’. - Lại hỏi lý do: ‘Tại sao vậy?’ - Đáp: ‘Tại giữa đường Ngài gặp người già nên không vui’. Phụ vương mới âm thầm nhớ tới lời tướng sư ngày trước, đoán Thái tử sẽ xuất gia, nay Thái tử không vui, hẳn đúng như thế chăng? Ta hãy dùng mọi cách giữ Thái tử lại thâm cung, đem ngũ dục làm nguôi lòng Thái tử để Thái tử đừng xuất gia. Nghĩ xong vua liền hạ lệnh trang sức cung quán, chọn hàng thế nữ để giúp vui Thái tử”. (Kệ).

“Lại một lúc khác, Thái tử bảo quân hầu đánh xe đi dạo. Trên đường đi, Ngài gặp một người bệnh thân gầy, bụng lớn, mày mặt sạm đen, nằm lãn trên nhơ bẩn, không ai ngó ngang chăm sóc. Bệnh rất trầm trọng, miệng không thốt được một lời. Thái tử xoay lại hỏi quân hầu: ‘Đó là người gì?’ - Đáp: ‘Đó là người bệnh’. - Hỏi: ‘Bệnh là thế nào?’ - Đáp: ‘Bệnh là sự đau đớn bứt rứt, chết sống không biết lúc nào’. - Hỏi: ‘Ta cũng sẽ như thế, chưa tránh khỏi cái hoạn này sao?’ - Đáp: ‘Phải. Phàm có sanh thì có bệnh, không kể gì sang hèn’. Nghe vậy Thái tử trở nên buồn bã không vui, liền bảo quân hầu đánh xe trở về. Ngài lặng lẽ suy nghĩ tới cái khổ bệnh mà Ngài cũng không tránh khỏi”.

“Bấy giờ, Phụ vương lại hỏi quân hầu: ‘Thái tử đi dạo có vui không?’ - ‘Không vui’. Quân hầu đáp. - ‘Tại sao thế?’ - ‘Tại giữa đường Ngài gặp người bệnh, nên không vui’. Phụ vương âm thầm suy nghĩ: ‘Ngày trước tướng sư xem tướng Thái tử có đoán sẽ đi xuất gia. Ngày nay Thái tử không vui, hẳn đúng thế chăng? Ta sẽ tìm cách tăng thêm mọi thứ dục lạc làm nguôi lòng Thái tử khiến cho khỏi xuất gia’. Vua liền hạ lệnh nghiêm sức cung quán, chọn thêm thể nữ để giúp vui”. (Kệ).

“Lại một lúc khác, Thái tử bảo quân hầu đánh xe đi dạo, và giữa đường lần này, Ngài gặp một người chết, phan lùa nhiều màu dẫn đường trước sau; dòng họ thân quyến tiếc thương than khóc, đưa ra khỏi thành. Thái tử lại hỏi: ‘Đó là người gì?’ - ‘Đó là người chết’, quân hầu

đáp. - Hỏi: ‘Chết là thế nào?’ - Đáp: ‘Chết tức là hết. Hết gió đến lửa cứ tiếp tục làm cho xác thân bại hoại. Kể còn kẻ mất đôi đường, gia đình ly biệt’. - Thái tử lại hỏi người đánh xe: ‘Ta đây cũng sẽ như thế, chưa khỏi cái hoạ này chăng?’ - Đáp: ‘Phải. Phàm đã có sanh tất có chết, chẳng kể sang hèn’. Nghe vậy Thái tử lại càng buồn bã không vui, bảo đánh xe về. Ngài trầm ngâm suy nghĩ tới cái chết khổ mà Ngài cũng không tránh khỏi. (Kệ).

“Phụ vương lại hỏi quân hầu: Thái tử đi dạo lần này có vui không? - ‘Không vui’, quân hầu đáp: - ‘Tại sao thế?’ - ‘Tại giữa đường Ngài gặp người chết, nên không vui’. Phụ vương âm thầm suy nghĩ: ‘Ngày trước tướng sư xem Thái tử có đoán sẽ đi xuất gia, ngày nay Thái tử không vui, hẳn là đúng thế chăng? Ta hãy tìm cách tăng thêm các thứ kỹ nhạc để làm nguôi lòng Thái tử, khỏi xuất gia’. Liền hạ lệnh trang sức cung cấm, chọn thêm thể nữ để khiến cho giúp vui”. (Kệ).¹³

(Bồ tát xuất gia)

“Lại một lúc khác, Thái tử bảo quân hầu đánh xe đi dạo và lần này giữa đường Ngài gặp một vị Sa-môn, mang y cầm bát, mắt ngó xuống đất, chân bước khoan thai. - Thái tử liền hỏi quân hầu: ‘Đó là người gì?’ - ‘Đó là vị Sa-môn’, quân hầu đáp. - ‘Sao gọi là Sa-môn?’ -

¹³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 29~31.

‘Sa-môn là người xa lìa ân ái, xuất gia học đạo, chế ngự các căn, không nhiễm mê ngoại dục, lòng xót thương hết thảy, không làm tổn hại vật gì, gặp khó cũng không phiền, gặp vui cũng không mong, hay nhẫn như đất, nên gọi là Sa-môn’. - Thái tử bèn nói: ‘Lành thay, đó là đạo chân chính, tuyệt hẳn mọi trần lụy, vi diệu thanh hư. Chỉ có thể là khoái thích thôi!’ Thái tử liền bảo quân hầu đưa xe đến gần và hỏi Sa-môn rằng: ‘Ông cắt tóc, cạo râu mang y cầm bát như vậy, chỉ ông muốn cầu chuyện gì?’ - Sa-môn đáp: ‘Phàm người xuất gia là cốt điều phục tâm ý, xa lìa trần cấu, thương cứu quần sanh, không làm điều nhiễu hại, trong lòng rộng rang tịch mịch, chỉ có bề giữ đạo mà thôi’. - Thái tử khen: ‘Hay lắm! Đạo này rất chân chính’. - Liền bảo quân hầu: ‘Mang áo trân bảo của Ta và xa giá về, tâu lại phụ vương biết rằng ngay tại đây, Ta sẽ cắt bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Vì Ta muốn điều phục tâm ý, xa lìa trần cấu, giữ mình thanh tịnh để cầu chánh đạo’. Quân hầu liền đem xa giá và y phục của Thái tử về tâu lại phụ vương, còn Thái tử thì cắt bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo”.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo! Thái tử nhân thấy người già bệnh mà thấu rõ cõi đời là khổ não; nhân thấy người chết mà lòng tham luyến thế gian tiêu tan; nhân thấy vị Sa-môn mà tâm được hốt nhiên đại ngộ. Trong khi Thái tử xuống xe bước đi, cứ mỗi bước tiến tới là mỗi bước rời xa trần phược. Thế ấy là chân xuất gia, chân viễn ly”.

“Bấy giờ, nhân dân trong nước nghe Thái tử đã cạo bỏ râu tóc, mang y cầm bát, xuất gia hành đạo, họ bảo nhau rằng: ‘Đạo ấy chắc là đạo chân chính mới khiến Thái tử từ bỏ vương vị vinh hoa cùng mọi sự quý trọng để đi theo’. Lúc ấy có tới tám vạn bốn ngàn người trong nước đến xin Thái tử cho làm đệ tử xuất gia tu đạo”. (Kệ).¹⁴

(Bồ tát cầu Pháp)

“Thái tử bèn thâm nhận, cho cùng đi theo giáo hóa khắp nơi, từ thôn này sang thôn khác, từ nước nọ đến nước kia. Họ đến chỗ nào cũng được cung kính, cúng dường tứ sự. Bồ-tát nghĩ rằng: ‘Ta cùng đại chúng thường đi qua các nước, chỗ nhân gian ồn ào, sự này không thích hợp với ta lắm. Lúc nào ta mới xa được đám đông này ở chỗ nhàn tịnh mà suy tầm đạo lý?’”¹⁵

(Bồ tát thiên định suy tư)

“Ngài liền theo ý nguyện đi đến chỗ nhàn tịnh, chuyên tinh tu đạo. Ngài lại suy nghĩ: ‘Chúng sanh thật đáng thương, thường ở trong hôn ám, thọ thân nguy

¹⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 30~32.

¹⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 32.

khôn, mong manh, nào sanh, nào già, nào bệnh, nào chết... đủ mọi thứ khổ não. Họ chết đây sanh kia, chết kia sanh đây, cứ duyên theo cái khổ ấm đó mà trôi nổi không biết bao giờ cùng. Ta lúc nào mới có thể thấu triệt khổ ấm, diệt hết sanh già chết?”¹⁶.

(Bồ tát chứng ngộ duyên sinh)

“Ngài lại suy nghĩ rằng: ‘Sanh từ từ đâu, duyên đâu mà có ra?’ Liên dùng trí tuệ quán sát sở do, thấy rằng do sanh mà có già và chết; sanh là duyên của già chết. Sanh lại do hữu mà có; hữu là duyên của sanh. Hữu do thủ mà có; thủ là duyên của hữu. Thủ do ái mà có; ái là duyên của thủ. Ái do thọ mà có; thọ là duyên của ái. Thọ do xúc mà có; xúc là duyên của thọ. Xúc do lục nhập mà có; lục nhập là duyên của xúc. Lục nhập do danh sắc mà có; danh sắc là duyên của lục nhập. Danh sắc do thức mà có; thức là duyên của danh sắc. Thức do hành mà có; hành là duyên của Thức. Hành do si mà có; si là duyên của hành. Thế tức là do duyên là si có hành, do duyên là hành có thức, do duyên là thức có danh sắc, do duyên là danh sắc có lục nhập, do duyên là lục nhập có xúc, do duyên là xúc có thọ, do duyên là thọ có ái, do duyên là ái có thủ, do duyên là thủ có hữu, do duyên là hữu có sanh, do duyên là sanh có già, bệnh, chết, sầu, buồn, khổ, não. Cái

¹⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 32.

âm thân đầy dẫy khổ não này do duyên là sanh mà có. Chính đó là sự tập khởi của khổ”.

“Khi Bò-tát suy nghĩ tới cái khổ tập âm ấy, liền phát sinh trí, phát sinh nhãn, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, phát sinh chứng ngộ”.

“Bò-tát lại suy nghĩ: ‘Do cái gì không có thì già chết không có? Do cái gì diệt thì già chết diệt?’ Rồi bằng trí tuệ, Ngài quán sát nguyên do, biết rằng, do sanh không có nên già chết không có; do sanh diệt nên già chết diệt; do hữu không có nên sanh không có, hữu diệt nên sanh diệt; do thủ không có nên hữu không có, thủ diệt nên hữu diệt; do ái không có nên thủ không có, ái diệt nên thủ diệt; do thọ không có nên ái không có, thọ diệt nên ái diệt; do xúc không có nên thọ không có, xúc diệt nên thọ diệt; do lục nhập không có nên xúc không có, lục nhập diệt nên xúc diệt; do danh sắc không có nên lục nhập không có, danh sắc diệt nên lục nhập diệt; do thức không có nên danh sắc không có, thức diệt nên danh sắc diệt; do hành không có nên thức không có, hành diệt nên thức diệt; do si không có nên hành không có, si diệt nên hành diệt. Thế tức là vì si diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già chết ưu bi khổ não diệt”.

“Khi Bồ-tát suy nghĩ về khô ấm diệt như thế liền phát sinh trí, phát sinh nhãn, phát sinh giác, phát sanh minh, phát sinh thông, phát sinh trí, sinh chứng”.

“Sau khi Bồ-tát quán mười hai nhân duyên theo hai chiều thuận nghịch, biết như thật, thấy như thật, ngay tại chỗ, Ngài chứng được đạo quả A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề”. (Kệ).

“Lúc Phật Tỳ-bà-thi vừa mới thành đạo, Ngài tu tập nhiều về hai phép quán, là an ân quán và xuất ly quán”. (Kệ).

“Phật Tỳ-bà-thi, lại ở chỗ nhàn tịnh suy nghĩ như vậy: ‘Ta nay đã chứng được pháp vô thượng thậm thâm vi diệu là pháp khó thấy khó hiểu, tịch tĩnh, thanh tịnh, chỉ có người trí mới thấu biết chứ kẻ phàm phu không thể nào hiểu thấu được. Bởi vì chúng sanh có những nhãn dị biệt, kiến dị biệt, chấp thủ dị biệt, sở kiến dị biệt. Dựa theo kiến thức dị biệt đó mỗi người chỉ thích điều mình mong cầu, làm theo tập quán của mình, cho nên đối với lý nhân duyên thâm diệu này chúng còn không thể thấu hiểu, huống chi cảnh Niết-bàn dứt hết mọi tham ái, lại càng khó hiểu gấp bội phần. Ta dầu vì chúng mà nói ra thì chắc chúng không hiểu nổi còn trở lại gây phiền nhiễu’. Suy nghĩ như thế rồi, Ngài im lặng không muốn thuyết pháp”.

“Lúc ấy vị vua trời Phạm thiên, biết đức Tỳ-bà-thi đã nghĩ gì, liền tự nhủ: ‘Cõi thế gian này đang bị sụp đổ, rất

đáng thương xót. Đức Phật Tỳ-bà-thi vừa chứng được pháp mâu như thế mà không muốn nói ra’. Tức thì, trong khoảnh khắc, như lực sĩ co duỗi tay, từ cung Phạm thiên bỗng nhiên hiện xuống, đến trước mặt Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đứng lui một bên, rồi đầu gối mặt quý sát đất, chấp tay bạch rằng: ‘Ngưỡng mong đức Thế Tôn kịp thời thuyết pháp. Các chúng sanh hiện nay, trần cấu mỏng nhẹ, các căn lanh lợi nhiều, có lòng cung kính, dễ bề khai hóa. Chúng đã biết sợ những tội lỗi không ai cứu trong tương lai, biết dứt trừ điều ác, phát sinh điều lành’”¹⁷.

(Thế Tôn muốn nhập Niết-bàn, vì giáo lý Duyên sinh là pháp khó tin)

“Phật bảo Phạm vương: ‘Thật vậy, thật vậy, đúng như lời người nói. Nhưng ta ở chỗ nhàn tịnh, thâm lặng suy nghĩ: Chánh pháp ta vừa chứng được vi diệu thậm thâm, nếu đem nói cho chúng sanh, chắc họ không hiểu nổi lại sanh tâm báng bỏ nên ta mặc nhiên không muốn thuyết pháp. Ta nhớ từ vô số a-tăng-kỳ kiếp cần khổ không biếng nhác tu tập những hạnh vô thượng, nay mới chứng ngộ được pháp khó chứng ngộ này, nếu vì hạng chúng sanh còn dâm, nộ, si mà nói ra, chắc chúng không làm theo, chỉ thêm luống uổng. Pháp vi diệu này trái

¹⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 32~39.

ngịch với đời. Chúng sanh bị dục nhiễm ngu si che ngăn không tin hiểu nổi. Nay Phạm vương, Ta thấy rõ như thế, nên mặc nhiên không muốn thuyết pháp”¹⁸.

(Chư Thiên cầu thỉnh Phật trụ thế)

“Khi ấy, Phạm vương lại ân cần khẩn thiết thưa thỉnh một lần nữa, rồi một lần nữa, ân cần khẩn thiết thỉnh cầu đến ba lần rằng: ‘Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn không thuyết pháp thì nay cõi thế gian này phải bị sụp đổ, rất đáng thương xót. Ngưỡng mong Thế Tôn kịp thời giảng dạy, chớ để chúng sanh sa đọa đường mê’”¹⁹.

(Thế Tôn chấp nhận lời thỉnh của Phạm Thiên)

“Đức Thế Tôn nghe Phạm vương ba lần ân cần thưa thỉnh, liền dùng Phật nhãn soi khắp thế giới chúng sanh, thấy sự ô nhiễm của chúng sanh có dày có mỏng; căn tánh có lạnh lợi, có chậm lụt; có kẻ dễ khai hóa, có người khó khai hóa. Hạng người dễ khai hóa, biết sợ tội lỗi đời sau, nên gắng lo dứt trừ điều ác, làm phát sanh đường lành. Chúng như hoa ưu-bát-la, hoa bát-đầu-ma, hoa câu-vật-đầu, hoa phân-đà-ly, có cái vừa ra khỏi bùn nhưng

¹⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 39.

¹⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 39.

chưa tới mặt nước, có cái đã ra khỏi bùn lại lên ngang mặt nước, có cái tuy lên khỏi mặt nước mà chưa nở, nhưng cái nào cũng không bị dính bản, mà dễ dàng nở ra. Chúng sanh trong thế gian này cũng như thế”.

“Đức Thế Tôn bảo Phạm vương: ‘Ta vì thương tưởng các ông sẽ khai diễn pháp môn cam lồ là pháp thâm diệu khó hiểu, khó biết. Nay vì những người tín thọ, muốn nghe mà nói chứ không phải vì hạng người bài báng vô ích’.

Phạm vương biết Phật đã nhận lời thỉnh cầu, nên vui mừng hơn hở đi quanh Phật ba vòng, cúi đầu đánh lễ rồi biến mất”²⁰.

(Tại vườn Lộc Dã đức Phật giảng pháp cho 5 anh em Kiều Trần Như)

“Phạm vương đi chưa bao lâu, đức Như Lai lại tĩnh mặc suy nghĩ: ‘Nay ta nên nói pháp cho ai trước hết?’ Rồi Ngài lại suy nghĩ: ‘Ta hãy đi vào thành Bàn-đầu, trước hết mở cánh cửa cam lộ cho Vương tử Đề-xá và con đại thần là Khiên-đồ’. Rồi thì, liền trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi tay, Thế Tôn bỗng biến mất khỏi cây đại thọ, Ngài đã đến thành Bàn-đầu, vào vườn Lộc Dã của vua Bàn-đầu, trải tọa mà ngồi rồi”. (Kệ).

²⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 39~40.

“Phật Tỳ-bà-thi bảo người giữ vườn: ‘Ngươi hãy vào thành báo với Vương tử Đề-xá và Khiên-đồ con đại thần rằng: Các ngài có biết không, đức Phật Tỳ-bà-thi hiện ở trong vườn Lộc Dã, muốn gặp các ngài? Các ngài nên biết bây giờ là phải thời’. Người giữ vườn vâng mệnh tìm đến chỗ hai người trình đủ những điều Phật dạy. Hai người nghe xong, liền đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, rồi đứng lại một bên. Phật lần lượt thuyết pháp cho họ nghe, chỉ bày, giáo huấn khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Ngài giảng về bố thí, trì giới, sanh thiên; dục là xấu ác, bất tịnh; phiền não là nguy hiểm; tán dương sự xuất ly là pháp rất vi diệu tối thượng, thanh tịnh bậc nhất. Khi Phật thấy hai người đã có một tâm ý mềm mại, hoan hỷ tin vui, đủ sức lãnh thọ chánh pháp thì dạy tiếp về Khổ thánh đế; phân tích, giảng giải, mở bày rành rẽ về Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế, và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ, vương tử Đề-xá và con trai đại thần là Khiên-đồ ngay tại chỗ, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh như tấm vải trắng dễ nhuộm sắc màu”.

“Lúc ấy, địa thần bèn xưng lên rằng: ‘Đức Tỳ-bà-thi Như Lai ở vườn Lộc Dã, thành Bàn-đầu, chuyên pháp luân vô thượng mà các Sa-môn, Bà-la-môn, Chư thiên, Ma Phạm và các người thế gian khác không thể chuyên được’. Tiếng nói ấy lần lượt vang đến cõi Tứ thiên vương, cho đến cõi trời Tha hóa tự tại, rồi trong khoảnh khắc vang đến cõi Phạm thiên”. (Kệ).

“Lúc ấy vương tử Đề-xá và công tử Khiên-đồ đã thấy pháp, đắc quả, chân thật không dối, thành tựu vô úy, liền

bạch Phật rằng: ‘Chúng con muốn ở trong giáo pháp của Như Lai tịnh tu phạm hạnh’. Phật nói: ‘Hãy đến đây, Tỳ-kheo. Pháp ta thanh tịnh, tự tại; hãy tự mình tu hành để dứt trừ hết thống khổ’. Ngay lúc ấy, hai người liền đắc cụ túc giới. Họ đắc giới chưa bao lâu, Như Lai lại thị hiện ba việc: một là thần túc, hai là quán tha tâm, ba là giáo giới, tức thì chúng đắc tâm giải thoát vô lậu, phát sinh vô nghi trí”.

“Bấy giờ số đông nhân dân ở thành Bàn-đầu nghe hai người xuất gia học đạo, mang y cầm bát, tịnh tu phạm hạnh, họ nói nhau rằng: ‘Đạo ấy chắc là đạo chân thật mới khiến các người kia bỏ vinh vị ở đời, bỏ các thứ quý trọng để tu theo’. Rồi thì, trong thành có tám vạn bốn ngàn người đi đến vườn Lộc Dã - chỗ Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đánh lễ, ngồi lại một bên. Phật lần lượt thuyết pháp, chỉ bày, giáo huấn khiến cho lợi ích, hoan hỷ; nói về bố thí, về trì giới, về sinh thiên; chỉ rõ dục là xấu ác bất tịnh, phiền não là nguy hiểm; tán thán sự xuất ly là vi diệu tối thượng, thanh tịnh bậc nhất. Khi Đức Thế Tôn thấy đại chúng có một tâm ý mềm mại, hoan hỷ tín thọ, đủ sức lãnh thọ Chánh pháp, Ngài liền nói về Khổ thánh đế; phân tích, giảng giải, công bố Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế, Khổ xuất yếu thánh đế. Ngay tại chỗ, cả bốn vạn tám ngàn người đều xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, như tám vải trắng dễ nhuộm sắc màu. Họ được thấy pháp chứng quả, chân thật không dối, thành tựu vô úy, liền bạch Phật rằng: ‘Chúng con muốn ở trong giáo pháp Như Lai mà tịnh tu phạm hạnh’. Phật dạy:

‘Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Pháp ta thanh tịnh, tự tại; hãy theo đó tu hành để dứt trừ thống khổ’. Khi đó tám vạn bốn ngàn người đều đố kỵ tức giận. Đố kỵ chưa bao lâu Như Lai lại thị hiện ba việc để giáo hóa: một là thần túc, hai là quán tha tâm, ba là giáo giới. Họ tức thì chứng đắc tâm giải thoát vô lậu, phát sinh trí vô ngại”.

“Hiện tiền, có tám vạn bốn ngàn người khác nghe Phật ở trong vườn Lộc dã chuyển pháp luân vô thượng mà hàng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma Phạm và các người thế gian khác không thể chuyển được, liền đến thành Bàn-đầu chỗ Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đánh lễ, ngồi lại một bên”.

“Phật cũng vì họ nói pháp như trước”.

“Đến lúc này, tại thành Bàn-đầu đã có mười sáu vạn tám ngàn vị đại Tỳ-kheo. Tỳ-kheo Đề-xá và Tỳ-kheo Khiên-đồ ở trong Đại chúng tăng bỗng bay lên không trung, thân phóng xuất nước lửa, hiện các thần thông biến hóa, nói pháp vi diệu cho đại chúng nghe. Bấy giờ đức Như Lai thâm nghĩ: ‘Nay tại trong thành này đã có mười sáu vạn tám ngàn đại Tỳ-kheo, ta nên sai đi du hóa; chớ đi hai người một nhóm, đến khắp các nơi, đứng sáu năm lại trở về thành này để thuyết cụ túc giới”’.

“Bấy giờ, trời Thủ-đà-hội biết được tâm tư của Như Lai, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời kia mà hiện đến nơi này, đến trước đức Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ, đứng lại một bên; giây lát,

bạch Phật rằng: ‘Bạch Thế Tôn, thật như vậy, trong thành Bàn-đầu này có nhiều Tỳ-kheo, Ngài nên phân bố đi khắp mọi nơi, đúng sáu năm sẽ trở lại thành này để thuyết giới, con sẽ ủng hộ, khiến không ai tìm cơ hội phá khuấy các vị được’. Như Lai sau khi nghe lời ấy, làm thính nhận lời. Trời Thủ-đà-hội thấy Phật làm thính nhận lời, đánh lễ Phật xong, bỗng biến trở lại cõi trời. Không bao lâu sau, Phật bảo các Tỳ-kheo: ‘Nay trong thành này Tỳ-kheo đã đông, nên mỗi người phân bố đi mỗi hướng du hành giáo hóa. Sau sáu năm hãy trở về tập họp thuyết giới’. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, mang y cầm bát, đánh lễ Phật rồi đi”.

“Sau đó một năm, trời Thủ-đà-hội nhắc lại các Tỳ-kheo: ‘Các ngài đi du hóa đã qua một năm, còn năm năm nữa, các ngài nên nhớ trọn sáu năm rồi hãy nhóm về thành mà thuyết giới’. Cứ như thế, đến năm thứ sáu, trời lại nhắc rằng: ‘Sáu năm đã mãn, nên trở về thành mà thuyết giới’. Các Tỳ-kheo nghe lời nhắc xong, thu xếp y bát, trở lại thành Bàn-đầu, đến Lộc Dã chỗ Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đánh lễ, ngồi lui một bên”.

Bấy giờ, ở trước mặt đại chúng, Như Lai bay lên không trung, ngồi kiết già. (Kệ).

Bấy giờ, Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Ta nhớ lại, thuở xưa, khi ở tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyet, có một lần sinh tâm nghĩ rằng: ‘Chỗ Ta sinh ra, đâu đâu cũng có, duy trừ cõi trời Thủ-đà-hội. Giả sử Ta sanh cõi trời kia, thời đã không trở lại đây’.

Này các Tỳ-kheo, khi ấy Ta lại nghĩ rằng: khi Ta muốn đến cõi trời Vô tạo, tức thì trong khoảnh khắc như tráng sĩ co duỗi cánh tay, Ta biến mất ở đây mà hiện ở kia. Chư thiên lúc đó thấy ta đến, liền đánh lễ, đứng lại một bên, bạch với ta rằng: ‘Chúng con đều là đệ tử đức Phật Tỳ-bà-thi. Chúng con nhờ sự giáo hóa của Ngài mà được sanh đến cõi này’. Rồi họ kể đủ nhân duyên gốc ngọn của đức Phật Tỳ-bà-thi. Họ lại nói: ‘Các đức Phật Thi-khí, Tỳ-xá-bà, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm, Ca-diếp, Thích-ca Mâu-ni, thầy đều là thầy của con. Con chịu sự giáo hóa ấy mà sinh ở đây’. Họ cũng nói nhân duyên bản mặt chư Phật. Cho đến chư thiên ở cõi trời A-ca-nị-trá, cũng kể với ta như thế²¹.

4. Đức Phật - nhà cố vấn chính trị cho vua A-xà-thế

Số 2. “Kinh Du Hành”.

Bấy giờ, A-xà-thế, vua nước Ma-kiệt muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ, mới tự nghĩ: “Nước ấy tuy mạnh, dân chúng giàu mạnh nhưng lấy sức ta để thắng họ không phải là khó”.

Rồi vua A-xà-thế sai đại thần Bà-la-môn Vũ-xá: “Khanh hãy đến núi Kỳ-xà-quật, chỗ đức Thế Tôn, nhân

²¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Số 1: Kinh Trường A Hàm - Phần I - 1. Kinh Đại Bản, Taiwan, 2000, trang 40 ~ 47.

danh ta đánh lễ dưới chân Thế Tôn và thăm hỏi đức Thế Tôn, Ngài đời sống thường nhật có thoải mái không, đi đứng có khỏe mạnh không. Sau đó lại bạch đức Thế Tôn, người nước Bạt-kỳ tự ý hùng cường, dân chúng giàu mạnh, không chịu thần phục ta. Ta muốn chinh phạt chúng. Không hiểu đức Thế Tôn có dạy bảo gì không? Nếu Ngài có dạy thế nào, người hãy nhớ cho kỹ, chớ để quên sót, hãy nói lại cho ta hay những gì khanh đã nghe. Những điều Như Lai nói không bao giờ hư dối”.

Đại thân Vũ-xá lãnh mệnh, cỡi xe báu đi đến núi Kỳ-xà-quật. Đến chỗ phải dừng, ông xuống xe, đi bộ đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi xong, ngồi lại một bên, bạch đức Thế Tôn rằng: “Vua nước Ma-kiệt là A-xà-thế cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật và ân cần kính hỏi Ngài, đời sống thường nhật có thoải mái chăng, lui tới có được mạnh khỏe không?”

Ông lại thưa tiếp: “Người nước Bạt-kỳ tự thị dũng mãnh, dân chúng giàu mạnh, không chịu thần phục nhà vua nên nhà vua muốn chinh phạt. Chẳng hay đức Thế Tôn có dạy bảo gì không?”

Lúc đó, A-nan đang cầm quạt đứng hầu sau Phật. Phật hỏi A-nan:

(1).

- “Người có nghe dân nước Bạt-kỳ thường nhóm họp bàn những sự việc chân chánh không?”

- A-nan đáp: “Con có nghe”.

- Phật nói với A-nan: “Nếu được như thế, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó lại càng thịnh vượng; nước ấy sẽ an ổn lâu dài, không thể xâm hại được”.

(2).

- “Này A-nan, người có nghe người nước Bạt-kỳ vua tôi hòa thuận, trên dưới kính nhường nhau không?”

- “Con có nghe”.

- “Nếu được như vậy, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng, và được yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được”.

(3).

- “Này A-nan, người có nghe dân nước Bạt-kỳ thường tôn trọng pháp luật, hiểu điều cấm kỵ, chẳng trái lễ độ không?”

- “Con có nghe”.

- “Này A-nan, nếu được như vậy, lớn nhỏ hoà thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được”.

(4).

- “Này A-nan! Người có nghe dân nước Bạt-kỳ hiếu dưỡng cha mẹ, kính thuận sư trưởng không?”

- “Con có nghe”.

- “Này A-nan, nếu vậy, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được”.

(5).

- “Này A-nan! Người có nghe dân nước Bạt-kỳ thường tôn trọng tông miếu, kính nể quỷ thần không?”

- “Con có nghe”.

- “Này A-nan, nếu được như vậy thì lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được”.

(6).

- “Này A-nan, người có nghe dân nước Bạt-kỳ giữ gìn khuê môn trình chính, thanh khiết, không bậy bạ, cho đến sự vui đùa, nói năng cũng không tà vạy không?”

- “Con có nghe”.

- “Này A-nan, nếu được như vậy thì lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được”.

(7).

- “Này A-nan, người có nghe dân nước Bạt-kỳ tôn thờ Sa-môn, kính người trì giới và thân cận ủng hộ chẳng biếng nhác không?”

- “Con có nghe”.

- “Này A-nan, nếu được như vậy thì nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được”.

Bấy giờ, Đại thần Vũ-xá liền bạch Phật: “Nhân dân nước kia nếu thi hành có một điều còn không mong gì thắng họ, huống nay họ đủ cả bảy điều. Vì việc nước quá bận, con xin từ tạ trở về”.

Phật nói: “Nên biết thời giờ”.

Vũ-xá liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng rồi vái chào mà lui.²²

5. Bảy nguyên tắc khiến cho Phật pháp hưng thịnh

Số 2. “Kinh Du Hành”:

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo, bảy pháp bất thối là:

1. Thường hội họp luận bàn nghĩa lý chân chính thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

2. Trên dưới hòa đồng, kính thuận không trái thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

²² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 51~53.

3. Trọng pháp, hiểu điều cấm kỵ, không trái qui chế thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

4. Nếu có Tỳ-kheo nào có năng lực hộ chúng, có nhiều tri thức nên được kính thờ thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

5. Niệm hộ tâm ý, lấy sự hiếu kính làm đầu thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

6. Tịnh tu phạm hạnh, không chạy theo trạng thái dục thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

7. Trước người rồi sau mình, không tham lam danh lợi thời già trẻ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái”.

“Này các Tỳ-kheo, lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng, không tổn giảm:

1. Ưa ít việc, không ưa nhiều việc thời Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn giảm.

2. Ưa yên lặng, không ưa nói nhiều.

3. Bớt sự ngủ nghỉ, tâm không hôn muội.

4. Không tụ họp nói việc vô ích.

5. Không tự khen ngợi khi mình thiếu đức.

6. Không kết bè bạn với người xấu ác.

7. Ưa ở một mình nơi chỗ nhàn tịnh, núi rừng.

Này Tỳ-kheo, được như vậy thời Chánh pháp sẽ được tăng trưởng, không bị tổn giảm”.

“Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn giảm.

1. Có tín tâm: tin đức Như Lai, Chí chân, Chánh giác, đủ mười đức hiệu.

2. Có tầm: biết hổ với điều thiếu sót của mình.

3. Có quý: biết thẹn với việc ác mình đã làm.

4. Đa văn: những điều đã được thọ trì đều tốt ở đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối, nghĩa và vị thâm áo, thanh tịnh không bản, phạm hạnh đầy đủ.

5. Siêng năng cần khổ, bỏ ác tu lành, chuyên tâm tập luyện mãi không ngừng.

6. Điều đã học tập được ghi nhớ mãi không quên.

7. Tu tập trí tuệ, biết pháp sanh diệt, hướng đến Hiền Thánh, dứt hết gốc khổ.

Với bảy pháp như thế thời Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn”.

“Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn: 1- Kính Phật; 2- Kính Pháp; 3- Kính Tăng; 4- Kính Giới luật; 5- Kính thiên định; 6- Kính thuận cha mẹ; 7- Kính pháp không

buông lung. Bảy pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng mãi không bị hao tổn”.

“Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn: 1- Quán thân bất tịnh; 2- Quán đồ ăn bất tịnh; 3- Chẳng mê đắm thế gian; 4- Thường suy niệm về sự chết; 5- Suy niệm về vô thường; 6- Suy niệm về vô thường tức khổ; 7- Suy niệm khổ tức vô ngã. Bảy pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn”.

“Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn: 1- Tu về niệm giác ý, nhàn tịnh, vô dục, xuất ly, vô vi; 2- Tu về pháp giác ý; 3- Tu về tinh tấn giác ý; 4- Tu về hỷ giác ý; 5- Tu về ý giác ý; 6- Tu về định giác ý; 7- Tu về hộ giác ý. Bảy pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn”.

“Này các Tỳ-kheo! Có 6 pháp bất thối làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn. 1- Thân thường hành xử từ ái, không hại chúng sanh; 2- Miệng nói nhân từ, không diễn lời dữ; 3- Ý niệm từ tâm, không ôm lòng thêm bớt; 4- Được vật lợi dưỡng hợp lẽ, chia cùng chúng hưởng, bình đẳng như nhau; 5- Giữ giới Thánh Hiền không để khuyết lậu, cũng không cầu ướ, nhất định không dao động; 6- Thấy đạo Thánh Hiền để dứt hết thống khổ. Sáu pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn”.

“Này các Tỳ-kheo! lại có 6 pháp bất thối làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn: 1- Niệm Phật; 2- Niệm Pháp; 3- Niệm Tăng; 4- Niệm giới; 5- Niệm thí; 6- Niệm thiên. Sáu niệm ấy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn”²³.

6. Giới - định - tuệ

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“Phật dạy các Tỳ-kheo về giới, định, tuệ; tu giới đắc định, được quả báo lớn; tu định đắc trí, được quả báo lớn; tu trí tâm tịnh, được giải thoát hoàn toàn, dứt hết ba thứ lậu hoặc là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát liền phát sanh trí về sự giải thoát, sanh tử dứt hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa”²⁴.

7. Tam quy ngũ giới

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“Chúng con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Thánh chúng. Ngưỡng mong đức Thế Tôn thương xót chấp

²³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 54~57.

²⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 58.

nhận cho chúng con được làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau, nguyện không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Chúng con sẽ giữ giới không bao giờ quên. Ngày mai chúng con xin cúng dường. Ngưỡng mong Thế Tôn cùng đại chúng rủ lòng hạ cố”²⁵.

8. 5 điều hại cho người phạm giới và 5 điều lợi cho người giữ giới

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“Phàm người phạm giới thời có năm điều suy hao. Những gì là năm? 1- Cầu tài lợi không được toại nguyện; 2- Dầu có được tài lợi, ngày mỗi hao mòn; 3- Bất cứ đến đâu cũng không được mọi người kính nể; 4- Tiếng xấu đồn khắp thiên hạ; 5- Thân hoại mệnh chung sa vào địa ngục. Trái lại, này các thanh tín sĩ, phàm người giữ giới sẽ có năm công đức. Những gì là năm? 1- Cầu gì đều được như nguyện; 2- Tài sản đã có thì thêm mãi không hao sút; 3- Ở đâu cũng được mọi người kính mến; 4- Tiếng tốt đồn khắp thiên hạ; 5- Thân hoại mệnh chung được sanh lên cõi trời”²⁶.

²⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2, Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 59.

²⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2, Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 59.

9. Khái niệm Đại thừa xuất hiện

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“Đức Thế Tôn ra khỏi thành Ba-lăng-phất, đi đến bờ sông. Lúc ấy, trên bờ sông có nhiều người, trong số đó có người thì dùng thuyền có người dùng bè, có người dùng phà mà sang sông. Đức Thế Tôn cùng đại chúng chỉ trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay đã đến cả bên kia sông. Sau khi quán sát nghĩa này, Thế Tôn liền nói bài tụng:

Phật là hải thuyền sư
Pháp là cầu sang sông,
Là chiếc xe đại thừa,
Đưa hết thầy trời, người.
Là đấng tự giải thoát,
Sang sông, thành Phật-đà.
Khiến tất cả đệ tử,
Giải thoát, đắc Niết-bàn”²⁷.

10. Phật nói vấn đề thọ sinh

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Bấy giờ, A-nan ở chỗ thanh vắng yên lặng suy nghĩ:
“Thôn Na-đà này có mười hai cư sĩ là Già-già-la, Già-

²⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 60-61.

lãng-già, Ty-già-đà, Gia-lê-du, Giá-lâu, Bà-da-lâu, Bà-đầu-lâu, Tầu-bà-đầu-lâu, Đà-lê-xá-nậu, Tầu-đạt-lê-xá-nậu, Gia-du, Gia-du-đa-lâu đã qua đời. Hiện nay không biết họ sinh về đâu? Lại có năm mươi người khác mệnh chung, lại năm trăm người khác nữa mệnh chung, nay không biết họ sanh về chỗ nào?”

A-nan suy nghĩ như thế xong, rời khỏi nơi nhàn tịnh, đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ chân Phật xong, ngồi xuống một bên, bạch Phật: “Thế Tôn, vừa rời con ở chỗ nhàn tịnh, lặng lẽ suy nghĩ: Thôn Na đà này có mười hai cư sĩ, Già-già-la, v.v... mạng chung; lại có năm mươi người nữa mạng chung; lại có năm trăm người mạng chung; không biết họ sinh về đâu. Cúi mong Thế Tôn nói rõ cho con”.

Phật bảo A-nan: “Mười hai cư sĩ kia là Già-già-la, v.v... đã đoạn năm hạ phần kết nên mệnh chung sinh thiên; họ nhập Niết-bàn ở đó chứ không trở lại cõi này nữa. Còn năm mươi người kia mạng chung do đoạn trừ ba kết sử; dâm, nộ, si mỏng, đắc quả Tu-đà-hàm, sẽ trở lại cõi này để dứt hết gốc khổ. Còn năm trăm người kia mạng chung do đoạn trừ ba kết sử, đắc quả Tu-đà-hoàn, không còn bị đọa vào ác thú, chắc chắn thành đạo, chỉ trở lại cõi này bảy lần để dứt hết gốc khổ rồi thôi.

Này A-nan, phàm có sinh thì có chết, đó là lẽ thường của cuộc đời, có gì là quái lạ. Nếu thấy mỗi người chết, người đều tới hỏi ta như vậy chẳng là quấy rầy ư?”

A-nan đáp: “Đúng vậy, bạch Thế Tôn, quả là phiền nhiễu”.

Phật bảo: “A-nan, nay ta sẽ nói cho người về Pháp kính để các Thánh đệ tử biết chỗ thọ sanh, dứt hết ba đường dữ, chứng quả Tu-đà-hoàn, không quá bảy đời sẽ tận cùng biên tế của khổ và cũng có thể nói việc ấy cho người khác nghe.

Này A-nan! Pháp kính là Thánh đệ tử đã đạt được bất hoại tín, hoan hỷ tín Phật là đức Như Lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác, mười đức hiệu đầy đủ. Hoan hỷ tín Pháp là giáo pháp chân chính vi diệu, Phật tự ý nói ra, không cuộc hạn thời tiết, dạy bày con đường đi đến Niết-bàn, được thực hành bởi kẻ trí. Hoan hỷ tín Tăng là chúng khéo hòa đồng, sở hành chất trực không dối trá và chúng thành đạo quả, trên dưới thuận hòa, đầy đủ pháp thân, hoặc có người đang hướng tới Tu-đà-hoàn và được quả Tu-đà-hoàn, có người đang hướng tới Tu-đà-hàm và được quả Tu-đà-hàm, có người đang hướng tới A-na-hàm và được quả A-na-hàm, có người đang hướng tới A-la-hán và được quả A-la-hán. Ấy là bốn đôi tám bậc; chúng Hiền Thánh của Như Lai xứng đáng được cung kính, làm ruộng phước cho đời. Tín giới của Hiền Thánh là thanh tịnh, không nhờn, không bị sứt mẻ, không rò rỉ, được các bậc minh triết tu theo mà chứng đến tam-muội định vậy.

A-nan, đó là Pháp kính, khiến Thánh đệ tử biết chỗ thọ sanh, dứt sạch ba đường dữ, chứng đắc Tu-đà-hoàn,

không quá bảy đời hoàn tất tận cùng biên tế của khổ và cũng có thể nói cho người khác sự việc ấy”²⁸.

11. Đức Phật giáo hóa dân nữ

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Bấy giờ có một dân nữ tên Am-bà-bà-lê vừa nghe Phật cùng các đệ tử đến Tỳ-xá-ly, đang ngồi dưới một gốc cây, liền sửa soạn xe báu, muốn đi đến chỗ Phật để lễ bái cúng dường. Khi chưa đến nơi, từ xa nàng đã thấy đức Thế Tôn diện mạo đoan chánh, các căn đặc biệt khác thường, tướng tốt đầy đủ, như mặt trăng ở giữa những vì sao. Nàng rất hoan hỷ, xuống xe đi bộ lần tới chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, ngồi lại một bên.

Rồi Thế Tôn theo thứ lớp thuyết pháp, khai giải, giáo huấn khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Nghe Phật nói xong nàng phát tâm vui mừng quỳ bạch Phật rằng: “Bắt đầu từ hôm nay con quy y ngôi Tam bảo. Mong Phật nhận lời cho con được làm Ưu-bà-di ở trong chánh pháp, trọn đời con không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu”²⁹.

²⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 62~64.

²⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 64~65.

12. Oai nghi của Tỷ kheo

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“Thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ oai nghi? Ở đây, Tỷ-kheo khi đi thì biết là đi, dừng thì biết là dừng, quay nhìn tả hữu, co duỗi, cúi ngược, mang y cầm bát cho đến việc ăn uống, thuốc thang đều không để mất nghi tắc. Khôn khéo tìm cách trừ bỏ ám cái, đi ở nằm ngồi, ngủ thức, nói năng hay im lặng đều nhiếp tâm đừng cho loạn động. Đây gọi là Tỷ-kheo đầy đủ oai nghi”³⁰.

13. Năm điều khó xuất hiện ở thế gian

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“Ở đời có năm thứ báu rất khó có được. Những gì là năm? Một là Như Lai, Chí chân xuất hiện ở đời rất khó có được. Hai là người có thể giảng thuyết Chánh pháp của Như Lai rất khó có được. Ba là người có thể tín giải pháp mà Như Lai diễn thuyết rất khó có được. Bốn là người có thể thành tựu pháp mà Như Lai diễn thuyết rất khó có được. Năm là hiếm nguy được cuu ách mà biết đáp trả, hạng người ấy cũng rất khó có. Ấy là 5 thứ báu rất khó có được”³¹.

³⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2, Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 67.

³¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2, Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 68.

14. Phật giáo khích lệ cúng dường vàng bạc, ruộng vườn

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Bấy giờ, Am-bà-bà-lê nữ bèn bày dọn thực phẩm thượng diệu để cúng Phật và Tăng. Sau khi ăn xong, thái bát, dẹp bàn ghế. Rồi kỹ nữ tay bưng bình bằng vàng dâng nước rửa xong, nài đến trước Phật bạch rằng: “Trong số những khu vườn trong thành Tỳ-xá-ly này vườn của con là hơn hết. Nay con đem vườn ấy dâng cúng Như Lai. Ngưỡng nguyện Như Lai vì thương tưởng con mà thọ nhận”.

Phật nói với người kỹ nữ: “Người có thể đem khu vườn này cúng dường trước hết là Phật và chiêu-đề Tăng. Vì sao vậy? Các thứ vườn tược, phòng xá, y bát, sáu vật mà Như Lai sở hữu, ngay dù những Ma, Thích, Phạm, chư thiên có đại oai lực, không ai có khả năng kham thọ sự cúng dường ấy”.

Kỹ nữ thọ lãnh lời dạy, bèn đem khu vườn mà cúng trước tiên là Phật và chiêu-đề Tăng. Phật vì lòng từ mẫn đối với nàng nên thọ nhận. Rồi Ngài nói bài kệ:

“Dựng tháp, lập tinh xá,
Cúng vườn cây mát mẻ;
Cầu thuyền để đưa người;
Và cho cả nhà, gác;
Đồng trồng cho nước cỏ,

Phước ấy ngày đêm tăng;
Người đủ giới thanh tịnh,
Ắt sẽ đến chỗ lành”³².

15. Đời sống kinh tế xã hội có ảnh hưởng nhất định đến sinh hoạt Tăng già

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Bấy giờ, Phật rời chỗ ngồi, đi đến giảng đường, ngồi lên chỗ dọn sẵn, bảo các Tỳ-kheo: “Đất này đói kém, khát thực khó khăn; các người nên chia thành từng nhóm, tùy theo chỗ quen biết, hãy đến Tỳ-xá-ly và nước Việt-kỳ mà an cư ở đó để có thể không bị thiếu thốn. Ta một mình cùng với A-nan an cư ở đây”³³.

16. Đức Phật bị bệnh

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy, ra đi. Riêng Phật với A-nan ở lại. Về sau, trong lúc an cư, thân Phật nhuốm bệnh, khắp cả mình đều đau. Phật tự nghĩ: “Ta nay cả người đều đau mà các đệ tử đều không ở đây. Nếu Ta

³² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 69.

³³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 71~72.

nhập Niết-bàn thì không thích hợp. Vậy Ta hãy tinh cần tự lực lưu lại thọ mạng”³⁴.

17. Lấy Pháp làm nơi nương tựa là lời di giáo trước khi Thế Tôn nhập Niết-bàn

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Phật bảo A-nan: “Chúng Tăng còn có điều gì cần ở Ta nữa? Nếu có ai tự mình nói: ‘Ta duy trì chúng Tăng, ta nhiếp hộ chúng Tăng’, thì người ấy nên có lời di giáo cho chúng Tăng. Như Lai không nói: ‘Ta duy trì chúng Tăng, Ta nhiếp hộ chúng Tăng’. Vậy tại sao Ta lại phải có lời di giáo cho chúng Tăng? Nay A-nan, những pháp Ta đã giảng thuyết trong cũng như ngoài đều đã hoàn tất. Ta không bao giờ tự xưng sở kiến thông đạt. Ta nay đã già rồi, tuổi đã đến tám mươi rồi. Cũng như cỗ xe cũ kỹ, nhờ phương tiện tu sửa mà có thể đi đến nơi. Thân ta cũng vậy, nhờ sức phương tiện còn hơi duy trì được tuổi thọ, tự lực tinh tấn mà nhẫn chịu sự đau nhức này. Không suy niệm tất cả tướng khi nhập vô tướng định, thân an ổn, không có não hoạn. Vì vậy, A-nan, hãy tự mình thấp sáng, thấp sáng nơi Pháp, chớ thấp sáng nơi khác; hãy tự nương tựa mình, nương tựa nơi Pháp, chớ nương tựa nơi khác. Thế nào là ‘Hãy tự mình thấp sáng, thấp sáng nơi

³⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2, Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 72.

pháp, chớ thấp sáng nơi khác; hãy tự nương tựa mình, nương tựa pháp, chớ nương tựa nơi khác’? Nay A-nan, Tỳ-kheo quán nội thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán ngoại thân; quán nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy. Nay A-nan, đó gọi là ‘Hãy tự thấp sáng; thấp sáng nơi Pháp, chớ thấp sáng nơi khác; hãy tự nương tựa mình, nương tựa nơi Pháp, chớ nương tựa nơi khác...’. Nay A-nan, sau khi Ta diệt độ, nếu có ai có thể tu hành pháp này, người đó là đệ tử chân thật của Ta, là bậc nhất hữu học”³⁵.

Số 6. “Kinh Chuyển Luân Vương Tu Hành”:

Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo, các người hãy tự thấp sáng, thấp sáng trong Chánh pháp, chớ đừng thấp sáng ở nơi khác; hãy tự mình nương tựa nơi mình, nương tựa nơi Chánh pháp, chớ đừng nương tựa vào một nơi nào khác”.

“Này các Tỳ-kheo, thế nào là hãy tự thấp sáng, thấp sáng trong Chánh pháp, chớ đừng thấp sáng ở nơi khác; hãy tự mình nương tựa nơi mình, nương tựa nơi Chánh pháp, chớ đừng nương tựa vào một nơi nào khác?”

³⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 72~74.

“Ở đây, Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thân trên ngoại thân, quán thân trên nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy. Đó là Tỳ-kheo hãy tự thấp sáng, thấp sáng trong Chánh pháp, chớ đừng thấp sáng ở nơi khác; hãy tự mình nương tựa nơi mình, nương tựa nơi Chánh pháp, chớ đừng nương tựa vào một nơi nào khác. Thực hành như thế sẽ không bị ma nhiều hại, công đức ngày một thêm”³⁶.

18. A-nan không thỉnh Phật kéo dài tuổi thọ **Số 2, “Kinh Du Hành”:**

“Này A-nan, những ai tu bốn thần túc, tu tập nhiều, thường ghi nhớ không quên, người ấy tùy theo ý muốn có thể kéo dài tuổi thọ hơn một kiếp. A-nan, Phật đã tu tập nhiều bốn thần túc, chuyên niệm không quên, tùy theo ý muốn, Như Lai có thể sống hơn một kiếp, để trừ minh ám cho đời, đem lại nhiều lợi ích, trời và người đều được an ổn”.

Lúc bấy giờ A-nan im lặng không trả lời. Phật nói như vậy ba lần, A-nan cũng im lặng không trả lời. Khi ấy

³⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 6. Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành, Taiwan, 2000, trang 181-182.

A-nan bị ma ám, mê muội không tỏ rõ. Phật đã ba lần hiện tướng nhưng A-nan không biết mà thỉnh cầu. Phật bảo A-nan: “Hãy biết thời”. A-nan vâng ý chỉ của Phật, đứng dậy lễ Phật rồi lui. A-nan đi cách Phật không xa, ngồi dưới một gốc cây, tĩnh ý tư duy. Trong khoảng thời gian không lâu, Ma Ba-tuần đến bạch Phật: “Ý Phật không muốn vào Niết-bàn sớm. Nay chính là lúc, Phật nên mau chóng diệt độ”³⁷.

Phật nói: “Nếu người có tin, sao ba lần quấy rầy Ta? Người đã trực tiếp nghe từ Phật, trực tiếp lãnh thọ từ Phật rằng, những ai đã tu tập bốn thần túc, tu tập nhiều lần, chuyên niệm không quên thì có thể tùy ý muốn mà kéo dài tuổi thọ trong một kiếp hoặc hơn một kiếp. Phật đã tu tập bốn thần túc, tu tập nhiều lần, chuyên niệm không quên, tùy theo ý muốn có thể sống hơn một kiếp để trừ sự tối tăm cho đời, làm lợi ích nhiều người, cho trời và người được an lạc. Tại sao lúc đó người không thỉnh cầu Như Lai chớ diệt độ? Nghe lần thứ hai, còn khả thứ. Cho đến lần thứ ba, người cũng không khuyến thỉnh Như Lai sống thêm một kiếp hoặc một kiếp hơn để trừ tối tăm cho đời, đem lại lợi ích an lạc cho hàng thiên nhân. Nay người mới nói, há chẳng muộn lắm ư? Ta ba lần hiện tướng, người ba lần im lặng. Sao lúc ấy người không nói với Ta rằng ‘Như Lai hãy sống thêm một kiếp hoặc một

³⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 74.

kiếp hơn để trừ sự tối tăm cho đời, vì lợi ích cho nhiều người, để cho trời người được an lạc’?”

“Hãy thôi, A-nan, nay Ta đã xả tuổi thọ, đã bỏ, đã nhỏ rồi. Muốn Như Lai trái với lời đã nói ra thì không bao giờ có trường hợp đó. Ví như một người hào quý đã nhỏ đồ ăn xuống đất, họ còn lấy ăn trở lại được không?”

A-nan đáp: “Không”.

“Nay Như Lai cũng vậy, đã bỏ, đã nhỏ rồi đâu còn tự mình ăn lại nữa”³⁸.

19. Ma Ba Tuần muốn Phật nhập diệt sớm

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Bấy giờ ma Ba-tuần lại bạch Phật: “Thuở xưa, ở Uất-bệ-la bên dòng sông Ni-liên-thuyền, dưới gốc cây A-du-ba ni-câu-luật, Phật khi mới thành Chánh giác, tôi đã đến chỗ Như Lai mà khuyên mời Ngài hãy nhập Niết-bàn rằng: ‘Nay thật là đúng lúc, Ngài hãy nhanh chóng nhập Niết-bàn’. Khi ấy Như Lai trả lời tôi rằng: ‘Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập Niết-bàn vì còn đợi đệ tử Ta hội đủ đã, v.v... cho đến chư thiên và loài người thấy được sự thần thông biến hóa, khi

³⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - II, Taiwan, 2000, trang 82~83.

ấy Ta mới nhập Niết-bàn’. Nay chính là lúc ấy, sao Ngài không nhập Niết-bàn?”³⁹

20. Tám nguyên nhân khiến quả đất rung động

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Phật bảo A-nan: “Ồ đời, có tám nguyên nhân khiến đất rung động. Những gì là tám? Đất y trên nước. Nước y trên gió. Gió y trên hư không. Trong hư không có ngọn gió lớn có khi tự nổi lên, khi ấy khối lớn nước bị khuấy động. Khối nước lớn bị khuấy động thì khắp cả đất rung động. Đó là một nguyên nhân.

Lại nữa, này A-nan, có khi có Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni đắc đạo, hoặc tôn thiên đại thần quán thể tánh nước nhiều, quán thể tánh đất ít, muốn tự thử năng lực của mình, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ hai.

Lại nữa, này A-nan, khi Bồ-tát từ trời Đâu-suất giáng thân vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ ba.

Lại nữa, A-nan, khi Bồ-tát ra khỏi thai mẹ, sanh từ hông phải, chuyên niệm không tán loạn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ tư.

³⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2, Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 75.

Lại nữa, A-nan, khi Bồ-tát vừa thành Vô thượng Chánh giác, ngay lúc ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ năm.

Lại nữa, A-nan, khi Phật vừa thành đạo, chuyển Vô thượng pháp luân mà Ma hoặc Thiên Ma, Sa-môn, Bà-la-môn thấy đều không thể chuyển, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ sáu.

Lại nữa, A-nan, khi sự giáo giới của Phật gần hoàn tất, chuyên tâm không tán loạn, Phật xả bỏ thọ hành, khi đó khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ bảy.

Lại nữa, này A-nan, khi Như Lai ở nơi vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ tám.

Do tám nguyên nhân ấy mà đất rung động”⁴⁰.

21. Tám hội chúng

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Phật nói với A-nan: “Này A-nan! Đòi có tám chúng: một là chúng Sát-ly; hai là chúng Bà-la-môn; ba là chúng cư sĩ; bốn là chúng Sa-môn; năm là chúng Tứ thiên

⁴⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - I, Taiwan, 2000, trang 76-77.

vương; sáu là chúng Đạo-ly thiên; bảy là chúng Ma; tám là chúng Phạm thiên”⁴¹.

22. Tùy căn cơ nói pháp

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“Ta nhớ xưa kia, Ta từng qua lại trong chúng Sát-ly, cùng họ nói năng, ngồi đứng, chẳng biết đã bao nhiêu lần. Nhờ sức thiên định tinh tấn mà nơi nào Ta hiện đến, hễ họ có sắc đẹp thì sắc Ta đẹp hơn. Họ có tiếng hay thì tiếng Ta hay hơn. Họ từ già Ta mà đi, nhưng Ta không từ già họ. Điều họ nói được, Ta cũng nói được. Điều họ không thể nói được, Ta cũng nói được. Ta thường thuyết pháp cho họ, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ, rồi biến mất khỏi nơi đó, mà họ không biết Ta là trời hay là người. Như thế cho đến, Ta từng qua lại trong chúng Phạm thiên không biết là bao nhiêu lần để thuyết pháp cho họ, mà họ cũng đều chẳng biết Ta là ai”⁴².

⁴¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - II, Taiwan, 2000, trang 79.

⁴² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - II, Taiwan, 2000, trang 79.

23. Thế Tôn tu tập 37 phẩm trợ đạo mà chứng ngộ Giải thoát

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“Các người nên biết, Ta do những pháp sau đây mà tự thân tác chứng, thành Tối chánh giác. Đó là bốn niệm xứ, bốn ý đoạn, bốn thần túc, bốn thiền định, năm căn, năm lực, bảy giác ý và tám thánh đạo. Các người hãy nên cùng nhau tu tập ở trong pháp đó, cùng nhau hòa đồng kính thuận, chớ sinh tranh tụng. Cùng đồng một thầy học hãy cùng đồng hòa hợp như nước với sữa. Ở trong pháp Ta, hãy tinh cần tu học, cùng soi sáng cho nhau, cùng nhau hoan hỷ”⁴³.

24. 12 phần giáo

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“Này các Tỳ-kheo, các người nên biết, Ta từ các pháp này mà tự mình chứng ngộ, rồi công bố ra nơi đây. Tức là Khế kinh, Kỳ dạ kinh, Thọ ký kinh, Kệ kinh, Pháp cú kinh, Tương ưng kinh, Bản duyên kinh, Thiên bản kinh, Quảng kinh, Vị tăng hữu kinh, Chứng dụ kinh, Đại giáo kinh. Các người hãy ghi nhớ kỹ, tùy khả năng mà

⁴³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - II, Taiwan, 2000, trang 80.

phân tích, tùy sự mà tu hành. Vì sao vậy? Như Lai không bao lâu nữa, sau ba tháng nữa, sẽ vào Niết-bàn”⁴⁴.

25. Có sinh thì phải có diệt

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“Nhanh chóng làm sao, Thế Tôn diệt độ! Đau đớn làm sao, con mắt của thế gian sắp tắt! Chúng ta từ nay mãi mãi mất mát!” Hoặc có Tỳ-kheo vật vã buồn khóc, lẫn lộn kêu ca, không tự kềm chế được, khác nào như rắn bị đứt làm hai khúc, lẫn lộn ngắc ngoải, không biết đi về đâu.

Phật bảo: “Này các Tỳ-kheo, các người chớ ôm lòng ưu bi như vậy. Từ trời đất đến người vật, không có cái gì sanh ra mà không kết thúc. Muốn các pháp hữu vi không bị biến dịch thì không thể nào được. Trước đây Ta đã từng dạy ân ái là vô thường, có hội hiệp tất có chia ly. Thân này không phải của mình, mạng này không ở lâu được”⁴⁵.

⁴⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2, Kinh Du Hành - II, Taiwan, 2000, trang 80.

⁴⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2, Kinh Du Hành - II, Taiwan, 2000, trang 81.

26. Y Pháp bất y nhân

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Phật nói: “Bốn pháp ấy là gì? Nếu có vị Tỳ-kheo nào nói như vậy: ‘Này chư hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân theo Phật được nghe, được lãnh thọ giáo pháp này’. Nghe như vậy thì các người cũng không nên vội tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo luật, nương theo pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không trúng kinh, không trúng luật, không trúng pháp thì các người hãy nói lại người kia rằng: ‘Phật không nói như thế, người đã nhớ lầm chăng? Bởi vì chúng tôi nương kinh, nương luật, nương pháp. Mà lời người vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này hiền sĩ, người chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi’. Trái lại, nếu xét thấy lời kia trúng kinh, trúng luật, trúng pháp thì hãy nói với người kia rằng: ‘Lời người vừa nói đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương kinh, nương luật, nương pháp. Mà lời người vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ’. Đó là đại pháp thứ nhất”.

“Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo nào nói như vậy: ‘Này chư hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân nghe từ chúng Tăng hòa hợp với các vị kỳ cụ đa văn, được lãnh thọ pháp, luật này, giáo này’. Nghe như vậy thì các người cũng không nên vội tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo kinh mà xét chỗ hư thật.

Nương theo luật, nương theo pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không trúng kinh, không trúng luật, không trúng pháp thì các người hãy nói lại người kia rằng: ‘Phật không nói như thế, người đã nghe, nhớ làm chẳng? Bởi vì chúng tôi nương kinh, nương luật, nương pháp. Mà lời người vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này hiền sĩ, người chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi’. Trái lại, nếu xét thấy lời kia trúng kinh, trúng luật, trúng pháp thì hãy nói với người kia rằng: ‘Lời người vừa nói đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương kinh, nương luật, nương pháp. Mà lời người vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ’. Đó là đại pháp thứ hai”.

“Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo nào đến nói như vậy: ‘Này chư hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân nghe từ nhiều vị Tỳ-kheo là những người trì pháp, trì luật, trì luật nghi, được lãnh thọ pháp này, luật này, giáo này’. Nghe như vậy thì các người cũng không nên tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo luật, nương theo pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không trúng kinh, không trúng luật, không trúng pháp thì các người hãy nói lại người kia rằng: ‘Phật không nói như thế, người đã nghe, nhớ làm chẳng? Bởi vì chúng tôi nương kinh, nương luật, nương pháp. Mà lời người vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này hiền sĩ, người chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi’. Trái lại, nếu xét thấy lời

kia trúng kinh, trúng luật, trúng pháp thì hãy nói với người kia rằng: ‘Lời người vừa nói đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương kinh, nương luật, nương pháp. Mà lời người vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ’. Đó là đại pháp thứ ba”.

“Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo nào đến nói như vậy: ‘Này chư hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân từ một vị Tỳ-kheo kia là người trì pháp, trì luật, trì luật nghi, được lãnh thọ giáo pháp này’. Nghe như vậy thì các người cũng không tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo luật, nương theo pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không trúng kinh, không trúng luật, không trúng pháp thì các người hãy nói lại người kia rằng: ‘Phật không nói như thế, người đã nhớ làm chẳng? Bởi vì chúng tôi nương kinh, nương luật, nương pháp. Mà lời người vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này hiền sĩ, người chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi’. Trái lại nếu xét thấy lời kia trúng kinh, trúng luật, trúng pháp thì hãy nói với người kia rằng: ‘Lời người vừa nói đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương kinh, nương luật, nương pháp. Mà lời người vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ’. Đó là đại pháp thứ tư”⁴⁶.

⁴⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - II, Taiwan, 2000, trang 84~ 86.

27. Châu-na vô ý cúng dường nắm độc cho Phật, nhưng lại được phước báo

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Bấy giờ đức Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở thành Phụ-di lại bảo A-nan cùng đi đến thành Ba-bà. A-nan đáp: “Kính vâng”, rồi xếp y ôm bát, với đại chúng đi theo Thế Tôn, theo con đường Mạt-la đi vườn Xà-đâu, thành Ba-bà. Nơi đây có con trai của một người thợ tên là Châu-na nghe Phật từ Mạt-la kia đến thành này, liền y phục chỉnh tề tìm đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, rồi ngồi lại một bên. Phật theo thứ lớp thuyết pháp cho Châu-na, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích hoan hỷ. Châu-na sau khi nghe, phát tín tâm hoan hỷ, bèn thỉnh Phật ngày mai đến nhà cúng dường. Phật làm thỉnh nhận lời. Châu-na biết Phật đã nhận lời, liền đứng dậy lễ Phật, rồi lui về. Ngay đêm đó ông sửa soạn thức ăn. Ngày mai, vào thời gian thích hợp, ông trở lại thỉnh Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn khoác y cầm bát cùng với đại chúng tùy tùng đến nhà ông, ngồi lên chỗ ngồi dọn sẵn. Sau khi Phật và đại chúng đã an tọa, Châu-na đem món ăn dâng Phật và chúng tăng. Ông lại nấu riêng một thứ nắm chiên-đàn là thức ăn trân quý kỳ lạ ít thấy, đem dâng riêng cho Phật. Phật bảo Châu-na chớ đem thứ nắm ấy cho chúng tăng ăn. Châu-na vâng lời, không dám dọn cho chúng Tăng.

Lúc bấy giờ, trong đại chúng Tỳ-kheo có một Tỳ-kheo già, xuất gia lúc tuổi xế chiều, ngay trên mâm ăn, dùng đồ đựng dư để lấy. ...

Phật hỏi A-nan: “Vừa rồi ông thấy Châu-na có ý gì hối hận không? Nếu có hối hận là tự đâu?” A-nan đáp:

“Châu-na vừa cúng dường Phật như vậy không được phúc lợi gì cả. Vì sao? Tại vì sau khi đức Như Lai thọ trai ở nhà ông thì Ngài vào Niết-bàn!”

Phật nói: “A-nan chớ nói như vậy, chớ nói như vậy! Hiện nay Châu-na được nhiều lợi lớn, được sống lâu, được sắc đẹp, được sức lực, được tiếng tốt, được nhiều tài lợi, chết được lên trời, cầu điều gì đều được. Tại sao vậy? Vì người cúng dường cho Phật lúc mới thành đạo với người cúng dường cho Phật lúc sắp Niết-bàn, công đức hai bên ngang nhau không khác. Người hãy đến nói với Châu-na rằng: ‘Tôi trực tiếp nghe từ Phật, trực tiếp lãnh thọ từ Phật, rằng Châu-na nhờ công đức cúng dường Phật mà được lợi lớn, quả báo lớn’”⁴⁷.

28. A-nan hầu Phật 25 năm

Số 2, “Kinh Du Hành”:

A-nan trông thấy, âm thầm suy nghĩ: “Ta được hầu gần Phật hai mươi lăm năm nay chưa khi nào thấy Phật có một sắc diện tươi sáng như ngày nay”⁴⁸.

⁴⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - II, Taiwan, 2000, trang 86~89.

⁴⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - II, Taiwan, 2000, trang 92.

29. A Nan không lấy nước cho Phật uống

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Phật bảo: “A-nan, ta đang khát. Ta muốn uống nước. Ngươi hãy đi lấy nước đem đến đây”.

A-nan thưa: “Vừa rồi có năm trăm cỗ xe lội qua khúc trên sông làm nước đục cả. Chỉ có thể dùng rửa chân, không thể dùng uống được”.

Phật nói đến ba lần như thế. A-nan thưa: “Hiện chỉ có sông Câu-tôn cách đây không xa, là có nước trong mát. Uống hay tắm rửa đều được”⁴⁹.

30. Cách trà tỳ Như Lai

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“Sau khi Phật diệt độ, phép tân táng nên làm thế nào?”

Phật bảo A-nan: “Ông hãy im lặng. Hãy lo nghĩ đến công việc của mình. Việc ấy đã có các thanh tín sĩ vui vẻ lo liệu”.

A-nan hỏi đến ba lần: “Sau khi Phật diệt độ, phép tân táng nên làm thế nào?”

⁴⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - II, Taiwan, 2000, trang 93.

Phật dạy: “Muốn biết phép tẩn táng thế nào thì nên làm theo cách tẩn táng Chuyên luân Thánh vương”.

A-nan lại hỏi: “Phép tẩn táng Chuyên luân Thánh vương như thế nào?”

Phật nói: “Về phép tẩn táng Chuyên luân Thánh vương, trước hết lấy nước thơm tắm rửa thân thể; lấy vải bông mới quấn thân thể; dùng năm trăm tấm vải lần lượt quấn vào rồi đặt thân vào kim quan. Sau khi đã tắm dầu mè, lại đặt kim quan trong một cái quách thứ hai lớn bằng sắt, bên ngoài là lớp quách bằng gỗ hương chiên-đàn. Chặt các thứ vải dày, hương thơm lên trên mà trà tỳ. Trà tỳ xong lượm lấy xá-lợi, dựng tháp treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng đi ngang trông thấy tháp của Pháp vương mà tưởng nhớ lại chánh hóa của vua, đã làm lợi ích cho nhiều người”.

“A-nan, người muốn táng Ta, trước hết lấy nước thơm tắm rửa thân thể; lấy vải bông mới quấn thân thể; dùng năm trăm tấm vải lần lượt quấn vào, đặt thân vào kim quan. Sau khi đã tắm dầu mè, lại đặt kim quan trong một cái quách thứ hai lớn bằng sắt, bên ngoài là lớp quách bằng gỗ hương chiên-đàn. Chặt các thứ vải dày, hương thơm lên trên mà trà tỳ. Trà tỳ xong lượm lấy xá-lợi, dựng tháp treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng đi ngang trông thấy tháp của Phật mà tưởng nhớ lại đạo hóa của Pháp vương Như Lai; sống thì được phước lợi, chết thì sanh Thiên”⁵⁰.

⁵⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - II, Taiwan, 2000, trang 96.

31. Bốn hạng người được xây dựng tháp

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Phật bảo A-nan: “Trong thiên hạ có bốn hạng người nên dựng tháp và cúng dường hương hoa, phướn lụa, âm nhạc. Đó là những ai? Là Như Lai, Bích-chi Phật, Thanh-văn và Chuyển luân vương. Nay A-nan, bốn hạng người này nên được dựng tháp và dùng hương, hoa, phướn lụa, âm nhạc để cúng dường”⁵¹.

32. Nơi Thế Tôn nhập diệt có liên quan đến thế giới Cực Lạc trong kinh A Di Đà

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“Xin Phật chớ diệt độ tại chỗ đất hoang vu trong thành chật hẹp thô lậu này. Vì sao? Hiện có các nước lớn như Chiêm-bà, nước Tỳ-xá-ly, thành Vương xá, nước Bạt-kỳ, nước Xá-vệ, nước Ca-tỳ-la-vệ, nước Ba-la-nại. Ở đó nhân dân đông đúc, nhiều người tín mộ Phật pháp. Phật diệt độ tại các chỗ đó ắt nhiều người cung kính, cúng dường xá-lợi”.

Phật dạy: “Thôi, đủ rồi, chớ có nhận xét như thế. Chớ cho nơi này là bỉ lậu. Vì sao thế? Khi xưa tại nước này, có vị vua tên Đại Thiện Kiến và thành này lúc đó tên là

⁵¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - II, Taiwan, 2000, trang 96.

Câu-xá-bà-đê. Đô thành của vua dài 480 dặm, rộng 280 dặm. Bấy giờ được mùa lúa rẻ, nhân dân phồn thịnh. Thành này có bảy lớp, bao quanh cũng có bảy lớp lan can, chạm trổ văn vẻ, linh báu treo xen. Móng thành bề sâu ba nhẵn, lên cao mười hai nhẵn. Lâu đài trên thành cao mười nhẵn. Vòng cột ba nhẵn. Thành vàng thì cửa bạc, thành bạc thì cửa vàng, thành lưu ly thì cửa thủy tinh, thành thủy tinh thì cửa lưu ly. Quanh thành trang nghiêm bằng tứ bảo, xen kẽ lan can bằng tứ bảo. Lâu vàng thì treo linh bạc, lâu bạc thì treo linh vàng. Có hào bảy lớp, mọc đầy hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng. Đáy hào toàn lát bằng cát vàng. Hai bên bờ hào có nhiều cây đa-lân. Cây vàng thì lá hoa trái bạc. Cây bạc thì lá hoa trái vàng. Cây thủy tinh thì hoa trái lưu ly. Cây lưu ly thì hoa trái thủy tinh. Giữa đám cây đa-lân có ao tắm. Dòng nước sâu, trong, thanh khiết không dơ. Hai bên bờ ao lát bằng gạch tứ bảo. Thang bằng vàng thì bậc thang bằng bạc. Thang lưu ly thì bậc bằng vàng. Thêm cấp bằng lưu ly thì bậc thêm bằng thủy tinh. Thêm cấp bằng thủy tinh thì lưu ly làm bậc. Chung quanh, lan can vây bọc liên tiếp nhau. Trong thành ấy nơi nào cũng sanh cây đa-lân. Cây vàng thì lá hoa trái bạc. Cây bạc thì lá hoa trái vàng. Cây thủy tinh thì hoa trái lưu ly. Cây lưu ly thì hoa trái thủy tinh. Khoảng giữa các cây có các ao bằng tứ bảo, sanh bốn loại hoa. Đường xá ngay ngắn, hàng ngũ tương đương. Gió thổi, hoa rơi lá bay hai bên đường. Gió nhẹ thổi qua các cây báu, phát ra âm thanh dịu dàng như thiên nhạc. Người trong nước, trai gái lớn nhỏ dạo chơi vui vẻ

giữa các cây. Nước ấy thường có mười loại âm thanh: Tiếng vỗ sò, tiếng trống, tiếng ba la, tiếng ca, tiếng múa, tiếng thổi, tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe cộ, tiếng ẩm thực, tiếng cười đùa”⁵².

33. Bảy báu của vua Chuyển luân Thánh vương

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“Vua Đại Thiên Kiến có đủ bảy báu. Vua cũng có đủ bốn đức. Bảy báu là: bánh xe vàng báu, voi trắng báu, ngựa xanh báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và quân binh báu”.

“Thiên Kiến Đại vương thành tựu bánh xe vàng báu như thế nào?”

“Thường vào ngày rằm trăng tròn, vua tắm gội nước hương, lên ngôi tại bảo điện, có thể nữ bao quanh, tự nhiên có bánh xe báu hiện ra trước mặt; vành xe có ngàn cãm, sáng chói do thợ trời làm chớ không phải đời có được. Bánh xe toàn bằng chân kim, đường kính bằng một trượng tư. Khi ấy vua Đại Thiên Kiến thầm nghĩ: ‘Ta từng nghe các bậc tiên túc kỳ cựu nói: ‘Nếu vua Quán đánh đồng Sát-ly, đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước

⁵² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - II, Taiwan, 2000, trang 101.

huong, lên ngồi tại bảo điện, có thể nữ bao quanh, thời tự nhiên có bánh xe vàng hiện đến trước mặt, bánh xe có nghìn cãm, ánh sáng rực rỡ là tác phẩm của thợ nhà trời chứ không phải do con người làm, được làm thành bằng vàng thiệt, đường kính trượng tư, khi đó được gọi là Chuyển luân Thánh vương'. Nay có bánh xe báu ấy hiện đến há không là đây chăng? Ta hãy thử coi xe đó thế nào?"

“Vua Đại Thiện Kiến liền triệu bốn thứ binh, hướng về phía bánh xe vàng, trích áo bày vai phải, đầu gối phải quỳ sát đất, rồi lấy tay mặt vỗ lên bánh xe và nói: ‘Ngươi hãy theo đúng phép mà vận chuyển về phương Đông, chớ trái lệ thường’. Bánh xe liền chuyển về phương Đông. Vua bèn dẫn bốn chủng quân binh đi theo bánh xe vàng, trước bánh xe vàng có bốn vị thần dẫn đường. Đến chỗ xe vàng ngừng thì vua cũng dừng xe. Bấy giờ, các tiểu quốc phương Đông thấy đại vương đến, họ đem bát vàng đựng lúa bạc, bát bạc đựng lúa vàng đến trước vua, cúi đầu tâu rằng: ‘Đại vương đến, thật lành thay! Nay phương Đông này đất ruộng phì nhiêu, nhân dân sung túc, chí tánh nhân hòa, từ hiếu trung thuận. Cúi mong Thánh vương lấy chánh pháp trị hóa chôn này, chúng tôi xin cung cấp hầu hạ, vâng chịu mọi việc cần dùng’. Vua Đại Thiện Kiến nói với các tiểu vương: ‘Thôi thôi chừ hiền! Thế là các ngươi đã cúng dường ta rồi đó. Các ngươi nên lấy Chánh pháp mà trị dân, chớ làm cho thiên lệch, không để cho quốc nội có hành vi phi pháp. Đó tức

là ta trị hóa’. Các tiểu vương vâng lệnh. Họ liền theo vua đi tuần khắp nước, đến tận mé biển Đông mới trở về”.

“Vua lần lượt đi về phương Nam, rồi phương Tây, phương Bắc. Hễ bánh xe vàng đến ở đâu thì các quốc vương đều đến cống hiến như các tiểu quốc phương Đông vậy”.

“Bấy giờ, vua Đại Thiện Kiến sau khi đã theo bánh xe vàng đi khắp bốn biển, đem chánh đạo khai hóa, an ủi dân chúng xong trở về thành Câu-xá-bà-đề của bốn quốc, thì bánh xe vàng dừng lại trên không trung ngay cửa cung điện. Vua Đại Thiện Kiến vui mừng phấn khởi nói: ‘Bánh xe vàng báu này thật là điềm tốt của ta. Nay ta chính thật là Chuyển luân Thánh vương’. Đó là sự thành tựu bánh xe vàng báu”.

“Vua Đại Thiện Kiến thành tựu voi trắng báu như thế nào?”

“Lúc bấy giờ vào buổi sáng sớm, Thiện Kiến Đại vương đang ngồi trên chánh điện, tự nhiên voi báu hốt nhiên xuất hiện trước mặt. Lông nó thuần trắng. Bấy chỗ đầy đặn. Có thể bay được. Đầu nó tạp sắc. Sáu ngà thon nhọn, xen lẫn bằng vàng ròng. Sau khi nhìn thấy, vua tự nghĩ: ‘Con voi này khôn. Nếu khéo huấn luyện, có thể cưỡi’. Bèn sai huấn luyện thử. Tập các khả năng đều đủ. Khi ấy Thiện Kiến Đại vương muốn tự mình thử voi, bèn cưỡi lên, rồi vào lúc sáng sớm, ra khỏi thành, chu du khắp bốn biển. Đến giờ cơm thì đã về tới. Thấy thế,

Thiện Kiến vương phấn khởi nói: ‘Con voi trắng báu này thật sự là điềm lành cho ta. Nay ta thật sự là Chuyển luân Thánh vương’. Đó là sự thành tựu voi trắng báu”.

“Thiện Kiến Đại vương thành tựu ngựa báu như thế nào?”

“Bấy giờ vào lúc sáng sớm, Đại Thiện Kiến vương đang ngồi trên chánh điện, tự nhiên ngựa báu xuất hiện trước mắt. Lông nó màu xanh, bờm đỏ. Đuôi, đầu và cổ, như voi. Nó có khả năng bay. Khi ấy Thiện Kiến vương tự nghĩ: ‘Con ngựa này khôn. Nếu huấn luyện kỹ, có thể cưỡi’. Rồi vua sai huấn luyện thử. Tập đủ các khả năng. Khi vua Thiện Kiến muốn tự mình thí nghiệm ngựa báu, bèn cưỡi lên, vào lúc sáng sớm, ra khỏi thành, chu du bốn biển. Đến giờ ăn thì đã về tới. Thiện Kiến vương phấn khởi nói: ‘Con ngựa báu màu xanh này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân Thánh vương’. Đó là sự thành tựu ngựa trắng báu”.

“Thiện Kiến Đại vương thành tựu thần châu báu như thế nào?”

“Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Đại Thiện Kiến vương đang ngồi trên chánh điện, tự nhiên thần châu báu xuất hiện trước mắt. Màu sắc tinh khiết, trong suốt, không có tý vết. Thấy rồi, vua nói: ‘Hạt châu này đẹp quá. Ánh sáng của nó có thể rọi sáng cả nội cung’. Rồi vua muốn thử hạt châu ấy, bèn gọi bốn chủng quân binh vào, đặt bảo châu này ở trên tràng phan. Vào lúc nửa đêm trời tối,

mang nó ra ngoài thành. Ánh sáng của hạt châu này rọi sáng tất cả quân binh, chẳng khác gì ban ngày. Ở vòng ngoài quân binh, nó lại chiếu sáng cả một do-tuần. Người trong thành đều thức dậy làm việc, vì cho là ban ngày. Thiện Kiến Đại vương phấn khởi nói: ‘Nay hạt thần châu báu này thật sự là điềm lành cho ta’. Ta nay thật sự là Chuyển luân Thánh vương, đó là sự thành tựu thần châu báu”.

“Thiện Kiến Đại vương thành tựu ngọc nữ báu như thế nào?”

“Khi ấy ngọc nữ báu hốt nhiên xuất hiện. Nhan sắc thung dung, diện mạo đoan chánh, không cao, không thấp, không thô, không tế, không đen, không trắng, không cương, không nhu. Đông thì thân ấm, hè thì thân mát. Các lỗ chân lông trên khắp thân thể toát ra mùi hương chiên-đàn. Miệng thở ra hương hoa ưu-bát-la. Nói năng dịu dàng, cử động khoan thai. Đứng dậy trước, ngồi xuống sau, không hề mất nghi tắc. Vua Thiện Kiến lúc bấy giờ thanh tịnh không nhiễm trước. Tâm không hề có chút ý niệm gì, hưởng hồ gần gũi. Bấy giờ vua Thiện Kiến phấn khởi nói: ‘Ngọc nữ này thật là điềm lành của ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân Thánh vương’. Đó là sự thành tựu về ngọc nữ báu”.

“Thiện Kiến Đại vương thành tựu cư sĩ báu như thế nào?”

“Khi ấy cư sĩ trọng phụ hốt nhiên tự xuất hiện. Kho báu tự nhiên có. Tài sản vô lượng. Cư sĩ có túc phước

nên con mắt có thể nhìn suốt thấy mỏ báu dưới lòng đất. Vật hữu chủ hay vô chủ, đều nhìn mà biết hết. Nếu có chủ, ông có thể gìn giữ hộ. Nếu vô chủ, ông thu lấy đem hiến cho vua dùng. Cư sĩ báu đi đến tâu vua: ‘Đại vương, có vật cống hiến, vua đừng lo buồn. Tôi có thể tự giải quyết’. Bấy giờ, vua Đại Thiện Kiến muốn thử cư sĩ báu, bèn ra lệnh chuẩn bị thuyền để đi du hí. Vua bảo cư sĩ: ‘Ta cần vàng. Ngươi hãy kiếm nhanh cho ta’. Cư sĩ tâu: ‘Đại vương, xin hãy chờ giây lát. Đợi lên bờ đã’. Tìm cách thúc hối: ‘Ta dùng đây. Đang cần dùng. Ngươi đem đến ngay’. Khi ấy cư sĩ bị vua ra lệnh nghiêm, bèn quỳ ngay trên thuyền, dùng tay mặt thọc vào trong nước. Bình báu từ trong nước cùng lên theo tay. Như con sâu leo cây, cũng như thế, với cư sĩ báu, bảo vật từ trong nước duyên theo tay mà xuất hiện đầy thuyền. Rồi ông tâu vua: ‘Vừa rồi Đại vương nói cần báu. Nhưng cần bao nhiêu?’ Vua Thiện Kiến nói với cư sĩ: ‘Thôi, đủ rồi. Ta không cần dùng gì. Chỉ là để thử nhau mà thôi. Ngươi nay như thế là đã cống hiến cho ta rồi đó’. Cư sĩ kia nghe vua nói như vậy liền ném trả bảo vật xuống nước. Thiện Kiến vương phấn khởi nói: ‘Cư sĩ báu này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân Thánh vương’. Đó là thành tựu cư sĩ báu”.

“Thiện Kiến Đại vương thành tựu chủ binh báu như thế nào?”

“Khi ấy chủ binh bảo hốt nhiên xuất hiện, trí mưu, hùng mãnh, thao lược, quyết đoán. Rồi chủ binh đi đến

chỗ vua, tâu: ‘Đại vương, nếu có chỗ cần chinh phạt, xin đừng lo lắng. Tôi có thể tự mình giải quyết’. Vua Thiện Kiến lúc ấy muốn thử chủ binh báu, liền cho tập hợp bốn chủng binh và nói với chủ binh rằng: ‘Người này dụng binh, chưa tập hợp hãy tập hợp. Đã tập hợp hãy giải tán. Chưa nghiêm hãy nghiêm. Đã nghiêm hãy cho buông lỏng. Chưa đi hãy bảo đi. Đã đi hãy bảo dừng’. Chủ binh báu nghe vua nói xong, liền điều khiển bốn chủng quân khiến cho chưa tập hợp thì tập hợp. Đã tập hợp thì giải tán. Chưa nghiêm thì nghiêm chỉnh. Đã nghiêm chỉnh thì cho buông lỏng. Chưa đi, bảo đi. Đã đi, bảo dừng. Thiện Kiến Vương lúc ấy phấn khởi nói: ‘Chủ binh báu này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân Thánh vương’. Đó là chủ binh báu”.

“Này A-nan, đó là Thiện Kiến đại vương thành tựu bảy báu”.

“Thế nào là bốn thân đức? Một là sống lâu, không yếu, không ai sánh bằng. Hai là thân thể cường tráng, không bệnh hoạn, không ai sánh bằng. Ba là nhan mạo đoan chánh, không ai sánh bằng. Bốn là kho báu tràn đầy, không ai sánh bằng”.

“Đó là Chuyển luân Thánh vương thành tựu bảy báu và bốn thân đức”.⁵³

⁵³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - II, Taiwan, 2000, trang 105.

34. Tu-bạt là người cuối cùng được đức Phật giảng dạy Giáo pháp

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Lúc đó, trong thành Câu-thi có một vị Phạm chí tên Tu-bạt là bậc kỳ cựu đa trí, đã một trăm hai mươi tuổi, nhân nghe đức Sa-môn Cù-đàm đêm nay sẽ diệt độ tại giữa cây song thọ, ông tự nghĩ: ‘Ta có điều hoài nghi về giáo pháp. Chỉ có đức Cù-đàm mới giải được ý ta. Ta nên kịp thời gắng đi đến Phật’. Ngay đêm ấy ông gắng ra khỏi thành đi đến Song thọ, đến chỗ A-nan. Sau khi chào hỏi xong, ông thưa:

“Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm sắp vào Niết-bàn đêm nay nên đến đây mong được bái yết một lần. Tôi có điều hoài nghi về giáo pháp, mong được gặp Cù-đàm để Ngài giải quyết cho. Vậy Ngài có được rỗi rảnh cho tôi vào bái yết không?”

A-nan bảo: “Thôi đừng Tu-bạt! Phật đang có bệnh. Không nên quấy rầy Ngài”.

Tu-bạt cố nài xin đến ba lần rằng: “Tôi nghe đức Như Lai ra đời như hoa ưu-đàm, rất lâu mới xuất hiện, nên đến đây mong bái yết để được giải quyết nghi ngờ. Ngài có rỗi rảnh cho tôi gặp một lát được không?”

A-nan cũng vẫn trả lời như trước:

“Phật đang có bệnh. Không nên quấy rầy Ngài”.

Khi ấy Phật bảo A-nan: “A-nan, ngươi chớ ngăn cản. Hãy để cho ông ấy vào. Ông muốn giải quyết sự nghi ngờ, không có gì phiền nhiễu. Nếu nghe được pháp của ta, ắt được tỏ rõ”.

A-nan liền bảo Tu-bạt: “Nếu ông muốn vào thăm Phật, xin mời vào”.

Tu-bạt được vào, chào hỏi Phật xong, ngồi một bên và bạch Phật:

“Tôi có điều hoài nghi về giáo pháp. Ngài có rỗi rảnh giải quyết cho chỗ vướng mắc không?”

Phật nói: “Ông cứ tùy ý hỏi”.

Tu-bạt hỏi: “Bạch Cù-đàm, có những giáo phái khác, họ tự xưng bậc thầy như các ông Phát-lan Ca-diếp (Purana-kassapa), Mạt-già-lê Kiền-xá-lợi (Makkhali-Gosala), A-phù-đà Sí-xá-kim-bạt-la (Ajita-Kesakambala), Ba-phù Ca-chiên (Pakudha-Kaccayana), Tát-nhã Tỳ-da-lê-phất (Sanjaya Belatthi putta), Ni-kiền Tử (Nigantha-Nata-putta). Những thầy đó đều có giáo pháp riêng, đức Sa-môn Cù-đàm có biết hết hay không?”

Phật đáp: “Thôi thôi khỏi nói, những giáo pháp ấy Ta đều rõ cả. Nay Ta sẽ vì ngươi nói đến pháp thâm diệu, ngươi hãy lắng nghe và khôn khéo suy nghiệm. Nay Tu-bạt! Trong giáo pháp nào nếu không có tám Thánh đạo thời ở đó không có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Trong giáo pháp nào có tám Thánh đạo thời ở

đó có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Nay trong giáo pháp này có tám Thánh đạo nên có quả vị Sa-môn thứ nhất, quả vị Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư. Trong các chúng ngoại đạo không có”.⁵⁴

35. Ngoại đạo muốn xuất gia phải trải qua 4 tháng thử thách

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Phật nói: “Này Tu-bạt, nếu có đệ học Phạm chí muốn tu hành ở trong giáo pháp của ta, phải được thử qua bốn tháng để xét coi hành vi họ, chí nguyện, tánh nết họ. Nếu thấy đủ các oai nghi không điều gì thiếu sót, mới cho phép thọ cụ túc giới ở trong giáo pháp Ta. Tuy vậy, này Tu-bạt, còn tùy thuộc hành vi của mỗi người”.⁵⁵

36. Tu-bạt chỉ xuất gia trong một đêm và chứng A-la-hán ở tuổi 120

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Ngay trong đêm đó, Tu-bạt được xuất gia thọ giới, thanh tịnh tu hành, ngay trong hiện tại, tự thân tác chứng:

⁵⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - III, Taiwan, 2000, trang 114~115.

⁵⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - III, Taiwan, 2000, trang 116.

“Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, chứng đắc như thật trí, không còn tái sinh”. Lúc gần nửa đêm, ông đã chứng quả A-la-hán, là đệ tử cuối cùng của Phật và diệt độ trước Phật.⁵⁶

37. Thế Tôn tán thán A-nan

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Phật bảo A-nan: “Thôi thôi, A-nan, chớ có buồn phiền than khóc. Từ trước đến nay người hầu hạ Ta với cử chỉ từ hòa, ngôn ngữ kính ái và tâm niệm hoan hỷ thủy chung như một, không sao xiết kể. Ấy là người đã cúng dường Ta, công đức rất lớn. Nếu có sự cúng dường nào của chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn và Bà-la-môn cũng không sao sánh bằng được. Người hãy siêng năng lên, ngày thành đạo của người không lâu nữa!”

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo! Đệ tử hầu hạ chư Phật quá khứ cũng chỉ như A-nan. Đệ tử hầu hạ chư Phật vị lai cũng chỉ như A-nan. Nhưng đệ tử hầu hạ của chư Phật quá khứ, Phật có dạy mới biết. Còn A-nan nay, Ta vừa đưa mắt là đã biết Như Lai cần muốn gì. Đó là điều hy hữu của A-nan, các ông nhớ lấy.

⁵⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - III, Taiwan, 2000, trang 117.

Chuyển luân Thánh vương có bốn pháp đặc biệt, kỳ lạ ít có. Những gì là bốn? Khi Thánh vương đi, người dân khắp cả nước đều đến nghinh đón; thấy vua rồi thì hoan hỷ, nghe lời dạy cũng hoan hỷ, chiêm ngưỡng uy nhân không hề biết chán. Khi Thánh vương đứng, khi Thánh vương ngồi và khi Thánh vương nằm, quốc dân đều đến bái yết, được thấy vua họ vui mừng, được nghe vua họ vui mừng, họ trông ngắm dung nhan vua không biết chán. Đó là bốn pháp đặc biệt của Chuyển luân Thánh vương. A-nan cũng có bốn pháp đặc biệt ấy. Khi A-nan lặng lẽ đi vào chúng Tỳ-kheo, chúng đều hoan hỷ; thuyết pháp cho chúng, ai nghe cũng hoan hỷ; nhìn ngắm nghi dung, nghe lời thuyết pháp không hề biết chán. Khi A-nan vào chúng Tỳ-kheo-ni, khi A-nan vào chúng ưu bà tắc, khi A-nan vào chúng ưu-ba-di, nơi nào được trông thấy A-nan cũng vui mừng, được nghe A-nan thuyết pháp cũng vui mừng; họ trông nhìn nghi dung và lời A-nan thuyết pháp không biết chán. Đó là bốn pháp đặc biệt hy hữu của A-nan”⁵⁷.

⁵⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - III, Taiwan, 2000, trang 117.

38. Sau khi Phật nhập diệt, tưởng nhớ 4 Thánh tích

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“1- Tưởng tới chỗ Phật sanh, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ; 2- Tưởng tới chỗ Phật thành đạo, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ; 3- Tưởng tới chỗ Phật chuyên pháp luân đầu tiên, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ; 4- Tưởng tới chỗ Phật vào Niết-bàn, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ”⁵⁸.

39. Sau khi Phật nhập diệt lấy Kinh và Giới làm nơi nương tựa

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“Này A-nan, người chớ nghĩ sau khi Ta diệt độ, các người mất chỗ nương tựa, không ai che chở. Chớ có quan niệm như vậy. Nên biết những kinh và giới mà Ta đã dạy từ khi thành đạo đến nay là chỗ nương tựa, che chở các người đó!”⁵⁹

⁵⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - III, Taiwan, 2000, trang 118.

⁵⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - III, Taiwan, 2000, trang 120.

40. Giới nhỏ cần phải bỏ đi

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Này A-nan, từ nay trở đi, cho phép các Tỳ-kheo tùy nghi bỏ các giới cấm nhỏ nhặt. Kẻ trên, người dưới xưng hô nhau phải thuận lễ độ. Đó là pháp kính thuận của người xuất gia”⁶⁰.

41. Không buông lung là cơ sở để thành Chánh đạo

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“Thế nên các Tỳ-kheo chớ có buông lung. Ta chính nhờ không buông lung mà được thành Chánh giác. Vô lượng điều lành toàn nhờ không buông lung mà có được. Hết thảy vạn vật đều vô thường, đó là lời dạy cuối cùng của Như Lai”⁶¹.

⁶⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - III, Taiwan, 2000, trang 120.

⁶¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - III, Taiwan, 2000, trang 121.

42. Thế Tôn vào Niết-bàn bằng con đường vào 8 định

Số 2, “Kinh Du Hành”:

“Thế rồi, Thế Tôn nhập sơ thiên; rồi từ sơ thiên xuất, nhập nhị thiên; từ nhị thiên xuất, nhập tam thiên; từ tam thiên xuất, nhập tứ thiên, từ tứ thiên xuất, nhập không xứ định; từ không xứ định xuất, nhập thức xứ; từ thức xứ định xuất, nhập vào vô sở hữu xứ; từ vô sở hữu xứ định xuất, nhập phi tướng phi phi tướng xứ định; từ phi tướng phi phi tướng xứ định xuất, nhập diệt thọ tướng định.

Rồi Thế Tôn từ diệt thọ tướng định xuất, nhập phi tướng phi phi tướng, từ phi tướng phi phi tướng xuất, nhập vô sở hữu định; từ vô sở hữu định xuất, nhập thức xứ định; từ thức xứ định xuất, nhập không xứ định; từ không xứ định xuất, nhập tứ thiên; từ tứ thiên xuất, nhập tam thiên; từ tam thiên xuất, nhập nhị thiên; từ nhị thiên xuất, nhập sơ thiên; rồi lại từ sơ thiên xuất lần lượt đến tứ thiên, rồi từ tứ thiên xuất, Phật vào Niết-bàn. Ngay lúc đó, cõi đất rung động, trời người kinh hoàng. Những chỗ tối tăm mà mặt trăng mặt trời không rọi đến được đều được chói sáng. Chúng sanh ở đó trông thấy nhau, và bảo nhau: ‘Người kia sinh ra người này. Người kia sinh ra người này’. Ánh sáng ấy chiếu khắp, hơn cả ánh sáng của chư thiên”⁶².

⁶² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - III, Taiwan, 2000, trang 121~122.

43. Lý do Ca Diếp triệu tập kết tập Kinh điển lần thứ nhất

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Ca-diếp nghe xong lòng rất buồn bã. Năm trăm Tỳ-kheo nghe Phật diệt độ, đều buồn khóc, quay cuồng kêu than không tự kiềm chế nổi rằng: “Như Lai diệt độ làm sao vội quá! Thế Tôn diệt độ sao vội quá! Đại pháp chìm lặng làm sao mau quá! Con mắt của thế gian đã diệt, chúng sanh suy đọa lâu dài! Ví như cây lớn bị tróc gốc, cành nhánh gãy đổ. Lại như rắn bị chặt đuôi, quay cuồng lăn lóc, không biết trườn đi đâu”. Nhưng trong chúng ấy có một Tỳ-kheo tên Bạt-nan-đà dòng họ Thích, ngăn các Tỳ-kheo rằng:

“Các người chớ lo buồn. Thế Tôn diệt độ thì chúng ta được tự do. Ông già ấy trước đây thường hay bảo chúng ta nên làm thế này, không nên làm thế này. Nhưng nay về sau thì tùy ý chúng ta làm”.

Ca-diếp nghe rồi, lòng càng buồn, mới bảo các Tỳ-kheo sửa soạn y bát đi mau đến Song thọ trước khi chưa tra-tỳ, có thể trông thấy Phật. Các Tỳ-kheo nghe Đại Ca-diếp nói xong đều đứng dậy tùy tùng Ca-diếp đến thành Câu-thi, qua sông Ni-liên-thuyền đến chùa Thiên quan, rồi đến chỗ A-nan. Hỏi han xong, đứng sang một bên, nói với A-nan: ...⁶³

⁶³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - III, Taiwan, 2000, trang 130.

44. 1 trong 6 tội Đột kiết mà Ca Diếp kết tội A Nan

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Chúng tôi muốn được thấy Phật một lần chót khi chưa trà-tỳ, có thể được không?”

A-nan đáp: “Tuy chưa trà-tỳ nhưng khó mà thấy được, vì thân Phật đã được tắm nước hương, quần một lớp kiếp-ba ngoài bọc năm trăm lớp vải trắng, đặt trong một kim quan. Kim quan lại đặt trong một cái quách bằng sắt, ngoài hết có bọc một cái quách bằng gỗ chiên-đàn nên khó thấy được”.

Ca-diếp năn nỉ xin tới ba lần, A-nan vẫn trả lời như cũ, là khó mà thấy Phật được nữa! Ngài Đại Ca-diếp mới hướng mặt về hỏa đàn để chiêm bái, thì ngay khi ấy bỗng nhiên từ trong ba lớp quan quách, Phật đưa hai bàn chân ra ngoài. Chân có màu sắc khác lạ. Ca-diếp thấy vậy, ngạc nhiên hỏi A-nan:

“Thân Phật kim sắc, sao chân ngài lại có sắc khác?”

A-nan đáp: “Trước đây có một bà già, tiếc thương đức Như Lai, tiến tới lấy tay vỗ vào chân Phật, để rơi nước mắt trên chân Ngài cho nên có màu sắc khác như thế”. Nghe xong, Ca-diếp lại không vui, liền hướng tới hỏa đàn đánh lễ kim thân Phật. Bốn bộ chúng và chư thiên trên không trung cũng đồng thời tác lễ. Chân Phật bỗng không hiện nữa.⁶⁴

⁶⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - III, Taiwan, 2000, trang 130~131.

45. Phân chia Xá-lợi Phật

Số 2, “Kinh Du Hành”:

Lúc đó dân Mạt-la nước Ba-bà nghe Phật diệt độ tại Song thọ, tự nghĩ: “Ta nên đến đó cầu lấy phần xá-lợi về dựng tháp cúng dường tại trong nước”. Các người Mạt-la nước Ba-bà liền hạ lệnh đem bốn thứ binh là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, đi đến thành Câu-thi và cử sứ giả nói:

“Chúng tôi nghe đức Phật đã diệt độ tại đây. Phật cũng là thầy chúng tôi. Vì lòng kính mộ Ngài, chúng tôi đến xin phần xá-lợi về nước dựng tháp cúng dường”.

Vua Câu-thi đáp:

“Thật vậy, đúng như ngài nói. Nhưng vì đức Thế Tôn đã giáng lâm và diệt độ tại đây. Nhân dân trong nước tôi tự lo cúng dường. Phiền các ngài từ xa đến cầu xá-lợi. Nhưng điều đó hẳn là không được!”

Đồng thời dân Bạt-ly nước Giá-la-phả, dân Câu-lị nước La-ma-già, dân chúng dòng Bà-la-môn nước Tỳ-lưu-đề, dân chúng dòng họ Thích nước Ca-duy-la-vệ, dân chúng dòng Lê-xa nước Tỳ-xá-ly, và vua A-xà-thế nước Ma-kiệt, nghe đức Như Lai diệt độ tại cây Song thọ ở thành Câu-thi, đều tự nghĩ: “Ta nay nên đến đó chia phần xá-lợi”.

A-xà-thế và các vua kia mới hạ lệnh trong nước đem bốn thứ binh mã tiến qua sông Hằng. Vua A-xà-thế sai Bà-la-môn Hương Tánh:

“Ngươi nhân danh ta vào thành Câu-thi hỏi thăm vua Mạt-la, đòi sống thường nhật có thoải mái chăng, lui tới có khỏe mạnh chăng, và nói ta với quý quốc xưa nay vốn tôn kính nhau, láng giềng hòa nghĩa, chưa có xảy ra điều chi tranh tụng. Nay ta nghe Như Lai diệt độ tại quý quốc. Đối với đức Thế Tôn, lòng ta thật hết sức tôn kính nên chẳng quản xa xôi, đến thỉnh phần di cốt đem về nước dựng tháp cúng dường. Nếu nhận lời, ta sẽ chia bót tài bảo trong nước ta cho”.

Bà-la-môn Hương Tánh vâng lệnh, đến thành Câu-thi nói với các người Mạt-la:

“Đại vương nước Ma-kiệt có lời thăm hỏi vô vàn. Các ngài đi đứng có nhẹ nhàng không? Bước đi có khỏe mạnh không? Và nhắn rằng, ‘Ta với quý quốc xưa nay vốn tôn kính nhau, láng giềng hòa nghĩa, chưa có xảy ra điều chi tranh tụng. Nay ta nghe Như Lai diệt độ tại quý quốc. Đối với đức Thế Tôn, lòng ta thật hết sức tôn kính nên chẳng quản xa xôi, đến thỉnh phần di cốt đem về nước dựng tháp cúng dường. Nếu nhận lời, ta sẽ chia bót tài bảo trong nước ta cho’”.

“Chư hiền lãnh thụ giáo huấn của Phật đã lâu, miệng tụng pháp ngôn, tâm khoát nhân hóa, thường mong cho chúng sanh thấy được an lành, nay há lẽ vì giành xá-lợi của Phật mà trở nên tàn hại nhau sao? Di thể Như Lai nếu muốn có lợi ích rộng rãi thì xá-lợi hiện tại nên chia ra nhiều phần”.

Chúng đều khen phải. Họ lại bàn nghị nên nhờ ai đủ sức chia giúp. Mọi người đều nói Bà-la-môn Hương Tánh là người nhân trí quân bình, có thể chia được. Các quốc vương bèn sai Hương Tánh:

“Ngươi hãy vì chúng ta mà chia xá-lợi làm tám phần bằng nhau”.

Được lệnh của các quốc vương, Hương Tánh đến ngay chỗ xá-lợi, cúi đầu đánh lễ, xong từ từ trước hết nhặt lấy rặng trên của Phật để riêng một nơi. Rồi bảo sứ giả mang cái rặng trên của Phật đến chỗ vua A-xà-thế rằng:

“Ngươi nhân danh ta tâu lên vua rằng: ‘Đại vương, đời sống thường nhật có thoải mái chăng? Bước đi có khỏe không? Xá-lợi chưa đến chắc Đại vương trông lắm? Nay tôi giao sứ giả rặng trên của Như Lai để kịp cúng dường cho thỏa lòng Đại vương trông ngóng. Sáng mai, lúc sao mai mọc, xá-lợi chia xong, tôi sẽ đích thân dâng đến’”.

Khi ấy, sứ giả vâng lời, đi đến chỗ vua A-xà-thế, tâu rằng:

“Bà-la-môn Hương Tánh kính lời thăm hỏi vô vàn: ‘Đại vương, đời sống thường nhật có thoải mái không? Bước đi có khỏe không. Xá-lợi chưa đến chắc Đại vương trông lắm? Nay tôi giao sứ giả rặng trên của Như Lai để kịp cúng dường cho thỏa lòng Đại vương trông ngóng.

Sáng mai, lúc sao mai mọc, xá-lợi chia xong, tôi sẽ đích thân dâng đến”.

Tiếp đó Hương Tánh lấy một bình dung lượng chừng một thạch, rồi chia đều xá-lợi ra làm tám phần, xong, ông nói với mọi người:

“Các ngài bàn bạc cho tôi xin cái bình đó để dựng tháp thờ tại nhà riêng”.

Mọi người đều nói: “Trí tuệ thay. Như thế là thích hợp”.

Và họ đồng ý cho.

Lúc đó, có người thôn Tất-bát cũng đến xin phần tro còn lại để dựng tháp cúng dường. Mọi người cũng bằng lòng.

Sau khi người nước Câu-thi được xá-lợi liền dựng tháp cúng dường. Các nước Ba-bà, Giá-la, La-ma-già, Tỳ-lưu-đề, Ca-duy-la-vệ, Tỳ-xá-ly, Ma-kiệt sau khi được xá-lợi đều đem về nước dựng tháp cúng dường. Bà-la-môn Hương Tánh đem cái bình dùng chia xá-lợi về nhà dựng tháp cúng dường. Dân chúng thôn Tất-bát đem phần tro còn lại về dựng tháp cúng dường.

Như vậy, xá-lợi Phật được chia thờ ở tám tháp, tháp thứ chín là cái bình, tháp thứ mười là tháp tro và tháp thứ mười một là tháp tóc, thờ tóc Phật khi còn tại thế.⁶⁵

⁶⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 2. Kinh Du Hành - III, Taiwan, 2000, trang 132~136.

46. Tứ Thiên Vương

Số 3. “Kinh Điền Tôn”

“Một thời, chư thiên Đao-lợi nhóm ở Pháp đường đề luận nghị. Lúc đó bốn Thiên vương ngồi bốn phía theo phương hướng mình. Đề-đế-lại-tra Thiên vương ngồi ở phía Đông, mặt day về hướng Tây; Đế Thích ngồi trước mặt. Tỳ-lâu-lặc Thiên vương ngồi ở phía Nam, mặt day về hướng Bắc; Đế Thích ngồi trước mặt. Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương ngồi ở phía Tây, mặt day về hướng Đông; Đế Thích ngồi trước mặt. Tỳ-sa-môn Thiên vương ngồi phía Bắc, mặt day về hướng Nam; Đế Thích ngồi trước mặt. Sau khi các Thiên vương ngồi xong, con mới ngồi. Lại còn có các đại thiên thần khác nữa, toàn là những người đã từng theo Phật tu hành phạm hạnh, khi mệnh chung ở đây, được sanh lên cõi trời Đao-lợi, khiến cho chư thiên ở đó thêm được năm thứ phước: tuổi thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời, danh xưng cõi trời, âm nhạc cõi trời, và oai đức trời”⁶⁶.

47. Chư Thiên nói về Thế Tôn và giáo lý của Ngài

Số 3. “Kinh Điền Tôn”

Đế Thích nói: “Hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ. Nay chư hiền, Đức Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác,

⁶⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 3. Kinh Điền Tôn, Taiwan, 2000, trang 39~40.

đầy đủ mười hiệu. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có đủ mười đức hiệu, Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác như Phật”.

“Pháp Phật vi diệu, được khéo giảng thuyết, được người trí thật hành. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có giáo pháp vi diệu như Phật”.

“Phật do pháp ấy mà tự giác ngộ, thông đạt vô ngại, trú trong an lạc. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có thể ở nơi pháp ấy mà tự giác ngộ, thông đạt vô ngại, tự tại an vui như Phật”.

“Chư hiền! Phật do pháp ấy mà tự giác ngộ rồi còn có thể khai thị con đường dẫn đến Niết-bàn, thân cận, dần dần đến chỗ nhập vào nơi tịch diệt. Ví như nước sông Hằng và nước sông Diêm-ma, cả hai dòng sông đều chảy vào biển cả. Phật cũng vậy. Có thể khai thị con đường dẫn đến Niết-bàn, thân cận, dần dần đến chỗ nhập vào nơi tịch diệt. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có thể khai thị con đường dẫn đến Niết-bàn được như Phật”.

“Chư hiền! Như Lai thành tựu quyền thuộc gồm những người có trí tuệ, Sát-ly, Bà-la-môn, cư sĩ, Sa-môn. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có được quyền thuộc như Phật”.

“Chư hiền! Như Lai thành tựu đại chúng. Đó là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di. Ta không thấy ai

trong quá khứ, vị lai, hiện tại thành tựu đại chúng như Phật”.

“Chư hiền! Ngôn và hành của Như Lai tương ưng. Nói đúng như làm, làm đúng như nói, thành tựu pháp và tùy pháp. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại mà ngôn hành tương ưng, pháp pháp thành tựu như Phật”.

“Chư hiền! Như Lai vì lợi ích mọi người, vì an lạc mọi người; với lòng từ mẫn, Ngài làm lợi ích cho chư thiên và nhân loại. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại vì lợi ích mọi người, vì an lạc mọi người như Phật”.

“Chư hiền, đó là tám pháp vô đẳng về Như Lai”⁶⁷.

48. Không có hai vị Phật cùng xuất hiện một lần

Số 3. “Kinh Điền Tôn”

Thích Đề-hoàn Nhân liền nói với trời Đao-lợi: “Ta được nghe từ Phật, trực tiếp lãnh giáo từ Phật, thì không bao giờ có thể có hai đức Phật ra đời một lần. Nhưng nếu một đức Như Lai mà Ngài ở đời lâu dài, vì thương mọi người, vì ích lợi cho nhiều người, vì an lạc cho chư thiên

⁶⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 3. Kinh Điền Tôn, Taiwan, 2000, trang 141~142.

và nhân loại, thời cũng có thể tăng nhiều chúng chư thiên mà giảm bớt chúng A-tu-la vậy”⁶⁸.

49. Chuyện tiền thân của Phật

Số 3. “Kinh Điển Tôn”

Sau bảy ngày, Đại Điển Tôn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, bỏ nhà mà đi. Đồng thời, bảy quốc vương, bảy cư sĩ, bảy trăm Phạm chí, bốn mươi phu nhân cũng lần lượt xuất gia. Lần hồi lên tới tám vạn bốn ngàn người, đồng thời theo Đại Điển Tôn xuất gia. Đại Điển Tôn thường cùng đại chúng dạo qua các nước, hóa độ rộng rãi, đem lại ích lợi cho nhiều người.

Bấy giờ Phạm vương bảo với thiên chúng: “Các người chớ nghĩ Đại thần Điển Tôn lúc đó là ai đâu khác. Chính là tiền thân của đức Phật Thích-ca hiện nay vậy. Thế Tôn vào lúc ấy, sau bảy ngày, xuất gia tu đạo, dẫn các đại chúng du hành các nước, hóa độ rộng rãi, làm lợi ích cho nhiều người. Nếu có nghi lời ta nói, các người hãy đến đức Thế Tôn hiện ngự tại núi Kỳ-xà-quật để hỏi. Như những gì Phật dạy, hãy gắng nhớ lấy”⁶⁹.

⁶⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 3. Kinh Điển Tôn, Taiwan, 2000, trang 142.

⁶⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 3. Kinh Điển Tôn, Taiwan, 2000, trang 153.

50. Tinh thần cứu khổ của Bồ tát Quan Âm chịu ảnh hưởng từ tư tưởng kinh Diệu Tôn

Số 3. “Kinh Diệu Tôn”

Phật đáp Ban-giá-dục: “Đại Diệu Tôn lúc đó là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Chính thân Ta đó vậy. Lúc bấy giờ, gái trai cả nước mỗi khi đi lại, cử động, có điều gì nguy khốn, họ liền cất tiếng niệm: ‘Nam mô Đại Diệu Tôn, vị Tể tướng của bảy vua. Nam mô Đại Diệu Tôn, vị Tể tướng của Bảy vua’. Niệm đến ba lần như vậy”⁷⁰.

51. Không phải là pháp cứu cánh

Số 3. “Kinh Diệu Tôn”

“Này Ban-giá-dục! Đại Diệu Tôn lúc đó tuy có oai đức lớn nhưng không thể vì đệ tử giảng nói đạo cứu cánh, không thể khiến đệ tử được cứu cánh phạm hạnh, không thể khiến đến được chỗ cứu cánh an lạc. Pháp của Đại Diệu Tôn nói ra, nếu đệ tử nào thật hành thì khi thân hoại mệnh chung chỉ được sanh lên cõi trời Phạm thiên. Người nào thật hành cạn hơn thì sanh lên cõi trời Tha hóa tự tại. Thứ nữa sanh Hóa tự tại, Đâu-suất-đà, Diêm

⁷⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 3, Kinh Diệu Tôn, Taiwan, 2000, trang 153.

ma, Đạo-lợi, Tứ thiên vương, hoặc Sát-lị, Bà-la-môn, cư sĩ tại gia. Muốn gì cũng được vừa ý”.

“Này Ban-giá-dục! Đệ tử của Đại Điền Tôn đều là kẻ xuất gia không phải ngu si. Có quả báo, có giáo giới, nhưng chưa phải là đạo cứu cánh, chẳng khiến đệ tử chứng được cứu cánh phạm hạnh, chẳng đưa đệ tử đến chỗ an ổn hoàn toàn. Chỗ cao tốt của đạo kia chỉ đến cõi trời Phạm thiên là cùng. Còn nay giáo pháp của ta dạy cho đệ tử có thể khiến họ chóng được đạo cứu cánh, được cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh an ổn và cuối cùng thì vào Niết-bàn. Pháp của ta nói, nếu đệ tử nào thật hành thì xả bỏ hữu lậu mà thành vô lậu; ngay trong đời này mà tự mình chứng ngộ tâm giải thoát, tuệ giải thoát, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Người nào thật hành cạn hơn thì đoạn được năm kết sử hạ giới và có thể nhập Niết-bàn tại thiên giới, chứ không trở lại cõi này. Thứ nữa thì đoạn ba kiết sử, dâm, nộ, si mỏng, chỉ phải một lần sanh vào cõi này nữa là sẽ nhập Niết-bàn. Và thứ nữa thì đoạn được ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn bị đọa vào ác đạo, nhiều lắm là bảy lần sanh đến cõi này nữa là chắc chắn được Niết-bàn”⁷¹.

⁷¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 3. Kinh Điền Tôn, Taiwan, 2000, trang 153~154.

52. Thọ ký (Ký biệt)

Số 4. “Kinh Xà Ni Sa”

Bấy giờ, tôn giả A-nan ngồi ở tịnh thất, thâm nghĩ: “Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Như Lai ký biệt cho nhiều người, làm lợi ích cho nhiều người. Thứ nhất, Đại thần Già-già-la mạng chung, Như Lai ghi nhận rằng, người này mạng chung, đoạn trừ năm hạ phần kết, được sanh lên trời mà diệt độ ở đó, không trở lại đời này; thứ hai, Ca-lăng-già; thứ ba, Tỳ-già-đà; thứ tư, Già-ly-du; thứ năm, Giá-lâu; thứ sáu, Bà-giá-lâu; thứ bảy, Bà-đầu-lâu; thứ tám, Tâu-bà-đầu; thứ chín, Tha-lê-xa-nậu; thứ mười, Tẩu-dạt-lê-xá-nậu; thứ mười một, Da-du; thứ mười hai, Gia-du-đa-lâu. Các đại thần này mạng chung, họ cũng được ghi nhận, đoạn trừ năm hạ phần kết, liền sinh lên trời mà diệt độ ở đó, không phải sinh ở đây”.

“Lại có năm mươi người khác nữa mạng chung, Phật cũng đều ký biệt cho, đoạn trừ ba kết, dâm, nộ, si mỏng, chứng đắc Tu-đà-hàm, một lần tái sinh đời này rồi tận diệt biên tế của khổ”.

“Lại có năm trăm người nữa mạng chung, Phật cũng ghi nhận, ba kết đã diệt tận, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không đọa ác thú, tối đa bảy lần tái sinh, chắc chắn sẽ diệt tận biên tế của khổ”.

“Có đệ tử của Phật mệnh chung ở nơi này nơi kia, Phật đều ký biệt cho, người này sanh ở chỗ này, người kia sanh ở chỗ kia”⁷².

⁷² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 4. Kinh Xà Ni Sa, Taiwan, 2000, trang 155~156.

53. Vào thời đức Phật Ấn Độ gồm 16 tiểu vương quốc

Số 4. “Kinh Xà Ni Sa”

“Nước Ương-già (Anga), nước Ma-kiệt (Magadha), nước Ca-thi (Kassi), nước Cu-tát-la (Kosala), nước Bạt-kỳ (Vajji), nước Mạt-la (Malla), nước Chi-đề (Ceti), nước Bạt-sa (Vamsa), nước Cu-lâu (Kuru), nước Ban-xà-la (Pancala), nước Phả-thấp-ba (Assaka), nước A-bàn-đề (Avanti), nước Bà-ta (Maccha), nước Tô-la-sa (Surasena), nước Càn-đa-la (Gandhara), nước Kiếm-phù-sa (Kamboja). Ở mười sáu nước này có người mạng chung Phật đều ký biệt”⁷³.

54. Niệm Phật và vấn đề thọ sanh

Số 4. “Kinh Xà Ni Sa”

Xà-ni-sa nói: “Không phải ở đâu khác mà con vốn là vua ở loài người, là ưu-bà-tắc ở trong pháp của Như Lai nhất tâm niệm Phật và mệnh chung, do đó được sanh là Thái tử của Tỳ-Sa-môn Thiên vương. Từ đó đến nay con thường soi sáng các pháp, chứng đắc Tu-đà-hoàn không còn đọa ác đạo, ở trong bảy đời tái sinh, đều có tên là Xà-ni-sa”⁷⁴.

⁷³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 4. Kinh Xà Ni Sa, Taiwan, 2000, trang 156.

⁷⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 4. Kinh Xà Ni Sa, Taiwan, 2000, trang 158.

55. Phạm âm

Số 4. “Kinh Xà Ni Sa”

‘Phạm Đồng tử sau khi nói bài kệ này, bảo chư thiên Đao-lợi rằng: Những âm thanh nào có năm thứ thanh tịnh thì được gọi là Phạm thanh. Những gì là năm? Một là, âm ấy chánh trực. Hai là âm ấy hòa nhã. Ba là, âm ấy trong suốt. Bốn là, âm ấy đầy sâu. Năm là nghe xa khắp nơi. Đủ năm âm ấy mới được gọi là Phạm âm.⁷⁵

56. Cư sĩ tại gia chỉ chứng quả vị cao nhất là A-na-hàm

Số 4. “Kinh Xà Ni Sa”

“Đệ tử của Như Lai, ưu-bà-tắc Ma-kiệt mạng chung có người chứng đắc A-na-hàm, có người chứng đắc Tu-đà-hàm, có người chứng đắc Tu-đà-hoàn, có người sinh lên trời Tha hóa tự tại, có người sinh lên trời Hóa tự tại, trời Đâu-suất, trời Diệm, trời Đao-lợi, Tứ thiên vương. Có người sinh vào gia đình lớn của Sát-ly, Bà-la-môn, cư sĩ, ngũ dục tự nhiên”⁷⁶.

⁷⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 4. Kinh Xà Ni Sa, Taiwan, 2000, trang 161.

⁷⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 4. Kinh Xà Ni Sa, Taiwan, 2000, trang 161.

57. Tứ Niệm Xứ

Số 4. “Kinh Xà Ni Sa”

Rồi Phạm Đồng tử nói với chư thiên Đao-lợi rằng: “Các người hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ ta sẽ nói cho các người nghe. Như Lai, Chí chân khéo léo phân biệt nói bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Quán nội thân trên thân, tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán ngoại thân trên thân, tinh cần không biếng nhác chuyên niệm không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy. Tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm không quên, trừ tham ưu ở đời. Sau khi quán nội thân, phát sinh trí về thân khác. Sau khi quán thọ bên trong, phát sinh trí về thọ khác. Sau khi quán ý ở bên trong phát sinh trí về ý khác. Sau khi quán pháp ở bên trong, phát sinh trí về pháp khác. Ấy là Như Lai khéo léo phân biệt thuyết bốn niệm xứ”⁷⁷.

58. Bảy giác chi

Số 4. “Kinh Xà Ni Sa”

“Lại nữa chư thiên, các người hãy lắng nghe, ta sẽ nói thêm nữa. Như Lai khéo léo phân biệt nói bảy định

⁷⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 4. Kinh Xà Ni Sa, Taiwan, 2000, trang 162~163.

cụ. Những gì là bảy? Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm. Ấy là Như Lai khéo léo phân biệt nói bảy định cụ”⁷⁸.

59. Bốn thần túc

Số 4. “Kinh Xà Ni Sa”

“Lại nữa, chư thiên, Như Lai khéo léo phân biệt nói bốn thần túc. Những gì là bốn? Một, dục định diệt hành thành tựu tu tập thần túc; hai, tinh tấn định diệt hành thành tựu tu tập thần túc; ba, ý định diệt hành thành tựu tu tập thần túc; bốn, tư duy định diệt hành thành tựu tu tập thần túc. Ấy là Như Lai khéo léo phân biệt giảng thuyết bốn thần túc”.

Lại bảo chư thiên: “Quá khứ các Sa-môn, Bà-la-môn bằng vô số phương tiện, hiện vô lượng thần túc, đều khởi lên từ bốn thần túc này. Giả sử tương lai các Sa-môn, Bà-la-môn bằng vô số phương tiện hiện vô lượng thần túc cũng từ do bốn thần túc này mà khởi lên. Hiện tại các Sa-môn, Bà-la-môn bằng vô số phương tiện hiện vô lượng thần túc cũng từ do bốn thần túc này mà khởi lên”⁷⁹.

⁷⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 4. Kinh Xà Ni Sa, Taiwan, 2000, trang 163.

⁷⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 4. Kinh Xà Ni Sa, Taiwan, 2000, trang 163.

60. Phật pháp là phương tiện, dùng phương tiện đến cứu cánh

Số 4. “Kinh Xà Ni Sa”

Bấy giờ Phạm Đồng tử nói với Tỳ-sa-môn thiên vương: “Vì sao người nói lời này: ‘Nhu Lai ra đời nói pháp như vậy, kỳ diệu thay, hy hữu thay, chưa từng có vậy’? Nhu Lai bằng năng lực phương tiện nói thiện và bất thiện, nói pháp một cách đầy đủ, nhưng là vô sở đắc. Nói pháp không tịch, nhưng là hữu sở đắc. Pháp ấy vi diệu như đề hồ”⁸⁰.

61. Thần thông

Số 4. “Kinh Xà Ni Sa”

Rồi Phạm Đồng tử bèn tự biến hóa thành ba mươi ba thân cùng với ba mươi ba vị thiên thần từng cặp cùng ngồi và bảo rằng: “Người nay có thấy năng lực thần biến của ta không?” - Đáp: “Thưa vâng đã thấy” - Phạm Đồng tử nói: “Ta cũng do tu bốn thần túc cho nên có thể biến hóa vô số như thế”. Rồi ba mươi ba vị thiên mỗi người riêng nghĩ: “Nay Phạm Đồng tử ngồi riêng với ta mà nói lời nói như vậy”. Nhưng khi một hóa thân của Phạm

⁸⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 4. Kinh Xà Ni Sa, Taiwan, 2000, trang 162.

Đồng tử kia nói thì các hóa thân khác cũng nói; một hóa thân im lặng các hóa thân khác cũng im lặng.⁸¹

62. Mục đích giáo dục của đức Phật

Số 4. “Kinh Xà Ni Sa”

Bấy giờ, Phạm Đồng tử ấy thân lại thần túc rồi ngồi trên chỗ ngồi của Đé Thích, nói với chư thiên Đạo-lợi rằng: “Ta nay sẽ nói. Các người hãy lắng nghe. Như Lai, Chí chân tự mình bằng năng lực của mình đã mở ra ba lối đi và tự mình đã đi đến Chánh giác. Những gì là ba? Hoặc có chúng sanh thân cận tham dục tập hành vi bất thiện. Người ấy về sau gặp thiện tri thức, được nghe nói pháp, thành tựu pháp và tùy pháp. Rồi thì người ấy ly dục, dứt bỏ hành vi bất thiện được tâm hoan hỷ điềm nhiên khoái lạc. Lại ở trong lạc mà phát sanh đại hỷ, như người bỏ đồ ăn thô mà ăn thức ăn có trăm vị, sau khi đã no lại còn muốn hơn nữa. Hành giả cũng vậy. Là pháp bất thiện được hoan hỷ lạc. Lại ở trong lạc mà phát sanh đại hỷ. Ấy là Như Lai tự mình bằng năng lực của mình đã mở ra lối đi thứ nhất mà thành chánh giác. Lại có chúng sanh phần nhiều hay sân hận, không dứt bỏ ác nghiệp của thân của khẩu và ý. Người ấy về sau gặp thiện tri thức, được nghe nói pháp, thành tựu pháp và tùy pháp, xa lìa ác hạnh của thân, ác hạnh của khẩu và ý, sinh tâm

⁸¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 4. Kinh Xà Ni Sa, Taiwan, 2000, trang 164.

hoan hỷ, điềm nhiên khoái lạc. Lại ở trong lạc mà sanh đại hỷ. Như người xả bỏ thức ăn thô mà ăn thức ăn trăm vị, sau khi đã no đủ rồi còn cầu cái ngon hơn nữa. Hành giả cũng vậy. Là pháp bất thiện, được hoan hỷ lạc. Lại ở trong lạc mà phát sinh đại hỷ. Ấy là Như Lai mở ra lối đi thứ hai”.

“Lại có chúng sanh ngu tối, vô trí, không biết thiện ác, không thể biết như thật về khổ, tập, diệt, đạo. Người ấy về sau gặp thiện tri thức được nghe nói pháp, thành tựu pháp và tùy pháp, biết rõ thiện và bất thiện có thể biết như thật khổ tập diệt đạo, dứt bỏ hành vi bất thiện, sinh tâm hoan hỷ, điềm nhiên khoái lạc. Lại ở trong lạc mà sinh đại hỷ. Như người xả bỏ thức ăn thô mà ăn thức ăn trăm vị, sau khi đã no đủ rồi còn cầu cái ngon hơn nữa. Hành giả cũng vậy. Là pháp bất thiện, được hoan hỷ lạc. Lại ở trong lạc mà phát sinh đại hỷ. Ấy là Như Lai mở ra lối đi thứ ba”⁸².

63. Quan điểm của Thế Tôn đối với giai cấp

Số 5. “Kinh Tiểu Duyên”

Phật nói: “Này Bà-la-môn, nay các người xuất gia tu hành ở trong giáo pháp Ta, các người Bà-la-môn khác há không hiềm trách các người?”

⁸² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 4. Kinh Xà Ni Sa, Taiwan, 2000, trang 164~165.

Hai người đáp: “Thưa có. Nhưng mong ơn lớn của Phật được xuất gia tu đạo, thật sự chúng con không khỏi bị các người Bà-la-môn hiềm trách”.

Phật dạy: “Họ lấy lẽ gì mà hiềm trách các ngươi?”

Hai người đáp: “Họ nói rằng: ‘Dòng Bà-la-môn ta tối cao bậc nhất, các dòng khác thấp hèn. Dòng ta trắng trẻo, các dòng khác đen đúa. Dòng Bà-la-môn ta xuất xứ từ Phạm thiên, từ miệng Phạm thiên sanh ra, ở ngay trong hiện tại mà được thanh tịnh giải, về sau cũng thanh tịnh. Có gì các ngươi lại bỏ dòng thanh tịnh của mình mà vào trong dị pháp của Cù-đàm kia’. Bạch Thế Tôn, thấy chúng con ở trong Phật pháp mà xuất gia tu đạo nên họ lấy lời lẽ như thế chê trách chúng con”.

Phật bảo Bà-tất-tra: “Này Bà-tất-tra, ngươi xem các người đó khác nào kẻ ngu si vô thức như cầm thú, dối trá tự xưng rằng: ‘Dòng Bà-la-môn là tối cao bậc nhất, còn ngoài ra là hèn hạ. Dòng ta trắng trẻo, các dòng khác đen đúa. Dòng Bà-la-môn ta xuất xứ từ Phạm thiên, từ miệng Phạm thiên sanh, ở ngay trong hiện tại mà được thanh tịnh giải, về sau cũng thanh tịnh’. Này Bà-tất-tra, nay trong Chánh đạo vô thượng của Ta không cần kể dòng dõi, không ý vào tâm kiêu mạn ngỗ ngã. Pháp thế tục cần thứ đó, Pháp của ta không phải vậy. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào tự thị chủng tộc, ôm lòng kiêu mạn thì ở trong giáo pháp Ta trọn không chứng đắc vô thượng. Nếu hay khước từ chủng tánh, trừ bỏ tâm kiêu mạn thì mới có thể chứng được đạo quả vô thượng trong giáo pháp Ta,

mới kham lãnh thọ được chánh pháp. Người đòi góm ghét kẻ hạ lưu, còn giáo pháp ta không thế”.

“Này Bà-tát-tra! Có bốn chủng tánh gồm cả người lành người dữ; được người trí khen, cũng bị người trí chê. Bốn chủng tánh ấy là: Sát-ly, Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la”.

“Này Bà-tát-tra! Hẳn người từng nghe trong dòng Sát-ly có kẻ sát sinh, có kẻ trộm cắp, có kẻ dâm loạn, kẻ dối trá, kẻ nói hai lưỡi, kẻ nói ác độc, có kẻ ý ngừ, có kẻ xan tham, có kẻ tật đố, có kẻ tà kiến, thì trong dòng Bà-la-môn, Cư-sĩ, Thủ-đà-la cũng có lẫn lộn đủ hạng người làm mười ác hạnh đó? Này Bà-tát-tra! Phạm làm điều bất thiện thì có quả báo bất thiện, làm điều hắc ám thì có quả báo hắc ám. Nếu rằng quả báo đó chỉ có với dòng Sát-ly, Cư-sĩ, Thủ-đà-la chứ không có với dòng Bà-la-môn, khi ấy người Bà-la-môn mới nên tự cho dòng Bà-la-môn ta là tối cao bậc nhất, còn các dòng khác thấp hèn, dòng ta trắng trẻo, các dòng khác đen đúa; dòng Bà-la-môn ta xuất hiện từ Phạm thiên, từ miệng Phạm thiên sinh ra, hiện tại thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh. Trái lại nếu rằng làm điều bất thiện thì có quả báo bất thiện, làm điều hắc ám thì có quả báo hắc ám, quả báo đó bất cứ Bà-la-môn, Sát-ly hay Thủ-đà-la đều có như nhau, thời người Bà-la-môn không thể tự xưng chỉ dòng ta là thanh tịnh tối cao bậc nhất”.

“Này Bà-tát-tra! Nếu trong dòng Sát-ly có kẻ không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không hai

lười, không ác khẩu, không ỷ ngữ, không xan tham, không tật đố, không tà kiến thời trong dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la cũng đều có hạng người tu mười điều thiện như thế. Phạm làm điều lành, tất có quả báo lành, làm điều thanh bạch tất có quả báo thanh bạch. Nếu rằng quả báo đó chỉ có với dòng Bà-la-môn mà không có với dòng Sát-ly, Cư sĩ, Thủ-đà-la khi ấy người dòng Bà-la-môn mới nên tự xưng dòng mình thanh tịnh tối cao bậc nhất. Trái lại, nếu cả bốn chủng tánh đều có quả báo đó thời người Bà-la-môn không thể tự xưng chỉ dòng ta là thanh tịnh tối cao bậc nhất”.

“Này Bà-tát tra! Nay hiện dòng Bà-la-môn có gả cưới, có sinh sản không khác người đời, thế mà lại dối xưng ta là dòng Phạm thiên, từ miệng Phạm thiên sinh ra, hiện tại được thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh”⁸³.

64. Không có giai cấp trong Tăng đoàn và bình đẳng giữa các giai cấp

Số 5. “Kinh Tiêu Duyên”

“Này Bà-tát-tra! Người nên biết hiện nay chúng đệ tử của ta, dòng dõi không đồng, xuất xứ khác nhau, xuất gia tu hành ở trong giáo pháp ta. Nếu có gặp ai hỏi: ‘Người thuộc dòng nào?’ thì nên trả lời họ: ‘Tôi là Sa-môn, con

⁸³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần II- 5. Kinh Tiêu Duyên, Taiwan, 2000, trang 170~172.

dòng họ Thích’. Hoặc có thể tự xưng: ‘Tôi dòng Bà-la-môn, tôi đích từ miệng Phật sanh ra, từ Pháp hóa sinh ra, hiện tại đượ thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh’. Tại sao thế? Vì các danh xưng Đại Phạm tức là đức hiệu Như Lai. Như Lai là con mắt của thế gian, là trí tuệ của thế gian, là pháp của thế gian, là Phạm của thế gian, là Pháp luân của thế gian, là Cam lồ của thế gian, là Pháp chủ của thế gian vậy”.

“Này Bà-tát-tra, nếu trong dòng Sát-ly có người thành tín Phật, là Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, mười hiệu đầy đủ”.

“Thành tín Pháp, tin pháp của Như Lai, là thanh tịnh vi diệu, có thể tu hành ngay hiện tại, đượ nói ra không hạn cuộc thời tiết, là pháp đưa đến Niết-bàn, duy người trí mới thấu rõ, chẳng phải kẻ phàm phu ngu si thấu rõ đượ”.

“Thành tín Tăng, tánh thiện chất trực, đạo quả thành tựu, quyền thuộc thành tựu, là đệ tử chân chính của Phật, thành tựu pháp và tùy pháp. Nói là chúng, đó là nói chúng thành tựu giới, chúng thành tựu định, chúng thành tựu tuệ, chúng giải thoát, chúng giải thoát tri kiến. Đó là chúng Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả; chúng Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả; chúng A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả; chúng A-la-hán hướng, chúng A-la-hán quả. Gồm bốn đôi tám bậc. Đó là chúng đệ tử của Như Lai, rất đáng kính, đáng tôn trọng, làm ruộng phước của thế gian; xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường người”.

“Thành tín giới là giới luật thánh hiền đầy đủ, không khuyết lậu, không tì vết, cũng không dính nợ, được người trí ngợi khen, đầy đủ đức tính tốt lành và vắng lặng thì này Bà-tát-tra, người dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la cũng có thể như thế. Thành tín Phật, tin Pháp, tin Tăng và tin thánh giới thành tựu”.

“Này Bà-tát-tra, trong dòng Sát-ly cũng có người cúng dường, cung kính, lễ bái A-la-hán. Dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la cũng đều có người cúng dường, cung kính, lễ bái A-la-hán như thế”.

“Này Bà-tát-tra, nay thân tộc ta, dòng họ Thích cũng tôn phụng vua Ba-tư-nặc, tôn thờ lễ kính. Vua Ba-tư-nặc cũng lại đến cúng dường, kính lễ ta. Vua không nghĩ rằng: ‘Vì Sa-môn Cù-đàm sinh từ dòng hào quý còn ta sinh dòng hạ tiện. Sa-môn Cù-đàm sinh trong nhà đại tài phú, đại oai đức còn ta sinh nhà hạ cùng bị lậu ty tiện. Cho nên ta phải đến cúng dường Như Lai’. Nhưng Ba-tư-nặc căn cứ trên pháp, quán sát pháp, biết rõ chân nguy, cho nên mới sanh lòng tịnh tín đến kính lễ cúng dường Như Lai”⁸⁴.

⁸⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần II - 5. Kinh Tiêu Duyên, Taiwan, 2000, trang 172~173.

65. Nguồn gốc hay quá trình hình thành 4 chủng tánh

Số 5. “Kinh Tiểu Duyên”

“Này Bà-tát-tra, nay ta sẽ vì ngươi nói rõ nhân duyên của bốn chủng tánh ấy”.

“Trời đất thủy chung, khi kiếp tận băng hoại, chúng sanh mệnh chung đều sanh lên cõi trời Quang âm. Tự nhiên hóa sanh, ăn bằng tư niệm lực, mình phát ánh sáng và có thần túc bay trong hư không”.

“Về sau, cõi đất này thay biến thành nước trùm ngập tất cả. Vào lúc ấy không có mặt trời, mặt trăng, các sao, cũng không có kể ngày đêm, năm, tháng, số tuổi. Duy có một vùng tối tăm bao la. Sau dần dần biển nước đó lại biến thành cõi đất. Các vị trời Quang âm đến lúc hết phước, mệnh chung, sinh xuống nơi này. Tuy sinh xuống đó, song vẫn ăn bằng tư niệm, còn có thần túc bay đi, thân còn tỏa sáng. Chúng sống như thế một thời gian lâu và ai cũng gọi nhau là ‘chúng sanh, chúng sanh’”.

“Về sau nữa, từ trong cõi đất này có suối ngọt chảy ra giống như đường mật. Chúng khi mới đến, thiên tánh còn khinh tháo giản dị, thấy vậy nghĩ thầm: ‘Đó là vật gì ta hãy nếm thử?’ Liền nhúng ngón tay vào suối để nếm thử, nếm tới ba lần, cảm thấy ngon, chúng mới lấy tay bụm ăn không chút e ngại, và cứ mê say ăn như thế chẳng biết nhàm. Các chúng sanh khác nhìn thấy bắt chước làm

theo, ném đến ba lần, cảm thấy ngon rồi cũng tiếp tục ăn mãi, do đó, thân họ trở nên thô kệch, da thịt cứng rắn, mắt cả màu sắc đẹp đẽ nhà trời, thần túc không còn, phải đi trên đất, ánh sáng nơi thân cũng mất, cả trời đất tối tăm”.

“Này Bà-tát-tra, nên biết pháp thường của trời đất, sau thời gian tối tăm thì có thiên tượng: mặt trời, trăng, sao xuất hiện ở không trung, rồi từ đó bắt đầu có ngày đêm, tối sáng, năm tháng, số tuổi. Chúng sanh lúc này chỉ sống nhờ ăn vị đất mà sống lâu trong thế gian. Người nào ham ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc còn tươi nhuận, do đó mới bắt đầu có sự tốt xấu, đoan chính. Người đoan chính thì sinh tâm kiêu mạn khinh người xấu xí. Người xấu xí thì sinh tâm tật đố ghét người đoan chính. Chúng sanh do đó thù nghịch với nhau”.

“Bấy giờ suối ngọt tự nhiên cạn khô. Về sau, cỗi đất tự nhiên lại sanh ra chất béo của đất_ có đủ mùi vị thơm tho ăn được. Chúng sanh lại lấy đất ấy mà ăn, sống lâu trong thế gian. Người nào ham ăn nhiều thì nhan sắc mau xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc còn tươi nhuận; người đẹp đẽ sanh tâm kiêu mạn khinh người xấu xí, người xấu xí sinh tâm tật đố ghét người đẹp đẽ. Chúng sanh vì thế cùng nhau tranh tụng mãi. Rồi thì, chất béo của đất không còn sinh như trước. Về sau, đất này lại sinh thứ chất béo của đất dày mà thô, tuy cũng thơm ngon ăn được nhưng không bằng trước. Chúng sanh bấy giờ lại

lấy đất này ăn mà sống lâu ở thế gian. Người ham ăn nhiều thì nhan sắc mau xấu, người ăn ít thì nhan sắc còn tươi nhuận. Người đoan chính, kẻ xấu xí cứ thị phi nhau rồi sinh điều tranh tụng mãi. Từ đó chất đất tốt không sinh lại nữa. Về sau, đất này lại sinh ra thứ lúa tự nhiên không có trấu, sắc vị đầy đủ, thơm tho ăn được, chúng sanh lại lấy lúa gạo ăn, sống lâu ở thế gian; con trai con gái nhìn nhau, dần dần móng tâm tình dục, mới tìm gần gũi nhau. Nhưng chúng sanh khác thấy thế nói: ‘Người làm quấy, người làm quấy’, và kẻ làm quấy bị tẩn xuất khỏi nhóm người, sau ba tháng mới cho trở lại”.

“Này Bà-tát-tra, những điều trước kia người ta cho là quấy thì bây giờ người ta cho là phải. Rồi chúng sanh kia tập quen với phi pháp, mặc tình buông thả theo tình dục, không kể gì thời tiết. Rồi vì sự hổ thẹn mới tạo lập phòng xá và từ đó thế gian khởi đầu có phòng xá. Đùa quen với điều quấy, dâm dục ngày càng tăng lên, mới có bào thai sanh ra từ bất tịnh, và thế gian mới bắt đầu có bào thai vậy”.

“Chúng sanh lúc ấy ăn loại lúa gạo tự nhiên; lấy xong nó lại sinh ra, vô cùng vô tận. Sau trong chúng sanh đó có kẻ lười nhác thâm nghĩ rằng: ‘Cứ sáng ăn sáng lấy, chiều ăn chiều lấy thì nhọc nhằn. Chi bằng lấy luôn cất đủ ăn một ngày’. Nó liền lấy cất để ăn đủ một ngày. Sau đó có bạn gọi nó đi lấy lúa, nó đáp: ‘Tôi đã lấy đủ để ăn một ngày rồi. Bạn muốn lấy thì cứ tùy ý’. Người ấy bèn suy nghĩ: ‘Anh này khôn ngoan, chứa lương thực trước.

Ta nay cũng muốn tích trữ lương thực đủ cho ba ngày’. Nó bèn trữ lương thực dư cho ba ngày. Khi có chúng sanh khác đến rủ đi lấy gạo, nó đáp: ‘Ta đã cất trước đủ ăn ba ngày rồi. Người muốn lấy cứ tự ý đi mà lấy mấy tùy ý’. Người đó lại nghĩ rằng: ‘Gã kia khôn ngoan, đã biết cất lương thực trước đủ ăn ba ngày. Vậy ta hãy bắt chước nó, cất đủ năm ngày’. Nó đi lấy cất ăn đủ năm ngày”.

“Chúng sanh sau khi cạnh tranh nhau tích trữ, thóc lúa trở nên hoang dại, bắt đầu có vỏ trấu. Cất rồi không tự nhiên sinh lại như trước nữa. Chúng sanh thấy thế trong lòng không vui, mới có sự ưu lo suy nghĩ: ‘Ta lúc đầu mới sinh ra, chỉ sống bằng tư niệm, thân ta có ánh sáng và thần túc bay đi. Sau đó đất này tuôn ra sỏi ngọt, chảy ra giống như đường mật thơm ngon ăn được. Chúng ta cùng ăn, tiếp tục ăn mãi. Ai ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người ăn ít thì sắc còn tươi nhuận. Do thức ăn này mà nhan sắc chúng ta trở nên khác nhau. Chúng ta do vậy ai nấy ôm lòng thị phi, ganh ghét lẫn nhau. Bây giờ sỏi ngọt tự nhiên cạn khô. Về sau, cỗi đất tự nhiên lại sanh ra chất béo của đất có mùi vị thơm tho ăn được. Chúng ta lại lấy đất ấy mà ăn. Ai ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người ăn ít thì sắc còn tươi nhuận. Chúng ta do vậy ai nấy ôm lòng thị phi, ganh ghét lẫn nhau. Rồi thì, chất béo của đất không còn sinh như trước mà lại sinh thứ chất thô kịch, tuy cũng thơm ngon ăn được. Chúng ta lại lấy mà ăn. Ai ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người ăn ít thì sắc

còn tươi vui. Chúng sanh do vậy ai nấy ôm lòng thị phi, ganh ghét lẫn nhau. Rồi thì, chất béo của đất không còn sinh như trước, mà lại sinh ra thứ lúa tự nhiên không có trấu. Chúng ta lại lấy mà ăn để sống lâu ở đời. Rồi những kẻ biếng nhác tranh nhau tích trữ, nên lúa gạo trở nên hoang dại, bắt đầu có vỏ trấu, cắt rồi không sanh lại. Bây giờ phải làm sao đây?’

“Rồi chúng bảo nhau: ‘Chúng ta hãy phân chia đất và cấy mốt’. Chúng chia đất và cấy mốt”.

“Này Bà-tát-tra, do nhân duyên ấy mới phát sinh danh từ ruộng đất”.

“Bấy giờ chúng sanh đó chia cắt ruộng đất, ai lập bờ cõi nấy, nên dần dần sinh ra tâm lén lút cắp trộm thóc lúa của nhau. Những chúng sanh khác trông thấy bảo: ‘Người làm quấy, người làm quấy. Người đã có ruộng đất mà còn lấy trộm của người ta. Từ nay về sau không được làm thế nữa’. Nhưng chúng sanh kia vẫn lấy cắp mãi. Các chúng sanh khác lại đã quở trách, nhưng nó không thôi, bèn lấy tay đánh và tố cáo với mọi người rằng: ‘Người này đã có ruộng lúa mà còn lấy trộm của người khác’. Gã này lại bảo: ‘Người này đánh tôi’. Mọi người thấy hai bên cãi nhau mãi thì ưu sầu không vui, nói nhau một cách áo nã: ‘Chúng sanh đi dần đến chỗ ác nên thế gian mới có xảy ra sự bất thiện đó. Điều xấu ác, bất tịnh đó chính là nguyên nhân của sanh, già, đau, chết và phiền não khổ báo trong ba đường ác. Bởi có ruộng

đất riêng nên mới sinh kiện cáo, vậy tốt hơn chúng ta nên lập lên một người làm chủ để xử trị. Hễ ai đáng bảo hộ thì bảo hộ, ai đáng khiển trách thì khiển trách. Mỗi người chúng ta đều giảm phần gạo để cung cấp cho người ấy để lo xét xử kiện cáo’. Họ mới lựa trong đám tôn lên một người có hình vóc to lớn, nhan mạo đoan chánh, có oai đức, và bảo rằng: ‘Người này hãy vì bọn ta mà lên làm ông chủ bình đẳng. Hễ thấy ai đáng bảo hộ thì bảo hộ, ai đáng khiển trách thì khiển trách, ai đáng đuổi thì đuổi. Bọn ta sẽ góp gạo cung cấp cho’”.

“Người kia nhận lời lên làm chủ, trông coi xử đoán kiện cáo. Mọi người cùng góp gạo cung cấp”.

“Người kia thường lấy lời hay đẹp ủy lạo mọi người và mọi người đều hoan hỷ tôn xưng rằng: ‘Lành thay Đại vương! Lành thay Đại vương!’ Từ đó thế gian mới bắt đầu có danh từ Vua. Lấy chánh pháp trị dân nên gọi là Sát-ly, và thế gian bắt đầu có tên ‘Sát-ly’”.

“Thời gian sau trong chúng độc nhất có một người suy nghĩ như vậy: ‘Nhà là đại hoạn, nhà là gai độc, ta thà bỏ nhà đi ở riêng trên rừng núi để nhàn tịnh tu hành thì hơn’. Người ấy liền bỏ nhà vào rừng, trầm lặng tư duy, đến giờ ăn thì mang bình bát vào làng khát thực. Mọi người trông thấy đều vui vẻ cúng dường, tán thán: ‘Lành thay, người này có thể bỏ nhà lên núi ở, trầm lặng tu đạo, xa lìa mọi điều xấu ác’. Từ đó, trong thế gian mới bắt đầu có tên Bà-la-môn”.

“Nhưng trong đám Bà-la-môn có kẻ không ưa ở chỗ nhàn tịnh tọa thiền tư duy, mà chỉ ưa vào nhân gian chuyên nghề tụng đọc và tự nói: ‘Ta là người không tọa thiền’. Người đời nhân đó gọi là ‘Bất thiền Bà-la-môn’ và cũng vì hay đi vào nhân gian nên lại có tên là ‘Nhân gian Bà-la-môn’. Bắt đầu từ đó trong thế gian có dòng Bà-la-môn hiện ra”.

“Lại trong đám chúng sanh kia, có người ưa kinh doanh sự nghiệp, chắt chứa tài bảo, nhân đó người ta kêu hạng này là hạng cư sĩ. Trong đám chúng sanh kia có người có nhiều cơ xảo kiến tạo, nên thế gian mới có thêm một hạng nữa gọi là thủ-đà-la công xảo”.

“Này Bà-tát-tra! Nay thế gian có đủ tên bốn chúng tánh và thêm hạng thứ năm là chúng Sa-môn. Như thế là vì có khi trong chúng Sát-ly có người tự thấy nhàm chán pháp của mình bèn cắt bỏ râu tóc, mặc pháp y tu đạo. Do đó, tên Sa-môn bắt đầu có từ đó. Trong chúng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la có khi có người tự thấy nhàm chán pháp của mình bèn cắt bỏ râu tóc, mặc pháp y tu đạo. Do đó, tên Sa-môn bắt đầu có từ đó”.

“Này Bà-tát-tra! người dòng Sát-ly mà thân làm bất thiện, miệng nói bất thiện, ý nghĩ bất thiện, khi thân hoại mạng chung phải thọ ác báo. Dòng người Bà-la-môn, dòng Cư sĩ, dòng Thủ-đà-la mà thân làm bất thiện. Miệng nói bất thiện, ý nghĩ bất thiện, khi thân hoại mệnh chung họ cũng phải thọ ác báo như thế”.

“Này Bà-tát-tra! Nếu người dòng Sát-ly mà thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành, khi thân hoại mệnh chung được hưởng thiện báo thì người dòng Bà-la-môn, dòng Cư-sĩ, dòng Thủ-đà-la mà thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành, khi thân hoại mệnh chung cũng được hưởng thiện báo như thế”.

“Này Bà-tát-tra! Nếu người dòng Sát-ly mà làm cả hai điều thiện ác về nơi thân, miệng, ý khi thân hoại mệnh chung phải gặt lấy quả báo vừa khổ vừa vui thì người dòng Bà-la-môn, dòng Cư sĩ, dòng Thủ đà la mà làm cả hai điều thiện ác về nơi thân, miệng, ý đến khi thân hoại mệnh chung cũng phải thọ lấy quả báo vừa khổ vừa vui như thế”.

“Này Bà-tát-tra! Trong dòng Sát-ly có kẻ cắt tóc cạo râu, mặc y tu đạo, tu bảy pháp giác ý, không bao lâu là được thành đạo. Vì sao? Con nhà tộc tánh ấy mặc pháp y xuất gia, tu các phạm hạnh cao thượng thì chính ngay trong hiện tại tự thân tác chứng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh. Trong dòng Bà-la-môn, dòng Cư sĩ, dòng Thủ-đà-la mà có kẻ cắt bỏ râu tóc, mặc pháp y tu đạo, tu bảy pháp giác ý, không lâu cũng sẽ được thành đạo như thế. Vì sao? Con nhà tộc tánh ấy xuất gia, mặc pháp y, tu các phạm hạnh vô thượng, chính ngay trong hiện tại tự thân tác chứng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh”.

“Này Bà-tất-tra! Cả bốn chủng tánh đó đều có thể xuất sinh bậc La-hán thành tựu viên mãn trí minh và đức hạnh, là bậc đứng nhất ở trong năm chủng tánh ấy”⁸⁵.

66. Lấy Chánh pháp trị thế của các vua

Số 6. “Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành”

“Vào thời quá khứ xa xưa, có vị vua tên là Kiên Cố Niệm, là vua Quán đảnh dòng Sát-ly, làm Chuyển luân Thánh vương, thống lãnh cả bốn châu thiên hạ. Bảy giờ nhà Vua là vị tỵ tại, cai trị bằng chánh pháp, là người tối thắng trong loài người. Vua có đủ bảy thứ báu: bánh xe vàng báu, voi trắng báu, ngựa xanh báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu. Và có một nghìn người con hùng dũng, đủ sức dẹp địch. Vua không cần dùng binh mà thiên hạ tỵ thái bình”.

“Vua Kiên Cố Niệm trị vì đã lâu ngày, một hôm bánh xe vàng báu ở không trung bỗng tự nhiên rời khỏi chỗ cũ. Người coi bánh xe gấp đến tâu vua: ‘Tâu Đại vương, nên biết, bánh xe báu nay rời khỏi chỗ cũ’. Sau khi nghe thế, vua Kiên Cố Niệm nghĩ: ‘Ta từng nghe các bậc tiền túc kỳ cựu nói: ‘Nếu bánh xe báu rời khỏi chỗ cũ thì thọ mệnh của Chuyển luân vương không còn được lâu’. Ta nay đã thụ hưởng phước lạc ở cõi người nên tìm phương

⁸⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần II- 5. Kinh Tiêu Duyên, Taiwan, 2000, trang 173~179.

tiện để thọ hưởng phước lạc thiên thượng. Ta hãy lập Thái tử lên thống lãnh bốn châu thiên hạ và phong riêng một ấp cho người hớt tóc để khiến cắt bỏ râu tóc, rồi ta mặc pháp y, xuất gia tu đạo”.

“Rồi vua Kiên Cố Niệm sai gọi Thái tử và bảo: ‘Khanh biết không? Ta từng nghe các bậc tiền túc kỳ cựu nói, nếu bánh xe báu rời khỏi chỗ cũ thì thọ mệnh của Chuyển luân vương không còn được lâu. Ta nay đã thụ hưởng phước lạc ở cõi người, nên tìm phương tiện để thọ hưởng phước lạc trên Trời. Nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia tu đạo. Ta đem bốn châu thiên hạ ủy thác cho người. Người hãy gắng sức, thương yêu dân chúng’. Sau khi Thái tử lãnh mạng. Vua Kiên Cố Niệm liền cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia tu đạo”.

“Vua xuất gia được bảy ngày thì bánh xe vàng báu bỗng nhiên không hiện ra nữa. Người coi bánh xe đến tâu vua: ‘Đại vương nên biết, nay bánh xe vàng báu bỗng nhiên biến mất. Vua không vui bèn tìm đến chỗ vua Kiên Cố Niệm. Sau khi đến, bạch rằng: ‘Phụ vương nên biết, nay bánh xe vàng báu bỗng nhiên không hiện ra nữa’. Vua Kiên Cố Niệm trả lời con: ‘Người chớ lo lắng cho là điều không vui. Bánh xe vàng báu đó không phải là của cha người sản xuất ra. Người chỉ cần gắng thi hành chánh pháp thánh vương, rồi đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước hương, lên ngồi tại chánh pháp điện, có thể nữ bao quanh, tức thì có thần bảo bánh xe vàng báu tự nhiên

hiện đến. Bánh xe có nghìn cãm, màu sắc đầy đủ, là tác phẩm của thợ nhà trời chứ không phải của loài người”.

“Thái tử tâu phụ vương: ‘Phụ vương, chánh pháp của Chuyển luân Thánh vương là thế nào? Phải làm như thế nào?’. Vua bảo con: ‘Hãy nương trên pháp, an lập trên pháp, thành tựu nơi pháp; cung kính, tôn trọng, quán sát pháp; lấy pháp làm đầu, thủ hộ chánh pháp. Lại nữa, hãy răn dạy các thế nữ bằng pháp. Lại nữa, hãy chăm sóc dạy dỗ các vương tử, đại thần, các quan liêu, trăm quan và thứ dân bằng pháp. Hãy hộ trì, chăm sóc các Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến cầm thú’. Rồi vua lại bảo con: ‘Lại nữa, trong cõi nước người, nếu có các Sa-môn, Bà-la-môn tu hành thanh tịnh, công đức đầy đủ, chuyên cần tinh tấn, xa lìa kiêu mạn, nhẫn nhục nhân ái, một mình ở chỗ nhàn tịnh tu tập, một mình yên nghỉ, một mình đạt đến Niết-bàn; tự mình diệt trừ tham dục, dạy người khác diệt trừ tham dục; tự diệt trừ sân nhuế, dạy người khác diệt trừ sân nhuế; tự diệt trừ ngu si, dạy người khác diệt trừ ngu si; ở trong chỗ ô nhiễm họ không ô nhiễm, trong chỗ tội ác họ không tội ác, trong chỗ ngu si họ không ngu si, chỗ có thể đấm trước họ không đấm trước, chỗ đáng trụ họ không trụ, chỗ đáng ở họ không ở; thân hành chất trực, miệng nói lời chất trực, ý nghĩ chất trực; thân hành thanh tịnh, miệng nói thanh tịnh, ý nghĩ thanh tịnh, chánh niệm thanh tịnh, nhân huệ, không hề chán; biết đủ trong sự ăn mặc và cầm bát đi khát thực để gây phước lành cho chúng sanh. Nếu có những người như thế, người hãy thường nên tìm đến, tùy lúc hỏi han: phạm những điều tu

hành, sao là thiện, sao là ác, sao gọi là phạm, sao gọi không phạm, cái nào đáng thân, cái nào không đáng thân, việc gì đáng làm, việc gì không đáng làm và thi hành pháp gì để được an lạc lâu dài? Người hỏi xong rồi lấy ý mình quán xét thấy việc nên làm thì gắng làm, việc nên bỏ thì gắng bỏ. Trong nước nếu có kẻ mồ côi già cả hãy nên chắt chiu. Người nghèo cùng yếu kém đến xin, cần thận chớ trái nghịch. Trong nước có luật pháp cũ, người chớ thay đổi. Đó là những pháp mà Chuyển luân Thánh vương tu hành, người hãy phụng hành”.

Phật nói với các Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo, khi Chuyển luân Thánh vương nghe lời phụ vương dạy xong thì như lời dạy mà tu hành. Đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước hương, lên ngôi tại bảo điện, có thể nữ bao quanh, tự nhiên có bánh xe báu hiện ra trước mặt, vành xe có ngàn tấm sáng chói, do thợ trời làm chớ không phải đời có được. Bánh xe toàn bằng chân kim, đường kính bánh xe một trượng tư. Khi ấy, Chuyển luân Thánh vương thâm nghĩ: ‘Ta từng nghe các bậc tiên túc kỳ cựu nói: ‘Nếu vua Quán đánh dòng Sát-lỵ đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước hương, lên ngôi tại bảo điện, có thể nữ bao quanh, thời tự nhiên có bánh xe vàng hiện đến trước mặt, bánh xe có nghìn căm, ánh sáng rực rỡ, là tác phẩm của thợ nhà trời chứ không phải do con người làm, được làm thành bằng vàng thiệt, đường kính trượng tư, khi đó được gọi là Chuyển luân Thánh vương’. Nay có bánh xe báu ấy hiện đến há không là đây chăng? Ta hãy thử coi bánh xe đó thế nào?’”

“Khi ấy, vua Chuyên luân liền triệu bốn thứ binh, hướng về phía bánh xe vàng, trích áo bày vai phải, đầu gối phải quỳ sát đất, rồi lấy tay mặt vỗ lên bánh xe và nói: ‘Người hãy theo đúng phép mà vận chuyển về phương Đông, chớ trái lệ thường’. Bánh xe liền chuyển về phương Đông. Vua bèn dẫn bốn thứ quân binh đi theo bánh xe vàng, trước bánh xe vàng có bốn vị thần dẫn đường. Đến chỗ bánh xe vàng ngừng thì vua cũng dừng xe. Bấy giờ, các tiểu quốc phương Đông thấy đại vương đến, họ đem bát vàng đựng lúa bạc, bát bạc đựng lúa vàng đến trước vua, cúi đầu tâu rằng: “Đại vương đến, thật lành thay! Nay phương Đông này đất ruộng phì nhiêu, nhân dân sung túc, tánh khí nhân hòa, từ hiếu trung thuận. Cúi mong Thánh vương lấy chánh pháp trị hóa chốn này, chúng tôi xin cung cấp hầu hạ, phục vụ mọi việc cần dùng’. Vua chuyên luân nói với các tiểu vương: ‘Thôi thôi chừ hiền! Thế là các người đã cứng dường ta rồi đó. Các người hãy nên lấy chánh pháp mà trị dân, chớ làm cho thiên lệch, không để cho quốc nội có hành vi phi pháp. Như vậy tức là ta trị hóa đó’. Các tiểu vương vâng lệnh. Họ liền theo vua đi tuần khắp nước, đến tận mé biển Đông mới trở về”.

“Vua lần lượt đi về phương Nam, rồi phương Tây, phương Bắc. Hễ bánh xe vàng đến ở đâu thì các quốc vương đều đến cống hiến như các tiểu quốc phương Đông vậy”.

“Bấy giờ, vua Chuyên luân, sau khi đã theo bánh xe vàng đi khắp bốn biển, đem chánh đạo khai hóa, an ủi

dân chúng xong, trở về nước thì bánh xe vàng dừng lại trên không trung ngay cửa cung điện. Vua Chuyển luân vui mừng phấn khởi nói: ‘Bánh xe vàng báu này thật là điềm tốt của ta. Nay ta chính thật là Chuyển luân Thánh vương’”.

“Đó là sự thành tựu bánh xe vàng báu”.

“Vua ấy trị đời một thời gian lâu, rồi bánh xe vàng báu giữa hư không lại bỗng nhiên rời chỗ cũ. Người coi bánh xe gặp đến tâu vua: ‘Đại vương nên biết, nay bánh xe báu đã rời chỗ’. Vua nghe xong liền tự mình suy nghĩ: ‘Ta từng nghe nơi các bậc tiên túc kỳ cựu rằng, nếu bánh xe báu rời chỗ, Chuyển luân Thánh vương sống chẳng còn bao lâu nữa. Ta nay đã hưởng thọ phước lạc của loài người, cũng nên tìm phương tiện thọ phước lạc trên trời. Ta hãy lập Thái tử thống lãnh bốn thiên hạ, phong riêng một ấp cho người hớt tóc và ra lệnh cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo’”.

“Rồi vua sai gọi Thái tử và bảo: ‘Khanh biết không? Ta từng nghe các bậc tiên túc kỳ cựu nói, nếu bánh xe báu rời khỏi chỗ cũ thì thọ mệnh của Chuyển luân vương không còn được lâu. Ta nay đã thụ hưởng phước lạc ở cõi người, nên tìm phương tiện để thọ hưởng phước lạc thiên thượng. Nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia tu đạo. Ta đem bốn châu thiên hạ ủy thác cho người. Người hãy gắng sức, thương yêu dân chúng’. Sau khi Thái tử lãnh mạng, vua liền cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia tu đạo”.

“Vua xuất gia được bảy ngày thì bánh xe vàng bỗng nhiên không hiện. Người coi bánh xe đến báo tin vua: ‘Tâu Đại vương, bánh xe báu nay bỗng nhiên biến mất’. Vua nghe xong chẳng cho đó là điều đáng lo, cũng chẳng chịu đến hỏi ý phụ vương”.

“Rồi vua cha bỗng nhiên băng hà. Kể từ đây về trước có sáu vua Chuyển luân, cứ đắp đổi trao ngôi và lấy chánh pháp trị dân, duy một ông vua sau này tự chuyên trị nước, không theo pháp cũ, chánh trị bất công khiến thiên hạ oán thán, quốc độ kém sút, nhân dân điêu linh. Thấy vậy có một đại thần dòng Bà-la-môn đến tâu vua: ‘Nay quốc độ sút kém, nhân dân điêu linh, không được như trước. Hiện nay, trong nước vua có nhiều vị trí thức, thông minh bác đạt, rõ thấu cổ kim, biết đủ pháp chánh trị của tiên vương, sao ngài không vời lại để hỏi những điều họ biết, hỏi chắc họ đáp’. Vua liền vời quần thần đến hỏi cái đạo trị chánh của Tiên vương, các vị trí thức đáp đủ mọi việc. Vua nghe xong bèn thi hành theo pháp cũ, lấy chánh pháp cứu hộ nhân dân nhưng vẫn không thể chặn tể những kẻ cô lão, cấp thí cho người hạ cùng, nhân dân trong nước vẫn bị đưa dần tới chỗ nghèo khổ, xâm đoạt lẫn nhau mà thành có nạn đạo tặc hoành hành. Mỗi khi có ai bị rình bắt được đem đến vua, tâu rằng: ‘Người này làm giặc, xin vua trị nó’. Vua hỏi: ‘Có thật người là giặc không?’ Người ấy đáp: ‘Thật. Vì tôi nghèo cùng đói khát, không tự sống nổi nên phải làm giặc’. Vua liền xuất kho, lấy của cấp cho và dặn: ‘Người đem của này về

cung cấp cha mẹ, giúp đỡ bà con, từ nay chớ làm giặc nữa nghe”.

“Các người khác thấy vậy đôn: ‘Có kẻ làm giặc được vua cấp cho tài bảo’, nên họ cũng bắt chước làm theo. Họ lại bị rình bắt được đem đến vua, tâu rằng: ‘Người này làm giặc, xin vua trị nó’. Vua lại hỏi: ‘Có thật người là giặc không?’ Người kia đáp: ‘Dạ thật. Vì tôi nghèo cùng đói khát không tự sống nổi, nên phải làm giặc’. Vua lại xuất kho lấy của cấp cho và bảo: ‘Người đem của này về cung cấp cha mẹ, giúp đỡ bà con, từ nay chớ làm giặc nữa nghe”.

“Lại những người khác nghe nói có kẻ làm giặc được vua cấp cho tài bảo nên họ bắt chước rủ nhau làm theo và lại bị rình bắt đem đến vua, tâu: ‘Người này làm giặc, xin vua trị nó’. Vua lại hỏi: ‘Có thật người làm giặc không?’ Người kia đáp: ‘Dạ thật. Vì tôi nghèo cùng đói khát, không tự sống nổi nên phải làm giặc’. Lần này vua nghĩ: ‘Trước có người làm giặc, ta thấy nghèo đói cấp cho tài vật, dặn thôi đừng làm. Người khác nghe thế lại bắt chước làm. Nạn đạo tặc nhân đó tràn lan mãi. Thôi bây giờ tốt hơn ta phải hạ lệnh bắt trói người này dắt đi các ngõ đường, sau đưa ra ngoài thành đến chỗ trống trải mà hành hình để răn người sau’. Vua liền sắc tả hữu bắt trói lại rồi đánh trống xướng lệnh đưa đi khắp ngõ đường. Xong rồi đem tới một nơi trống trải ở ngoài thành mà hành hình. Mọi người khác thấy vậy truyền nhau: ‘Nếu chúng ta làm giặc, cũng phải bị xử như thế chẳng khác

gì’. Từ đây quốc dân, để tự phòng hộ, mới tạo ra những binh trượng, gươm đao, cung tên tàn hại nhau, tấn công, cướp giết lẫn nhau.

“Kể từ vua này mới bắt đầu có sự nghèo cùng. Nhân có nghèo cùng mới có đao tặc. Nhân có đao tặc mới có đao trượng. Nhân có đao trượng mới có sát hại. Nhân có sát hại nên nhan sắc con người mới tiêu tụy, thọ mệnh ngắn ngủi. Họ sống từ bốn vạn tuổi, sau lần xuống còn hai vạn tuổi. Trong số đó có người sống lâu; có người chết yểu; có người khô; có người sưng. Những người khô thì sinh tâm tà dâm, tham thủ, bày đủ phương tiện để mưu đoạt của nhau nên tai nạn nghèo cùng, trộm cướp, đao trượng, sát hại càng ngày càng nhiều, làm cho mạng người lại giảm dần xuống chỉ sống một vạn tuổi”.

“Trong thời gian người sống một vạn tuổi, vẫn lại trộm cướp lẫn nhau. Mỗi khi bị rình bắt đem đến vua, tâu rằng: ‘Người này làm giặc, xin vua trị nó’. Vua hỏi: ‘Có thật người làm giặc không?’ Người kia đáp: ‘Tôi không làm’. Và ở giữa đám đông nó cố ý nói dối. Như vậy chúng sanh lúc đó vì nghèo cùng nên trộm cướp. Vì trộm cướp nên có đao binh. Vì đao binh nên có giết hại. Vì giết hại nên có tham thủ tà dâm. Vì tham thủ tà dâm nên có nói dối. Vì có nói dối, do đó tuổi thọ lại giảm lần, chỉ còn sống được một ngàn tuổi”.

“Trong thời gian sống một ngàn tuổi, bắt đầu người ta tạo bốn ác hạnh về miệng trên đời là nói dối, nói hai

lười, nói độc ác và nói thêu dệt. Ba ác nghiệp đó tăng dần lên thì tuổi thọ con người giảm bớt xuống, chỉ còn sống được năm trăm tuổi”.

“Trong thời gian sống năm trăm tuổi, người ta lại tạo thêm ba nết ác khác là dâm dục phi pháp, tham lam phi pháp và tà kiến. Ba ác nghiệp này tăng dần lên thì tuổi thọ con người giảm bớt xuống, chỉ còn sống đến ba trăm rồi hai trăm tuổi và nay, nhân loại trong thời ta chỉ còn sống được một trăm tuổi. Số tuổi thọ được tăng thì ít mà giảm thì nhiều. Hễ cứ làm ác mãi thì tuổi thọ cứ như thế giảm xuống mãi cho đến khi nhân loại chỉ còn sống mười tuổi”.

“Trong thời gian nhân loại sống mười tuổi này, con gái vừa sinh ra năm tháng đã gả chồng. Ở vào thời ấy, những vị ngon ngọt như dầu mỡ, đường mật không còn nghe tên. Đậu, mè, lúa, nếp biến thành cỏ rác. Những thứ danh phục, lụa là, gấm vóc, vải trắng, kiếp-ba, lụa tơ, lãnh nhiều như bây giờ không thấy mặc, mà phải bện lông gai xô xảm lấy làm áo mặc thượng hạng. Bây giờ, toàn cõi đất này mọc đầy gai góc, sanh đầy mòng muỗi, ruồi lằng, chấy rận, rắn rết, ong, bò cạp, trùng độc. Vàng bạc, lưu ly, trân châu, danh bảo đều lặn hết xuống đất, chỉ còn ngói đá, sạn sỏi thì nổi cả lên trên. Nhân loại lúc đó tuyệt nhiên không còn nghe đến tên thập thiện mà chỉ có thập ác đầy đầy thế gian. Nhằm lúc cái tên thiện pháp còn không nghe thấy, nhân loại không biết đâu để tu tập hạnh lành. Do đó, hễ người nào làm điều cực ác, bất hiếu

với cha mẹ, bất kính với sư trưởng, bất trung bất nghĩa, phản nghịch vô đạo thì được dân chúng tôn sùng như hiện nay người ta tôn sùng kẻ làm điều lành, hiếu dưỡng cha mẹ, kính thuận sư trưởng, trung tín tiết nghĩa, thuận đạo tu nhân vậy”.

“Nhân loại thời ấy phần nhiều tạo mười điều ác nên sa vào nẻo ác nhiều, hễ vừa trông thấy nhau là họ muốn bắn giết nhau như kẻ thợ săn trông thấy bầy nai”.

“Cối đất lúc ấy đầy dẫy hồ hêm, khe suối, hang hóc; đất rộng người thưa, đi lại ghê sợ. Nhằm lúc ấy thì có nạn đao binh nổi lên. Cọng cỏ nhánh cây cầm trong tay cũng đều biến thành qua mâu, giết hại nhau trong vòng bảy ngày. Khi ấy, những kẻ có trí tìm lánh vào rừng sâu, nương ở hang hóc, trong bảy ngày lòng quá sợ hãi mà phát lời từ thiện rằng: ‘Người không hại ta, ta không hại người’. Họ nhờ ăn cỏ cây mà sống còn. Qua khỏi bảy ngày họ từ núi đi ra, hễ gặp người sống sót vừa thấy nhau đã mừng rỡ nói: ‘Người không chết ư? Người không chết ư?’ Giống như cha mẹ chỉ có con một, xa cách lâu ngày, nay gặp lại mừng không xiết kể. Họ đem lòng mừng rỡ chúc hỏi nhau như thế xong, sau mới thăm hỏi đến nhà thì hay rằng thân thuộc nhà họ đã chết đi nhiều, nên họ lại buồn khóc, than van, kêu ca với nhau trong suốt bảy ngày tiếp”.

“Hết bảy ngày buồn khóc, tiếp đến bảy ngày họ cùng nhau chúc mừng, hoan lạc và tự nghĩ: ‘Vì chúng ta chứa ác quá nhiều nên gặp phải tai nạn, khiến thân tộc chết

chóc, gia quyến mất tiêu. Vậy nay ta nên chung nhau tu tập điều lành, nhưng hãy tu điều lành gì? Ta nên đừng sát sinh”.

“Bấy giờ nhân loại lại phát từ tâm, không tàn hại nhau, nhờ đó nhân loại được tăng dần sắc lực và thọ mệnh từ mười tuổi nay sống lên hai mươi tuổi. Trong lúc sống hai mươi tuổi lại suy nghĩ: ‘Chúng ta nhờ tu chút ít hạnh lành không tàn hại nhau mà thọ mệnh tăng lên hai mươi tuổi. Có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Trước đã không sát sinh rồi, giờ ta nên đừng trộm cắp’. Và do tu điều không trộm cắp mà thọ mệnh tăng lên bốn mươi tuổi. Trong lúc sống bốn mươi tuổi, lại suy nghĩ: ‘Chúng ta nhờ tu chút ít lành mà thọ mệnh tăng lên, nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên tu điều không tà dâm’. Từ đó, mọi người đều không tà dâm, và thọ mệnh tăng lên tám mươi tuổi. Trong lúc sống tám mươi tuổi, lại suy nghĩ: ‘Chúng ta nhờ tu chút ít lành mà thọ mệnh tăng lên, nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không nói dối’. Từ đó, mọi người thấy đều không nói dối và thọ mạng tăng lên đến một trăm sáu mươi tuổi. Trong lúc sống một trăm sáu mươi tuổi lại suy nghĩ: ‘Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không nói hai lưỡi’. Từ đó mọi người đều không nói hai lưỡi và thọ mạng tăng lên ba trăm hai mươi tuổi. Trong lúc sống ba

trăm hai mươi tuổi, lại suy nghĩ: ‘Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không ác khẩu’. Từ đó, mọi người không ác khẩu và thọ mạng tăng lên sáu trăm bốn mươi tuổi. Trong lúc sống sáu trăm bốn mươi tuổi, lại suy nghĩ: ‘Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không nói thêu dệt’. Từ đó mọi người không nói thêu dệt và thọ mạng tăng lên đến hai nghìn tuổi. Trong lúc sống hai nghìn tuổi, lại suy nghĩ: ‘Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không xan tham’. Từ đó, mọi người không xan tham và thọ mạng tăng lên đến năm nghìn tuổi. Trong lúc sống năm nghìn tuổi, lại suy nghĩ: ‘Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không tật đố, từ tâm tu thiện’. Từ đó mọi người không tật đố, từ tâm tu thiện và thọ mạng tăng lên đến một vạn tuổi. Trong lúc sống một vạn tuổi, lại suy nghĩ: ‘Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên tu chánh kiến, không sanh điên đảo’. Từ đó, mọi người tu chánh kiến, không sanh điên đảo và thọ mạng tăng lên đến hai vạn tuổi. Trong lúc sống hai vạn tuổi, lại suy nghĩ: ‘Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà

thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ sư trưởng’. Từ đó mọi người đều hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ sư trưởng và thọ mạng tăng lên đến tám vạn tuổi”⁸⁶.

67. Đức Phật Di Lặc ra đời

Số 5. “Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành”

Trong lúc nhân loại sống tám vạn tuổi, con gái đến năm trăm tuổi mới gả chồng và có chín thứ bệnh là: lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, tham dục, ham ăn và già nua. Cõi đất lúc ấy bằng phẳng không có rạch hẻm, gò nông gai góc, cũng không mòng muối, rắn rết, trùng độc. Ngói, đá, cát, gạch thì biến thành lưu ly. Nhân dân sung túc, ngũ cốc rẻ thường, giàu vui không xiết tả. Có tám vạn thành lớn được dựng lên, thôn thành san sát gần nhau, gà gáy cùng nghe được.

“Vào thời kỳ ấy thì có đức Phật ra đời hiệu là Di-lặc Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác mười hiệu đầy đủ, như đức Thích-ca Như Lai ngày nay không khác. Đức Di-lặc kia tự mình tu chứng ngay ở giữa hàng chư thiên, Đế Thích, Ma, Thiên Ma, Sa-môn, Bà-la-môn và nhân

⁸⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 6. Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành, Taiwan, 2000, trang 182~190.

gian mà tự thân tác chứng, cũng như ta ngày nay ở ngay giữa hàng chư thiên, Đế Thích, Ma hoặc Thiên Ma, Sa-môn, Bà-la-môn và nhân gian mà tự mình tác chứng vậy”.

“Đức Di-lặc sẽ thuyết pháp, khoảng đầu, giữa và cuối đều trọn lành, đầy đủ nghĩa vị, tịnh tu phạm hạnh như ngày nay Ta thuyết pháp, khoảng đầu, giữa, cuối đều chân chánh, nghĩa vị đầy đủ, phạm hạnh thanh tịnh vậy”.

“Đức Di-lặc có chúng đệ tử vô số ngàn vạn như Ta ngày nay có đệ tử vài trăm. Nhân dân lúc ấy gọi đệ tử ngài là Từ tử như gọi đệ tử ta nay là Thích tử”.

“Lúc ấy, có vua tên là Tương-già, là vua Sát-ly Chuyển luân Thánh vương quán đảnh, cai trị bốn châu thiên hạ. Vua lấy chánh pháp trị dân, ai nấy đều mến phục. Vua có đủ bảy thứ báu là bánh xe vàng, voi trắng, ngựa xanh, thần châu, ngọc nữ, cư sĩ, chủ binh và ngàn người con đồng mãnh hùng nghị, đủ sức dẹp ngoại địch, được bốn phương kính thuận, không cần binh đao mà thiên hạ thái bình”.

“Vua thiết lập một Đại bảo tràng vòng vây mười tám, cao một ngàn tám, được trang nghiêm với ngàn sắc lẫn lộn. Bảo tràng có một trăm góc; mỗi góc có trăm nhánh, dẹt bằng chỉ báu, có các châu bảo xen lẫn. Sau khi lập bảo tràng để cúng thí hàng Sa-môn, Bà-la-môn và người nghèo trong nước xong, vua cắt bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, tập hạnh vô thượng, ngay trong pháp hiện tại mà tự thân tác chứng, sanh tử dứt hết, phạm hạnh

thành tựu, việc làm hoàn mãn, không còn phải chịu thân sau nữa”⁸⁷.

68. Thọ mạng lâu dài

Số 6. “Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành”

Phật dạy: “Này các Tỳ-kheo! Các ngươi hãy siêng tu các thiện hạnh. Nhờ tu thiện hạnh mà thọ mệnh lâu dài, nhan sắc thêm tươi, an ổn khoái lạc, tài bảo phong nhiêu, oai lực đầy đủ, giống như các vua thuận làm theo cựu pháp của Chuyển luân Thánh vương thời thọ mệnh lâu dài, nhan sắc thêm tươi, an ổn khoái lạc, tài bảo phong nhiêu, oai lực đầy đủ. Tỳ-kheo cũng vậy, nên tu thiện pháp, thọ mạng lâu dài, nhan sắc thêm tươi, an ổn khoái lạc, tài bảo phong phú, oai lực đầy đủ”.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo được thọ mệnh lâu dài? Tỳ-kheo tu tập dục định, tinh cần không giải đãi, do thành tựu diệt hành mà tu thần thông. Tu tập tinh tấn định, ý định, tư duy định, tinh cần không giải đãi, do thành tựu diệt hành mà tu thần thông. Như thế là Tỳ-kheo thọ mệnh lâu dài”⁸⁸.

⁸⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 6. Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành, Taiwan, 2000, trang 190~191.

⁸⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 6. Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành, Taiwan, 2000, trang 192.

69. Thế nào gọi là sắc diện Tỳ kheo vui tươi?

Số 6. “Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành”

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo được nhan sắc thêm tươi? Ở đây, Tỳ-kheo có giới cụ túc, thành tựu oai nghi, thấy có tội nhỏ đã sanh lòng sợ lớn, học tập đầy đủ trong các học giới, hoàn toàn không thiếu sót. Như thế là Tỳ-kheo nhan sắc thêm tươi”⁸⁹.

70. Thế nào gọi là sắc diện Tỳ kheo an ổn khoái lạc?

Số 6. “Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành”

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo được an ổn khoái lạc? Ở đây, Tỳ-kheo đoạn trừ dâm dục, xả bỏ pháp bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly, chứng đệ nhất thiên. Trừ diệt giác và quán, nội đẳng tịnh, tâm chuyên nhất, không giác không quán, có hỷ lạc phát sanh do định, chứng đệ nhị thiên. Lìa hỷ, an trú xả, chuyên tâm không tán loạn, tự mình biết rõ cảm giác lạc nơi thân, an trú nơi điều mà Hiền Thánh nói là xả-niệm-lạc, chứng đệ tam thiên. Dứt khổ dứt lạc, ưu và hỷ đã loại trừ

⁸⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 6. Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành, Taiwan, 2000, trang 192.

từ trước, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh, chứng đệ tứ thiên. Như thế là Tỳ-kheo an ổn, khoái lạc”⁹⁰.

71. Thế nào gọi là sắc diện Tỳ kheo phong nhiêu (giàu có)?

Số 6. “Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành”

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo được tài bảo phong nhiêu? Ở đây, Tỳ-kheo lo tu tập từ tâm khắp một phương, rồi đến các phương khác cũng vậy, bao trùm, rộng lớn, bình đẳng vô lượng; trừ mọi oán kết, tâm không tật đố, tịch mặc từ nhu. Bi tâm, hỷ tâm, xả tâm cũng như thế. Như thế là Tỳ-kheo được tài bảo phong nhiêu”⁹¹.

72. Thế nào gọi là sắc diện Tỳ kheo đầy đủ oai lực?

Số 6. “Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành”

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo được oai lực đầy đủ? Ở đây, Tỳ-kheo hiểu biết một cách như thật về khổ đế, tập đế,

⁹⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 6. Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành, Taiwan, 2000, trang 192.

⁹¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 6. Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành, Taiwan, 2000, trang 193.

diệt đế, đạo đế. Như thế là Tỳ-kheo được oai lực đầy đủ. Nay các Tỳ-kheo! Nay Ta xem khắp những người có sức lực không ai hơn ma lực nhưng Tỳ-kheo đã đoạn trừ hết hoặc lậu thì lại thắng được chúng ma đó”⁹².

73. Đồng nữ A-la-hán

Số 7. “Kinh Tệ Tú” (Kumāra-kassapa). Từ này nên dịch là đồng tử đúng hơn là đồng nữ, vì từ Kumāra, không phai là Kumāri. Câu chuyện này vốn được ghi trong Trưởng lão Tăng kệ “Tiểu Bộ” 3, trang 177~178)

“Tôi nghe nói Đồng nữ Ca-diếp cùng năm trăm Tỳ-kheo từ nước Câu-tát-la đến nghỉ tại rừng Thi-xá-bà. Lại nghe đồn người ấy có tiếng tăm lớn, đã chứng La-hán, kỳ cụu trưởng túc, đa văn quảng bác, thông minh duệ trí, biện tài ứng cơ, giỏi cách nghị luận. Những người kia họp thành đoàn nói nhau là đoàn muốn đến gặp Ca-diếp đây”⁹³.

⁹² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 6. Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành, Taiwan, 2000, trang 193.

⁹³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 7. Kinh Tệ Tú, Taiwan, 2000, trang 196.

74. Sự tranh luận giữa Phật giáo và các ngoại đạo về thuyết có đời sau hay không

Số 7. “Kinh Tệ Tú”

(Chủ trương của Tệ Tú)

“Người hãy mau tới nói mấy người ấy, bảo hãy dừng lại, chờ ta cùng đi đến gặp với. Vì sao? Vì người kia ngu si, nhầm lẫn, lừa dối thế gian, nói có thế giới khác, có hóa sinh, có quả báo thiện ác. Song kỳ thật không có thế giới khác, không có hóa sinh, không có quả báo thiện ác”⁹⁴.

Tệ-tú nói: “Luận thuyết của tôi là không có thế giới khác, không có hóa sinh, không có quả báo tội phước. Luận thuyết của ngài thế nào?”

Ca-diếp đáp: “Nay tôi hỏi ông. Ông hãy trả lời theo ý nghĩ của mình. Hiện mặt trời mặt trăng ở trên kia thuộc về thế giới này hay thế giới khác? Thuộc về trời hay về người?”

Bà-la-môn đáp: “Mặt trời mặt trăng là thuộc về thế giới khác chứ không phải thế giới này, thuộc về trời chứ không phải người.”

Ca-diếp nói: “Như vậy có thể biết tất phải có thế giới khác, phải có hóa sinh, phải có quả báo thiện ác.”

⁹⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 7. Kinh Tệ Tú, Taiwan, 2000, trang 196.

Bà-la-môn nói: “Tuy ngài nói có thế giới khác, có hóa sinh, có quả báo thiện ác, nhưng theo ý tôi thì không tất cả”.

Ca-diếp hỏi: “Có nhân duyên gì để biết không có thế giới khác, không có hóa sinh, không có quả báo thiện ác?”

“Có nhân duyên”.

“Nhân duyên gì để nói biết không có thế giới khác, không có hóa sinh, không có quả báo thiện ác?”

Bà-la-môn nói: “Này Ca-diếp, nguyên tôi có người bà con quen biết mắc phải bệnh ngặt, tôi đến nói hỏi rằng: ‘Các Sa-môn, Bà-la-môn thường chấp theo dị kiến, cho rằng những người sát sinh, trộm cắp, tà dâm, hai lưỡi, nói dối, nói thêu dệt, xan tham, tật đố, tà kiến, sau khi chết đều bị đọa địa ngục. Nhưng tôi không tin vì tôi chưa hề thấy người nào chết rồi trở lại nói cho biết chỗ họ đọa vào. Nếu có người trở lại nói cho biết chỗ họ đọa vào thì tôi tin ngay. Nay anh là chỗ thân thuộc của tôi. Anh đã tạo đủ mười điều ác. Nếu quả như lời Sa-môn nói thì anh chết chắc phải sa vào địa ngục. Nay tôi tin ở anh, tùy theo anh để quyết định. Nếu xét có cảnh địa ngục thật, anh hãy trở lại nói cho tôi biết. Sau đó tôi sẽ tin’. Nhưng này Ca-diếp, từ khi người ấy chết đến nay biệt mất không hề trở lại. Người ấy là người thân của tôi không lẽ dối tôi, hứa rồi không trở lại. Do đó tôi biết chắc không có thế giới khác”.

Ca-diếp trả lời: “Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Tôi sẽ dẫn ví dụ để giải bày. Ví như một tên đao tặc, thường ôm lòng gian trá, vi phạm phép cấm nhà vua, bị rình bắt đem đến vua và tâu: ‘Người này là giặc cướp, xin vua trị nó’. Vua liền hạ lệnh tả hữu bắt trói kẻ kia bêu rếu khắp các ngõ đường, rồi chở ra khỏi thành, giao cho đao phủ xử hình. Khi tả hữu mang tên cướp đó giao cho đao phủ, tên giặc cướp ấy dùng lời mềm mỏng xin với thị vệ rằng: ‘Xin ông thả cho tôi về thăm bà con xóm làng để nói vài lời từ biệt, xong tôi trở lại’. Nay Bà-la-môn, ông nghĩ sao, thị vệ kia có chịu thả không?”

Đáp: “Không”.

Ca-diếp nói: “Họ là người cùng loại, ở cùng một đời hiện tại, còn không chịu thả huống gì bà con ông tạo đủ mười điều ác, chết tất đọa địa ngục. Ngục quỷ không có từ tâm, lại không cùng một loại, thế giới chết sống khác nhau. Khi đó bà con ông nếu lấy lời ngon ngọt xin quỷ ngục rằng: ‘Người hãy tạm tha ta, để ta trở lại nhân gian thăm bà con, từ biệt vài lời xong ta sẽ trở lại’. Người ấy có được thả không?”

Đáp: “Không”.

Ca-diếp nói: “Cứ so sánh theo đó đủ biết. Tại sao người còn giữ chặt chỗ mê lầm, sinh điều tà kiến như thế?”

Tệ-tú nói: “Tuy ngài dẫn dụ bảo có thế giới khác, nhưng tôi vẫn cho là không có”.

Ca-diếp hỏi: “Ông còn duyên có gì khác để biết không có thể giới khác?”

“Có duyên có khác để biết không có thể giới khác”.

“Duyên có gì?”

“Này Ca-diếp, nguyên tôi có người bà con mắc phải bệnh nặng, tôi đến nói với nó rằng: ‘Các Sa-môn, Bà-la-môn, chấp theo dị kiến bảo có thể giới khác. Rằng ai không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không hai lưỡi, không nói dữ, không vọng ngữ, không nói thêu dệt, không tham lam, không tật đố, không tà kiến thì khi chết được sinh lên cõi trời. Tôi trước kia không tin điều đó, vì từ trước tôi chưa từng thấy người nào chết rồi trở lại nói cho biết chỗ họ đã sinh tới. Nếu có ai trở lại nói cho biết chỗ họ sinh đến thì tôi tin ngay. Nay anh là chỗ bà con tôi, anh đã tạo đủ mười điều lành. Nếu quả như lời Sa-môn, Bà-la-môn nói thì anh chết rồi sẽ được sanh lên cõi trời. Bây giờ tôi tin anh để quyết định. Vậy nếu xét thật có quả báo cõi trời, anh phải nhớ trở lại nói cho tôi biết để tôi tin’. Nhưng này Ca-diếp, từ ngày anh ta chết đến nay không hề trở lại. Anh ta là người thân của tôi, không thể dối tôi, hứa rồi không trở lại. Nên chắc không có thể giới khác”.

Ca-diếp nói: “Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Ta sẽ dẫn ví dụ nguoi rõ. Ví như có người bị rớt xuống hầm xí, đầu mình chìm ngum. May được vua cho người vớt lên. Lấy tre làm lược, cạo trên thân người ấy ba lần,

rồi lấy nước tháo đậu, tro sạch rửa lần. Sau lại lấy nước thơm tắm gội, lấy các thứ bột hương xoa khắp mình và bảo thợ cạo sạch râu tóc cho. Lại cho người tắm gội thêm ba lần như thế, lấy nước thơm rửa, lấy bột hương xoa mình và lấy áo tốt mặc cho, làm đẹp thân thể người ấy. Tiếp đến, người ta đem thức ngon vị ngọt cho ăn rồi đưa đến ở ngôi nhà cao đẹp cho hưởng thú ngũ dục. Ngày Tết-tú, về sau người kia có muốn rút xuống hầm xí nữa không?”

“Không. Chỗ dơ thối đó còn trở lại làm gì”.

“Chư thiên cũng thế. Họ cho cõi Diêm-phù này là nơi tanh hôi bất tịnh. Họ ở cách trên xa hàng trăm do-tuần còn nghe mùi hôi của nhân gian xông lên không khác hầm xí. Như vậy, này Bà-la-môn, bà con của ông đầy đủ thập thiện, tất nhiên sanh thiên, hưởng thú ngũ dục, khoái lạc vô cùng, phỏng có chịu trở lại cõi Diêm-phù hầm xí này không?”

Đáp: “Không”.

“Cứ so sánh theo đó đủ biết, tại sao ông còn giữ chặt mê lầm, sinh điều tà kiến thế!”

Bà-la-môn nói: “Tuy ngài dẫn dụ nói có thể giới khác, song tôi vẫn cho là không có”.

Ca-diếp hỏi: “Ông còn duyên có gì khác để biết không có thể giới khác?”

“Có duyên có khác”.

“Duyên có gì?”

“Này Ca-diếp, nguyên tôi có người bà con mắc bệnh trầm trọng, tôi đến nói rằng: ‘Các Sa-môn, Bà-la-môn, chấp theo dị kiến, bảo có đời sau. Rằng người nào không sát, không trộm cắp, không tà dâm, không dối, không uống rượu thì khi chết được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Nhưng tôi không tin vì tôi chưa từng thấy có ai chết rồi trở lại nói cho biết chỗ họ đã sanh tới. Nếu có ai trở lại cho biết thì tôi tin ngay. Nay anh là bà con tôi, anh tu đủ ngũ giới, chết rồi chắc được sinh lên cõi Đao-lợi. Giờ tôi chỉ còn tin anh để quyết định. Vậy nếu quả có cõi thiên phước, anh hãy trở lại nói cho tôi biết để tôi tin’. Nhưng này Ca-diếp, từ ngày anh ta chết đến nay không hề trở lại. Anh ta là bà con tôi, không lẽ dối tôi, hứa rồi không lại? Nên chắc không có đời sau”.

Ca-diếp đáp: “Ồ cõi này một trăm năm chỉ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Đao-lợi. Cõi Đao-lợi cũng lấy ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, mà người ở cõi trời kia lại sống lâu một ngàn năm như thế. Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Khi người bà con ông giữ gìn đủ ngũ giới, chết được sinh lên cõi trời Đao-lợi thì nghĩ rằng: ‘Ta đã được sinh lên đây, ta hãy vui chơi trong hai, ba ngày, sau trở lại báo tin cho bà con ta hay’. Như thế chùng có gặp được không?”

“Không. Khi ấy tôi đã chết mất lâu rồi, làm sao gặp được. Nhưng tôi không tin; ai đã nói với ngài cõi trời Đao-lợi có sự sống lâu như thế?”

“Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Ta sẽ dẫn ví dụ người rõ. Ví như có người sinh ra đã bị đui, không hiểu năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, thô, tế, dài, ngắn; cũng không thấy mặt trời, mặt trăng, sao, gò nong, ngòi, rãnh gì gì cả. Nếu có ai hỏi nó xanh, vàng, đỏ, trắng như thế nào thì nó trả lời ngay: ‘Không có năm màu sắc’. Cũng vậy, nếu hỏi đến thô, tế, dài, vắn, mặt trời, mặt trăng, sao, gò, nong, ngòi, rãnh thì nó cũng trả lời không có. Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào, người mù trả lời như thế có đúng không?”

“Không đúng. Vì sao? Thế gian hiện có năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, thô, tế, dài, vắn mà người mù bảo không”.

“Này Bà-la-môn, ông cũng như thế. Sự sống lâu của trời Đao-lợi có thật, không hư dối; chỉ vì người không thấy nên người mới nói không có thôi”.

Bà-la-môn nói: “Tuy ngài nói có nhưng tôi vẫn không tin”.

Ca-diếp hỏi: “Ông còn có duyên cớ gì mà cho là không có đời sau?”

“Này Ca-diếp, nguyên người trong phong ấp của tôi có kẻ ăn cướp bị rình bắt được đem đến tôi và nói: ‘Người này là giặc cướp, xin ông trị nó’. Tôi liền bảo trói người ấy lại bỏ vào trong một cái vạc, đập nắp trét kín với một lớp bùn dày, không để cho cái gì tiết ra được, rồi lấy lửa vây đốt. Lúc đó tôi cố tìm thử thần thức người ấy

thoát ra chỗ nào, nên khiến kẻ thị tùng bao quanh cái vạc nhìn kỹ, song không ai thấy chỗ thần thức chui ra ở đâu. Sau tôi lại bỏ cái vạc ra tìm cũng chẳng thấy chỗ nào là chỗ thần thức qua lại. Vì duyên có đó nên tôi biết chắc không có thế giới khác”.

Ca-diếp nói: “Nay tôi hỏi ông, nếu trả lời được thì tùy ý mà trả lời.

“Này Bà-la-môn, khi ông nằm ngủ trên lầu cao, có lúc nào ông ngủ mộng thấy núi, rừng, sông, hói, vườn quán, ao hồ, quốc ấp, đường xá không?”

Đáp: “Có mộng thấy”. “Này Bà-la-môn, lúc ông đang nằm mộng, quyền thuộc trong nhà có hầu quanh ông không?”

Đáp: “Có hầu”.

“Quyền thuộc của ông khi đó có thấy thần thức ông đi ra đi vào không?”

“Không thấy”.

“Ông hiện còn sống mà thần thức ra vào còn không thấy được, huống nơi người chết. Người không thể chỉ dựa vào việc trước mắt mà quán sát chúng sanh”.

“Này Bà-la-môn, có những vị Tỳ-kheo từ đầu đêm chí cuối đêm không ngủ, tinh cần chuyên niệm đạo phẩm, lấy sức tam-muội mà tịnh tu thiên nhãn. Rồi bằng năng lực thiên nhãn mà quán thấy chúng sanh chết chỗ

này sinh chỗ kia, chết chỗ kia sinh chỗ này, sống lâu hay chết yếu, nhan sắc tốt hay xấu, tùy hành vi mà thọ báo ở cảnh giới tốt hay xấu đều thấy biết hết. Ông không nên vì lẽ con mắt thịt ướm trước không nhìn thấy suốt chỗ thú hướng của chúng sanh mà vội cho là không có. Nay Bà-la-môn, do đó có thể biết chắc chắn có thể giới khác”.

Bà-la-môn nói: “Tuy Ngài dẫn dụ nói có thể giới khác, nhưng theo chỗ tôi biết thì hẳn không có”.

Ca-diếp hỏi: “Ông còn có duyên cớ gì cho là không có thể giới khác?”

Đáp: “Có”.

“Duyên cớ gì?”

Bà-la-môn nói: “Nguyên người ở thôn tôi, có kẻ làm giặc cướp, bị rình bắt được đem đến tôi và nói: ‘Người này làm giặc cướp, xin ông trị nó’. Tôi liền sai tả hữu bắt trói người ấy lại, để sống vậy mà lột da tìm thần thức. Nhưng không trông thấy gì cả. Lại sai tả hữu cắt thịt ra tìm thần thức, cũng chẳng thấy. Lại sai xẻ xương, gân, vạch ra tìm cũng chẳng thấy. Lại sai đập xương tìm trong tủy, cũng chẳng thấy. Nay Ca-diếp, vì cớ đó, tôi biết chắc không có thể giới khác”.

Ca-diếp nói: “Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà được rõ. Để tôi dẫn chuyện này cho ông rõ. Vào thời quá khứ xa xưa, có một quốc độ bị điêu tàn hoang phế chưa hồi phục. Bấy giờ có đoàn lái buôn gồm năm trăm cỗ xe đi

ngang qua quốc độ này, gặp một người Phạm chí thờ phụng thần Lửa thường nghỉ tại một khu rừng. Các người lái buôn mới đến xin ngủ trọ. Sáng ngày, sau khi bọn lái buôn đi, ông Phạm chí thầm nghĩ: ‘Ta hãy đến chỗ mấy người lái buôn ngủ khi đêm xem thử họ có bỏ sót gì chăng?’ Ông liền đến xem thì không thấy gì trừ một đứa con nít mới sanh độ một năm, đang ngồi một mình. Ông Phạm chí nghĩ: ‘Ta đâu có thể nhẫn tâm thấy đứa nhỏ này chết trước mặt mình. Ta có nên mang đứa nhỏ này về chỗ mình để nuôi chăng?’ Ông liền bồng về chỗ mình ở mà nuôi. Đứa trẻ mỗi ngày mỗi lớn, được mười tuổi hơn. Lúc đó ông Phạm chí có chút việc muốn đi vào nhân gian, mới dặn đứa nhỏ: ‘Ta có chút việc, tạm đi khỏi ít hôm. Người khéo giữ gìn ngọn lửa này chớ để tắt. Nếu lửa có tắt thì hãy lấy hai thanh củi cọ lại với nhau mà lấy lửa đốt lên’. Dặn xong, Phạm chí ra đi. Sau khi ông đi, đứa nhỏ ham chơi, không chịu coi lửa cho thường, để lửa tắt. Đứa nhỏ hết chơi trở về thấy lửa đã tắt, áo nào than thầm: ‘Ta làm hỏng rồi! Cha ta khi đi có dặn bảo ta phải trông coi ngọn lửa này đừng để tắt. Nay ta ham chơi, để cho lửa tắt. Phải làm gì đây?’ Nó liền thôi tro tìm lửa, chẳng thấy lửa đâu. Lại lấy búa chẻ củi ra tìm, cũng chẳng thấy. Lại chặt củi thành khúc bỏ vào cối giã để tìm, cũng chẳng thấy. Sau đó Phạm chí từ ngoài trở về, đến khu rừng mà ông trú ngụ, hỏi đứa nhỏ: ‘Trước khi đi ta đã dặn người coi lửa. Lửa có tắt không?’ Đứa nhỏ đáp: ‘Vừa rồi con chạy ra ngoài chơi, không coi lửa thường, nên lửa đã tắt’. Phạm chí lại hỏi: ‘Người làm cách nào để

lấy lửa lại?’ Đứa nhỏ đáp: ‘Lửa phát ra từ củi. Con lấy búa bửa củi ra tìm mà chẳng thấy. Lại chặt nhỏ bỏ trong cối giã để tìm, cũng chẳng thấy’. Ông Phạm chí liền lấy hai thanh củi cọ nhau, bỗng phát ra lửa. Ông chặt củi lên đốt và bảo đứa nhỏ: ‘Muốn tìm lửa phải làm đúng cách này. Không nên chẻ củi, giã nát củi ra mà tìm’”.

“Này Bà-la-môn, ông cũng giống như thế. Chẳng có phương pháp nào đi lột da người chết ra mà tìm thần thức. Ông không thể dựa vào việc hiện trước mắt mà xem xét chúng sanh”.

“Này Bà-la-môn, có những vị Tỳ-kheo từ đầu đêm chí cuối đêm không ngủ, tinh cần chuyên niệm đạo phẩm, lấy sức tam-muội mà tịnh tu thiên nhãn. Rồi bằng năng lực thiên nhãn mà quán thấy chúng sanh chết chỗ này sinh chỗ kia, chết chỗ kia sinh chỗ này, sống lâu hay chết yếu, nhan sắc tốt hay xấu, tùy hành vi mà thọ báo ở cảnh giới tốt hay xấu đều thấy biết hết. Ông không nên vì lẽ con mắt thịt ướm trước không nhìn thấy suốt chỗ thú hướng của chúng sanh mà vội cho là không có”.

“Này Bà-la-môn, do đó có thể biết tất phải có thế giới khác vậy”.

Tỳ-tú nói: “Tuy ngài dẫn dụ nói có thế giới khác song theo chỗ tôi biết thì hẳn không có”.

Ca-diếp hỏi: “Ông còn có duyên cớ gì cho là không có thế giới khác?”

“Có”.

“Duyên có gì?”

Bà-la-môn nói: “Ồ phong ập của tôi, có kẻ làm giặc cướp, bị rình bắt được, đem đến tôi và nói: ‘Người này làm giặc, xin ông trị nó’. Tôi liền sai tả hữu đem người ấy ra cân. Người hầu vâng mạng, đem nó đi cân. Tôi lại bảo người hầu: ‘Người mang người này đi giết từ từ, êm thấm, không làm hao tổn lấy một chút da thịt’. Người hầu vâng lệnh giết mà không để chút hao hụt. Tôi sai tả hữu đem xác người ấy cân lại. Nó lại nặng hơn trước”.

“Này Ca-diếp, thân người ấy khi sống thân thức đang còn, nhan sắc tốt tươi, còn nói năng được mà đem cân thì nhẹ. Đến khi chết, thân thức đã mất, nhan sắc không còn tươi tốt, không nói năng được mà đem cân thì lại thấy nặng. Vì có đó nên tôi biết không có đời sau”.

Ca-diếp nói: “Tôi nay hỏi ông. Tùy ý trả lời”.

“Ví như người cân sắt. Khi sắt còn nguội đem cân thì nặng. Sau đốt đỏ đem cân lại nhẹ. Tại sao khi sắt nóng, mềm, có màu đỏ sáng mà nhẹ, khi sắt nguội, cứng, không màu đỏ sáng mà lại nặng?”

Bà-la-môn nói: “Sắt nóng có màu đỏ và mềm, nên nhẹ; sắt nguội không màu đỏ mà cứng, nên nặng”.

Ca-diếp nói: “Con người cũng thế. Khi sống có nhan sắc, mềm mại mà nhẹ. Khi chết không nhan sắc, cứng đờ mà nặng. Do đây mà biết tất có thế giới khác”.

Tệ-tú nói: “Tuy ngài dẫn dụ nói có thể giới khác nhưng theo tôi biết thì không có thể giới khác”.

Ca-diếp hỏi: “Ông còn có duyên cớ gì mà cho là không có thể giới khác?”

“Có. Nguyên tôi có người bà con mắc bệnh nặng. Tôi đến thăm, bảo người đỡ nằm nghiêng tay mặt. Người ấy liếc ngó, co duỗi, nói năng như thường. Tôi lại bảo đỡ nằm nghiêng tay trái, người ấy cũng còn liếc ngó, co duỗi, nói năng như thường. Rồi nó chết. Tôi lại bảo đỡ xác người ấy nằm nghiêng tay mặt, tay trái, lật sấp, lật ngửa, xem kỹ thì không thấy người ấy co duỗi, liếc ngó, nói năng chi cả. Do đó tôi biết chắc không có thể giới khác”.

Ca-diếp nói: “Người trí nhờ thí dụ mà được rõ. Ta sẽ dẫn ví dụ cho ông rõ”.

“Xưa, có một quốc độ không ai từng nghe tiếng tù và. Hôm nọ, có người thổi tù và giới đến nước đó, đi vào trong một thôn nọ, cầm tù và thổi ba tiếng rồi bỏ xuống đất. Khi ấy, trai gái trong thôn nghe tiếng lạ kinh động, rủ nhau đến hỏi: ‘Thứ tiếng gì mà trong trẻo hòa dịu như thế?’ Người chủ chỉ vào tù và mà nói: ‘Tiếng của cái đó’. Người trong thôn liền lấy tay vỗ vào tù và, nói: ‘Người kêu lên, người kêu lên’. Nhưng tù và bật không kêu. Người chủ lại cầm tù và lên thổi thêm ba tiếng rồi bỏ xuống đất. Người trong thôn nói: ‘Cái thứ tiếng hay ho ta nghe khi nãy chẳng phải do sức tù và làm, mà cần có tay,

có miệng, có hơi thổi, nó mới kêu’. Con người cũng thế, phải có thọ mạng, có thần thức và hơi thở mới co duỗi, liếc ngó, nói năng được. Không thọ, không thức, không hơi thở thì không thể co duỗi, liếc ngó, nói năng được”.

Ca-diếp lại khuyên: “Ông nên từ bỏ cái ác tà kiến đó. Chớ giữ nó suốt đời, chỉ có thêm khổ não”.

Bà-la-môn nói: “Tôi không thể bỏ được. Vì sao? Tôi từ sinh ra đến giờ đã tụng đọc, luyện tập kiên cố. Đâu có bỏ được”.

Ca-diếp nói: “Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Tôi nay sẽ dẫn ví dụ thêm cho ông rõ”.

“Thuở xa xưa, có một quốc độ mà suốt biên cương nhân dân điêu tàn. Trong nước có hai người, một anh trí và một anh ngu bảo nhau: ‘Tôi là bạn anh. Chúng ta hãy cùng nhau ra ngoài thành bứt lúa mọc hoang về làm của. Rồi họ cùng đi. Khi đến một xóm hoang, thấy có cây gai mọc đầy đất, người trí bảo người ngu chung nhau lấy đem về, mỗi người mỗi gánh. Sau đi ngang xóm trước, họ thấy có đám chỉ gai. Người trí nói: ‘Chỉ gai này đã làm thành, nhỏ và mịn, đáng lấy hơn’. Người kia nói: ‘Tôi đã lấy cây gai bó buộc chặt chẽ rồi, không thể bỏ được’. Người trí một mình lấy một gánh nặng chỉ gai đem về. Họ cùng nhau đi, bỗng lại gặp có đám vải gai. Người trí nói: ‘Vải gai này đã làm thành, nhẹ và mịn đáng lấy hơn’. Người kia nói: ‘Tôi đã lấy cây gai đó buộc chặt chẽ rồi, nay không bỏ được’. Người trí liền bỏ gánh

chỉ gai mà lấy vải gai làm một gánh nặng. Họ lại cùng nhau đi tới. Bỗng lại gặp đồng bông gòn. Người trí nói: ‘Bông gòn có giá, nhẹ và mịn, đáng lấy hơn’. Người kia nói: ‘Tôi đã lấy cây gai, bó buộc chắc chắn, gánh đi đã xa đường rồi nay không bỏ được’. Người trí một mình bỏ vải gai mà lấy bông gòn gánh đi. Lần nữa, họ gặp chỉ bông, gặp vải bông, rồi gặp đồng trắng, rồi gặp bạc, gặp vàng. Người trí nói: ‘Nếu không vàng ta hãy lấy bạc, không bạc ta hãy lấy đồng, hay ta hãy lấy chỉ gai, nếu không chỉ gai ta mới lấy cây gai, nhưng nay tại thôn này có nhiều vàng, là thứ quý hơn các bảo vật khác, người nên bỏ cây gai, ta sẽ bỏ bạc để chung nhau lấy vàng, mỗi người gánh lấy gánh nặng đem về’. Nhưng người kia nói: ‘Tôi đã lấy cây gai bó buộc chắc chắn gánh đi đã xa, nay không thể bỏ được. Người muốn lấy vàng thì lấy, tùy ý’. Người trí liền bỏ bạc mà lấy vàng, gánh một gánh nặng đem về. Đến nhà, bà con người trí vừa thấy bóng anh ta gánh nhiều vàng thì hoan hỷ nghinh đón. Người trí thấy được bà con nghinh đón lại càng vui mừng hơn. Người ngu gánh cây gai về, bà con trông thấy không chút vui mừng, không thèm nghinh đón. Người ngu gánh gai cũng càng thêm buồn và hổ thẹn”.

“Này Bà-la-môn, ông nên rời bỏ cái xu hướng ác tà kiến ấy đi, chớ để suốt đời chuốc thêm khổ não. Như người gánh cây gai, cứ chấp chặt ý ngu, không chịu lấy vàng, lại cứ gánh gai đem về, luống chịu lao nhọc, bà con không vui, suốt đời nghèo cùng, tự mang thêm khổ sở”.

Bà-la-môn đáp: “Tôi không bao giờ bỏ kiến thức sẵn có của tôi được. Vì sao? Vì tôi nhờ thứ kiến thức đó mà dạy vẽ cho nhiều người, đem lại nhiều ích lợi, vua chúa tứ phương đều nghe danh tôi, đều biết rõ tôi là nhà học giả chủ trương đoạn diệt cả rồi”.

Ca-diếp lại nói: “Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Tôi nay sẽ dẫn ví dụ thêm cho ông rõ”.

“Thuở xa xưa, có một quốc độ mà suốt biên cương nhân dân đều điêu tàn. Lúc đó, có một đoàn buôn gồm một ngàn cỗ xe đi ngang qua nước đó. Vì không đủ nước, thóc, củi và cỏ, thương chủ bèn nghĩ: ‘Bọn ta đông người, không thể tự lo đủ nước, thóc, củi và cỏ. Nay ta hãy chia đoàn thành hai bộ phận’. Một bộ phận lên đường trước. Người dẫn đạo của toán đi đầu gặp một người thân thể to lớn, mắt đỏ, mặt đen, mình mẩy dính đầy bùn. Trông thấy người ấy từ xa đi lại, người dẫn đầu toán bèn hỏi: ‘Ông từ đâu lại?’ Đáp: ‘Tôi từ xóm phía trước lại’. Lại hỏi: ‘Chỗ đó có nhiều nước, thóc, củi và cỏ không?’ Đáp: ‘Chỗ ấy có rất nhiều nước, thóc, củi và cỏ, không thiếu. Tôi giữa đường gặp mưa lớn. Chỗ ấy nước nhiều mà củi, cỏ cũng nhiều’. Lại bảo thương chủ: ‘Trên xe các ông, nếu có thóc và cỏ, có thể bỏ hết đi. Đằng kia dư dả, không cần chở nặng xe’. Rồi thương chủ ấy nói với các thương nhân rằng: ‘Tôi có gặp một người thân thể to lớn, mắt đỏ mặt đen, xoa bùn khắp mình, từ đàng xa đi lại, tôi hỏi: ‘Ông từ đâu lại?’ thì người đó trả lời: ‘Từ thôn đàng trước kia lại’. Tôi hỏi: ‘Ở thôn đó có nước

gạo củi cở nhiều không?’ Người đó trả lời: ‘Thôn ấy giàu có, nước gạo củi cở không thiếu’. Lại bảo tôi: ‘Tôi vừa đi giữa đường thì gặp trời mưa lớn. Chỗ này có nhiều nước; và củi cở cũng nhiều’. Rồi ông ta lại bảo tôi: ‘Nếu trên xe bọn người có chở thóc cở gì thì nên bỏ xuống hết. Thôn kia giàu có, không cần chở xe nặng làm chi. Vậy các bạn nên bỏ thóc cở đi cho nhẹ xe’. Rồi như lời ấy, cả toán bỏ hết thóc cở xuống để cho xe nhẹ đi mau tới. Đi như thế một ngày, chẳng thấy cở nước đâu. Đi hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày cũng không thấy đâu. Bọn người buôn phải khốn cùng nơi đầm vắng và bị ác quỷ bắt ăn thịt hết”.

“Toán thứ hai tiếp tục lên đường. Người chủ buôn đi đầu, lại gặp một người to lớn mắt đỏ, mặt đen, mình mẩy dính đầy bùn. Trông thấy người ấy từ xa đi lại, người dẫn đầu hỏi: ‘Ông từ đâu lại?’ Người kia đáp: ‘Tôi từ xóm trước lại’. Lại hỏi: ‘Chỗ đó có nhiều nước, thóc, củi và cở không?’ Đáp: ‘Chỗ ấy có rất nhiều’. Rồi lại bảo thương chủ: ‘Tôi ở giữa đường gặp cơn mưa lớn. Chỗ ấy nước nhiều, cũng có nhiều củi, cở’. Lại bảo thương chủ: ‘Trên xe các ông, nếu có thóc, cở thì có thể bỏ đi. Đằng kia dư dả, không cần chở nặng xe làm gì’. Khi ấy, thương chủ trở lại nói với mọi người: ‘Ta vừa đến phía trước, gặp một người’; y nói với ta rằng: ‘Trên xe các ông, nếu có thóc cở thì có thể vứt bỏ hết đi. Đằng kia dư dả, không cần chở nặng xe’. Rồi thương chủ dặn: ‘Thóc, cở các người hãy cẩn thận chở vất bỏ đi. Bao giờ được có cái mới rồi hãy bỏ. Vì sao? Cái mới, cái cũ nối tiếp luôn mới

mong qua khỏi bãi hoang’. Cả đoàn buôn cứ chở xe nặng mà đi. Đi được một ngày, chẳng thấy cỏ nước đâu. Đi hai ngày, ba ngày đến bảy ngày cũng chẳng thấy đâu, chỉ thấy xương cốt ngón ngang của toán người đi trước bị quỷ bắt ăn thịt để lại”.

“Này Bà-la-môn, người mặt đỏ mặt đen kia chính là quỷ la-sát. Những người nghe theo lời nó, suốt đời chịu khổ, chẳng khác toán buôn đầu vì vô trí nghe theo người dẫn đường mà phải thiệt mạng. Những Sa-môn, Bà-la-môn tinh tấn, trí tuệ, họ có dạy gì, ai nghe theo thời suốt đời được an ổn như toán buôn sau, nhờ có trí nên khỏi bị tai nạn”.

“Này Bà-la-môn, ông hãy bỏ thứ ác kiến đó đi, chớ để suốt đời chỉ chuốc thêm khổ não”.

Bà-la-môn nói: “Tôi không thể nào bỏ kiến thức đó được. Nếu có ai đến can tôi lắm, thì chỉ làm tôi phát giận chớ tôi quyết không bao giờ bỏ”.

Ca-diếp tiếp: “Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà được rõ. Tôi sẽ dẫn ví dụ cho ông”.

“Thuở xưa, có một quốc độ mà suốt biên cương nhân dân đều điêu tàn. Lúc đó, có một người thích nuôi heo. Nhân anh ta đi đến một thôn vắng, thấy có nhiều phân khô, mới nghĩ thầm: ‘Chỗ này nhiều phân, mà heo ta ở nhà đang đói. Ta nên lấy cỏ gói phân này đội trên đầu đem về’. Rồi anh ta liền lấy cỏ gói phân đội đi. Bất ngờ giữa đường gặp cơn mưa lớn, nước phân chảy xuống

thấu gót chân. Mọi người thấy vậy chê anh ta điên cuồng: ‘Đồ phân dơ ấy, giả sử trời tạnh còn không nên đội thay, huống giữa lúc trời mưa lại đội mà đi’. Anh ta nổi giận mắng lại: ‘Các ngươi là đồ ngu, không biết heo ta ở nhà đang đói. Nếu các ngươi biết, chắc không nói ta ngu’.

“Này Tệ-tú! Ngươi nên bỏ thứ ác kiến đó đi, chớ giữ chặt sự ngu mê mà suốt đời chịu khổ. Như người ngu kia đã đội phân mà đi, bị kẻ khác chê trách, can ngăn, lại trở mắng người ta vô trí!”

Bà-la-môn nói với Ca-diếp: “Các ngài nếu bảo làm lành được lên trời, chết hơn sống, sao các ngài không lấy dao tự vẫn hoặc uống thuốc độc chết đi, hoặc trói tay chân rồi gieo mình từ trên bờ cao? Nhưng nay thấy đều tham sống, không ai tự sát cả. Như thế đủ biết chết không hơn sống!”

Ca-diếp nói: “Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Tôi nay sẽ dẫn ví dụ thêm cho ông rõ”.

“Xưa ở thôn Tư-ba-hê này có một người Phạm chí, kỳ cựu trưởng lão, tuổi đã một trăm hai mươi, có hai người vợ, một người có con trước còn một người mới có thai. Phạm chí ấy không bao lâu thì chết. Con người mẹ lớn nói với người mẹ nhỏ rằng: ‘Bao nhiêu gia tài này đều về tôi cả, bà không có phần’. Người mẹ nhỏ nói: ‘Cậu hãy chờ ít lâu để tôi sinh. Nếu là con trai thì nó phải có một phần gia tài. Nếu là con gái, cậu cưới nó thì sẽ có tiền’. Nhưng con của người vợ lớn cứ nằn nì ba lần đòi

chia gia tài cho được, người vợ nhỏ vẫn trả lời như trước. Con của người vợ lớn bức ép mãi. Người vợ nhỏ bèn lấy dao tự mổ bụng mình để coi cho biết con trai hay con gái”.

“Này Bà-la-môn, người mẹ này tự sát, lại hại luôn đứa con trong bào thai. Bà-la-môn các ngươi cũng như thế, đã tự giết mình còn muốn giết kẻ khác. Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn tinh cần tu thiện, đầy đủ giới đức mà sống lâu ở đời thì đem lại nhiều ích lợi, an lạc cho nhân thiên”.

“Nay tôi sẽ dẫn một ví dụ cuối cùng để cho ngươi rõ tai hại của ác kiến...”.

“Này Bà-la-môn! Ngươi nên mau mau xả bỏ ác kiến đó đi, chớ để mê muội mãi càng thêm khổ sở, như anh chàng làm trò kia nuốt độc vào mình mà không biết!”⁹⁵

75. Sát sinh và đánh đập tôi tớ không phải là việc thiện

Số 7. “Kinh Tệ Tú”

Tệ-tú nói: “Nếu Thế Tôn hãy còn, dù xa gần tôi cũng tìm đến để tự thân nhìn thấy, quy y lễ bái. Nay nghe Ca-

⁹⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 7. Kinh Tệ Tú, Taiwan, 2000, trang 196~210.

diếp nói Như Lai đã diệt độ, vậy tôi xin quy y đức Như Lai diệt độ, quy y Phật, Pháp và Chúng tăng. Xin Ca-diếp cho tôi được làm ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp; từ nay về sau, tôi thề trọn đời không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Nay tôi sẽ đại bố thí cho tất cả”⁹⁶.

76. Không nên lấy vật mà mình không dùng được bố thí cho chư Tăng hay người khác

Số 7. “Kinh Tệ Tú”

Phạm chí trả đáp: “Đúng như vậy. Tôi thật có nói như vậy. Bởi vì các thức ăn thô kém như vậy nay ngài bày dọn để thí Chúng tăng, nếu thử đem cho ngài, ngài còn không thèm sờ tay tới hướng là lấy ăn. Những thứ được dọn bày hiện tại không thể vui mắt đẹp lòng làm sao đời sau có được quả báo thanh tịnh. Ngài bố thí y phục cho Chúng tăng mà thí toàn vải gai, nếu thử đem nó cho ngài, ngài còn không lấy chân sờ tới hướng hồ lấy mặc. Những thứ được dọn bày hiện tại không thể vui mắt đẹp lòng làm sao đời sau có được quả báo thanh tịnh”⁹⁷.

⁹⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 7. Kinh Tệ Tú, Taiwan, 2000, trang 211.

⁹⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 7. Kinh Tệ Tú, Taiwan, 2000, trang 211~212.

77. Đương thời ở xã hội Ấn Độ có những Phạm chí hay bàn luận thế sự

Số 8. “Kinh Tán Đà Na ”

Trong rừng của nữ Phạm chí, lúc đó có Phạm chí tên Ni-câu-đà cùng năm trăm đệ tử đang tụ tập một chỗ, lớn tiếng bàn luận, suốt ngày chỉ nói những điều phù phiếm, chướng đạo. Hoặc luận bàn quốc sự. Hoặc bàn việc đao binh chiến tranh. Hoặc bàn việc quốc gia hòa nghĩa. Hoặc bàn việc đại thần, việc thứ dân. Hoặc bàn chuyện xe ngựa, công viên, rừng. Hoặc bàn chuyện chiếu giường, y phục, ăn uống, phụ nữ. Hoặc bàn việc núi biển, rùa tranh. Nghĩa là họ chỉ bàn những điều chướng ngại đạo như thế mà hết ngày”⁹⁸.

78. Các Phạm chí chê bai đức Phật là con trâu đui ăn cỏ

Số 8. “Kinh Tán Đà Na”

“Thầy tôi, Đức Thế Tôn, thường ưa nhàn tĩnh, chẳng ưa huyên náo. Không như các ông và đệ tử các ông ưa ở giữa đám đông cao tiếng luận đàm. Nhưng chỉ toàn những lời chướng đạo, vô ích”.

⁹⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 8. Kinh Tán Đà Na, Taiwan, 2000, trang 213~214.

Phạm chí nói lại: “Sa-môn Cù-đàm có từng cùng mọi người đàm luận không? Mọi người làm sao biết được Sa-môn có đại trí tuệ? Thầy người thường ưa ở chỗ biên địa. Cũng như con trâu đui ăn cỏ, chỉ hài lòng với chỗ mà nó thấy. Thầy người là Cù-đàm cũng thế. Cứ ham điều độc kiến riêng nên mới ưa chỗ không người. Nếu thầy người lại đây, chúng ta sẽ kêu là trâu đui. Sa-môn Cù-đàm thường xưng là bậc đại trí tuệ nhưng ta chỉ cần một câu là đủ làm cho cùng bí mà phải im lặng. Ví như con rùa thun hết mình vào vỏ cho thế là yên ổn rồi. Nhưng ta chỉ cần một mũi tên là làm cho không chỗ tránh”⁹⁹.

79. Những giới cấm của ngoại đạo

Số 8. “Kinh Tán Đà Na”

Phật nói: “Những điều sở hành của ông toàn là thấp hèn. Như việc cởi bỏ y phục để trần truồng hoặc lấy tay che hoặc không nhận đồ ăn đựng trong cái ghè, không nhận đồ ăn đựng trong chậu, không nhận đồ ăn giữa hai bức vách, không nhận đồ ăn giữa hai người, không nhận đồ ăn giữa hai con dao, không nhận đồ ăn giữa hai cái chậu, không nhận đồ ăn từ gia đình đang ăn chung, không nhận đồ ăn từ nhà có thai, không nhận đồ ăn từ nhà được thấy có chó đứng trước cửa, không nhận đồ ăn

⁹⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 8. Kinh Tán Đà Na, Taiwan, 2000, trang 214.

từ nhà có nhiều ruồi, không nhận lời mời ăn, không nhận đồ ăn từ người nói đã có biết từ trước, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không ăn với hai chén bát, một bữa ăn, một lần nuốt cho đến bảy lần nuốt thì thôi, nhận thức ăn được thêm, không quá bảy lần thêm, hoặc mỗi ngày ăn một bữa hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày ăn một bữa, hoặc chỉ ăn rau hoặc chỉ ăn củ lúa hoặc chỉ uống nước cơm hoặc chỉ ăn mè hoặc ăn gạo lứt hoặc ăn phân bò hoặc ăn phân nai hoặc ăn rễ, nhánh lá, trái, hạt cây, hoặc ăn trái cây tự rụng hoặc choàng áo hoặc mặc áo cỏ cú hoặc mặc vỏ cây, hoặc lấy cỏ quấn mình, hoặc mặc da nai, hoặc để đầu tóc, hoặc mang tấm lông bện, hoặc mặc áo vắt ở gò mả, hoặc thường đưa tay lên, hoặc không ngồi giường chiếu, hoặc thường ngồi chồm hổm, hoặc cạo tóc chừa râu, hoặc nằm trên chông gai, hoặc nằm trên dưa quả, hoặc lỏa hình nằm trên phân bò, hoặc một ngày tắm ba lần, hoặc một đêm tắm ba lần. Tóm lại là lấy vô số chuyện khổ cực hành hạ xác thân. Ni-câu-đà, ý người nghĩ sao? Tu những hạnh như thế, đáng gọi là thanh tịnh pháp chăng?”¹⁰⁰.

¹⁰⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 8. Kinh Tấn- Đà- Na, Taiwan, 2000, trang 216~217.

80. Thế nào gọi là vị phạm hạnh có cấu ứ không thanh tịnh?

Số 8. “Kinh Tán Đà Na”

Phật nói: “Những người kia trong khi tu khổ hạnh mà tâm thường tính nghĩ rằng: ‘Ta làm như thế này sẽ được mọi người cúng dường, cung kính, lễ bái’. Thế là cấu ứ. Người tu khổ hạnh kia khi được cúng dường rồi thì say đắm giữ chặt, ưa luyến không rời, không biết xa lìa, không biết cách thoát ra. Thế là cấu ứ. Người tu khổ hạnh kia mà vừa trông thấy bóng ai đi đến thì cùng nhau ngồi thiền. Khi không ai thì mặc ý nằm ngồi. Thế là cấu ứ. Người tu khổ hạnh kia mà nếu nghe chánh nghĩa người khác không chịu nhìn nhận. Thế là cấu ứ. Người tu khổ hạnh kia nếu mà có ai hỏi ngay tức liền không chịu đáp. Thế là cấu ứ. Người tu khổ hạnh kia mà hề thấy người nào cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn thì la rầy, ngăn cản. Thế là cấu ứ. Người tu khổ hạnh kia nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn ăn vật có thể sinh sản nữa liền đến chê trách. Thế là cấu ứ. Người tu khổ hạnh kia có thức ăn bất tịnh, không chịu cho người khác mà tham ăn một mình, không thấy lỗi lầm của mình, không biết con đường xuất ly. Thế là cấu ứ. Người tu khổ hạnh kia tự khen mình hay, chê bai người khác. Thế là cấu ứ. Người tu khổ hạnh kia mà giết, trộm, tà dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, tham lam, tật đố, tà kiến điên đảo. Thế là cấu ứ. Người tu khổ hạnh kia mà lười biếng, lãng quên, không tập thiền, không có trí tuệ chẳng khác nào

cầm thú. Thế là cầu ướ. Người tu khổ hạnh kia mà công cao, kiêu mạn, mạn, tăng thượng mạn. Thế là cầu ướ. Người tu khổ hạnh kia mà không có tín nghĩa lại không báo đáp, không trì tịnh giới, không hay tinh cần chịu nghe người khuyên răn, thường kết bạn bọn xấu làm điều xấu ác không thôi. Thế là cầu ướ. Người tu khổ hạnh kia mà ôm nhiều sân hận, ưa làm xảo quyệt, cậy mình hiểu biết, tìm tòi hay dở của người, thường chấp tà kiến, biên kiến. Thế là cầu ướ. Ni-câu-đà, ý người nghĩ thế nào? Tu khổ hạnh như trên, đáng gọi là thanh tịnh ư?”¹⁰¹

81. Thế nào gọi là vị phạm hạnh không cầu ướ thanh tịnh?

Số 8. “Kinh Tán Đà Na”

Phật nói: “Những người tu khổ hạnh kia, nếu không tính nghĩ rằng ta tu như thế này sẽ được sự cúng dường cung kính, lễ bái, đó là pháp khổ hạnh không cầu ướ. Người tu khổ hạnh nếu được cúng dường tâm không tham đắm, hiểu biết xa lìa, rõ biết con đường xuất ly, đó là pháp khổ hạnh không cầu ướ. Người tu khổ hạnh lo tọa thiền thường lệ, không vì có người không người mà thay đổi, đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh,

¹⁰¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 8. Kinh Tán Đà Na, Taiwan, 2000, trang 217~218.

nếu nghe ai nói chánh nghĩa thì hoan hỷ tín nhận, đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh nếu gặp ai hỏi ngay thì hoan hỷ đáp, đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh hễ thấy ai cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn thì hoan hỷ thay họ, chứ không la rầy ngăn cản, đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn ăn vật có cơ sanh lại, không tới chê bai, đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh mà gặp món ăn bất tịnh, tâm không lẫn tiếc, gặp món ăn tịnh tâm không say đắm, xét thấy lỗi mình, biết cách thoát ly, đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh không tự khen mình, không chê kẻ khác, đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh không sát, không đạo, không dâm, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói dối, không thêu dệt, không tham lam, không tật đố, không tà kiến, đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh mà tinh cần không quên, ưa tập thiền định, tu nhiều trí tuệ, chẳng ngu như thú, đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh mà không cống cao, kiêu mạn, tự đại, đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh mà có lòng tín nghĩa, tập hạnh báo bổ, giữ gìn tịnh giới, siêng năng học hỏi, thường kết bạn với người lành, chứa điều lành mãi, đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh mà không ôm lòng sân hận, không xảo nguy, không cậy mình biết, không tìm dờ người, không chấp chặt tà kiến cũng không biên kiến, đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Phạm chí nghĩ thế nào?

Pháp khổ hạnh như thế, đáng gọi là pháp thanh tịnh vô cầu không?”¹⁰²

82. Khái niệm khổ hạnh theo đức Phật

Số 8. “Kinh Tán Đà Na”

Phật nói: “Này Phạm chí! Người tu khổ hạnh mà tự mình không giết, không dạy người giết; tự mình không trộm cắp, không dạy người trộm cắp; tự mình không tà dâm, không dạy người tà dâm; tự mình không nói dối, không dạy người nói dối. Người ấy đem tâm từ rải khắp một phương rồi các phương khác cũng vậy, từ tâm quảng đại, bình đẳng vô lượng khắp cả thế gian, không chút oán kết. Bi tâm, hỷ tâm, xả tâm cũng như thế. Chính đó mới là pháp khổ hạnh thuộc cốt lõi” ...

Phật nói: “Này Phạm chí, người tu khổ hạnh mà tự mình không giết còn dạy người không giết, tự mình không trộm cắp còn dạy người không trộm cắp, tự mình không tà dâm còn dạy người không tà dâm, tự mình không nói dối còn dạy người không nói dối. Người ấy đem từ tâm rải khắp một phương rồi các phương khác cũng vậy, từ tâm quảng đại, bình đẳng vô lượng khắp cả thế gian, không chút oán kết. Bi tâm, hỷ tâm, xả tâm cũng như thế. Người khổ hạnh kia lại có thể biết được việc xảy ra vô số kiếp trước, hoặc một đời, hai đời cho

¹⁰² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 8. Kinh Tán Đà Na, Taiwan, 2000, trang 219.

đến vô số đời, quốc độ thành hoại hay kiếp số trước sau đều thấy đều biết cả. Lại còn thấy biết mình từng sanh vào chủng tộc đó, tên tuổi như thế, ăn uống như thế, sống lâu như thế, chịu khổ chịu vui như thế, từ kia sanh đây, từ đây sanh kia như thế. Những việc từ vô số kiếp như thế đều nhớ cả. Ấy gọi là khổ hạnh kiên cố không hoại của Phạm chí”...

Phật nói: “Này Phạm chí, những người tu khổ hạnh mà tự mình không giết còn dạy người không giết, tự mình không trộm cắp còn dạy người không trộm cắp, tự mình không tà dâm còn dạy người không tà dâm, tự mình không nói dối còn dạy người không nói dối. Người ấy đem từ tâm rải khắp một phương, các phương khác cũng vậy, từ tâm rộng lớn, trùm khắp, vô nhị vô lượng, không có kết hận, cùng khắp thế gian. Bi, hỷ và xả tâm cũng như vậy”¹⁰³.

83. Pháp của Thế Tôn là pháp không những giải thoát cho mình mà còn giải thoát cho người

Số 8. “Kinh Tán Đà Na”

Phật nói: “Người há không suy nghĩ rằng, Sa-môn Cù-đàm có thể thuyết bò đê; có thể tự điều phục mình và

¹⁰³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 8. Kinh Tán Đà Na, Taiwan, 2000, trang 220~221.

cũng có thể điều phục người khác; có thể tự tịch tịnh và có thể khiến người khác tịch tịnh; có thể tự mình qua bờ bên kia và đưa người khác sang bờ bên kia; tự mình giải thoát và có thể khiến người khác giải thoát; có thể tự mình diệt độ và có thể khiến người khác được diệt độ?”¹⁰⁴

84. Phật không vì lợi dưỡng vì địa vị mà nói Pháp

Số 8. “Kinh Tán Đà Na”

Phật lại bảo Phạm chí: “Ngươi sẽ chẳng nói rằng Phật vì tiếng tăm mà thuyết pháp chẳng? Vì để được tôn trọng, vì để đứng đầu, vì để có những người tùy thuộc, vì để có chúng đông mà thuyết pháp chẳng? Chớ mong khởi tâm ấy. Nay những người tùy thuộc ngươi vẫn là tùy thuộc của ngươi. Pháp mà Ta nói là để diệt trừ bất thiện, tăng trưởng thiện pháp”.

Rồi Phật lại bảo Phạm chí: “Ngươi sẽ không nói rằng Phật đặt ngươi vào trong tụ bất thiện, tụ tối tăm chẳng? Chớ nghĩ như vậy. Các tụ bất thiện và các tụ tối tăm, ngươi hãy loại bỏ đi. Ta vì ngươi mà nói pháp thiện tịnh”¹⁰⁵.

¹⁰⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 8. Kinh Tán Đà Na, Taiwan, 2000, trang 222~223.

¹⁰⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 8. Kinh Tán Đà Na, Taiwan, 2000, trang 223.

85. Lý do Phật giáo kết tập Kinh điển

Số 9. “Kinh Chúng Tập”

Khi ấy Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo: “Nay trong thành Ba-bà này có Ni-kiền Tử mạng chung chưa bao lâu nhưng các đệ tử chia ra làm hai bộ, luôn luôn tranh chấp nhau, tìm sở trường và sở đoản của nhau, mắng nhiếc nhau, thị phi với nhau rằng: ‘Ta biết pháp này, người không biết pháp này; người theo tà kiến, ta theo chánh kiến; người nói năng hỗn loạn, chẳng có trước sau, tự cho điều mình nói là chân chính; lập ngôn của ta thắng, lập ngôn của người bại. Nay ta làm chủ cuộc đàm luận, người có điều muốn hỏi thì đến hỏi ta’”.

“Này các Tỳ-kheo, lúc bấy giờ nhân dân trong nước những ai theo Ni-kiền Tử đều chán ghét những tiếng cãi vã của bọn này. Đó là vì pháp ấy không chân chính. Pháp không chân chính thì không có con đường xuất ly. Ví như ngôi tháp đã đổ thì không còn đổ nữa. Đó không phải là điều mà đáng Chánh giác đã dạy”.

“Các Tỳ-kheo, duy chỉ Pháp vô thượng tôn của đức Thích-ca ta là chân chánh mới có thể có con đường xuất ly. Cũng như ngôi tháp mới có thể được dễ dàng trang hoàng. Vì đó là điều mà đáng Chánh giác giảng dạy”.

“Các Tỳ-kheo, hôm nay chúng ta cần phải kết tập pháp luật để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm

hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông, cho chư thiên và nhân loại được an lạc”¹⁰⁶.

Số 17. “Kinh Thanh Tịnh”

“Có Ni-kiền Tử trong thành Ba-ba, chết chưa bao lâu mà các đệ tử của ông đã chia làm hai phe. Họ tranh chấp nhau, trực diện mắng chửi nhau, không còn phân biệt trên dưới; tìm tòi khuyết điểm của nhau, ganh đua kiến thức với nhau rằng: ‘Ta có thể biết điều này, người không thể biết điều này. Hành động của ta chân chính, còn người là tà kiến. Người đặt cái trước ra sau, để cái sau ra trước; điên đảo, thác loạn, không có phép tắc. Những điều ta làm thật là vi diệu. Những điều người nói thì sai lầm. Người có điều gì nghi ngờ, cứ hỏi ta’. Bạch Đại đức A-nan, bấy giờ, những người thờ Ni-kiền Tử trong nước này nghe những tranh tụng như vậy sinh lòng chán ghét”.

A-nan nói với sa-di Châu-na: “Ta có điều muốn bạch Thế Tôn. Người hãy đi với ta, trình bày Thế Tôn về sự việc này. Nếu Thế Tôn có răn dạy điều gì, chúng ta hãy cùng phụng hành”.

Rồi thì, sa-di Châu-na sau khi nghe A-nan nói bèn cùng đi theo đến chỗ Thế Tôn. Sau khi cúi lạy dưới chân

¹⁰⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 9. Kinh Chúng Tập, Taiwan, 2000, trang 226.

Thế Tôn bèn đứng sang một bên. Lúc bấy giờ, A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Sa-di Châu-na này, sau an cư mùa hạ ở nước Ba-ba, cầm y bát, đi lần đến đây. Sau khi đánh lễ dưới chân con, nói với con rằng: ‘Có Ni-kiền Tử trong thành Ba-ba, chết chưa bao lâu, mà các đệ tử của ông đã chia làm hai phe. Họ tranh chấp nhau, trực diện mắng chửi nhau, không còn phân biệt trên dưới; tìm tòi khuyết điểm của nhau, ganh đua kiến thức với nhau rằng: ‘Ta có thể biết điều này, người không thể biết điều này. Hành động của ta chân chính còn người là tà kiến. Người đặt cái trước ra sau, để cái sau ra trước; điên đảo, thác loạn, không có phép tắc. Những điều ta làm thật là vi diệu. Những điều người nói thì sai lầm. Người có điều gì nghi ngờ, cứ hỏi ta’. Bấy giờ, những người thời Ni-kiền Tử trong nước này nghe những tranh tụng như vậy sinh lòng chán ghét”¹⁰⁷.

¹⁰⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 17. Kinh Thanh Tịnh, Taiwan, 2000, trang 343~344.

86. Kiết tập theo pháp số từ 1 pháp đến 10 pháp

Số 9. “Kinh Chúng Tập”¹⁰⁸

Số 10. “Kinh Thập Thượng”¹⁰⁹

Số 11. “Kinh Tăng Nhất”¹¹⁰

87. Pháp Tam Tụ

Số 12. “Kinh Tam Tụ”

Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ nói cho các người nghe pháp vi diệu, có nghĩa, có vị, thanh tịnh, đầy đủ phạm hạnh. Đó là pháp ba tụ. Các người hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ. Ta sẽ nói”.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, chú ý lắng nghe.

Phật nói: “Tỳ-kheo, pháp ba tụ ấy là: một pháp dẫn đến ác thú; một pháp dẫn đến thiện thú; một pháp dẫn đến Niết-bàn.

Thế nào là một pháp dẫn đến ác thú? Không có nhân từ, ôm lòng độc hại. Đó là một pháp dẫn đến ác thú.

¹⁰⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 9. Kinh Chúng Tập, Taiwan, 2000, trang 225~244.

¹⁰⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 10. Kinh Thập Thượng, Taiwan, 2000, trang 245~266.

¹¹⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 11. Kinh Tăng Nhất, Taiwan, 2000, trang 269~276.

Thế nào là một pháp dẫn đến thiện thú? Không đem ác tâm gia hại chúng sanh. Đó là một pháp dẫn đến thiện thú.

Thế nào là một pháp dẫn đến Niết-bàn? Thường tinh cần tu niệm xứ về thân. Đó là một pháp dẫn đến Niết-bàn.

Lại có hai pháp thú hướng ác thú. Lại có hai pháp thú hướng thiện thú. Lại có hai pháp thú hướng Niết-bàn.

Thế nào là hai pháp dẫn đến ác thú? Hủy giới và phá kiến.

Thế nào là hai pháp dẫn đến thiện thú? Có đủ giới và có đủ kiến.

Thế nào là hai pháp dẫn đến Niết-bàn? Là chỉ và quán.

Lại có ba pháp thú hướng ác thú. Ba pháp thú hướng thiện thú. Ba pháp thú hướng Niết-bàn.

Thế nào là ba pháp hướng đến ác thú? Ba bất thiện căn: tham bất thiện căn, nhuế bất thiện căn, si bất thiện căn.

Thế nào là ba pháp dẫn đến thiện thú? Ba thiện căn: vô tham thiện căn, vô nhuế thiện căn, vô si thiện căn.

Thế nào là ba pháp dẫn đến Niết-bàn? Ba tam-muội: không tam-muội, vô tướng tam-muội, vô tác tam-muội.

Lại có bốn pháp dẫn đến ác thú. Bốn pháp dẫn đến thiện thú. Bốn pháp thú hướng Niết-bàn.

Thế nào là bốn pháp thú hướng ác thú? Lời nói thiên vị, lời nói thù hận, lời nói sợ hãi, lời nói ngu si.

Thế nào là bốn pháp dẫn đến thiện thú? Lời nói không thiên vị, lời nói không thù hận, lời nói không sợ hãi, lời nói không ngu si.

Thế nào là bốn pháp dẫn đến Niết-bàn? Bốn niệm xứ: thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ.

Lại có năm pháp dẫn đến ác thú, năm pháp dẫn đến thiện thú, năm pháp dẫn đến Niết-bàn.

Thế nào là năm pháp dẫn đến ác thú? Phá năm giới: giết, trộm, dâm dật, nói dối, uống rượu.

Thế nào là năm pháp dẫn đến thiện thú? Thọ trì năm giới: không giết, không trộm, không dâm dật, không dối, không uống rượu.

Thế nào là năm pháp dẫn đến Niết-bàn? Năm căn: tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

Lại có sáu pháp dẫn đến ác thú, sáu pháp dẫn đến thiện thú, sáu pháp thú hướng Niết-bàn.

Thế nào là sáu pháp dẫn đến ác thú? Sáu bất kính: không kính Phật, không kính Pháp, không kính Tăng, không kính giới, không kính định, không kính cha mẹ.

Thế nào là sáu pháp dẫn đến thiện thú? Kính Phật, kính Pháp, kính Tăng, kính giới, kính định, kính cha mẹ.

Thế nào là sáu pháp dẫn đến Niết-bàn? Sáu tư niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thí, niệm giới, niệm thiên.

Lại có bảy pháp dẫn đến ác thú, bảy pháp dẫn đến thiện thú, bảy pháp dẫn đến Niết-bàn.

Thế nào là bảy pháp dẫn đến ác thú? Giết, trộm, dâm dật, nói dối, nói hai lưỡi, ác khẩu, nói thêu dệt.

Thế nào là bảy pháp dẫn đến thiện thú? Không giết, không trộm, không dâm dật, không nói dối, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không nói thêu dệt.

Thế nào là bảy pháp dẫn đến Niết-bàn? Bảy giác ý: niệm giác ý, trạch pháp giác ý, tinh tấn giác ý, khinh an giác ý, định giác ý, hỷ giác ý, xả giác ý.

Lại có tám pháp dẫn đến ác thú, tám pháp dẫn đến thiện thú, tám pháp dẫn đến Niết-bàn.

Thế nào là tám pháp dẫn đến ác thú? Tám tà hạnh: tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.

Thế nào là tám pháp dẫn đến thiện thú? Thế gian chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Thế nào là tám pháp dẫn đến Niết-bàn? Tám Hiền Thánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Lại có chín pháp dẫn đến ác thú, chín dẫn đến thiện thú, chín pháp dẫn đến Niết-bàn.

Thế nào là chín pháp dẫn đến thiện thú? Chín ưu não: Có người xâm não ta; nó đã xâm não, đang xâm não, sẽ xâm não. Có người xâm não cái ta yêu; nó đã xâm não, đang xâm não, sẽ xâm não. Có người yêu kính cái ta ghét; nó đã yêu kính, đang yêu kính, sẽ yêu kính.

Thế nào là chín pháp dẫn đến thiện thú? ‘Có người xâm não ta’, ích gì mà ta sanh não; đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não. ‘Có người xâm não cái ta yêu’, ích gì ta sanh não; đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não. ‘Có người yêu kính cái ta ghét’, ích gì ta sanh não; đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não.

Thế nào là chín pháp dẫn đến Niết-bàn? Chín thiện pháp: 1- hỷ, 2- ái, 3- duyệt, 4- lạc, 5- định, 6- thật tri, 7- trừ xả, 8- vô dục, 9- giải thoát.

Lại có mười pháp dẫn đến ác thú, mười pháp dẫn đến thiện thú, mười pháp dẫn đến Niết-bàn.

Thế nào là mười pháp dẫn đến ác thú? Mười bất thiện: thân với giết, trộm, tà dâm; khẩu với nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, thêu dệt; ý với tham lam, tật đố, tà kiến.

Thế nào là mười pháp dẫn đến thiện thú? Mười thiện hành: thân với không giết, không trộm, không tà dâm; khẩu với không nói dối, không hai lưỡi, không ác khẩu, không thêu dệt; ý với không tham lam, không tật đố, không tà kiến.

Thế nào là mười pháp dẫn đến Niết-bàn? Mười trực đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí.

Này các Tỳ-kheo, mười pháp như vậy đưa đến Niết-bàn. Đó là chánh pháp vi diệu gồm ba tụ. Ta là Như Lai, đã làm đầy đủ những điều cần làm cho đệ tử, vì nghĩ đến các người nên chỉ bày lối đi. Các người cũng phải tự lo cho thân mình, hãy ở nơi thanh vắng, dưới gốc cây mà tư duy, chớ lười biếng. Nay không gắng sức, sau hồi không ích gì”¹¹¹.

88. 12 nhân duyên

Số 13. “Kinh Đại Duyên Phương Tiện”

“Này A-nan, nay Ta nói với người: Già chết có duyên. Nếu có người hỏi: ‘Cái gì là duyên của già chết?’ Hãy trả lời người ấy: ‘Sanh là duyên của già chết’. Nếu lại hỏi: ‘Cái gì là duyên của sanh’. Hãy trả lời: ‘Hữu là

¹¹¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 12. Kinh Tam Tụ, Taiwan, 2000, trang 277~280.

duyên của sanh’. Nếu lại hỏi: ‘Cái gì là duyên của hữu?’ Hãy trả lời: ‘Thủ là duyên của hữu’. Nếu lại hỏi: ‘Cái gì là duyên của thủ?’ Hãy trả lời: ‘Ái là duyên của thủ’. Nếu lại hỏi: ‘Cái gì là duyên của ái?’ Hãy trả lời: ‘Thọ là duyên của ái’. Nếu lại hỏi: ‘Cái gì là duyên của thọ?’ Hãy trả lời: ‘Xúc là duyên của thọ’. Nếu lại hỏi: ‘Cái gì là duyên của xúc?’ Hãy trả lời: ‘Sáu nhập là duyên của xúc’. Nếu lại hỏi: ‘Cái gì là duyên của sáu nhập?’ Hãy trả lời: ‘Danh sắc là duyên của sáu nhập’. Nếu lại hỏi: ‘Cái gì là duyên của danh sắc?’ Hãy trả lời: ‘Thức là duyên của danh sắc’. Nếu lại hỏi: ‘Cái gì là duyên của thức?’ Hãy trả lời: ‘Hành là duyên của thức’. Nếu lại hỏi: ‘Cái gì là duyên của hành?’ Hãy trả lời: ‘Vô minh là duyên của hành’”.

“Này A-nan, như vậy duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập, duyên lục nhập có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già chết, lo, sầu, khổ não, tập thành một khối đại hoạn. Đó là duyên của cái đại khổ ám vậy...”¹¹².

¹¹² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 13. Đại Duyên Phương Tiện, Taiwan, 2000, trang 282~292.

89. Đức Phật nói về âm nhạc

Số 14. “Kinh Thích Đề Hoàn Nhân Vấn”

Thế Tôn từ tam-muội dậy, nói với Ban-giá-dục rằng: “Lành thay, lành thay, Ban-giá-dục, người đã có thể bằng âm thanh thanh tịnh cùng với đàn lưu ly mà tán thán Như Lai. Tiếng của đàn và giọng của người không dài, không ngắn, buồn và thương uyển chuyển, làm rung động lòng người. Cây đàn mà người tấu hàm đủ các ý nghĩa. Nó được nói là sự trói buộc của dục và cũng được nói là phạm hạnh, cũng được nói là Sa-môn, cũng được nói là Niết-bàn”¹¹³.

90. Nguyên nhân của hận thù

Số 14. “Kinh Thích Đề Hoàn Nhân Vấn”

Đế Thích liền bạch Phật rằng: “Chư Thiên, người thế gian, càn-đạp-hòa, A-tu-la cùng các chúng sanh khác, tất cả tương ứng với kết phược gì mà cho đến thù địch nhau, dao gậy nhắm vào nhau?”

Phật nói với Đế Thích: “Sự phát sanh của oán kết đều do tham lam, tật đố. Vì vậy, chư Thiên, người thế gian, cùng các chúng sanh khác dùng dao gậy nhắm vào nhau”.

¹¹³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 14. Thích Đề- Hoàn Nhân Vấn, Taiwan, 2000, trang 298.

Đế Thích liền bạch Phật: “Thật vậy, bạch Thế Tôn. Oán kết sanh do bởi tham lam, tật đố khiến cho chư Thiên, người đời, A-tu-la và các chúng sanh khác, sử dụng dao gậy đối với nhau. Con nay nghe lời Phật dạy, lưới nghi đã được dứt bỏ, không còn nghi ngờ nữa. Nhưng con không hiểu sự phát sanh của tham lam tật đố do đâu mà khởi lên; do bởi nhân duyên gì, cái gì làm nguyên thủ; từ cái gì mà có, do cái gì mà không?”

Phật bảo Đế Thích: “Sự phát sanh của tham lam, tật đố, tất cả đều do bởi yêu và ghét; yêu ghét là nhân; yêu ghét là nguyên thủ; từ đó mà có, từ đó mà không”.

Bấy giờ, Đế Thích liền bạch Phật: “Thật vậy, Thế Tôn. Tham lam, tật đố phát sanh do bởi yêu ghét; yêu ghét là nhân; yêu ghét làm duyên; yêu ghét làm nguyên thủ; từ đó mà có, từ đó mà không. Con nay nghe lời Phật dạy, mê hoặc đã được dứt bỏ, không còn nghi ngờ nữa. Nhưng con không hiểu yêu ghét do đâu mà sanh; do bởi nhân gì, duyên gì; cái gì làm nguyên thủ; từ cái gì mà có, do cái gì mà không?”

Phật bảo Đế Thích: “Yêu ghét phát sanh ở nơi dục; do nhân là dục, do duyên là dục; dục là nguyên thủ, từ đó mà có; không cái này thì không”.

Đế Thích liền bạch Phật: “Thật vậy, Thế Tôn, yêu ghét phát sanh ở nơi dục; do nhân là dục, do duyên là dục; dục là nguyên thủ, từ đó mà có; không cái này thì không. Con nay nghe lời Phật dạy, mê hoặc đã được dứt

bỏ, không còn nghi ngờ nữa. Nhưng con không hiểu dục này do đâu mà sanh; do bởi nhân gì, duyên gì; cái gì làm nguyên thủ, do cái gì mà có, do cái gì mà không?”¹¹⁴

91. Thế Tôn và các Phạm chí thường có những cuộc đàm luận giao lưu

Số 15. “Kinh A Nậu Di”

Bấy giờ, Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành A-nậu-di khát thực. Rồi Thế Tôn thâm nghĩ: “Nay Ta đi khát thực, thời gian còn quá sớm. Ta hãy đến khu vườn của Phạm chí Phòng-già-bà. Tỳ-kheo cần phải đúng giờ mới đi khát thực”.

Thế Tôn đi đến khu vườn kia. Khi ấy Phạm chí từ xa trông thấy Phật liền đứng dậy nghinh tiếp, cùng chào hỏi rằng: “Hoan nghinh Cù-đàm. Từ lâu không đến. Nay do duyên gì lại khuất tất đến đây? Xin mời Cù-đàm ngồi chỗ này”.¹¹⁵

¹¹⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 14. Thích Đề Hoàn Nhân Vấn, Taiwan, 2000, trang 302~303.

¹¹⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 15. Kinh A Nậu Di, Taiwan, 2000, trang 313.

92. Quan điểm của Thế Tôn đối với vấn đề thần thông, bí mật

Số 15. “Kinh A Nậu Di”

Phật nói với Phạm chí: “Điều mà Thiện Tú kia nói, Ta biết ông không chấp nhận. Xưa, một thời, Ta đang ở trên Tập pháp đường, bên bờ hồ Di hầu thuộc Tỳ-da-li; khi ấy Thiện Tú này đi đến chỗ Ta, nói với Ta rằng: ‘Nhu Lai xa lạ với con. Con không theo Nhu Lai tu phạm hạnh nữa’. Ta khi ấy nói rằng: ‘Ngươi vì sao nói rằng không theo Nhu Lai tu phạm hạnh nữa, vì Nhu Lai xa lạ với ngươi?’ Thiện Tú đáp: ‘Nhu Lai không hiện thần túc biến hóa cho con thấy’”.

“Ta khi ấy nói rằng: ‘Ta có mời ngươi đến trong pháp Ta tịnh tu phạm hạnh, Ta sẽ hiện thần túc cho ngươi thấy không? Sao lại nói: ‘Nhu Lai hãy hiện thần túc biến hóa cho con thấy, con mới tu phạm hạnh?’ Khi ấy Thiện Tú trả lời Ta rằng: ‘Không, bạch Thế Tôn’”.

Phật nói với Thiện Tú: “Ta cũng không nói với ngươi: ‘Ngươi hãy ở trong Pháp của Ta mà tịnh tu phạm hạnh, Ta sẽ hiện thần túc biến hóa cho thấy.’ Ngươi cũng không nói: ‘Hãy hiện thần túc cho con thấy, con sẽ tu phạm hạnh’. Thế nào Thiện Tú, theo ý ngươi, Nhu Lai có khả năng hiện thần thông hay không có khả năng? Pháp mà Ta giảng thuyết, Pháp ấy có khả năng dẫn đến xuất ly, tận cùng biên tế của khổ chướng”.

Thiện Tú bạch Phật: “Đúng vậy, Thế Tôn. Như Lai có thể thị hiện thần túc chứ không phải không thể. Pháp được giảng dạy có khả năng dẫn đến xuất ly, diệt tận biên tế của khổ chứ không phải không diệt tận”.

“Cho nên, này Thiện Tú, ai tu hành phạm hạnh theo Pháp mà Ta giảng dạy thì có thể thị hiện thần túc chứ không phải không thể; pháp ấy dẫn đến xuất ly, không phải không thể xuất ly. Người mong cầu cái gì đối với pháp ấy?”

Thiện Tú nói: “Thế Tôn thỉnh thoảng không dạy con bí thuật của cha con mà Thế Tôn đã biết hết nhưng vì keo kiệt mà không dạy cho con”.

Phật nói: “Thiện Tú, Ta có bao giờ nói với người rằng: ‘Người hãy ở trong pháp Ta tu phạm hạnh, Ta sẽ dạy cho người bí thuật của cha người chăng?’”

Đáp: “Không”.

“Cho nên, này Thiện Tú, trước đây Ta không nói như vậy, người cũng không nói. Vậy tại sao nay nói như thế?”

Thế nào, Thiện Tú, Như Lai có thể nói bí thuật của cha người hay không thể? Pháp mà Ta giảng dạy có dẫn đến xuất ly, diệt tận biên tế của khổ chăng?”

Thiện Tú nói: “Như Lai có thể nói bí thuật của cha con, không phải không thể. Pháp đã được giảng dạy có thể dẫn đến xuất ly, diệt tận biên tế của khổ chứ không phải không thể”.

Phật lại bảo Thiện Tú: “Nếu Ta có thể nói bí thuật của cha ngươi cũng có thể nói pháp, nói sự xuất ly, sự lìa khổ thì ngươi tìm cái gì trong pháp của Ta?”

Phật lại nói với Thiện Tú: “Ngươi trước kia ở trong lãnh thổ của người Bạt xà thuộc Tỳ-xá-ly đã bằng vô số phương tiện xưng tán Như Lai, xưng tán Chánh pháp, xưng tán Chúng tăng. Cũng như một người khen ngợi một cái ao trong mát kia bằng tám cách khiến mọi người ưa thích: một, lạnh; hai, nhẹ; ba, mềm; bốn, trong; năm, ngọt; sáu, không bẩn; bảy, uống không chán; tám, khỏe người. Ngươi cũng vậy, ở trong lãnh thổ Bạt-xà, Tỳ-xá-ly, xưng tán Như Lai, xưng tán Chánh pháp, xưng tán Chúng tăng, khiến mọi người tin vui. Thiện Tú nên biết, ngày nay ngươi bị lui sụt, người đời sẽ nói rằng: ‘Tỳ-kheo Thiện Tú có nhiều quen biết, lại thân cận Thế Tôn và cũng là đệ tử Thế Tôn nhưng không thể trọn đời tịnh tu phạm hạnh; đã xả giới, hoàn tục, thực hành hèn hạ’. Phạm chí, nên biết, khi ấy Ta nói đủ lời nhưng Thiện Tú không thuận lời dạy của Ta, mà đã xả giới hoàn tục”¹¹⁶.

93. Danh xưng A-la-hán bị lạm dụng

Số 15. “Kinh A Nậu Di”

Phạm chí, một thời Ta ở tại Tập pháp đường bên bờ hồ Di hầu; khi ấy có Ni-kiền Tử tên là Già-la-lâu dưng

¹¹⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 15. Kinh A Nậu Di, Taiwan, 2000, trang 314~316.

chân tại chỗ kia, được mọi người sùng kính, tiếng tăm đồn xa, có nhiều quen biết, lợi dưỡng đầy đủ. Khi ấy Tỳ-kheo Thiện Tú khoác y cầm bát vào thành Tỳ-xá-ly khát thực; đi lần đến chỗ Ni-kiền Tử. Bảy giờ, Thiện Tú hỏi Ni-kiền Tử bằng ý nghĩa sâu xa. Ni-kiền Tử ấy không đáp được, liền sanh tâm sân hận. Thiện Tú nghĩ thầm: ‘Ta làm người này bực bội, sẽ phải chịu quả báo lâu dài chẳng?’ Phạm chí, nên biết, Tỳ-kheo Thiện Tú sau khi khát thực về, cầm y bát đến chỗ Ta, đầu mặt lễ dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Thiện Tú khi ấy không đem duyên có ấy mà kể lại với Ta. Ta nói với Thiện Tú rằng: ‘Người ngu kia, người há có thể tự nhận mình là Sa-môn Thích tử chẳng?’ Thiện Tú giây lát hỏi Ta rằng: ‘Thế Tôn vì duyên có gì mà gọi con là người ngu? Không xứng đáng tự nhận là Sa-môn Thích tử?’ Ta nói: ‘Người ngu kia, có phải người đã đến Ni-kiền Tử mà hỏi ý nghĩa sâu xa nhưng người kia không đáp được bèn sanh sân hận. Người nghĩ thầm: ‘Ta nay làm người này bực bội, há sẽ phải chịu quả báo đau khổ lâu dài chẳng?’ Người có nghĩ như vậy không?’ Thiện Tú bạch Phật rằng: ‘Người kia là A-la-hán. Sao Thế Tôn có tâm sân hận ấy?’. Ta khi ấy trả lời rằng: ‘Người ngu kia, La-hán làm sao lại có tâm sân hận? Ta, La-hán không có tâm sân hận. Người nay tự cho người kia là La-hán. Người kia có bảy sự khổ hạnh đã được gìn giữ lâu ngày. Bảy khổ hạnh ấy là gì? Một, suốt đời không mặc quần áo; Hai, suốt đời không uống rượu, ăn thịt, cũng không ăn cơm và thực phẩm bằng bột mì; Ba, suốt đời không vi phạm phạm

hạnh; Bốn, trọn đời không rời bốn tháp bằng đá ở Tỳ-xá-ly, phía Đông là tháp Ưu viên, phía Nam tháp Voi, phía Tây tháp Đa tử, phía Bắc tháp Thất tụ. Trọn đời không rời khỏi bốn tháp ấy, coi đó là bốn sự khổ hạnh. Nhưng người ấy về sau vi phạm bảy khổ hạnh này và mạng chung ở ngoài thành Tỳ-xá-ly. Cũng như con chó sói bệnh suy vì ghẻ lở mà chết trong bãi tha ma. Ni-kiền Tử kia cũng vậy. Tự mình đặt cấm pháp, sau lại phạm hết. Trước tự thề rằng suốt đời không mặc quần áo, sau đó lại mặc. Trước tự mình thề rằng suốt đời không uống rượu, ăn thịt và không ăn các thứ làm bằng bột mì, nhưng về sau lại ăn hết. Trước vốn tự mình thề rằng suốt đời không vượt qua khỏi bốn cái tháp: phía Đông tháp Ưu viên, Nam tháp Voi, Tây tháp Đa tử, Bắc tháp Thất tụ. Nay trái lời thề, rời xa không còn gần gũi nữa. Người ấy sau khi vi phạm bảy lời thề ấy rồi, ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, chết trong bãi tha ma'. Phật bảo Thiện Tú: 'Người ngu kia, người không tin lời Ta. Người hãy tự mình đi xem, sẽ tự mình biết'.

Phật nói với Phạm chí: "Một thời, Tỳ-kheo Thiện Tú khoác y cầm bát vào thành khát thực. Khất thực xong, lại ra khỏi thành, đi đến một khoảng trống trong bãi tha ma, thấy Ni-kiền Tử kia chết ở đó. Sau khi thấy như vậy, về đến chỗ Ta, đầu mặt lể dưới chân, rồi ngồi sang một bên nhưng không kể lại chuyện ấy với Ta. Phạm chí nên biết, lúc ấy Ta nói với Thiện Tú: 'Thế nào, Thiện Tú, những điều Ta ghi nhận về Ni-kiền Tử trước đây, có đúng như vậy không?' Đáp rằng: 'Đúng vậy, đúng như lời Thế Tôn

đã nói’. Phạm chí, nên biết, Ta đã hiện thân thông chứng minh cho Thiện Tú, nhưng kia lại nói: ‘Thế Tôn không thị hiện thân thông cho con’.

Lại một thời, Ta ở tại ấp Bạch thổ nước Minh-ninh, lúc bấy giờ có Ni-kiền Tử tên là Cứu-la-đế, trú tại Bạch thổ, được mọi người sùng kính, tiếng tăm đồn xa, được nhiều lợi dưỡng. Khi ấy, Ta khoác y cầm bát vào thành khát thực. Tỳ-kheo Thiện Tú lúc bấy giờ đi theo Ta, thấy Ni-kiền Tử Cứu-la-đế đang nằm phục trên một đồng phân mà liếm bã trấu. Phạm chí nên biết, khi Tỳ-kheo Thiện Tú thấy Ni-kiền Tử này nằm phục trên đồng phân mà ăn bã trấu, liền suy nghĩ rằng: ‘Các A-la-hán hay những vị đang hướng đến quả A-la-hán trong thế gian không ai kịp vị này. Đạo của vị Ni-kiền Tử này là bậc nhất hơn hết. Vì sao? Người khổ hạnh mới được như vậy, dứt bỏ kiêu mạn, nằm trên đồng phân mà liếm bã trấu’.

Phạm chí, bấy giờ Ta xoay người theo hướng phải, nói với Thiện Tú rằng: ‘Người ngu kia, người há có thể tự nhận là Thích tử chăng?’ Thiện Tú bạch Phật rằng: ‘Thế Tôn, vì sao gọi con là người ngu, không xứng đáng tự nhận là Thích tử?’ Phật nói với Thiện Tú: ‘Người ngu si, người quan sát Cứu-la-đế này ngồi chồm hồm trên đồng phân mà ăn bã trấu liền nghĩ rằng: Trong các A-la-hán hay những vị đang hướng đến quả La hán, Cứu-la-đế này là tối tôn. Vì sao? Nay Cứu-la-đế này có thể hành khổ hạnh, trừ kiêu mạn, ngồi chồm hồm trên đồng phân mà ăn bã trấu. Người có ý nghĩ như vậy không?’ Đáp

rằng: ‘Thật vậy’. Thiện Tú lại nói: ‘Thế Tôn vì sao sanh tâm ganh tị với một vị A-la-hán?’ Phật nói: ‘Người ngu kia, Ta không hề sanh tâm ganh tị đối với một vị A-la-hán, làm sao nay lại sanh tâm tật đố đối với một vị A-la-hán? Người, người ngu kia, bảo Cừu-la-đế là một vị chân A-la-hán. Nhưng người này sau bảy ngày nữa sẽ sinh bụng mà chết, tái sanh làm quỷ đói thân ma biết đi, thường chịu khổ vì đói. Sau khi mạng chung, được buộc bằng cọng lau mà lòi vào bãi tha ma. Nếu người không tin, hãy đến báo trước cho người ấy biết’.¹¹⁷

94. Phạm thiên - người sáng tạo thế giới

Số 15. “Kinh A Nậu Di”

Phật nói với Phạm chí: Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói rằng: ‘Tất cả thế gian đều do Phạm Tụ tại thiên sáng tạo’. Ta hỏi họ: ‘Hết thấy thế gian có thật do Phạm Tụ tại thiên sáng tạo chăng?’ Họ không thể đáp, mà lại hỏi Ta rằng: ‘Cù-đàm, sự ấy là thế nào?’ Ta trả lời họ: ‘Có một thời gian, khi thế giới này bắt đầu hủy diệt, có những chúng sanh khác mà mạng hết, hành hết từ trời Quang âm mạng chung, sanh vào chốn Phạm thiên trông không khác; rồi khởi tham ái đối với chỗ ấy, sanh tâm đắm trước, lại mong muốn có chúng sanh khác cũng sanh đến chỗ này. Những chúng sanh khác khi mạng hết, hành hết,

¹¹⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 15. Kinh A Nậu Di, Taiwan, 2000, trang 316~319.

lại sanh vào chỗ này. Bây giờ, chúng sanh kia tự nghĩ như vậy: ‘Ta nay là Đại Phạm vương, ngẫu nhiên mà hiện hữu, không do ai sáng tạo. Ta có thể thấu suốt mục đích của các ý nghĩa, tuyệt đối tự do trong một nghìn thế giới, có thể sáng tác, có thể biến hóa, vi diệu bậc nhất, là cha mẹ của loài người. Ta đến đây trước nhất, một mình không bầu bạn; do năng lực của ta mà có chúng sanh này; ta sáng tạo ra chúng sanh này’. Các chúng sanh khác cũng thuận theo, gọi đó là Phạm vương, ngẫu nhiên hiện hữu, có thể thấu suốt mục đích của các ý nghĩa, tuyệt đối tự do trong một nghìn thế giới, có thể sáng tác, có thể biến hóa, vi diệu bậc nhất, là cha mẹ của người, là vị duy nhất hiện hữu trước còn chúng ta hiện hữu sau; chúng ta do vị Đại Phạm vương ấy sáng tạo’. Các chúng sanh này tùy theo khi tuổi thọ của chúng hết, tái sanh vào đời này; rồi dần dần trưởng thành, cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia tu đạo. Vị ấy nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm mà nhớ đời sống trước của mình. Vị ấy nói như vậy: ‘Vị Đại Phạm vương này ngẫu nhiên mà hiện hữu, không do ai sáng tạo; có thể thấu suốt mục đích của các ý nghĩa; tuyệt đối tự do trong một nghìn thế giới; có thể sáng tác, có thể biến hóa, vi diệu bậc nhất, là cha mẹ của người. Đại Phạm thiên kia thường trụ, không biến chuyển, không phải là pháp biến dịch. Chúng ta đều do Phạm thiên sáng tạo, cho nên không thường hằng, không tồn tại lâu dài, là pháp biến dịch’. Như vậy, Phạm chí, các Sa-môn, Bà-la-môn kia do duyên này, thấy đều nói Phạm Tự tại thiên sáng tạo thế giới này. Nay Phạm chí,

sự sáng tạo của thế giới không phải là điều mà những vị ấy có thể vươn tới; duy chỉ Phật mới có thể biết. Lại còn vượt qua sự ấy, Phật cũng đều biết cả. Tuy biết nhưng không tham trước, mà biết một cách như thật về khổ, sự tập khởi, sự diệt khổ, vị ngọt, tai hoạn, và sự xuất yếu; với bình đẳng quán mà giải thoát vô dư. Ấy gọi là Như Lai”¹¹⁸.

95. Cách lễ lạy của Phật giáo

Số 16. “Kinh Thiện Sinh”

(Sự lễ lạy khác nhau giữa Phật pháp và thế gian)

Thiện Sinh bạch Phật: “Khi cha tôi sắp chết có dặn, ‘Nếu con muốn lạy, trước hết hãy lạy các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, trên và dưới’. Tôi vâng lời cha dạy không dám chống trái, nên sau khi tắm gội xong, chấp tay hướng mặt về phương Đông mà lễ phương Đông trước rồi tiếp lễ khắp các phương Tây, Nam, Bắc, trên, dưới”.

Phật bảo Thiện Sinh: “Này con trai trưởng giả! Quả có cái tên các phương đó chứ không phải không. Nhưng trong pháp của bậc Hiền Thánh của ta chẳng phải lễ sáu phương như thế là cung kính đâu”...

¹¹⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 15. Kinh A Nậu Di, Taiwan, 2000, trang 325~326.

Thiện Sinh thưa: “Cúi xin đức Thế Tôn thương dạy cho con cách lễ sáu phương theo pháp của Hiền Thánh”.

Phật bảo Thiện Sinh: “Nếu trưởng giả hay con trưởng giả nào biết tránh bốn nghiệp kết không làm ác theo bốn trường hợp và biết rõ sáu nghiệp hao tổn tài sản.

Như thế, này Thiện Sinh nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả nào tránh được bốn việc ác và lễ kính sáu phương thì đời này tốt đẹp và cả đời sau cũng được quả báo tốt đẹp; đời này có căn cơ và đời sau có căn cơ; trong hiện tại được người trí ngời khen, được quả bậc nhất, sau khi chết được sanh lên trời, cõi thiện.

Này Thiện Sinh, nên biết, hành bốn kết là: Sát sinh, trộm cắp, dâm dục vọng ngữ.

Thế nào là bốn trường hợp ác? Đó là: tham dục, sân hận, sợ hãi, ngu si. Ai làm những việc ác theo bốn trường hợp đó sẽ bị hao tổn...”¹¹⁹.

(Sáu thói quen xấu làm tổn hại tài sản)

“Này Thiện Sinh, sáu nghiệp tổn tài là: một là đam mê rượu chè, hai là cờ bạc, ba là phóng đãng, bốn là đam mê kỹ nhạc, năm là kết bạn người ác và sáu là biếng lười.

Này Thiện Sinh, nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả biết rõ bốn kết hành, không làm ác theo bốn trường

¹¹⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 16. Kinh Thiện Sinh, Taiwan, 2000, trang 329~331.

hợp, lại biết sáu nghiệp tôn tài ấy là này Thiện Sinh, tránh được bốn trường hợp là cúng dường sáu phương, thì đời này tốt đẹp, đời sau tốt đẹp; đời này căn cơ và đời sau căn cơ; trong hiện tại được người trí ngợi khen, được quả báo bậc nhất; sau khi chết được sanh lên trời, cõi thiện”¹²⁰.

(Uống rượu, cờ bạc có 6 tai hại)

“Lại nữa, này Thiện Sinh, nên biết uống rượu có sáu điều lỗi: một, hao tài; hai, sanh bệnh; ba, đấu tranh; bốn, tiếng xấu đồn khắp; năm, bộc phát nóng giận; sáu, tuệ giảm dần.

Này Thiện Sinh, nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả ấy uống rượu không thôi thì nghiệp gia sản ngày mỗi tiêu tán.

Này Thiện Sinh, cờ bạc có sáu điều tai hại: một, tài sản ngày một hao hụt; hai, thắng thì gây thù oán; ba, bị kẻ trí chê; bốn, mọi người không kính nể tin cậy; năm, bị xa lánh và sáu, sanh tâm trộm cắp. Thiện Sinh, nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả mê đánh bạc mãi thì gia sản ngày mỗi tiêu tán”¹²¹.

¹²⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 16. Kinh Thiện Sinh, Taiwan, 2000, trang 331~332.

¹²¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 16. Kinh Thiện Sinh, Taiwan, 2000, trang 332.

(6 Điều tại hại của người có tính tình phóng dăng)

“Này Thiện Sinh, phóng dăng có sáu lỗi: một, không tự phòng hộ mình; hai, không phòng hộ được tài sản và hàng hóa; ba, không phòng hộ được con cháu; bốn, thường hay bị sợ hãi; năm, bị những điều khốn khổ ràng buộc xác thân; sáu, ưa sinh điều dối trá. Đó là sáu điều lỗi. Nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả phóng dăng mãi không thôi thì gia sản ngày mỗi tiêu tán”¹²².

(6 lỗi của việc đam mê nhạc)

“Này Thiện Sinh, say mê kỹ nhạc có sáu lỗi: một, tìm đến chỗ ca hát; hai, tìm đến chỗ múa nháy; ba, tìm đến chỗ đàn địch; bốn, tìm đến chỗ tấu linh tay; năm, tìm đến chỗ có âm thanh vi diệu; sáu, tìm đến chỗ đánh trống. Đó là sáu tai hại của kỹ nhạc. Nếu trưởng giả hoặc con trai trưởng giả say mê kỹ nhạc mãi không thôi thì gia sản ngày mỗi tiêu tán”¹²³.

(6 lỗi khi giao du với bạn xấu)

“Này Thiện Sinh, giao du với bạn xấu có sáu lỗi: một, tìm cách lừa dối; hai, ưa chỗ thầm kín; ba, dụ dỗ nhà người khác; bốn, mưu đồ chiếm đoạt tài sản của người khác; năm, xoay tài lợi về mình; sáu, ưa phanh

¹²² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 16. Kinh Thiện Sinh, Taiwan, 2000, trang 332.

¹²³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 16. Kinh Thiện Sinh, Taiwan, 2000, trang 332~333.

phui lỗi người. Đó là sáu tai hại về bạn xấu. Nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả làm bạn với kẻ ác mãi thì gia sản mỗi ngày mỗi tiêu tán”¹²⁴.

(6 lỗi của lười biếng)

“Này Thiện Sinh, lười biếng có sáu lỗi: một, khi giàu sang không chịu làm việc; hai, khi nghèo không chịu siêng năng; ba, lúc lạnh không chịu siêng năng; bốn, lúc nóng không chịu siêng năng; năm, lúc sáng trời không chịu siêng năng; sáu, lúc tối trời không chịu siêng năng. Đó là sáu điều tai hại của sự lười biếng. Nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả lười biếng mãi thì gia sản mỗi ngày mỗi tiêu tán”¹²⁵.

(Bốn hạng người cần phải tránh xa)

Phật bảo Thiện Sinh: “Có bốn hạng kẻ thù mà như người thân, người nên biết. Bốn kẻ ấy là những ai? Một, hạng úy phục; hai, hạng mỹ ngôn; ba, hạng kính thuận; bốn, hạng ác hữu.

(1). Hạng úy phục thì thường hay làm bốn việc: một, cho trước đoạt lại sau; hai, cho ít mong trả nhiều; ba, vì sợ gượng làm thân; bốn, vì lợi gượng làm thân.

¹²⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 16. Kinh Thiện Sinh, Taiwan, 2000, trang 333.

¹²⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 16. Kinh Thiện Sinh, Taiwan, 2000, trang 333.

(2). Hạng mỹ ngôn thì thường hay làm bốn việc: một, lành dữ đều chiêu theo; hai, gặp hoạn nạn thì xa lánh; ba, ngăn cản những điều hay; bốn, thấy gặp nguy tìm cách đùn đẩy.

(3). Hạng kính thuận thì thường làm bốn việc: một, việc trước đối trá; hai, việc sau đối trá; ba, việc hiện đối trá; bốn, thấy có một chút lỗi nhỏ đã vội trách phạt.

(4). Hạng bạn ác thì thường làm bốn việc: một, bạn lúc uống rượu; hai, bạn lúc đánh bạc; ba, bạn lúc dâm dật; bốn bạn lúc ca vũ”¹²⁶.

(Cần phải gần gũi với 4 hạng người)

Phật lại bảo Thiện Sinh: “Có bốn hạng người thân đáng thân vì thường đem lại lợi ích và che chở. Những gì là bốn? Một, ngăn làm việc quấy; hai, thương yêu; ba, giúp đỡ; bốn, đồng sự. Đó là bốn hạng người thân đáng thân cận. Nay Thiện Sinh, hạng ngăn quấy thì thường làm bốn việc đem lại nhiều lợi ích và hay che chở: thấy người làm ác thì hay ngăn cản, chỉ bày điều chánh trực, có lòng thương tưởng, chỉ đường sinh Thiên. Đó là bốn trường hợp ngăn cản việc quấy đem lại nhiều lợi ích và hay che chở. Hạng thương yêu thì thường làm bốn việc: Mừng khi mình được lợi, lo khi mình gặp hại, ngợi khen đức tốt của mình, thấy mình nói ác thì tìm cách ngăn cản.

¹²⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 16. Kinh Thiện Sinh, Taiwan, 2000, trang 335.

Đó là bốn điều thương yêu đem lại nhiều lợi ích và hay che chở. Hạng giúp đỡ có bốn việc. Những gì là bốn? Đó là: che chở mình khỏi bùng lung, che chở mình khỏi hao tài vì bùng lung, che chở mình khỏi sợ hãi, khuyên bảo mình trong chỗ vắng người. Hạng đồng sự thì thường làm bốn việc: không tiếc thân mạng với bạn, không tiếc của cải với bạn, cứu giúp bạn khỏi sợ hãi, khuyên bảo bạn lúc ở chỗ vắng người”¹²⁷.

96. Ý nghĩa 6 phương và cách đền đáp 6 phương

Số 16. “Kinh Thiện Sinh”

Phật lại bảo Thiện Sinh: “Người nên biết ý nghĩa sáu phương. Sáu phương là gì? Phương Đông là cha mẹ, phương Nam là sư trưởng, phương Tây là thê thiếp, phương Bắc là bạn bè thân thích, phương trên là các bậc trưởng thượng, Sa-môn, Bà-la-môn, phương dưới là tôi tớ.

Này Thiện Sinh, kẻ làm con phải kính thuận cha mẹ với năm điều. Những gì là năm? 1. Cung phụng không để thiếu thốn; 2. Muốn làm gì thưa cha mẹ biết; 3. Không trái điều cha mẹ làm; 4. Không trái điều cha mẹ dạy; 5. Không cản chướng nghiệp mà cha mẹ làm.

¹²⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 16. Kinh Thiện Sinh, Taiwan, 2000, trang 336~337.

Kẻ làm cha mẹ phải lấy năm điều này chăm sóc con cái: 1. Ngăn con đừng để làm ác; 2. Chỉ bày những điều ngay lành; 3. Thương yêu đến tận xương tủy; 4. Chọn nơi hôn phối tốt đẹp; 5. Tùy thời cung cấp đồ cần dùng.

Này Thiện Sinh, kẻ làm con kính thuận và cung phụng cha mẹ thế thì phương ấy được an ổn không có điều lo sợ.

Đệ tử cung phụng sư trưởng có năm việc: 1. Hầu hạ cung cấp điều cần; 2. Kính lễ cúng dường; 3. Tôn trọng quý mến; 4. Thầy có dạy bảo điều gì không trái nghịch; 5. Thầy có dạy bảo điều gì nhớ kỹ không quên. Kẻ làm đệ tử cần phải thờ kính sư trưởng với năm điều ấy.

Thầy cũng có năm điều để săn sóc đệ tử: 1. Dạy dỗ có phương pháp; 2. Dạy những điều trò chưa biết; 3. Giải nghĩa rành rõ những điều trò hỏi; 4. Chỉ cho những bạn lành; 5. Dạy hết những điều mình biết không lẫn tiếc.

Này Thiện Sinh, nếu đệ tử kính thuận, cung kính sư trưởng thì phương ấy được an ổn không có điều lo sợ.

Này Thiện Sinh, chồng cũng phải có năm điều đối với vợ: 1. Lấy lễ đối đãi nhau; 2. Oai nghiêm không nghiệt; 3. Cho ăn mặc phải thời; 4. Cho trang sức phải thời; 5. Phó thác việc nhà.

Này Thiện Sinh, chồng đối đãi vợ có năm điều, vợ cũng phải lấy năm việc cung kính đối với chồng. Những gì là năm? 1. Dậy trước; 2. Ngồi sau; 3. Nói lời hòa nhã; 4. Kính nhường tùy thuận; 5. Đón trước ý chồng.

Này Thiện Sinh, ấy là vợ đối với chồng cung kính đối đãi nhau, như thế thì phượng ấy được an ổn không điều gì lo sợ.

Này Thiện Sinh, người ta phải lấy năm điều thân kính đối với bà con: 1. Chu cấp; 2. Nói lời hiền hòa; 3. Giúp đạt mục đích; 4. Đồng lợi; 5. Không khi dối.

Bà con cũng phải lấy năm điều đối lại: 1. Che chở cho mình khỏi buồn lung; 2. Che chở cho mình khỏi hao tài vì buồn lung; 3. Che chở khỏi sự sợ hãi; 4. Khuyên răn nhau lúc ở chỗ vắng người; 5. Thường ngợi khen nhau. Này Thiện Sinh! Người biết thân kính bà con như vậy thì phượng ấy được yên ổn không điều chi lo sợ.

Này Thiện Sinh, chủ đối với tớ có năm điều để sai bảo: 1. Tùy khả năng mà sai sử; 2. Phải thời cho ăn uống; 3. Phải thời thưởng công lao; 4. Thuộc thang khi bệnh; 5. Cho có thời giờ nghỉ ngơi.

Tôi tớ phải lấy năm điều phụng sự chủ: 1. Dậy sớm; 2. Làm việc chu đáo; 3. Không gian cấp; 4. Làm việc có lớp lang; 5. Bảo tồn danh giá chủ.

Này Thiện Sinh, nếu chủ đối với tớ được như vậy thì phượng ấy được an ổn không điều chi lo sợ.

Kẻ đàn việt cung phụng hàng Sa-môn, Bà-la-môn với năm điều: 1. Thân hành từ; 2. Khẩu hành từ; 3. Ý hành từ; 4. Đúng thời cúng thí; 5. Không đóng cửa khước từ.

Sa-môn, Bà-la-môn cũng khuyên dạy theo sáu điều: 1. Ngăn ngừa chớ để làm ác; 2. Chỉ dạy điều lành; 3.

Khuyên dạy với thiện tâm; 4. Cho nghe những điều chưa nghe; 5. Những gì đã được nghe làm cho hiểu rõ; 6. Chỉ vẽ con đường sanh thiên.

Này Thiện Sinh, nếu đàn việt kính phụng hàng Sa-môn, Bà-la-môn như thế thì phương ấy được an ổn không điều gì lo sợ”¹²⁸.

97. Quan điểm của Thế Tôn đối với bậc Đạo sư và Giáo pháp của vị đó

Số 17. “Kinh Thanh Tịnh”

Thế Tôn nói với Châu-na: “Quả vậy, Châu-na, trong phi pháp ấy không có gì đáng để nghe. Đó không phải là những điều được nói bởi bậc Chánh đẳng Chánh giác. Cũng như ngôi tháp đổ nát, khó có thể bôi màu. Kia tuy có thầy nhưng thầy đều ôm giữ tà kiến. Tuy có pháp nhưng thầy đều không chân chánh, không đáng để nghe theo, không có khả năng xuất ly, không phải là những điều được nói bởi Chánh đẳng chánh giác. Cũng như ngôi tháp đổ nát không thể bôi màu vậy”.

“Trong số các đệ tử của vị ấy có người không thuận theo pháp ấy, dứt bỏ tà kiến ấy, đi theo chánh kiến. Châu-na, nếu có người đến nói với các đệ tử ấy rằng: ‘Này chư

¹²⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 16. Kinh Thiện Sinh, Taiwan, 2000, trang 337~340.

hiền, pháp của thầy ông là chân chánh, nên tu hành trong pháp ấy, sao lại bỏ đi?’ Nếu người đệ tử này mà tin lời ấy thì cả hai đều thất đạo, mắc tội vô lượng. Vì sao vậy? Kia tuy có pháp nhưng không chân chánh”.

“Châu-na, nếu thầy không tà kiến và pháp ấy chân chánh, có thể khéo léo nghe theo, có khả năng xuất yếu, là pháp được nói bởi đấng Chánh biến tri. Cũng như ngôi tháp mới có thể dễ dàng bôi màu. Nhưng nếu các đệ tử ở trong pháp ấy, không tinh cần tu tập, không thể thành tựu, bỏ con đường bình đẳng, đi vào tà kiến. Nếu có người đến nói với các đệ tử ấy rằng: ‘Này chư hiền, pháp của thầy các người là chân chánh, nên ở trong đó mà tu hành, sao lại bỏ đi mà đi vào tà kiến?’ Các đệ tử ấy nếu tin lời ấy thì cả hai đều thấy chân chánh, được phước vô lượng. Vì sao vậy? Vì pháp ấy chân chánh”.

Phật bảo Châu-na: “Kia tuy có thầy nhưng ôm giữ tà kiến. Tuy cũng có pháp nhưng thầy đều không chân chánh, không có khả năng xuất yếu, không phải là pháp được thuyết bởi đấng Chánh biến tri. Cũng như ngôi tháp đồ nát không thể bôi màu. Các đệ tử kia thành tựu pháp và tùy pháp, tùy thuận theo mà tu hành nhưng lại khởi tà kiến. Châu-na, nếu có người đến nói đệ tử ấy rằng: ‘Pháp của thầy người là chân chánh. Điều người làm là đúng. Nay người tu hành cần khổ như vậy, có thể ở trong đời này người sẽ thành tựu đạo quả’. Các đệ tử kia tin lời ấy thì cả hai đều thất đạo, mắc tội vô lượng. Vì sao vậy? Vì pháp không chân chánh vậy.

Này Châu-na, nếu bậc thầy không tà kiến; Pháp của vị ấy chân chánh, có thể khéo léo nghe theo, có khả năng xuất ly, là pháp được thuyết bởi đấng Chánh biến tri. Cũng như ngôi tháp mới thì dễ bôi màu. Nay đệ tử của vị ấy thành tựu pháp và tùy pháp, tùy thuận tu hành mà sanh chánh kiến. Nếu có người đến nói với các đệ tử ấy rằng: ‘Pháp của thầy ngươi là chân chánh. Sở hành của ngươi là đúng. Nay cần khổ tu hành như vậy, có thể ở trong đời này mà thành tựu đạo quả’. Các đệ tử kia tin lời ấy, cả hai đều chánh kiến, được phước vô lượng. Vì sao vậy? Vì pháp ấy chân chánh”¹²⁹.

98. Thế nào là Phạm hạnh đầy đủ và không đầy đủ

Số 17. “Kinh Thanh Tịnh”

“Này Châu-na, Đạo sư xuất thế, xuất gia đã lâu, danh tiếng đã rộng nhưng các đệ tử chưa nhận được sự dạy dỗ, chưa đầy đủ phạm hạnh, chưa đến nơi an ổn, chưa đạt được mục đích của mình, chưa thể phân bố diễn thuyết pháp đã được thọ lãnh; nếu có dị luận nổi lên thì không thể như pháp mà diệt, chưa chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa. Đó gọi là chi phạm hạnh chưa đầy đủ”.

¹²⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 17. Kinh Thanh Tịnh, Taiwan, 2000, trang 344~346.

“Này Châu-na! Đạo sư xuất thế, xuất gia đã lâu, danh tiếng đã rộng, mà các đệ tử thấy đều chịu giáo huấn, phạm hạnh đầy đủ, đã đến nơi an ổn, đã đạt được mục đích của mình, lại có thể phân biệt diễn thuyết pháp được lãnh thọ; nếu có dị luận khởi thì có thể như pháp mà diệt, đã chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa đầy đủ. Đó là chi phạm hạnh đầy đủ”.

“Này Châu-na! Đạo sư xuất thế, xuất gia chưa lâu, danh tiếng chưa rộng, các Tỳ-kheo ni chưa nhận được sự dạy dỗ, chưa đến chỗ an ổn, chưa đạt được mục đích của mình, chưa thể phân bố diễn thuyết pháp đã được lãnh thọ; nếu có dị luận khởi lên chưa thể như thật diệt trừ bằng chánh pháp, chưa chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa. Đó là chi phạm hạnh chưa đầy đủ”.

“Này Châu-na! Đạo sư xuất thế, xuất gia đã lâu, danh tiếng đã rộng, các Tỳ-kheo ni thấy đều nhận được giáo huấn, phạm hạnh đầy đủ, đã đến nơi an ổn, có thể phân biệt diễn thuyết pháp đã lãnh thọ; nếu có dị luận khởi lên thì như pháp mà trừ diệt, đã chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa. Đó là chi phạm hạnh đầy đủ”.

“Này Châu-na! Các ưu bà tắc, ưu bà di rộng tu phạm hạnh... cho đến... đã chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa, cũng vậy”.

“Này Châu-na, nếu Đạo sư không còn ở đời, không có danh tiếng, sự lợi dưỡng tôn giảm. Đó là chi phạm hạnh không đầy đủ. Nếu Đạo sư tại thế, danh tiếng và lợi

dưỡng đều có đủ, không có tổn giảm; đó là chi phạm hạnh đầy đủ”.

“Nếu Đạo sư còn ở đời, danh tiếng và lợi dưỡng thầy đều đầy đủ nhưng các Tỳ-kheo không thể đầy đủ danh tiếng và lợi dưỡng. Đó là chi phạm hạnh không đầy đủ”.

“Nếu Đạo sư tại thế, danh tiếng và lợi dưỡng đầy đủ không tổn giảm, chúng các Tỳ-kheo cũng đầy đủ như vậy. Đó là chi phạm hạnh đầy đủ. Chúng Tỳ-kheo ni cũng vậy”.

“Châu-na, Ta xuất gia đã lâu, danh tiếng rộng xa, các Tỳ-kheo của Ta đã nhận lãnh giáo huấn, đã đến chỗ an ổn, đã tự mình đạt được mục đích, lại có thể nói cho người khác pháp đã lãnh thọ; nếu có dị luận khởi lên có thể như pháp mà diệt, đã chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cũng vậy”¹³⁰.

99. Lời khuyên của Thế Tôn đối với đệ tử khi phát sinh kiến giải bất đồng

Số 17. “Kinh Thanh Tịnh”

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: “Ta đối với pháp này tự thân tác chứng. Đó là bốn niệm xứ, bốn thần túc,

¹³⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 17. Kinh Thanh Tịnh, Taiwan, 2000, trang 347~348.

bốn ý đoạn, bốn thiên, năm căn, năm lực, bảy giác ý, tám đạo Hiền Thánh. Các người tất cả hãy cùng hòa hiệp chớ sanh tranh chấp. Cùng theo học một Thầy, cũng như nước và sữa hòa một; ở trong Chánh pháp của Như Lai, hãy tự thấp sáng cho mình, nhanh chóng được an lạc. Sau khi đã được an lạc, nếu có Tỳ-kheo nào, trong lúc có Tỳ-kheo đang thuyết pháp, mà nói rằng: ‘Điều được nói của vị kia, văn cú không chánh; nghĩa lý không chánh’. Tỳ-kheo nghe như thế không nên nói đây là đúng, cũng không nên nói đây là sai, mà hãy nói với Tỳ-kheo ấy rằng: ‘Thế nào, chư hiền? Câu của tôi như vậy. Câu của các ngài như vậy. Nghĩa của tôi như vậy. Nghĩa của các ngài như vậy. Cái nào hơn? Cái nào thua?’ Nếu Tỳ-kheo kia nói rằng: ‘Câu của tôi như vậy. Câu của ngài như vậy. Nghĩa của tôi như vậy. Nghĩa của ngài như vậy. Câu của ngài hơn. Nghĩa của ngài cũng hơn’. Tỳ-kheo kia nói vậy, nhưng cũng chớ cho là đúng, cũng chớ cho là sai, mà nên can gián Tỳ-kheo ấy, nên khuyên cáo hãy từ bỏ, hãy cùng suy cầu. Như vậy, cùng nhau hòa hiệp, chớ sanh tranh chấp. Cùng một Thầy học, như sữa và nước hiệp nhất; ở trong chánh pháp của Như Lai, hãy tự mình thấp sáng, chóng được an lạc”.

“Sau khi đã an lạc, nếu có Tỳ-kheo nào trong khi có Tỳ-kheo đang thuyết pháp mà nói như vậy: ‘Điều mà vị ấy nói, văn cú không chánh nhưng nghĩa thì chánh’. Tỳ-kheo nghe như vậy, không nên nói đây là đúng cũng không nên nói đây là sai, mà nên nói với Tỳ-kheo ấy

rằng: ‘Thế nào, Tỳ-kheo? Câu của tôi như vậy. Câu của ngài như vậy. Câu nào đúng? Câu nào sai?’ Nếu Tỳ-kheo ấy nói: ‘Câu của tôi như vậy. Câu của ngài như vậy. Câu của ngài hơn’. Tỳ-kheo kia nói như vậy nhưng cũng không nên nói đây là đúng, cũng không nên nói thế là sai, mà nên can gián Tỳ-kheo ấy, nên khuyến cáo hãy dứt bỏ, hãy cùng suy cầu. Như vậy tất cả cùng hòa hiệp, chớ sanh tranh chấp, đồng một Thầy học, như nước sữa hiệp nhất, ở trong Chánh pháp của Như Lai, hãy tự mình thấp sáng, nhanh chóng được an lạc”.

“Sau khi đã an lạc, nếu có Tỳ-kheo nào trong khi có Tỳ-kheo đang thuyết pháp mà nói như vậy: ‘Điều mà vị kia nói, văn cú chánh nhưng nghĩa không chánh.’ Tỳ-kheo nghe như vậy, không nên nói đây là đúng cũng không nên nói đây là sai, mà nên nói với Tỳ-kheo ấy rằng: ‘Thế nào, Tỳ-kheo? Câu của tôi như vậy. Câu của ngài như vậy. Câu nào đúng? Câu nào sai?’ Nếu Tỳ-kheo ấy nói: ‘Câu của tôi như vậy. Câu của ngài như vậy. Câu của ngài hơn’. Tỳ-kheo kia nói như vậy nhưng cũng không nên nói đây là đúng, cũng không nên nói thế là sai, mà nên can gián Tỳ-kheo ấy, nên khuyến cáo hãy dứt bỏ, hãy cùng suy cầu. Như vậy tất cả cùng hòa hiệp, chớ sanh tranh chấp, đồng một Thầy học, cùng hòa hiệp như nước với sữa, ở trong Chánh pháp của Như Lai, hãy tự mình thấp sáng, chóng được an lạc”.

“Sau khi được an lạc, nếu có Tỳ-kheo trong khi có Tỳ-kheo đang thuyết pháp mà nói như vậy ‘Điều được

thuyết kia, văn cú chánh, nghĩa chánh’. Tỳ-kheo nghe như vậy, không nên nói là sai, mà hãy nên khen ngợi Tỳ-kheo ấy rằng: ‘Điều ngài nói là đúng. Điều ngài nói là đúng’. Vì vậy, này Tỳ-kheo, trong mười hai bộ kinh hãy tự mình chứng nghiệm, rồi lưu bố rộng rãi. Một là quán kinh. Hai là kỳ dạ kinh. Ba là thọ ký kinh. Bốn là kê kinh. Năm là pháp cú kinh. Sáu là tương ưng kinh. Bảy là bốn duyên kinh. Tám là thiên bản kinh. Chín là quảng kinh. Mười là vị tăng hữu kinh. Mười một là thí dụ kinh. Mười hai là đại giáo kinh. Các người hãy khéo thọ trì, hãy tùy năng lực mà suy xét, phân bố rộng rãi”¹³¹.

100. Tứ sự cúng dường

Số 17. “Kinh Thanh Tịnh”

“Này các Tỳ-kheo, y mà Ta quy định hoặc y lấy từ bãi tha ma hoặc y của trưởng giả hoặc y xấu hèn; các thứ y ấy đủ để che nóng che lạnh, muối mòng; đủ để trùm kín bốn chi thể”.

“Này các Tỳ-kheo, ẩm thực mà Ta quy định hoặc thực phẩm do khát thực hoặc từ cư sĩ; các loại thực phẩm ấy đủ no. Nếu thân thể khổ não, các bệnh hoạn bức thiết mình, sợ rằng có thể vì thế mà chết, cho nên Ta cho phép các loại thực phẩm ấy để tri túc thì thôi”.

¹³¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 17. Kinh Thanh Tịnh, Taiwan, 2000, trang 350~352.

“Này các Tỳ-kheo, trú xứ mà Ta quy định hoặc dưới gốc cây hoặc chỗ trống hoặc trong phòng hoặc trên lầu gác hoặc trong hang hoặc tại các trú xứ khác; các trú xứ ấy đủ để ngăn che nóng lạnh, che nắng, che mưa, muỗi mòng, cho đến chỗ vắng vẻ để nghỉ ngơi”.

“Này các Tỳ-kheo, thuốc men mà Ta quy định hoặc đại tiểu tiện hoặc dầu hoặc mật; các thứ thuốc ấy tự đủ, nếu thân thể phát sanh đau nhức, các thứ bệnh hoạn bức thiết mình, sợ rằng có thể chết, cho nên Ta quy định các thứ thuốc ấy”¹³².

101. Thế Tôn tán thán thiên lạc chê trách dục lạc

Số 17. “Kinh Thanh Tịnh”

Phật lại nói: “Hoặc có Phạm chí ngoại đạo đến nói: ‘Sa-môn Thích tử hưởng thụ các thứ hoan lạc’. Nếu có người nói như vậy, nên trả lời rằng: ‘Ngươi chớ nói như vậy, rằng Sa-môn Thích tử ham hưởng thụ các thứ hoan lạc’. Vì sao? Có thứ lạc nếu hưởng thụ thì bị Như Lai chê trách. Có thứ lạc nếu hưởng thụ thì được Như Lai khen ngợi. Nếu Phạm chí ngoại đạo hỏi: ‘Thứ lạc nào mà nếu hưởng thụ thì bị Cù-đàm chê trách?’ Nếu có hỏi như vậy, nên trả lời rằng: ‘Năm phẩm tính của dục đáng ưa đáng

¹³² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 17. Kinh Thanh Tịnh, Taiwan, 2000, trang 352.

thích, mọi người đều đam mê. Thế nào là năm? Mắt nhận thức sắc đáng ưa đáng thích, mọi người đều đam mê. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc cảm đáng ưa đáng thích, mọi người đều đam mê. Nay chư hiền, do duyên là năm dục mà sanh hỷ lạc; đó là điều mà Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác chê trách. Cũng như có người cố tình sát hại chúng sanh, tự cho thế là hoan lạc; đó là điều mà Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác chê trách. Cũng như có người lén lút trộm cắp của người, cho thế là khoái lạc; đó là điều mà Như Lai chê trách. Cũng như có người xâm phạm tịnh hạnh của người khác, tự cho thế là khoái lạc; đó là điều mà Như Lai chê trách. Cũng như có người cố ý nói dối, tự cho thế là khoái lạc; đó là điều mà Như Lai chê trách. Cũng có người sống phóng dăng buông thả; đó là điều Như Lai chê trách. Cũng có người hành khổ hạnh bề ngoài, không phải là hành chân chánh mà Như Lai dạy, tự cho thế là khoái lạc; đó là điều Như Lai chê trách”.

“Này các Tỳ-kheo, năm phẩm chất của dục vốn đáng chê trách mà mọi người tham đắm. Những gì là năm? Mắt nhận biết sắc đáng ưa đáng thích, là cái mà con người tham đắm. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc đáng ưa đáng thích, mọi người tham đắm. Sa-môn Thích tử không tán đồng những thứ khoái lạc như vậy. Cũng như có người cố ý sát sanh, cho đó là khoái lạc. Sa-môn Thích tử không tán đồng khoái lạc như vậy. Cũng như có người trộm cắp, cho thế là khoái lạc. Sa-môn Thích tử không tán đồng những thứ

khoái lạc như vậy. Cũng như có người phạm tịnh hạnh, cho thế là khoái lạc. Sa-môn Thích tử không đồng khoái lạc như vậy. Cũng như có người phóng đãng buông trôi, cho thế là lạc. Sa-môn Thích tử không đồng khoái lạc như vậy. Cũng như có người hành khổ hạnh bề ngoài, cho thế là khoái lạc. Sa-môn Thích tử không đồng khoái lạc như vậy”.

“Nếu có Phạm chí ngoại đạo hỏi như vậy: ‘Thứ lạc hưởng thụ nào mà Sa-môn Thích tử khen ngợi?’ Nay các Tỳ-kheo, nếu người kia có nói như vậy, các người nên trả lời rằng: ‘Này chư hiền, năm phẩm chất của dục đáng ưa đáng thích, được người đời tham đắm. Những gì là năm? Mắt biết sắc... cho đến, thân biết xúc, đáng ưa đáng thích, được người đời tham đắm. Nay chư hiền, do nhân duyên là năm dục mà sanh lạc, nên nhanh chóng diệt trừ. Cũng như có người cố ý sát sanh, tự cho thế là khoái lạc. Thứ lạc như thế, nên nhanh chóng diệt trừ. Có người trộm cắp, tự cho thế là khoái lạc. Thứ lạc ấy nên nhanh chóng diệt trừ. Cũng như có người phạm tịnh hạnh, tự cho thế là khoái lạc. Thứ lạc ấy nên chóng diệt trừ. Cũng như có người phóng đãng buông trôi, tự cho thế là khoái lạc. Thứ lạc ấy nên nhanh chóng diệt trừ. Cũng như có người hành khổ hạnh bề ngoài, cho thế là khoái lạc. Thứ lạc ấy nên chóng diệt trừ. Cũng như có người ly dục, lìa bỏ pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc phát sanh do ly dục, nhập sơ thiền. Lạc như thế là điều Phật khen ngợi. Cũng như có người diệt giác quán, nội tâm hoan hỷ, nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định

sanh, nhập nhị thiên. Lạc như thế được Phật khen ngợi. Cũng như có người trừ hỷ, nhập xả, tự biết thân lạc là điều mà Hiền Thánh mong cầu, có xả niệm, nhất tâm, nhập đệ tam thiên. Lạc như thế được Phật khen ngợi. Lạc hết, khổ hết, ưu và hỷ trước đã diệt, không khổ không lạc, hộ niệm thanh tịnh, nhập đệ tứ thiên. Lạc như vậy được Phật khen ngợi”¹³³.

102. Thiên lạc có xu hướng đưa đến kết quả Niết-bàn

Số 17. “Kinh Thanh Tịnh”

“Nếu có Phạm chí ngoại đạo nói như vậy: ‘Trong lạc ấy, các người tìm phẩm chất gì?’ Nên trả lời rằng: ‘Lạc ấy sẽ đưa đến phẩm chất của bảy quả. Những gì là bảy? Ngay trong đời này, chúng đắc thánh đạo. Giả sử chưa chứng, sau khi chết sẽ chúng đắc thánh đạo. Nếu trong khi chết mà chưa chúng đắc thì sẽ đoạn trừ năm hạ phần kết, sẽ chúng đắc trung bát Niết-bàn, sanh bát Niết-bàn, hành bát Niết-bàn, vô hành bát Niết-bàn, thượng lưu a-ca-nị-trá Niết-bàn. Nay chư hiền, như vậy lạc ấy có bảy phẩm chất. Chư hiền, nếu Tỳ-kheo đang ở bậc học địa mà muốn hướng thượng, tìm cầu chỗ an ổn nhưng chưa trừ năm triền cái. Những gì là năm? Tham dục triền cái, sân nhuế triền cái, thụy miên triền cái, trạo hỷ triền cái,

¹³³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 17. Kinh Thanh Tịnh, Taiwan, 2000, trang 352~354.

nghi triền cái. Tỳ-kheo hữu học kia muốn cầu hướng thượng, tìm chỗ an ổn nhưng chưa diệt trừ năm triền cái, đối với bốn niệm xứ không hay tinh cần, đối với bảy giác ý không hay tinh cần, lại muốn chứng được pháp thượng nhân, trí tuệ tăng thượng của hiền thánh, mong cầu muốn biết, muốn thấy, không có trường hợp ấy”¹³⁴.

103. Thế nào là vị lậu tận A-la-hán?

Số 17. “Kinh Thanh Tịnh”

“Chư hiền, có Tỳ-kheo là lậu tận A-la-hán, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích của mình, đã dứt sạch các kết sử của hữu; với chánh trí đã giải thoát, vị ấy không làm chín việc. Những gì là chín? Một là không giết. Hai là không lấy trộm. Ba là không dâm. Bốn là không nói dối. Năm, không xả đạo. Sáu, không bị dục chi phối. Bảy, không bị sân chi phối. Tám, không bị sợ hãi chi phối. Chín, không bị nghi chi phối. Chư hiền, ấy là vị lậu tận A-la-hán đã làm xong điều cần làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích của mình, đã dứt sạch kết sử của hữu, chánh trí giải thoát, xa lìa chín sự”¹³⁵.

¹³⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 17. Kinh Thanh Tịnh, Taiwan, 2000, trang 354~355.

¹³⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 17. Kinh Thanh Tịnh, Taiwan, 2000, trang 355.

104. Phật giáo Nguyên thủy chủ trương hữu trụ hay vô trụ?

Số 17. “Kinh Thanh Tịnh”

“Hoặc có Phạm chí ngoại đạo nói như vậy: ‘Sa-môn Thích tử có pháp bất trụ’. Nên trả lời vị ấy rằng: ‘Chư hiền, chớ nói như vậy, rằng Sa-môn Thích tử có pháp bất trụ. Vì sao vậy? Pháp của Sa-môn Thích tử là thường trụ, không bị dao động. Cũng như ngưỡng cửa thường trụ không động. Pháp của Sa-môn Thích tử cũng vậy, thường trụ không di động’”¹³⁶.

105. Thái độ của Như Lai đối với những việc quá khứ vị lai và hiện tại

Số 17. “Kinh Thanh Tịnh”

“Hoặc có Phạm chí ngoại đạo nói như vậy: ‘Sa-môn Thích tử có pháp bất trụ’. Nên trả lời vị ấy rằng: ‘Chư hiền, chớ nói như vậy, rằng Sa-môn Thích tử có pháp bất trụ. Vì sao vậy? Pháp của Sa-môn Thích tử là thường trụ, không bị dao động. Cũng như ngưỡng cửa thường trụ không động. Pháp của Sa-môn Thích tử cũng vậy, thường trụ không di động’”.

¹³⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 17. Kinh Thanh Tịnh, Taiwan, 2000, trang 355.

“Hoặc có Phạm chí ngoại đạo nói như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm biết suốt việc trong đời quá khứ nhưng không biết việc trong đời vị lai’. Tỳ-kheo kia cùng Phạm chí dị học kia trí tuệ khác nhau, trí quán cũng khác nên lời nói hư dối. Như Lai đối với việc quá khứ kia không gì không thấy biết rõ như ở trước mắt. Đối với đời vị lai, Như Lai có trí tuệ phát sanh từ đạo. Việc trong đời quá khứ vốn hư dối không thật, không đáng vui thích, không lợi ích gì, Như Lai không ghi nhận. Hoặc việc quá khứ có thật nhưng không đáng ưa thích, không ích lợi gì, Phật cũng không ghi nhận. Nếu việc quá khứ có thật, đáng ưa nhưng không lợi ích, Phật cũng không ghi nhận. Nếu việc quá khứ có thật, đáng ưa, có lợi ích, Như Lai biết suốt, sau đó mới ghi nhận. Vị lai, hiện tại, cũng vậy”.

“Như Lai đối với quá khứ, vị lai, hiện tại nói đúng thời, nói sự thật; nói có nghĩa, có lợi; nói đúng pháp, đúng luật, không có lời hư dối. Phật từ đêm đầu tiên thành Vô thượng Chánh giác cho đến đêm cuối cùng, trong khoảng giữa có nói điều gì, thấy đều như thật; do đó gọi là Như Lai”.

“Lại nữa, những điều Như Lai nói đúng như sự; sự đúng như lời, do đó gọi là Như Lai”¹³⁷.

¹³⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 17. Kinh Thanh Tịnh, Taiwan, 2000, trang 356.

106. Thế nào gọi là Như Lai?

Số 17. “Kinh Thanh Tịnh”

“Như Lai đối với quá khứ, vị lai, hiện tại nói đúng thời, nói sự thật, nói có nghĩa, có lợi, nói đúng pháp, đúng luật, không có lời hư dối. Phật từ đêm đầu tiên thành Vô thượng chánh giác cho đến đêm cuối cùng, trong khoảng giữa có nói điều gì, thấy đều như thật; do đó gọi là Như Lai”.

“Lại nữa, những điều Như Lai nói đúng như sự; sự đúng như lời; do đó gọi là Như Lai”¹³⁸.

107. Thế nào gọi là Đẳng chánh giác?

Số 17. “Kinh Thanh Tịnh”

“Do nghĩa gì mà gọi là Đẳng chánh giác? Những gì mà Phật thấy biết, diệt trừ, giác ngộ, Phật thấy đều giác ngộ, biết rõ nên gọi là Đẳng chánh giác”¹³⁹.

¹³⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 17. Kinh Thanh Tịnh, Taiwan, 2000, trang 356.

¹³⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 17. Kinh Thanh Tịnh, Taiwan, 2000, trang 356.

108. Thế Tôn không nói lời hư dối, vô ích

18. “Kinh Tỳ Hoan Hỷ”

“Ngôn thanh tịnh tức là Thế Tôn đối với các Sa-môn, Bà-la-môn không nói lời hư dối vô ích; nói không cốt để hơn, không vì phe đảng; lời nói nhu hòa, không sai thời tiết; lời nói không phát suông. Đó gọi là ngôn thanh tịnh. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên”¹⁴⁰.

Số 30. “Kinh Thế Ký” ‘Châu Diêm Phù Đề’

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Sau bữa ăn, chúng con tập trung tại pháp giảng đường bàn luận rằng: ‘Chư Hiền! Thật chưa từng có, nay đây trời đất này do đâu mà tan hoại? Do đâu mà hình thành? Quốc độ mà chúng sanh ở là như thế nào?’ Chúng con tập trung tại giảng đường bàn luận vấn đề như thế”.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Lành thay! Lành thay! Phạm người xuất gia nên hành hai pháp: một là sự im lặng của Hiền Thánh, hai là giảng luận Pháp ngữ. Các thầy tập trung tại giảng đường cũng nên hành sự im lặng của Hiền Thánh hoặc giảng luận Chánh pháp. Nay các Tỳ-kheo!

¹⁴⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 18. Kinh Tỳ Hoan Hỷ, Taiwan, 2000, trang 365~366.

Các thầy muốn nghe Như Lai nói về việc trời đất thành, hoại và quốc độ mà chúng sanh ở chăng?”¹⁴¹

109. Từ một Tăng đoàn độc cư tu tập trong rừng núi, Phật giáo đã trở thành một tôn giáo của xã hội

19. “Kinh Đại Hội”

(Giới xuất gia)

“Một thời Phật tại nước Thích-kiều-sấu trong rừng Ca-duy, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo năm trăm người, thầy đều là A-la-hán. Lại có mười phương các Trời thần diệu cũng đến tập hội, kính lễ Như Lai và Tỳ-kheo tăng”¹⁴².

(Chư Thiên)

Lúc bấy giờ, bốn vị Tịnh cư thiên đang ở trên cõi trời ấy, mỗi người tự nghĩ rằng: “Nay Thế Tôn đang ở tại Thích-kiều-sấu trong rừng Ca-duy cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người, thầy đều đã chứng đắc A-la-hán. Lại có mười phương các trời thần diệu cũng đến tập hội,

¹⁴¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 1, 30. Kinh Thế Ký: Diêm- Phù- Đề, Taiwan, 2000, trang 553~554.

¹⁴² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 19. Kinh Đại Hội, Taiwan, 2000, trang 375.

kính lễ Như Lai và Tỳ-kheo tăng. Nay chúng ta cũng nên đi đến chỗ Thế Tôn, mỗi người sẽ xưng tán Như Lai bằng bài kệ của mình”.

“Rồi thì, bốn vị Tịnh cư thiên, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay biến mất khỏi các cõi trời kia, đến Thích-kiều-sáu trong rừng Ca-duy. Bấy giờ, bốn vị Tịnh cư thiên, sau khi đến nơi, cúi đầu lễ chân Phật, rồi đứng sang một bên...”¹⁴³

(Chư quỹ thần)

Địa thần dẫn theo bảy nghìn duyệt-xoa đủ các loại, thấy đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, danh xưng; thấy đều với tâm hoan hỷ đến chỗ chúng Tỳ-kheo trong rừng.

Lúc ấy, có thần Tuyết sơn dẫn theo sáu nghìn quỹ duyệt-xoa đủ các loại, thấy đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, danh xưng; thấy đều với tâm hoan hỷ đến chỗ chúng Tỳ-kheo trong rừng.

Có một thần Xá-la dẫn theo ba nghìn quỹ duyệt-xoa đủ các loại, thấy đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, danh xưng; thấy đều với tâm hoan hỷ đến chỗ chúng Tỳ-kheo trong rừng.

¹⁴³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 19. Kinh Đại Hội, Taiwan, 2000, trang 375~376.

Một vạn sáu nghìn quỷ thần duyệt-xoa đủ các loại này thấy đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, danh xưng; thấy đều với tâm hoan hỷ đến chỗ chúng Tỳ-kheo trong rừng.

Lại có thần Tỳ-ba-mật trú ở Mã quốc dẫn năm trăm quỷ đều có thần túc, oai đức.

Lại có thần Kim-tỳ-la trú ở núi Tỳ-phú-la, thành Vương xá, dẫn vô số quỷ thần, cung kính vây quanh.¹⁴⁴

(Bốn Thiên Vương)

Lại có phương Đông, Đề-đâu-lại-trá Thiên vương thống lãnh các thần Càn-đạp-hòa, có đại oai đức, có chín mươi một người con, tất cả đều có tên là Nhân-đà-la, có đại thần lực.

Phương Nam, Tỳ-lâu-lặc Thiên vương thống lãnh các long vương, có đại oai đức, có chín mươi một người con, thấy đều có tên là Nhân-đà-la, có đại thần lực.

Phương Tây, Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương thống lãnh các quỷ cư bàn trà, có đại oai đức, có chín mươi một người con, thấy đều tên là Nhân-đà-la, có đại thần lực.

Phương Bắc, Tỳ-sa-môn Thiên vương thống lãnh các quỷ duyệt-xoa, có đại oai đức, có chín mươi một người con, thấy đều tên là Nhân-đà-la, có đại thần lực.

¹⁴⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 19. Kinh Đại Hội, Taiwan, 2000, trang 378.

Bốn vị Thiên vương hộ trì thế gian này có đại oai đức, mình phát ánh sáng, đi đến rừng Ca-duy.¹⁴⁵

(Phật dùng thần chú để điều phục chư Thiên và quỷ thần)

Bấy giờ, Thế Tôn muốn hàng phục tâm huyễn ngụy hư dối của họ nên kết chú rằng:

“Ma câu lâu la ma câu lâu la tỳ lâu la tỳ lâu la, chiêm đà na, gia ma thế trí, ca, ni diên đậu, ni diên đậu, ba na lỗ, ô hô nô nô chủ, đề bà tô mộ, Ma-đầu la, chi đa la tư na, càn đạp ba, na la chủ, xà ni sa, thi ha, vô liên đà la, tỳ ba mật đa la, thọ trần đà la, na lư ni kha, thăng phù lâu, thâu chi bà tích bà.”

Như vậy, các vua càn-đạp-bà và la-sát đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, với tâm hoan hỷ đi đến chúng Tỳ-kheo trong khu rừng. Bấy giờ, Thế Tôn lại kết chú:

“A hê, na đà sắt, na đầu, Tỳ-xá-ly, sa ha, đái xoa xà, bà đề, đề đầu lại trá, đế bà sa ha, nhĩ lệ da, gia tỳ la, nhiếp ba na già, a đà già ma, thiên đề già, y la bà đà, ma ha na già, tỳ ma na già đa, đà già đà dư, na già la xà, bà ha sa ha, xoa kỳ đề, bà đề la đế, bà đề la đế, tỳ mai đại tích thiêm, tỳ ha tứ, bà nanh, a bà bà tứ, chát đa la, tốc hòa ni na, câu tứ đa, a bà do, na già la trừ, a tứ, tu bạt la, tát đế

¹⁴⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 19. Kinh Đại Hội, Taiwan, 2000, trang 378~379.

nô, a già, phật đà sái, thất la-nanh, bà da, uru la đầu bà diên lâu, tô bàn nậu, phật đầu, xá la nậu, già loại lâu”.

Rồi Thế Tôn lại kết chú cho A-tu-la:

“Kỳ đà, bạt xà, ha đế, tam vật đệ, a tu la, a thất đà, bà diên địa, bà tam ba tứ, y đệ a đà, đề bà ma, thiên địa, già lê diệu, ma ha bí ma, a tu la, đà na bí la đà, bệ ma chất đầu lâu, tu chất đế lê, bà la ha lê, vô di liên na bà, xá lê a tế, bạt lê, phật đa la na, tát bệ, tát lâu da na na mê, tát na mê đế, bà lê, tế như, la da bạt đầu lâu, y ha am bà la mê, tam ma do y, đà na, bạt đà nhã, tỷ khâu na, tam di thế, nê bạt”.

Rồi Thế Tôn lại kết chú cho Chư thiên:

“A phù, đề bà, bệ lê, hê bệ, đề dự, bà do, đa đà nậu bạt lâu nậu bạt lâu ni, thế đế tô di, da xá a đầu, di đa la bà, già la na di bà a lã đề bà, ma thiên thê dữ, đà xà đề xá, già dư, tát bệ, na-nan đa la bà bạt na, y địa bàn đại, thù địa ban na bàn đại, da xá ti nậu, mộ đà bà na, a hê kiên đại, tỷ khâu na, bà vị đệ, bà ni...”¹⁴⁶

¹⁴⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 19. Kinh Đại Hội, Taiwan, 2000, trang 375~384.

110. 32 tướng và 7 báu là một loại văn hóa truyền thống Ấn Độ

20. “Kinh A Ma Trú”

Nay ta bảo cho người biết, nếu thật có ba mươi hai tướng đại nhân, chắc chắn có hai đường, không nghi ngờ gì nữa. Nếu tại gia sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, cai trị bốn thiên hạ, bằng pháp trị, giáo hóa, thống lãnh nhân dân, đầy đủ bảy báu: 1. báu bánh xe vàng; 2. báu voi trắng; 3. báu ngựa xanh; 4. báu thần châu; 5. báu ngọc nữ; 6. báu cư sĩ; 7. báu điện binh. Vua có một nghìn người con dững mãnh, đa trí, hàng phục kẻ thù, không cần dùng vũ khí mà thiên hạ thái bình, nhân dân trong nước không có điều kinh sợ. Còn nếu không ham thích thế gian, vị ấy xuất gia cầu đạo sẽ thành Như Lai, Chí nhân, Đẳng chánh giác đầy đủ mười hiệu. Theo đó mà có thể biết thực hư của Cù-đàm”¹⁴⁷.

111. Đức Phật nói về chủng tánh

20. “Kinh A Ma Trú”

Ma-nạp bạch Phật: “Đời có bốn chủng tánh: Sát-ly, Bà-la-môn, cư sĩ, thủ-đà-la. Ba chủng tánh kia thường tôn trọng, cung kính, cúng dường Bà-la-môn. Những

¹⁴⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 389.

người họ Thích kia không nên như vậy. Họ Thích tôi tớ kia hèn mọn, thấp kém mà không cung kính Bà-la-môn như ta”.

Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ thầm rằng: “Gã Ma-nạp này nhiều lần mắng nhiếc và nói đến từ tôi tớ. Vậy Ta có nên nói duyên do của nó để nó khuất phục chăng?” Rồi Phật bảo Ma-nạp: “Chúng tánh người là gì?”

Ma-nạp trả lời: “Tôi chúng tánh Thanh vương.”

Phật bảo Ma-nạp: “Chúng tánh người như thế là thuộc dòng dõi tôi tớ của dòng họ Thích.”

Lúc ấy, năm trăm đệ tử Ma-nạp kia thấy đều lớn tiếng nói với Phật rằng: “Chớ nói như vậy. Chớ nói Ma-nạp này thuộc dòng dõi tôi tớ của dòng họ Thích. Vì sao? Đại Ma-nạp này thật sự là con nhà tông tộc, nhan mạo đoan chánh, tài biện luận đúng lúc, nghe nhiều, học rộng đủ để cùng đàm luận trao đổi với Cù-đàm”.

Thế Tôn nói với năm trăm Ma-nạp: “Nếu thầy của các người không đúng như lời các người nói, Ta sẽ bỏ qua thầy người mà luận nghĩa với các người. Nếu thầy các người có đúng như lời các người nói, các người nên im lặng để Ta luận với thầy các người”.

Năm trăm Ma-nạp bấy giờ bạch Phật rằng: “Chúng tôi tất cả sẽ im lặng. Xin Ngài luận với thầy của tôi”.

Bấy giờ Thế Tôn nói với A-ma-trú: “Trong thời quá khứ lâu dài xa xưa, có vị vua tên Thanh Ma. Vua có bốn

người con trai, Thứ nhất tên Diện Quang. Thứ hai tên Tượng Thực. Thứ ba tên Lộ Chỉ. Thứ tư tên Trang Nghiêm. Bốn người con của vua có chút vi phạm bị vua đuổi khỏi nước, đến phía Nam Tuyết Sơn, sống trong rừng cây thẳng. Mẹ của bốn người con cùng với các gia thuộc đều nghĩ nhớ họ, cùng nhau nhóm họp bàn, rồi đi đến chỗ Thanh Ma vương, tâu rằng: “Đại vương nên biết, bốn người con của chúng ta xa cách đã lâu, nay chúng tôi muốn đi thăm”.

Vua nói: “Muốn đi thì tùy ý”.

“Các người mẹ và quyến thuộc nghe vua dạy, liền đi đến phía Nam Tuyết Sơn, trong rừng cây thẳng, đến chỗ bốn người con. Các bà mẹ nói: “Con gái của ta gả cho con trai người. Con trai người gả cho con gái ta”.

“Rồi họ phối nhau thành vợ chồng. Sau sinh con trai, dung mạo đoan chánh”.

“Lúc ấy, vua Thanh Ma nghe bốn người con mình được các bà mẹ gả cho các con gái làm vợ, sanh con trai đoan chánh. Vua rất vui mừng, thốt lên lời này: ‘Đúng là con nhà họ Thích. Đúng là con trai họ Thích’. Vì có thể tự lập, nhân đó đặt tên là Thích. Thanh Ma vương chính là tiên tổ họ Thích vậy. Vương có một người áo xanh tên gọi Phương Diện, nhan mạo đoan chánh, cùng thông giao với một người Bà-la-môn bèn có thai, sanh một Ma-nạp vừa rớt xuống đất là biết nói. Nó nói với cha mẹ rằng: ‘Hãy tắm cho con, trừ sạch dơ bẩn. Sau này lớn lên, con

sẽ báo ơn'. Vì mới sanh đã biết nói nên đặt tên Thanh vương. Như nay kẻ mới sanh mà biết nói thì ai cũng sợ, đặt tên là Đáng Sợ. Kia cũng vậy. Vừa sanh đã biết nói nên được đặt tên là Thanh vương. Từ đó đến nay, Bà-la-môn lấy Thanh vương làm họ”.

Lại bảo Ma-nạp: “Ngươi có bao giờ nghe các Bà-la-môn kỳ cựu, trưởng thượng nói về nguồn gốc chủng tánh này chưa?”

Lúc ấy Ma-nạp im lặng không trả lời. Hỏi lần nữa. Lại cũng không trả lời, Phật hỏi đến ba lần, bảo Ma-nạp rằng: “Ta hỏi đến ba lần. Ngươi hãy nhanh chóng trả lời. Nếu ngươi không trả lời, Mật Tích lực sĩ tay cầm chày vàng đứng hai bên Ta sẽ đánh cho đầu ngươi vỡ thành bảy mảnh.”

Lúc ấy Mật Tích lực sĩ tay cầm chày vàng, đang đứng giữa hư không, ngay trên đầu Ma-nạp. Nếu Ma-nạp không trả lời câu hỏi đúng lúc sẽ hạ chày vàng đánh vỡ đầu Ma-nạp. Phật bảo Ma-nạp: “Ngươi hãy ngược nhìn xem.”

Ma-nạp ngược nhìn, thấy Mật Tích lực sĩ tay cầm chày vàng đứng giữa hư không. Thấy vậy, rất đổi kinh hãi, toàn thân lông dựng đứng, liền rời chỗ ngồi, đến gần Thế Tôn, nương nơi Thế Tôn để được cứu hộ. Ma-nạp bạch Phật: “Thế Tôn hãy hỏi. Con sẽ trả lời.”

Phật hỏi Ma-nạp: “Ngươi có bao giờ nghe các Bà-la-môn kỳ cựu, trưởng thượng nói về nguồn gốc chủng tánh này chưa?”

Ma-nạp đáp: “Tôi tin là đã từng nghe. Thật có sự kiện ấy.”

Khi ấy năm trăm Ma-nạp thấy cùng cất tiếng bảo nhau rằng: “A-ma-trú này thật sự thuộc dòng họ tôi tớ của Thích-ca. Sa-môn Cù-đàm nói sự thật, chúng ta vô cớ ôm lòng khinh mạn.”

Bấy giờ Thế Tôn nghĩ thầm: “Năm trăm Ma-nạp này về sau tất có lòng khinh mạn, gọi Ma-nạp này là đày tớ. Nay hãy phương tiện diệt cái tên đày tớ ấy”. Ngài liền nói với năm trăm Ma-nạp:

“Các người cẩn thận, chớ gọi người này là đày tớ. Vì sao? Tiên tổ Bà-la-môn của người này là một đại tiên nhân có oai lực lớn, chinh phạt Thanh Ma vương, đòi lấy con gái. Vì sợ, vua bèn gả con gái cho.”

Do lời này của Phật, Ma-nạp tránh được tên đày tớ.

Rồi Thế Tôn bảo A-ma-trú: “Thế nào, Ma-nạp? Nếu con gái Sát-ly có bảy đời cha mẹ chon chánh không bị khinh khi nhưng được gả cho một người Bà-la-môn làm vợ, sanh một người con trai là Ma-nạp, dung mạo đoan chánh. Người con trai này khi vào giữa những người Sát-ly có được mời ngồi, nhận nước, tụng đọc pháp Sát-ly không?”

Đáp: “Không được”.

“Có được sự nghiệp tài sản của cha không?”

Đáp: “Không được”.

“Có được kế thừa chức của cha không?”

Đáp: “Không được”.

“Thế nào, Ma-nạp? Nếu con gái Bà-la-môn, có cha mẹ bảy đời chơn chánh không bị người khinh khi, được gả cho người Sát-ly làm vợ, sanh một người con, dung mạo đoan chánh. Người này khi vào giữa chúng Bà-la-môn có được mời ngồi, được nhận nước không?”

Đáp: “Được”.

“Được tụng đọc pháp Bà-la-môn, được hưởng gia tài của cha, thừa kế chức vụ của cha không?”

Đáp: “Được”.

“Thế nào, Ma-nạp? Nếu người Bà-la-môn bị Bà-la-môn tẩn xuất, chạy vào chúng tánh Sát-ly, có được chỗ ngồi, được nước, được tụng đọc pháp Sát-ly không?”

Đáp: “Không được”.

“Được hưởng di sản của cha, kế thừa chức vụ của cha không?”

Đáp: “Không”.

“Nếu chúng tánh Sát-ly bị Sát-ly tẩn xuất sang Bà-la-môn, có được chỗ ngồi, được mời nước, tụng đọc pháp Bà-la-môn chăng?”

Đáp: “Được”.

“Vây thì, này Ma-nạp, giữa người nữ, nữ Sát-ly trởi hơn. Giữa người nam, nam Sát-ly trởi hơn. Không phải là Bà-la-môn vậy.” ...¹⁴⁸

112. Những giới điều cho vị Tỷ kheo khi đức Phật còn tại thế

20. “Kinh A Ma Trú”

Nếu cư sĩ, con trai cư sĩ và các chủng tánh khác nghe Chánh pháp mà sanh lòng tín ngưỡng, do tâm tín ngưỡng mà nghĩ như vậy: ‘Ta nay tại gia, vợ con ràng buộc, không thể thanh tịnh thuần tu phạm hạnh. Ta hãy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo’. Người ấy, sau đó từ bỏ gia đình tài sản, từ giã thân tộc, cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia tu đạo. Cũng đồng với những người xuất gia, xả bỏ các thứ trang sức, đầy đủ các giới hạnh, không làm hại chúng sanh.

(1). Xả bỏ dao gậy, tâm hằng tầm quý, từ niệm đối với hết thầy. Đó là không giết. (2). Xả bỏ tâm trộm cắp, không lấy vật không cho, tâm hằng thanh tịnh, không có ý lén lút lấy cắp. Đó là không trộm cắp. (3). Xả ly dâm dục, tịnh tu phạm hạnh, ân cần tinh tấn, không bị nhiễm

¹⁴⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 390~395.

dục, sống trong sạch. Đó là không dâm. (4a). Xả ly vọng ngữ, chí thành không lừa dối, không gạt người. Đó là không nói dối. (4b). Xả ly nói hai lưỡi; nếu nghe lời người này, không truyền lại người kia; nếu nghe lời người kia, không truyền lại người này. Những người chia rẽ thì làm cho hòa hiệp, khiến cho thân kính lẫn nhau. Những lời nói ra, hòa thuận, đúng thời. Đó là không nói hai lưỡi. (4c). Xả ly ác khẩu. Những lời thô lỗ, thích gây não người khác, khiến sanh phần kết; xả những lời như vậy. Lời nói dịu dàng, không gây oán hại, đem nhiều lợi ích, được mọi người yêu kính, thích nghe những lời như vậy. Đó là không ác khẩu. (4d). Xả ly ý ngữ; lời nói hợp thời, thành thật như pháp, y luật diệt trừ tranh chấp; có duyên có mới nói; lời nói không phát sưng. Đó là xả ly ý ngữ. (5). Xả ly uống rượu, xa lìa chỗ buông lung. (6). Không đeo hương hoa, anh lạc. (7). Không đi xem và nghe các thứ ca múa xướng hát. (8). Không ngồi giường cao. (9). Không ăn phi thời. (10). Không cất chứa, sử dụng vàng bạc, bảy báu. (11). Không cưới thê thiếp; (12). không nuôi nô tỳ, (13). voi ngựa, trâu bò, gà, chó, heo, dê; (14). không tích chứa ruộng nhà, vườn tược. (15). Không gạt người bằng cân đấu dối trá. (16). Không lôi kéo nhau bằng bàn tay, nắm tay. (17). Cũng không cầm đồ. (18). Không vu khống dối người, (19). Không làm điều ngụy trá. Xả bỏ những thứ xấu ác như vậy; (20). Diệt trừ các tranh tụng, các điều bất thiện. (21). Đi thì biết thời. Không phải thời thì không đi. (22). Lường dạ mà ăn, (23). không tích chứa dư thừa. (24). Che thân

bằng y phục, vừa đủ thì thôi. (25). Pháp phục, ứng khí thường mang theo mình. Như chim bay mang theo mình hai cánh. Cũng vậy, Tỳ-kheo không chứa dư thừa.¹⁴⁹

113. Thế Tôn chê trách những người lợi dụng tôn giáo vì cá nhân trục lợi

20. “Kinh A Ma Trú”

(Tích chứa âm thực y phục)

Này Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác nhận sự tín thí của người mà vẫn tìm cách tích chứa; y phục, âm thực, không hề biết đủ. Ai vào trong pháp Ta, không có việc ấy.

Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của do người tín thí vẫn tự mình kinh doanh buôn bán, gieo trồng cây cối, sở y của quý thần. Ai vào trong pháp Ta, không có việc ấy.¹⁵⁰

(Tích chứa vật dụng)

Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí vẫn tìm phương tiện cầu các lợi dưỡng,

¹⁴⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 396~397.

¹⁵⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 397.

các thứ ngà voi, tạp bảo, giường lớn cao rộng, với các loại chăn nệm thêu thùa sắc sỡ. Ai vào trong pháp ta, không có việc ấy.¹⁵¹

(Trang sức)

Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy nhận của người tín thí vẫn tìm phương tiện, tìm cách trang điểm mình, bôi dầu vào thân, tắm gội bằng nước thơm, thoa các thứ bột thơm, chải đầu thơm láng, đeo tràng hoa đẹp, nhuộm mắt xanh biếc, bôi mặt cho đẹp đẽ, đeo vòng xuyên sáng chói, dùng gương soi mặt, giày da đủ màu, áo trên thuần trắng, dao gậy, người hầu, lọng báu, quạt báu, xe báu trang nghiêm. Ai vào trong pháp Ta, không có những việc ấy.¹⁵²

(Cờ Bạc)

Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí mà chuyên việc đùa giỡn, chơi bài, chơi cờ loại tám đường, mười đường, trăm đường, cho đến đủ hết mọi đường, với các loại đùa cười khác nhau. Ai vào trong pháp Ta, không có những việc ấy.¹⁵³

¹⁵¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 397.

¹⁵² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 398.

¹⁵³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 398.

(Bàn việc chính trị vô ích)

Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí vẫn nói những lời vô ích, chướng ngại đạo: bàn các việc vương giả, việc chiến đấu, quân mã; việc quần liêu, đại thần, cưỡi ngựa, đánh xe ra vào, dạo chơi vườn quán; bàn luận việc nằm, việc đứng, việc đi bộ, việc nữ nhân, việc y phục, ẩm thực, thân lý; lại nói chuyện vào biển tìm ngọc. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.

(Lời nói dua nịnh)

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí, bằng vô số phương tiện, chỉ sinh hoạt tà mạng: mỹ từ dua siểm, hiện tướng khen chê, lấy lợi cầu lợi. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.¹⁵⁴

(Tranh cãi việc vô ích)

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, lại chỉ tranh cãi nhau, hoặc nơi vườn quán, hoặc nơi ao tắm, hoặc ở sảnh đường chỉ trích lẫn nhau, rằng: ‘Ta biết Kinh luật. Ngươi không biết gì. Ta đi đường chánh. Ngươi đi lối tà. Ngươi đặt cái trước ra sau, đặt cái sau ra trước. Ta nhịn ngươi được. Ngươi không biết nhịn. Những điều ngươi nói đều không chân chánh.

¹⁵⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 398.

Nếu có điều gì nghi ngờ cứ đến hỏi ta, ta giải đáp được hết'. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.¹⁵⁵

(Làm người môi giới thông tin)

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy ăn của người tín thí lại làm các phương tiện, cầu làm sứ giả; hoặc làm sứ giả thông tin cho vua, đại thần của vua, Bà-la-môn, cư sĩ; từ người này đến người kia, từ người kia đến người này; đem lời người này trao cho người kia, đem lời người kia trao cho người này; hoặc tự mình làm, hoặc sai người khác làm. Ai vào trong pháp Ta, không có việc ấy.¹⁵⁶

(Luyện tập những việc không liên quan đến mục đích)

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí lại chỉ luyện tập các việc chiến trận, tỷ đấu; hoặc luyện tập dao, gậy, cung tên; hoặc nuôi gà chọi, chó, heo, dê, voi, ngựa, bò, lạc đà; hoặc đấu nam nữ; hoặc tấu các thứ tiếng: tiếng loa, tiếng trống, tiếng ca,

¹⁵⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III- 20. Kinh A- Ma- Trú, Taiwan, 2000, trang 398.

¹⁵⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III- 20. Kinh A- Ma- Trú, Taiwan, 2000, trang 398-399.

tiếng múa, leo cột phướn, leo xuôi, leo ngược, đủ các thứ trò chơi. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.¹⁵⁷

(Bói toán)

Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí lại hành pháp chướng ngại đạo, sinh hoạt bằng tà mạng, xem tướng trai gái, cát hung, đẹp xấu và tướng súc sanh, lấy lợi cầu lợi. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.¹⁵⁸

(Dùng quỷ thần trừ yếm)

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí vẫn hành pháp chướng ngại đạo, sinh sống tà mạng, kêu gọi quỷ thần, hoặc đuổi đi, hoặc bảo dừng, các thứ ếm đảo, vô số phương thuật khiến người sợ hãi, có thể tụ có thể tán, có thể khổ có thể vui, lại có thể an thai trục thai, cũng có thể chú ếm người khiến làm lừa ngựa, cũng có thể khiến người đui mù câm ngọng, hiện bày các mảnh khóc, chấp tay hướng về mặt trời mặt trăng, làm các khỏ hạnh để cầu lợi. Ai vào trong pháp Ta, không có những việc ấy.¹⁵⁹

¹⁵⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 399.

¹⁵⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 399.

¹⁵⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 399.

(Ma thuật, làm thầy thuốc chữa bệnh)

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí mà hành các pháp chương ngại đạo, sinh sống bằng tà mạng: chú bệnh cho người, hoặc tụng ma thuật ác, hoặc tụng chú thuật lành, hoặc làm thầy thuốc, châm cứu, thuốc thang, liệu trị các thứ bệnh. Ai vào pháp Ta, không có những việc ấy”¹⁶⁰.

(Bùa chú)

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí nhưng hành các pháp chương ngại đạo, sinh sống bằng tà mạng: hoặc chú nước, chú lửa, hoặc chú ma quỷ, hoặc tụng chú Sát-ly, hoặc tụng chú chim, hoặc tụng chú chi tiết, hoặc bùa chú trấn nhà trấn cửa, hoặc bùa chú giải trừ lửa cháy, chuột gặm, hoặc tụng kinh thư ly biệt sanh tử, hoặc đọc sách đoán mộng, hoặc xem tướng tay tướng mặt, hoặc đọc sách tất cả âm. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.”¹⁶¹

(Thầy địa thầy thủy)

Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí mà hành pháp chương ngại đạo, sinh sống bằng tà mạng: xem tướng thiên thời, đoán mưa hay

¹⁶⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 399.

¹⁶¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 399.

không mưa, thóc cao hay thóc kém, bệnh nhiều hay bệnh ít, kinh sợ hay an ổn, hoặc nói động đất, sao chổi, nhật thực, nguyệt thực, tinh thực, hoặc nói không thực, điềm lành như vậy, điềm xấu như vậy. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.¹⁶²

(Đoán thời vận)

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí mà hành pháp chướng ngại đạo, sinh sống bằng tà mạng: hoặc nói nước này hơn nước kia, nước kia không bằng; hoặc nói nước kia hơn nước này, nước này không bằng; xem tướng tốt xấu, đoán việc thịnh suy. Ai vào pháp Ta không có việc ấy. Nhưng tu Thánh giới, không nhiễm trước tâm, trong lòng hỷ lạc.”¹⁶³

114. Đời sống phạm hạnh và kết quả của đời sống đó

20. “Kinh A Ma Trú”

(Hộ trì các căn)

Mắt tuy nhìn thấy sắc nhưng không nắm bắt các tướng, mắt không bị sắc trói buộc, kiên cố tịch nhiên,

¹⁶² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 399~400.

¹⁶³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 400.

không điều tham đắm, cũng không buồn lo, không rò rỉ các ác, kiên trì giới phàm, khéo thủ hộ nhãn căn. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy. Khéo chế ngự sáu xúc, hộ trì điều phục khiến cho được an ổn cũng như đi xe bốn ngựa trên đường bằng phẳng, người đánh xe khéo cầm roi không chế không để trật lối. Tỳ-kheo cũng vậy, chế ngự con ngựa sáu căn, an ổn không mất.¹⁶⁴

(Biết đủ)

Vị ấy có Thánh giới như vậy, khéo hộ trì các căn theo Thánh pháp, ăn biết đủ cũng không tham vị, chỉ với mục đích nuôi thân để không bị khổ hoạn mà không cống cao, điều hòa thân mình khiến cho cái khổ cũ diệt, cái khổ mới không sanh, có sức, vô sự, khiến thân an lạc. Cũng như người dùng thuốc bôi gẻ, cốt để gẻ lành chứ không phải để trang sức, không vì tự cao.

Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy, ăn đủ để duy trì thân, không có lòng kiêu mạn phóng túng. Cũng như xe được bôi mỡ, cốt để trơn tru khiến vận hành thông suốt, đi đến đích. Tỳ-kheo cũng vậy, ăn uống cốt đủ duy trì thân để mà hành đạo.¹⁶⁵

¹⁶⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 400.

¹⁶⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 400.

(Tinh tấn tu tập và nhiếp tâm)

Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy thành tựu Thánh giới, được các căn của Thánh, ăn biết vừa đủ; đầu hôm cuối hôm, tinh tấn tinh giác. Lại lúc ban ngày, hoặc đi hoặc dừng thường niệm nhất tâm, trừ các ám cái. Vị ấy, vào khoảng đầu hôm, hoặc đi hoặc ngồi, thường niệm nhất tâm, trừ các ám cái. Cho đến giữa đêm, nằm nghiêng hông phải, tưởng niệm sẽ trở dậy, đặt ý tưởng vào ánh sáng, tâm không loạn tưởng. Đến lúc cuối đêm, liền dậy tư duy, hoặc đi hoặc ngồi trừ các ám cái. Tỳ-kheo có Thánh giới như vậy đầy đủ, được các căn bậc Thánh, ăn uống biết đủ, đầu hôm cuối hôm, tinh cần tinh giác, thường niệm nhất tâm, không có loạn tưởng.¹⁶⁶

(Không tán loạn)

Thế nào là Tỳ-kheo niệm không thác loạn? Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân, tinh cần không biếng nhác, nhớ nghĩ không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thân trên ngoại thân; quán thân trên nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, nhớ nghĩ không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy. Đó là Tỳ-kheo niệm không thác loạn.

¹⁶⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 400~401.

Thế nào là nhất tâm? Tỳ-kheo như vậy hoặc tản bộ, hoặc ra vào, hoặc quay nhìn hai bên, co duỗi, cúi ngược, cầm y bát, tiếp nhận ẩm thực, hoặc tả hữu tiện lợi, hoặc ngủ hoặc thức, hoặc ngồi hoặc đứng, nói năng hay im lặng, vào bất cứ lúc nào, thường niệm nhất tâm, không mất oai nghi. Đó là nhất tâm. Cũng như một người đi giữa đám đông, hoặc đi ở trước, ở giữa hay ở cuối thường an ổn, không có điều sợ hãi. Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy,... cho đến, nói năng im lặng, thường niệm nhất tâm, không buồn không sợ.¹⁶⁷

(Sống tỉnh giác, thiền quán và kết quả của việc tu tập)

Tỳ-kheo có Thánh giới như vậy, được các căn bậc Thánh, ăn thì biết đủ, đầu hôm, cuối hôm, tinh cần tỉnh thức, thường niệm nhất tâm, không có thác loạn. Thích ở nơi vắng, dưới gốc cây, trong bãi tha ma, hoặc trong hang núi, hoặc ở đất trống hay trong chỗ đông phân; đến giờ khát thực, lại rửa tay chân, đặt yên y bát, ngồi kiết già, ngay người chánh ý, buộc chặt niệm trước mắt. Trừ bỏ xan tham, tâm không đeo theo; diệt tâm sân hận, không có oán kết, tâm trú thanh tịnh, thường giữ lòng từ; trừ dẹp ngủ nghỉ, buộc tưởng nơi ánh sáng, niệm không thác loạn; đoạn trừ trạo hý, tâm không khuấy động, nội tâm an tịnh, diệt tâm trạo hý; đoạn trừ nghi hoặc, đã vượt lưới nghi, tâm chuyên nhất ở nơi pháp thiện. Cũng như

¹⁶⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 401.

đồng bộc được đại gia ban cho chũng tánh, an ôn giải thoát, miễn khỏi sai khiến, tâm hoan hỷ, không còn lo sợ.¹⁶⁸

(Như người trả được nợ)

Lại như có người mượn tiền đi buôn bán được lợi lớn mà trở về, trả vốn cho chủ, còn dư tiền đủ dùng, bèn nghĩ rằng: ‘Ta trước mượn tiền đi buôn, e không như ý. Nay được lợi mà trở về, trả vốn cho chủ, tiền còn dư đủ dùng, không lo sợ’. Người ấy rất đổi vui mừng.¹⁶⁹

(Như người khỏi bệnh nguy hiểm)

Như người bệnh lâu, nay bình đã khỏi; ăn uống được tiêu hóa, sức lực dồi dào, bèn nghĩ rằng: ‘Ta trước có bệnh mà nay đã khỏi; ăn uống được tiêu hóa, sức lực dồi dào, không còn lo và sợ’. Người ấy rất đổi vui mừng.¹⁷⁰

(Như người được phóng thích)

Cũng như người bị nhốt trong ngục đã lâu, nay bình yên ra tù, bèn nghĩ thầm rằng: ‘Ta trước đây bị giam giữ,

¹⁶⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 401~402.

¹⁶⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 402.

¹⁷⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 402.

nay được giải thoát, không còn lo và sợ'. Người ấy rất đổi vui mừng.¹⁷¹

(Không bị giặc cướp khi qua nơi nguy hiểm)

Lại như có người cầm nhiều tài bảo đi qua chỗ hoang mạc, không gặp cướp, bình an qua khỏi, bèn tự nghĩ rằng: 'Ta cầm tài bảo qua khỏi chỗ hiểm nạn này, không còn lo và sợ'. Người ấy rất đổi vui mừng, tâm tư an lạc.¹⁷²

(chứng 4 thiền)

Ma-nạp, Tỳ-kheo bị năm trăm cái bao phủ cũng giống như vậy. Như người mang nợ, bệnh lâu, bị giam giữ, đi qua hoang mạc, tự thấy mình chưa thoát ly các ám che trùm tâm, bị trùm kín trong tối tăm, mắt tuệ không sáng; vị ấy bèn tinh cần, xả dục, xả pháp ác, bất thiện, có giác có quán, có hỷ do viễn ly sanh, chứng nhập sơ thiền. Vị ấy có hỷ lạc nhuần thấm nơi thân, tràn đầy cùng khắp, không đâu là không sung mãn. Như người khéo biết cách tắm, cho thuốc đầy bồn tắm, rồi chế nước vào, trong ngoài đều nhuần thấm, không đâu là không cùng khắp. Tỳ-kheo cũng vậy, chứng nhập sơ thiền, hỷ lạc nhuần thấm khắp thân, không đâu không sung mãn. Như vậy,

¹⁷¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 402.

¹⁷² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 402.

này Ma-nạp, đó là hiện thân chứng đắc lạc thứ nhất. Vì sao? Ấy là do tinh tấn, niệm không thác loạn, ưa chỗ nhàn tĩnh mà được vậy.

Vị ấy xả giác, quán, bèn phát sanh tín, chuyên niệm nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng nhập đệ nhị thiên. Vị ấy có hỷ lạc và nhất tâm thấm nhuần châu thân, cùng khắp, tràn đầy, không đâu không sung mãn. Cũng như nước suối trong mát từ đỉnh núi chảy ra, không phải từ ngoài đến, mà nước trong mát chảy ra ngay từ trong con suối ấy, trở lại thấm nhuần chính nó, không đâu không cùng khắp. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, nhập nhị thiên, có hỷ lạc do định sanh không đâu không sung mãn. Đó là hiện thân chứng đắc lạc thứ hai.

Vị ấy lìa hỷ, an trú xả và niệm, không tán loạn, thân cảm thọ lạc như điều mà Thánh nói, khởi hộ niệm lạc, chứng nhập tam thiên. Vị ấy thân không hỷ, có lạc thấm nhuần cùng khắp, tràn đầy, không đâu không sung mãn. Cũng như hoa ưu-bát, hoa bát-đầu-ma, hoa câu-vật-đầu, hoa phân-đà-lị mới nhô khỏi bùn mà chưa ra khỏi nước, với cọng, rễ, cành, lá còn chìm ngập trong nước, không đâu không cùng khắp. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, chứng nhập tam thiên, lìa hỷ, an trú lạc, nhuần thấm khắp thân, không đâu không cùng khắp. Đó là hiện thân chứng đắc lạc thứ ba.

Vị ấy xả hỷ và lạc; ưu và hỷ đã diệt từ trước, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, nhập tứ thiên. Thân

tâm thanh tịnh, tràn đầy cùng khắp, không chỗ nào không thấm nhuần. Cũng như một người đã tắm gội sạch sẽ, khoác lên mình tấm lụa trắng mới tinh, toàn thân thanh tịnh. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, nhập tứ thiên, tâm thanh tịnh, tràn khắp thân, không chỗ nào không thấm.

Lại nhập tứ thiên, tâm không tăng giảm cũng không dao động, an trú trên mảnh đất không ái, không nhuế, không động. Cũng như mật thất trong ngoài được sơn quét, đóng chặt các cửa nẻo, không gió không bụi lọt vào, bên trong đốt đèn, không bị khuấy động, ngọn lửa bốc thẳng mà không lay động. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, nhập đệ tứ thiên, tâm không tăng giảm cũng không khuynh động, an trú trên đất không ái, không nhuế, không dao động. Đó là hiện thân chứng lạc thứ tư.

Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh không dơ, nhuần nhuyễn, khéo được huấn luyện, an trú trạng thái bất động, tự mình trong thân khởi tâm biến hóa, hóa thành thân khác, chân tay đầy đủ, các căn không khuyết. Vị ấy quán như vậy: ‘Thân này với sắc bốn đại, hóa thành thân kia. Thân này cũng khác, thân kia cũng khác. Từ thân này khởi tâm hóa thành thân kia, các căn đầy đủ, chân tay không khuyết’. Cũng như người rút con dao khỏi bao, bèn nghĩ rằng: ‘Bao khác với dao nhưng dao được rút ra từ bao’. Lại như một người se gai làm dây, nghĩ rằng: ‘Gai khác với dây, nhưng dây xuất xứ từ gai’. Lại như một người cho rắn bò ra khỏi hộp, nghĩ rằng: ‘Rắn khác hộp khác nhưng rắn từ hộp mà ra’. Lại như một người lấy

áo ra khỏi giỏ tre, nghĩ rằng: ‘Giỏ tre khác áo khác, nhưng áo được lấy ra từ giỏ. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy. Đây là thắng pháp đầu tiên được chứng đắc. Vì sao? Ấy do tinh tấn, niệm không thác loạn, ưa chỗ nhàn tĩnh mà được vậy’.

Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh không dơ, nhu nhuyễn, được khéo huấn luyện, an trú trạng thái bất động, từ sắc thân bốn đại của mình mà khởi tâm, hóa thành thân khác, đủ cả tay chân và các căn, nghĩ rằng: ‘Thân này do bốn đại hiệp thành. Thân kia từ thân này hóa ra. Thân này với thân kia khác nhau. Tâm này trú trong thân này, y thân này mà an trú, rồi đi đến trong thân biến hóa kia. Cũng như lưu ly, ma ni được lau chùi sáng loáng, trong sạch không dơ; hoặc được xâu bằng chỉ xanh, chỉ vàng, chỉ đỏ, người có mắt đặt trong lòng tay mà nhìn, biết rằng ngọc và dây xâu khác nhau. Nhưng dây dựa ngọc, từ hạt này đến hạt khác. Ma-nạp, Tỳ-kheo quán tâm nương thân này mà an trú, rồi đi đến thân kia cũng như vậy. Đó là Tỳ-kheo chứng đắc thắng pháp thứ hai. Vì sao? Ấy do tinh cần, niệm không tán loạn, ưa chỗ nhàn tĩnh mà được vậy.

Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh không dơ, mềm dịu, dễ điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập thân thông trí chứng, có thể biến hóa các thứ: hoặc biến một thân thành vô số thân; từ vô số thân hiệp thành một thân; thân có thể bay đi, vách đá không ngăn ngại; dạo trong hư không như chim, đi trên nước như đi trên đất;

mình bốc khói lửa, như đồng lửa lớn; tay sờ mặt trời, mặt trăng, đứng cao đến Phạm thiên; muốn làm gì tùy ý, đều có thể tự tại thành tựu, làm ích lợi cho nhiều người. Lại như thợ ngà khéo xử lý ngà voi. Cũng như thợ vàng khéo luyện chơn kim, tùy ý mà làm, ích lợi cho nhiều người.

Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy, tâm định tĩnh, thanh tịnh, an trú bất động địa, tùy ý biến hóa, cho đến, tay sờ mặt trời, mặt trăng, đứng cao đến Phạm thiên. Đó là thắng pháp thứ ba của Tỳ-kheo.

Vị ấy với tâm đã định, thanh tịnh không dơ, mềm dịu, khéo điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập chứng thiên nhĩ trí. Vị ấy với thiên nhĩ thanh tịnh vượt qua lỗ tai con người, nghe được hai loại tiếng: tiếng chư thiên và tiếng loài người. Cũng như trong thành có đại giảng đường cao lớn, rộng rãi, có người thính tai ở trong giảng đường; những âm thanh có trong giảng đường không phải cố gắng để nghe, người ấy nghe rõ hết. Cũng vậy, Tỳ-kheo do tâm đã định, với thiên nhĩ thanh tịnh, nghe được hai thứ tiếng. Ma-nạp, đó là thắng pháp thứ tư của Tỳ-kheo.¹⁷³

¹⁷³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 402~406.

115. 12 loại kinh mà Bà-la-môn thường tụng đọc để mong cầu sanh Thiên

20. “Kinh A Ma Trú”

Phật bảo Ma-nạp: Ngươi tự mình thấp kém, không rõ chơn ngụy, bèn phỉ báng, khinh mạn Thích tử, tự gieo mầm tội, nuôi lớn gốc địa ngục.

Thế nào, Ma-nạp, các Bà-la-môn kỳ cựu và các tiên nơn với nhiều kỹ thuật, tán thán, xưng tụng những điều mình học tụng, như nay những điều được các người Bà-la-môn, tán thán, ca ngợi. Đó là: 1. A-tra-ma; 2. Bà-ma; 3. Bà-ma-đề-bà; 4. Tỷ-ba-mật-đa; 5. Y-đâu-lâu-tát; 6. Da-bà-đề-già; 7. Bà-bà-bà-tát-tra ; 8. Ca-diếp; 9. A-lâu-na; 10. Cù-đàm; 11. Thủ-di-bà; 12. Tôn-đà-la.

Thế nào, Ma-nạp, như các đại tiên, các Bà-la-môn kỳ cựu kia, như A-tra-ma tán thán, đề cao những gì mà họ vốn đọc tụng, nay những điều được các Bà-la-môn tán thán, đề cao cũng giống như vậy. Nếu truyền những điều ấy để dạy vẽ người khác mà muốn sanh lên Phạm thiên, không có trường hợp đó.¹⁷⁴

¹⁷⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phần III - 20. Kinh A Ma Trú, Taiwan, 2000, trang 410~411.

116. Thái độ của Thế Tôn đối với lời chê bai hay lời khen ngợi

21. “Kinh Phạm Động”

Thế Tôn bèn nói với các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo, nếu có ai dùng phương tiện hủy báng Như Lai, hủy báng Chánh pháp và Chúng Tăng, các người không nên ôm lòng phẫn nộ, có ý nghĩ ác hại đối với người ấy. Vì sao vậy? Vì nếu có ai dùng phương tiện hủy báng Như Lai, hủy báng Chánh pháp và Chúng Tăng mà các người ôm lòng phẫn nộ, có ý nghĩ ác hại đối với người ấy thì tự các người đã tự hãm nịch rồi. Vì vậy các người không nên ôm lòng oán giận hay có ý nghĩ ác hại đối với người ấy.

Này các Tỳ-kheo, nếu có ai khen ngợi Phật, Pháp và Chúng Tăng, các người cũng chớ vội lấy điều đó làm vui mừng, hãnh diện. Vì sao vậy? Vì nếu các người sinh tâm vui mừng là đã bị hãm nịch rồi. Do đó, các người không nên vui mừng. Tại sao thế? Vì đó chỉ là duyên có nhỏ nhặt về oai nghi giới hạnh mà hàng phàm phu ít học không thấu rõ thâm nghĩa, chỉ bằng vào sở kiến để tán thán một cách chân thật.¹⁷⁵

¹⁷⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 21. Kinh Phạm Động, Taiwan, 2000, trang 418-419.

117. Quan điểm của Phật đối với vấn đề Giới luật

21. “Kinh Phạm Động”

Thế nào là duyên có nhỏ nhất về oai nghi giới hạnh mà hàng phàm phu ít học, không thấu rõ thâm nghĩa, chỉ bằng vào sở kiến để tán thán một cách chân thật?

Người ấy tán thán rằng: Sa-môn Cù-đàm đã bỏ nghiệp sát, dứt nghiệp sát, xả bỏ đao gậy, có tâm quý, có tâm thương xót hết thảy. Đó chỉ là duyên có nhỏ nhất về oai nghi giới hạnh mà hàng phàm phu ít học dựa lấy để tán thán Như Lai.

Lại tán thán rằng: Sa-môn Cù-đàm đã bỏ sự lấy của không cho, dứt trừ sự lấy của không cho, không có tâm trộm cắp.

Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ sự dâm dục, tịnh tu phạm hạnh, một mực giữ giới, không tập thói dâm dật, sở hành tinh khiết.

Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ nói dối mà nói lời nói chí thành, nói điều chân thật, không dối gạt người đời.

Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ nói hai lưỡi, không đem lời người này đến phá rối người kia, đem lời người kia đến phá rối người này, gặp kẻ tranh tụng làm cho hòa

hiệp, kẻ đã hòa hiệp làm cho vui thêm, nói ra lời gì cũng cốt đem đến sự hòa hiệp, thành thật đưa vào lòng người và nói phải lúc...¹⁷⁶

Phật bảo các Tỳ-kheo: Lại còn có pháp khác là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, duy chỉ đệ tử Hiền Thánh mới có thể tán thán Như Lai bằng pháp này. Thế nào là pháp đại quang minh mà đệ tử Hiền Thánh tán thán Như Lai? Có các Sa-môn, Bà-la-môn y vào bốn kiếp bốn kiến, mặt kiếp mặt kiến mà tùy ý lập thuyết với vô số trường hợp khác nhau. Tất cả được tóm thâu vào trong sáu mươi hai kiến. Bốn kiếp bốn kiến, mặt kiếp mặt kiến với vô số trường hợp khác nhau, tùy ý lập thuyết, không thể vượt ra ngoài sáu mươi hai kiến. Các Sa-môn, Bà-la-môn kia do duyên gì y vào bốn kiếp bốn kiến, mặt kiếp mặt kiến mà tùy ý lập thuyết với vô số trường hợp khác nhau; tất cả được tóm thâu vào trong sáu mươi hai kiến; chỉ chừng ấy, không hơn?

.....

Duy chỉ Như Lai biết rõ những cơ sở quan điểm này được nắm bắt như vậy, được giữ chặt như vậy và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Sở tri của Như Lai vượt qua những thứ ấy. Tuy biết nhưng không bị dính mắc. Do không bị dính mắc nên được tịch diệt; biết sự tập khởi của thọ; biết sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất yếu

¹⁷⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 21. Kinh Phạm Động, Taiwan, 2000, trang 419~423.

của thọ, do bình đẳng quán mà được vô dư giải thoát, vì vậy được gọi là Như Lai.

Đó gọi là còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho đệ tử Hiền Thánh có thể tán thán Như Lai một cách chân thật, bình đẳng...¹⁷⁷.

22. “Kinh Chủng Đức”

Phật nói: Lành thay, lành thay, đúng như ông nói. Có giới thì có tuệ. Có tuệ thì có giới. Giới làm thanh tịnh tuệ. Tuệ làm thanh tịnh giới. Chủng Đức, như người rửa tay, tay trái và tay phải cần cho nhau. Tay trái rửa sạch tay phải, tay phải rửa sạch tay trái. Cũng vậy, có tuệ thì có giới. Có giới thì có tuệ. Giới làm sạch tuệ. Tuệ làm sạch giới. Bà-la-môn, ai đầy đủ giới và tuệ, ta gọi người đó là Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Chủng Đức bạch Phật: Thế nào là giới?

Phật nói: Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe. Hãy suy ngẫm kỹ. Ta sẽ phân biệt từng điều một cho ông nghe.

Đáp rằng: Kính vâng. Vui lòng muốn nghe.

Bấy giờ, Phật nói với Chủng Đức: Nếu Như Lai xuất hiện ở đời, là vị Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hành túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự

¹⁷⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 21. Kinh Phạm Động, Taiwan, 2000, trang 423~434.

trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn ở giữa chư thiên, người đời, Sa-môn, Bà-la-môn mà tự thân chứng ngộ, rồi giảng thuyết cho người; lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối thấy đều chân chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Nếu có trưởng giả hay con trai trưởng giả, sau khi nghe pháp này, tín tâm thanh tịnh. Do tín tâm thanh tịnh, người ấy suy xét như vậy: ‘Tại gia thật khó, ví như gông cùm; muốn tu hành phạm hạnh mà không thể tự tại. Ta nay hãy cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia tu đạo’. Người ấy sau đó từ bỏ gia đình, bỏ sản nghiệp, từ giã thân tộc, bận ba pháp y, dẹp các trang sức, đọc tụng tỳ-ni, đầy đủ giới luật, từ bỏ không sát sanh,... cho đến, tâm pháp tứ thiên, đạt được an lạc ngay trong hiện tại. Vì sao? Ấy là do tinh tấn, chuyên niệm không quên, ưa sống một mình chỗ thanh vắng mà được vậy. Bà-la-môn, đó gọi là giới.¹⁷⁸

118. 62 tà kiến

21. “Kinh Phạm Động”¹⁷⁹

¹⁷⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 22. Kinh Chúng Đức, Taiwan, 2000, trang 455~456.

¹⁷⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 21. Kinh Phạm Động, Taiwan, 2000, trang 434~443.

119. Tiếng đồn về đức Phật và lời dạy của Ngài

22. “Kinh Chúng Đức”

Bấy giờ, trong thành Chiêm-bà, các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ nghe tin Sa-môn Cù-đàm con nhà họ Thích xuất gia và thành đạo, từ Ương-già du hành trong nhân gian, đến thành Chiêm-bà, ở bên bờ hồ Già-già. Ngài có tiếng tăm lớn, đồn khắp thiên hạ là Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác, đầy đủ mười hiệu, ở giữa chư thiên, người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, tự thân chứng ngộ, rồi thuyết pháp cho người, lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối thảy đều chơn chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Bậc chơn hơn như vậy nên đến viếng thăm. Nay ta cũng nên đến thăm Ngài. Nói như vậy xong, bèn rủ nhau ra khỏi thành Chiêm-bà, từng đoàn lũ lượt nối nhau, muốn đến chỗ Phật.¹⁸⁰

120. Năm đặc điểm của người Bà-la-môn

22. “Kinh Chúng Đức”

“Bà-la-môn của tôi có năm pháp để thành tựu, lời nói mới chí thành, không có hư dối. Những gì là năm? 1. Bà-

¹⁸⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 22. Kinh Chúng Đức, Taiwan, 2000, trang 445~446.

la-môn có bảy đời cha mẹ chon chánh không bị người dèm pha; 2. Đọc tụng thông lợi ba bộ dị học, có thể phân tích các thứ kinh thư, những chỗ u vi của thế điển, không chỗ nào không tổng luyện, lại có thể giỏi phép xem tướng đại nhân, xét rõ cát hung, nghi lễ tế tự; 3. Dung mạo đoan chánh; 4. Trì giới đầy đủ; 5. Trí tuệ thông suốt. Đó là năm. Thưa Cù-đàm, Bà-la-môn thành tựu năm pháp này thì lời nói chí thành, không có hư dối.”¹⁸¹

121. Những yếu tố đặc thù của Thế Tôn

22. “Kinh Chúng Đức”

Chúng Đức nói với các Bà-la-môn: Đúng vậy, đúng vậy. Đúng như điều các ông nói. Tôi có đủ các đức ấy, chớ không phải không có. Nhưng các ông hãy nghe tôi nói. Sa-môn Cù-đàm có công đức mà chúng ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây. Sa-môn Cù-đàm từ bảy đời trở lại cha mẹ đều chon chánh không bị dèm pha. Kia đã thành tựu pháp này, chúng ta nên đến kia, chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có dung mạo đoan chánh, xuất thân từ giai cấp Sát-lợi. Đã thành tựu pháp này, chúng ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

¹⁸¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 22. Kinh Chúng Đức, Taiwan, 2000, trang 452~453.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sanh chỗ tôn quý nhưng đã xuất gia hành đạo. Thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sắc sáng đầy đủ, chủng tánh chơn chánh nhưng đã xuất gia tu đạo. Đã thành tựu pháp này thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sanh vào gia đình giàu có, có uy lực lớn nhưng đã xuất gia hành đạo. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có đủ giới Hiền Thánh, thành tựu trí tuệ. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khéo léo nơi ngôn ngữ, điệu dàng hòa nhã. Đã thành tựu pháp này thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm là bậc Đạo sư của đại chúng, có đông đệ tử. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm vĩnh viễn diệt trừ dục ái, không có sơ suất thô tháo, ưu tư và sợ hãi đã trừ, lông tóc không rụng đứng, hoan hỷ, hòa vui; được mọi người thì khen ngợi, khéo nói quả báo của hành vi, không chê bai đạo khác. Đã thành tựu pháp này thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm thường được vua Ba-tư-nặc và vua Bình-sa lễ kính cúng dường. Đã thành tựu pháp này thì ta nên đến kia, chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được Bà-la-môn Phát-già-la-sa-la lễ kính cúng dường cũng được Bà-la-môn Phạm, Bà-la-môn Đa-lợi-già, Bà-la-môn Cứ Xi, Thủ-ca Ma-nạp Đô-da Tử thăm gặp cúng dường. Đã thành tựu pháp ấy thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được Thanh-văn đệ tử sùng phụng, lễ kính cúng dường cũng được chư thiên và các chúng quỷ thần khác cung kính. Các dòng họ Thích-ca, Câu-lị, Minh-ninh, Bạt-kỳ, Mạt-la, Tô-ma, thầy đều tông phụng. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến ta.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm truyền trao cho vua Ba-tư-nặc và vua Bình-sa ba quy và năm giới. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm truyền trao ba quy năm giới cho Bà-la-môn Phát-già-la-sa-la vân vân. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm thọ ba quy năm giới; chư thiên, dòng họ Thích, Câu-lị, vv..., thầy đều thọ ba quy năm giới. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khi du hành được hết thấy mọi người cung kính cúng dường. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, những thành quách, tụ lạc mà Sa-môn Cù-đàm đã đến đều được mọi người cúng dường. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, những nơi Sa-môn Cù-đàm đi đến, các loài phi nhân, quỷ thần không dám xúc nhiễu. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, những nơi Sa-môn Cù-đàm đi đến, nhân dân ở đó đều thấy ánh sáng, nghe âm nhạc trời. Đã thành tựu pháp này thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến ta.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khi muốn rời khỏi chỗ đã đến. Mọi người đều luyến mộ, khóc lóc mà tiễn đưa. Đã thành tựu pháp này thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Sa-môn Cù-đàm khi mới xuất gia, cha mẹ khóc lóc, thương nhớ tiếc nuôi. Đã thành tựu pháp này thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến ta.

Sa-môn Cù-đàm xuất gia khi còn trai trẻ, dẹp bỏ các thứ trang sức, voi, ngựa, xe báu, ngũ dục, anh lạc. Đã thành tựu pháp này thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khước từ ngôi vị Chuyển luân vương, xuất gia hành đạo. Nếu Ngài tại gia, sẽ trị vì

bốn thiên hạ, thống lãnh dân vật thì chúng ta đều là thân thuộc. Đã thành tựu pháp ấy thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm hiểu rõ Phạm pháp, có thể nói cho người khác và cũng nói chuyện trao đổi với Phạm thiên. Đã thành tựu pháp ấy thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đầy đủ cả ba hai tướng. Đã thành tựu pháp này thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có trí tuệ thông suốt, không có khiếm khuyết. Đã thành tựu pháp này thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

Cù-đàm kia nay đến thành Chiêm-bà này, ở bên bờ hồ Già-già, đối với ta là tôn quý, vả lại là khách. Ta nên thân hành đến thăm viếng.¹⁸²

¹⁸² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 22. Kinh Chúng Đức, Taiwan, 2000, trang 448~451.

122. Những người Bà-la-môn hưởng chế độ phong ấp

23. “Kinh Cứu La Đàn Đầu”

Bấy giờ, có Bà-la-môn tên Cứu-la-đàn-đầu đang nghỉ tại thôn Khư-nậu-bà-đề. Xóm ấy sung túc, nhân dân đông đúc, vườn quán, ao tắm, cây cối trong xanh, tươi mát. Vua Ba-tư-nặc phong thôn ấy cho Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu làm phạm phân. Bà-la-môn này từ bảy đời trở lại cha mẹ đều chon chánh không bị người khinh nhờn, đọc tụng thông suốt ba bộ dị học, có khả năng phân tích các loại kinh thư. Thế điển u vi, không thứ nào không tổng luyện; lại giỏi phép xem tướng đại nhỏ, dự đoán cát hung, tế tự nghi lễ. Ông có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không hề bỏ phế. Khi ấy, Bà-la-môn muốn thiết lễ đại tế, chuẩn bị năm trăm con bò đực, năm trăm con bò cái, năm trăm con bê đực, năm trăm con bê cái, năm trăm con dê và năm trăm con cừ để dâng cúng.¹⁸³

123. Quan điểm cúng tế của đức Phật

23. “Kinh Cứu La Đàn Đầu”

Bà-la-môn bạch Phật: Tôi nghe nói Cù-đàm thông hiểu ba loại tế tự và mười sáu tư cụ tế tự là những điều

¹⁸³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 23. Kinh Cứu La Đàn Đầu, Taiwan, 2000, trang 457~458.

mà chúng tôi, tiên túc kỳ cựu không hiểu biết. Nay chúng tôi muốn cử hành đại tế tự; đã chuẩn bị đủ năm trăm bò đực, năm trăm bò cái, năm trăm bê đực, năm trăm bê cái, năm trăm con dê, năm trăm con cừu. Hôm nay cố ý đến đây, tôi muốn hỏi ba pháp tế tự và mười sáu tế cụ. Nếu tế tự này mà được thành tựu sẽ được quả báo lớn, tiếng tăm đồn xa, được trời và người kính trọng.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Cừu-la-đàn-đầu rằng: Vào một thời quá khứ xa xưa, có vị vua Quán đảnh thuộc dòng Sát-lợi, muốn thiết lễ đại tự, tập họp đại thần Bà-la-môn đến bảo rằng: Ta nay rất giàu có, tài bảo dồi dào, ngũ dục thỏa mãn. Tuổi ta đã già yếu. Dân chúng cường thịnh, không có sự khiếp nhược. Kho tàng đầy ắp. Nay ta muốn thiết lễ đại tự. Theo các người, pháp tế tự cần những gì?

Khi ấy, có vị đại thần kia tâu vua rằng: Tâu Đại vương, quả như lời Đại vương, nước giàu, binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Nhưng dân chúng phần nhiều ô nhiễm, tập các phi pháp. Nếu tế tự vào lúc này thì không thành phép tế tự. Như sai ăn cướp đuổi ăn cướp thì sự sai khiến chẳng thành.

Tâu Đại vương, chớ nghĩ rằng, đây là dân của ta; ta có thể đánh, có thể giết, có thể khiển trách, có thể ngăn cấm. Những kẻ gần gũi vua nên cung cấp chúng những thứ cần yếu. Những người buôn bán nên cung cấp chúng tài bảo. Nhưng người chuyên tu điền sản hãy cung cấp chúng bò, bê, hạt giống. Chúng mỗi người tự mình kinh

doanh. Vương không bức bách dân, thì dân được an ổn, nuôi nấng con cháu, cùng nhau vui đùa.

Phật lại nói với Cừu-la-đàn-đâu: Rồi thì, sau khi nghe lời của các đại thần, vua liền cung cấp y phục ấm thực cho những người thân cận, tài bảo cho những người buôn bán, trâu bò, thóc giống cho những người làm ruộng. Bảy giờ nhân dân mỗi người tự lo công việc của mình, không xâm hại nhau, nuôi nấng con cháu, cùng nhau vui đùa.

Phật lại nói: Sau đó, vua lại triệu quần thần đến bảo rằng: ‘Ta nước giàu, binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Ta cung cấp cho nhân dân không thiếu thốn cái gì. Chúng nuôi dưỡng con cháu, cùng nhau vui đùa. Nay ta muốn thiết lễ đại tự. Theo các ngươi, phép tế tự cần có những gì?’

Các đại thần tâu: Đúng vậy, đúng vậy, như lời Đại vương nói, ‘Nước giàu, binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Ta cung cấp cho nhân dân không thiếu thốn cái gì. Chúng nuôi dưỡng con cháu, cùng nhau vui đùa’. Nếu Đại vương muốn tế tự, có thể truyền lệnh cho cung nội biết.

Vua làm như lời các đại thần; vào truyền lệnh cung nội: ‘Ta nước giàu, binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Ta cung cấp cho nhân dân không thiếu thốn cái gì. Chúng nuôi dưỡng con cháu, cùng nhau vui đùa. Nay ta muốn thiết lễ đại tự.’

Các phu nhân liền tâu vua: “Đúng vậy, đúng vậy, như lời Đại vương, nước giàu binh mạnh, kho tàng đầy ắp, tài bảo dồi dào. Nếu muốn tế tự, nay thật đúng lúc”.

Vua trở ra, báo cho quần thần biết: Ta nước giàu, binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Ta cung cấp cho nhân dân không thiếu thốn cái gì. Chúng nuôi dưỡng con cháu, cùng nhau vui đùa. Nay ta muốn thiết lễ đại tự. Ta đã truyền lệnh cung nội. Các người hãy nói hết cho ta, cần có những thứ gì?

Bấy giờ, các đại thần liền tâu vua rằng: Đúng vậy, đúng vậy, như lời Đại vương nói. Đại vương muốn tế tự. Đã truyền cho nội cung biết nhưng chưa nói cho Thái tử, hoàng tử, đại thần, tướng sĩ biết. Đại vương nên lệnh truyền cho biết.

Vua nghe lời các đại thần, bèn truyền lệnh cho Thái tử, hoàng tử, đại thần, tướng sĩ rằng: Ta nước giàu binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Nay ta muốn thiết lễ đại tự.

Khi ấy, Thái tử, hoàng tử, quần thần và các tướng sĩ, tâu vua rằng: Đúng vậy, đúng vậy, như lời Đại vương, nước giàu binh mạnh, kho tàng đầy ắp, tài bảo dồi dào. Nếu muốn tế tự, nay thật đúng lúc.

Vua lại báo cho quần thần biết: Ta nước giàu, binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Tài bảo dồi dào. Nay ta muốn thiết lễ đại tự. Ta đã truyền lệnh cung nội, Thái tử, hoàng tử, cho đến tướng sĩ. Nay muốn thiết lễ đại tự, cần có những thứ gì?

Các đại thần liền tâu: Như lời Đại vương. Muốn thiết lễ đại tự, nay chính là lúc.

Vua nghe lời, cho dựng những ngôi nhà mới ở thành Đông. Vua đi vào nhà mới. Minh khoác áo da hươu, thoa mình bằng dầu bơ thơm, lại đội sừng hươu lên đầu. Sai trét phân bò lên đất, rồi ngồi nằm trên đó. Rồi đệ nhất phu nhân, đại thần Bà-la-môn, chọn một con bò cái màu vàng. Một phần sữa để vua ăn; một phần sữa để cho phu nhân ăn; một phần sữa để cho đại thần ăn; một phần sữa cúng dường đại chúng, còn lại cho bê. Bảy giờ, nhà vua thành tựu tám pháp, đại thần thành tựu bốn pháp.

Những gì là tám pháp nhà vua thành tựu?

“Nhà vua thuộc dòng Sát-lợi, từ bảy đời trở lại cha mẹ đều chon chánh, không bị người khinh chê. Đó là thành tựu pháp thứ nhất. Nhà vua thuộc dòng tộc Sát-lợi, có dung mạo đoan chánh. Đó là pháp thứ hai.

Nhà vua có giới đức tăng thanh, trí tuệ đầy đủ. Đó là pháp thứ ba. Nhà vua tập đủ các loại kỹ thuật: cưỡi voi, xe ngựa, đao mâu, cung tên, phương pháp chiến đấu; không thứ nào là không biết. Đó là pháp thứ tư. Nhà vua có uy lực lớn, thâm nhiếp các tiểu vương; không ai không thần phục. Đó là pháp thứ năm. Nhà vua khéo léo về ngôn ngữ, lời nói dịu dàng, đầy đủ nghĩa và vị. Đó là pháp thứ sáu. Nhà vua có tài bảo dồi dào, kho tàng đầy ắp. Đó là pháp thứ bảy. Nhà vua có trí mưu, dũng mãnh, quả cảm, không hề run sợ. Đó là pháp thứ tám. Nhà vua thuộc dòng Sát-lợi kia thành tựu tám pháp này.

Thế nào là đại thần thành tựu bốn pháp? Đại thần Bà-la-môn kia từ bảy đời nay cha mẹ đều chon chánh không

bị người khinh chê; đó là pháp thứ nhất. Đại thần đọc tụng thông suốt ba bộ dị học, có khả năng phân tích các loại kinh thư; thể điển u vi, không thứ nào không tổng luyện; lại giỏi phép xem tướng đại nhân, dự đoán tốt xấu, tế tự nghi lễ; đó là pháp thứ hai. Lại nữa, đại thần giỏi về ngôn ngữ, lời nói dịu dàng, nghĩa vị đầy đủ; đó là pháp thứ ba. Lại nữa, đại thần có trí mưu, dũng cảm, quả quyết, không hề run sợ; thấu hiểu tất cả mọi pháp tế tự; đó là pháp thứ tư.

Bấy giờ, vua thành tựu tám pháp; đại thần Bà-la-môn thành tựu bốn pháp và vua có đủ bốn viện trợ. Đó là, ba pháp tế tự, với mười sáu tư cụ tế tự.

Bấy giờ, đại thần Bà-la-môn ở nơi ngôi nhà mới mở bày tâm ý của vua bằng mười sáu việc, dứt trừ ý tưởng nghi ngờ của vua. Mười sáu việc ấy là gì? Đại thần tâu vua:

Hoặc có người nói, nay vua Sát-lợi muốn cử hành đại tự nhưng từ bảy đời trở lại cha mẹ vua không chon chánh, thường bị người khinh chê. Giả sử có lời ấy, Đại vương vẫn không bị ô ướ. Vì sao? Đại vương từ bảy đời nay cha mẹ đều chon chánh.

Hoặc có người nói, nay vua Sát-lợi muốn cử hành đại tự nhưng dung mạo xấu xí, không thuộc dòng dõi Sát-lợi. Giả sử có lời ấy, Đại vương vẫn không bị ô ướ. Vì sao? Đại vương có dung mạo đoan chánh, thuộc dòng dõi Sát-lợi.

Hoặc có người nói, nay vua Sát-lợi muốn cử hành đại tự nhưng không có giới tăng thượng, trí tuệ không đầy đủ. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô ố. Vì sao? Đại vương giới đức tăng thượng, trí tuệ đầy đủ.

Hoặc có người nói, nay vua Sát-lợi muốn cử hành đại tự nhưng không giỏi các thuật: cỡi voi, xe ngựa, các thứ binh pháp cũng không biết. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô ố. Vì sao? Đại vương giỏi các kỹ thuật, binh pháp chiến trận, không thứ nào không biết

Hoặc có người nói, nay vua Sát-lợi muốn cử hành đại tự nhưng không có uy lực lớn để thống nhiếp các tiểu vương. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô ố. Vì sao? Đại vương có uy lực lớn, thống nhiếp các tiểu vương.

Hoặc có người nói, nay vua Sát-lợi muốn cử hành đại tự nhưng không giỏi ngôn ngữ; lời nói thô lỗ, không đủ nghĩa vị. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô ố. Vì sao? Đại vương giỏi ngôn ngữ, lời nói dịu dàng, đầy đủ nghĩa và vị.

Hoặc có người nói, nay vua Sát-lợi muốn cử hành đại tự nhưng không có nhiều tài bảo. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô ố. Vì sao? Đại vương có nhiều tài bảo, kho lẫm tràn đầy.

Hoặc có người nói, nay vua Sát-lợi muốn cử hành đại tự nhưng không có trí mưu, ý chí khiếp nhược. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô ố. Vì sao? Đại

vương có trí mưu, dũng mãnh và quả cảm, không hề khiếp nhược.

Hoặc có người nói, nay vua Sát-lợi muốn cử hành đại tự nhưng không nói với nội cung. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô ướ. Vì sao? Đại vương muốn tế tự, trước đã nói cho nội cung.

Hoặc có người nói, nay vua sát lợi muốn cử hành đại tự nhưng không nói với Thái tử và các hoàng tử. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô ướ. Vì sao? Đại vương muốn tế tự, trước đã nói với Thái tử và các hoàng tử.

Hoặc có người nói, nay vua Sát-lợi muốn cử hành đại tự nhưng không nói với quần thần. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô ướ. Vì sao? Đại vương muốn tế tự, trước đã nói với quần thần.

Hoặc có người nói, nay vua Sát-lợi muốn cử hành đại tự nhưng không nói với tướng sĩ. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô ướ. Vì sao? Đại vương muốn tế tự, trước đã nói với tướng sĩ.

Hoặc có người nói, nay vua Sát-lợi muốn cử hành đại tự nhưng Bà-la-môn đại thần từ bảy đời trở lại cha mẹ không chơn chánh, bị người khinh chê. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô ướ. Vì sao? Tôi bảy đời trở lại cha mẹ chơn chánh, không bị người khinh chê.

Hoặc có người nói, nay vua sát lợi muốn cử hành đại tự nhưng Bà-la-môn đại thần không đọc tụng thông suốt

ba bộ dị học, không có khả năng phân tích các thứ kinh thư, thế điển u vi không hề lão luyện, không giỏi phép xem tướng đại nhân, dự đoán cát hung, tế tự nghi lễ. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô ướ. Vì sao? Tôi đọc tụng thông suốt ba bộ dị học, có khả năng phân tích các thứ kinh thư, thế điển u vi không thứ nào không lão luyện, lại giỏi phép xem tướng đại nhân, dự đoán cát hung, tế tự nghi lễ.

Hoặc có người nói, nay vua Sát-lợi muốn cử hành đại tự nhưng Bà-la-môn đại thần không giỏi ngôn ngữ; nói năng thô lỗ, nghĩa vị không đủ. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô ướ. Vì sao? Tôi khéo léo nơi ngôn ngữ; nói năng dịu dàng, đầy đủ nghĩa và vị.

Hoặc có người nói, nay vua Sát-lợi muốn cử hành đại tự nhưng Bà-la-môn đại thần không đủ mưu trí, ý chí khiếp nhược, không hiểu rõ phép tế tự. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô ướ. Vì sao? Tôi đủ mưu trí, ý chí không khiếp nhược, không phép tế tự nào mà không hiểu rõ.

Phật bảo Cứu-la-đàn-đâu:

“Nhà vua có mười sáu chỗ ngờ vực, mà đại thần kia cởi mở ý vua bằng mười sáu việc như thế.

Rồi Phật nói tiếp: Bây giờ, vị đại thần ở nơi ngôi nhà mới, bằng mười sự hành, chỉ bày, khuyến khích, khiến cho được ích lợi, hoan hỷ cho nhà vua.

Những gì là mùi? Vị đại thần nói: Khi Đại vương tế tự, những kẻ sát sanh hay những kẻ không sát sanh cùng tụ hội đến. Hãy bố thí cho họ một cách bình đẳng. Nếu có những kẻ sát sanh đến, cũng bố thí cho và kia sẽ tự biết lấy. Kẻ không sát sanh đến cũng bố thí cho, vì lý do ấy mà bố thí; bố thí với tâm như vậy. Nếu có những kẻ trộm cắp, tà dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, ỷ ngữ, tham lam, tật đố, tà kiến cùng tụ hội đến, hãy bố thí cho họ. Kia sẽ tự biết lấy. Nếu những kẻ không trộm cắp cho đến có chánh kiến cùng đến cũng hãy bố thí cho họ, vì sự ấy mà bố thí, bố thí với tâm như vậy.

Phật lại nói với Bà-la-môn: Vị đại thần kia, bằng mùi sự hành này, chỉ bày, khuyến khích, khiến cho được lợi ích, hoan hỷ.

Rồi thì, vua Sát-lợi kia ở nơi ngôi nhà mới sanh ba tâm hối tiếc. Vị đại thần khiến cho được dứt trừ. Ba tâm hối là gì?

Nhà vua sanh tâm hối tiếc rằng: Ta nay tổ chức đại tự, đã làm đại tự, sẽ làm đại tự, đang làm đại tự. Tồn nhiều tài bảo. Đại thần tâu vua: Đại vương đã tổ chức đại tự, đã bố thí, sẽ bố thí, đang bố thí. Không nên sanh hối tiếc đối với tế tự có phước này.

Như thế, nhà vua khi ở ngôi nhà mới có ba sự hối tiếc, đã được đại thần dứt trừ.

Phật lại nói với Bà-la-môn: Bây giờ, vua Quán đánh đồng Sát-lợi, vào ngày 15, khi trăng tròn, ra khỏi ngôi

nhà mới, tại khoảng đất trống trước nhà, đốt lên một đồng lửa lớn. Tay vua cầm bình dầu rót lên ngọn lửa, xướng lên rằng: ‘Hãy cho! Hãy cho!’

Khi ấy phu nhân của vua hay tin nhà vua, vào ngày 15 trăng tròn, ra khỏi nhà mới, tại khoảng đất trống trước nhà, đốt lên một đồng lửa lớn, tay cầm bình dầu rót lên ngọn lửa, xướng lên rằng: ‘Hãy cho! Hãy cho!’. Bà cùng với thể nữ cầm nhiều tài bảo, đi đến chỗ vua, tâu vua rằng: Các tạp bảo này, giúp Đại vương làm tế tự.

Này Bà-la-môn, nhà vua liền nói với phu nhân và thể nữ rằng: Thôi, đủ rồi. Các người như thế là đã cúng dường rồi. Ta có sẵn tài bảo riêng mình, đủ để tế tự.’

Phu nhân và các thể nữ suy nghĩ: ‘Chúng ta không nên mang các bảo vật này trở về nội cung. Nếu khi đức vua thiết lễ đại tự ở phương Đông, chúng ta sẽ dùng để hỗ trợ’.

Này Bà-la-môn, sau đó nhà vua ở phương Đông thiết lễ đại tự, khi ấy phu nhân và các thể nữ liền đem các bảo vật ấy trợ giúp thiết lễ đại tự.

Bấy giờ, Thái tử, hoàng tử, hay tin nhà vua, vào ngày 15 trăng tròn, ra khỏi nhà mới, tại khoảng đất trống trước nhà, đốt lên một đồng lửa lớn, tay cầm bình dầu rót lên ngọn lửa, xướng lên rằng: ‘Hãy cho! Hãy cho!’ Thái tử, hoàng tử cầm nhiều tài bảo, đi đến chỗ vua, tâu vua rằng:

Các tạp bảo này, giúp Đại vương làm tế tự. Này Bà-la-môn, nhà vua liền nói với Thái tử và hoàng tử.

Thôi, đủ rồi. Các người như thế là đã cúng dường rồi. Ta có sẵn tài bảo riêng mình, đủ để tế tự.

Thái tử, hoàng tử suy nghĩ: ‘Chúng ta không nên mang các bảo vật này trở về. Nếu khi đức vua thiết lễ đại tự ở phương Nam, chúng ta sẽ dùng để hỗ trợ’.

Này Bà-la-môn, sau đó nhà vua ở phương thiết lễ đại tự, khi ấy Thái tử, hoàng tử liền đem các bảo vật ấy trợ giúp thiết lễ đại tự.

Cũng vậy, đại thân cầm tài bảo đến, hỗ trợ vua tế tự ở phương Tây. Tướng sĩ cầm tài bảo đến hỗ trợ vua tế tự ở phương Bắc”.

Phật lại nói với Bà-la-môn: Nhà vua kia khi cử hành đại tự không giết bò, dê và các chúng sanh; chỉ dùng bơ, sữa, dầu mè, mật, đường đen, đường thẻ để tế tự.

Phật lại nói với Bà-la-môn: Vua Sát-lợi kia khi cử hành đại tự, khoảng đầu hoan hỷ, khoảng giữa hoan hỷ, khoảng cuối hoan hỷ. Đó là phép tổ chức tế tự.

Phật lại nói với Bà-la-môn :Vua Sát-lợi kia, sau khi cử hành đại tự, cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia hành đạo, tu bốn vô lượng tâm. Khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi Phạm thiên.

Phu nhân của vua, sau khi cử hành đại tự, cũng cạo tóc, bận ba pháp y, xuất gia hành đạo, hành bốn phạm hạnh. Khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi Phạm thiên.

“Đại thần Bà-la-môn sau khi chỉ dẫn vua tế tự bốn phương cũng tổ chức đại thí, sau đó cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia hành đạo, hành bốn phạm hạnh. Khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi Phạm thiên.

Phật lại nói với Bà-la-môn: Bảy giờ, nhà vua bằng ba pháp tế tự, mười sáu tư cụ tế tự đã tổ chức thành công đại tự. Ý ông nghĩ sao?

Cứu-la-đàn-đầu nghe Phật nói, im lặng không trả lời. Lúc ấy, năm trăm Bà-la-môn hỏi Cứu-la-đàn-đầu: Những điều Sa-môn Cù-đàm nói thật vi diệu, sao Đại sư im lặng không trả lời?

Cứu-la-đàn-đầu đáp: Những điều Sa-môn Cù-đàm nói thật là vi diệu. Không phải tôi không thừa nhận. Lý do mà tôi im lặng là vì có điều suy nghĩ. Sa-môn Cù-đàm nói sự việc này, không nói là nghe từ người khác. Tôi thâm nghĩ: Há Sa-môn Cù-đàm không phải là vua Sát-lợi kia chăng? Hoặc giả là vị đại thần Bà-la-môn kia chăng?

Bảy giờ Thế Tôn nói với Cứu-la-đàn-đầu: Lành thay, lành thay. Ngươi quán sát Như Lai thật sự là thích hợp. Vua Sát-lợi cử hành đại tự lúc ấy há phải là ai khác chăng? Chớ nhận xét như thế. Người ấy chính bản thân Ta vậy. Ta lúc bảy giờ đã huệ thí rất lớn.

Cứu-la-đàn-đầu bạch Phật rằng: Chừng ấy thôi, ba loại tế tự và mười sáu tư cụ tế tự là được quả báo lớn, hay còn có cái gì hơn thế nữa không?

Phật nói: Có.

Hỏi: Đó là cái gì?

Phật nói: So với ba tể tự và mười sáu tể cụ, nếu thường cúng dường chúng Tăng, không để gián đoạn, công đức còn hơn nhiều.

Lại hỏi: So với ba tể tự và mười sáu tể cụ, nếu thường cúng dường chúng tăng, không để gián đoạn, do thế công đức tối thắng. Nhưng còn có cái tối thắng nữa không?

Phật nói: Có.

Lại hỏi: Đó là cái gì?

Phật nói: Nếu bằng ba tể tự và mười sáu tể cụ và thường cúng dường chúng Tăng không để gián đoạn, chẳng bằng vì Chiêu-đề tăng mà dựng tăng phòng, nhà cửa, lầu gác. Thí ấy tối thắng.

Lại hỏi: Bằng ba tể tự và mười sáu tể cụ và thường cúng dường chúng tăng không để gián đoạn và vì Chiêu-đề tăng mà dựng tăng phòng, nhà cửa, lầu gác; phước ấy tối thắng. Những có cái gì hơn thế chẳng?

Phật nói: Có.

Lại hỏi: Đó là cái gì?

Phật nói: Nếu bằng ba tể tự và mười sáu tể cụ và thường cúng dường chúng tăng không để gián đoạn và vì

chiêu đề tăng mà dựng tăng phòng, nhà cửa, lầu gác; chẳng bằng khởi tâm hoan hỷ, miệng tự phát thành lời rằng: Tôi quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Phước này tối thắng.

Lại hỏi: Chừng ấy ba pháp quy y được quả báo lớn, hay còn có cái gì hơn nữa?

Phật nói: Có.

Hỏi: Đó là cái gì?

Phật nói: Nếu với tâm hoan hỷ thọ và hành năm giới, suốt đời không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu; phước này tối thắng.

Lại hỏi: Chừng ấy ba pháp tế tự (...), cho đến năm giới, được quả báo lớn hay còn có cái gì hơn nữa?

Phật nói: Có.

Lại hỏi: Đó là cái gì?

Phật nói: Nếu có thể bằng từ tâm nhớ nghĩ chúng sanh bằng khoảnh khắc vắt sữa bò; phước ấy tối thắng.

Lại hỏi: Chừng ấy ba pháp tế tự, cho đến từ tâm, được quả báo lớn, hay còn có cái gì hơn nữa?

Phật nói: Có.

Lại hỏi: Đó là cái gì?

Phật nói: Nếu Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời, có người theo Phật pháp xuất gia tu đạo, mọi đức đều hoàn bị; cho đến, đầy đủ ba minh, diệt các

sự tối tăm, đầy đủ tuệ minh. Vì sao? Vì không buông lung, ưa sống nơi thanh vắng; phước này tối thắng.

Cứu-la-đàn-đầu bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Tôi vì tế tự mà chuẩn bị bò, dê mỗi thứ năm trăm con. Nay sẽ thả hết, mặc chúng tùy ý đi tìm cỏ, nước. Tôi nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, xin nhận tôi làm ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay về sau, cho đến hết đời, không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu.¹⁸⁴

124. Quan điểm của đức Phật đối với vấn đề thần thông

24. “Kinh Kiên Cố”

Phật nói với Kiên Cố: Ta không bao giờ dạy các Tỳ-kheo hiện thân tức, pháp thượng nhân cho Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ. Ta chỉ dạy các đệ tử ở nơi thanh vắng nhân tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức, nên giấu kín. Nếu có sai lầm, nên bày tỏ.

Kiên Cố, con trai trưởng giả lại bạch Phật: Cúi mong Thế Tôn giáo sắc các Tỳ-kheo, nếu có Bà-la-môn, trưởng giả tử hay cư sĩ đến, hãy hiện thần thông, hiển thị pháp thượng nhơn.

¹⁸⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 23. Kinh Cứu La Đàn Đầu, Taiwan, 2000, trang 464~475.

Phật lại nói với Kiên Cố: Ta không bao giờ dạy các Tỳ-kheo hiện thân túc, pháp thượng nhân cho Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ. Ta chỉ dạy các đệ tử ở nơi thanh vắng nhàn tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức, nên giấu kín. Nếu có sai lầm, nên bày tỏ.

Khi ấy Kiên Cố, con trai trưởng giả, bạch Phật rằng: Con đối với pháp thượng như không có gì nghi ngờ. Nhưng thành Na-lan-đà này, quốc thổ thịnh vượng, nhân dân đông đúc, nếu ở đó mà hiện thân túc sẽ ích lợi cho nhiều người. Phật và Chúng tăng khéo hoằng hóa đạo.

Phật nói với Kiên Cố: Ta không bao giờ dạy các Tỳ-kheo hiện thân túc, pháp thượng nhân cho Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ. Ta chỉ dạy các đệ tử ở nơi thanh vắng nhàn tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức, nên giấu kín. Nếu có sai lầm, nên bày tỏ. Vì sao vậy? Có ba loại thân túc. Những gì là ba? Một, thân túc; hai, quán sát tâm người; ba, giáo giới.

Thế nào là thân túc? Đây con trai trưởng giả, Tỳ-kheo tập vô lượng thân túc, có thể từ một thân biến thành vô số; từ vô số thân hiệp trở lại thành một thân; hoặc xa, hoặc gần, núi, sông, vách đá, thủy đều tự tại vô ngại, như đi trong hư không. Ở giữa hư không mà ngồi kết già y như chim bay. Ra, vào lòng đất y như trong nước. Hoặc đi trên nước như đi trên đất. Minh bốc khói, lửa, như đồng lửa lớn. Tay sờ mặt trời, mặt trăng. Đứng cao đến Phạm thiên. Nếu có trưởng giả hay cư sĩ đã có tín tâm

thấy Tỳ-kheo hiện vô lượng thần túc, đứng cao đến Phạm thiên, sẽ đi đến các trưởng giả, cư sĩ chưa có tín tâm khác, mà nói rằng: ‘Tôi thấy Tỳ-kheo hiện vô lượng thần túc, đứng cao đến Phạm thiên’. Trưởng giả hay cư sĩ kia, những người chưa có tín tâm, nói với những người đã có tín tâm rằng: ‘Tôi nghe nói có thần chú cù-la có khả năng hiện vô lượng thần biến như vậy..., cho đến, đứng cao đến Phạm thiên’.

Phật bảo Kiên Cố, con trai trưởng giả: Những người chưa có tín tâm kia nói như vậy há không phải là hủy báng sao?

Kiên Cố đáp: Đó thật sự là lời hủy báng vậy.

Phật nói: Ta vì vậy không giáo sắc các Tỳ-kheo hiện thần túc, pháp thượng nhân, mà chỉ dạy các đệ tử ở nơi thanh vắng nhàn tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức, nên dấu kín. Nếu có sai lầm, nên bày tỏ. Như vậy, này con trai trưởng giả, đó chính là loại thần túc mà các đệ tử Ta thị hiện.

Sao gọi là thần túc quán sát tâm người? Ở đây, Tỳ-kheo hiện vô lượng thần túc quán sát; quán sát những pháp được nhớ nghĩ trong tâm chúng sanh; những việc được làm trong xó tối cũng có thể nhận biết. Nếu có trưởng giả hay cư sĩ đã có tín tâm thấy Tỳ-kheo hiện vô lượng thần túc quán sát; quán sát những pháp được nhớ nghĩ trong tâm chúng sanh; những việc được làm trong xó tối cũng có thể nhận biết, sẽ đi đến các trưởng giả, cư

sĩ chưa có tín tâm khác, mà nói rằng: ‘Tôi thấy Tỳ-kheo hiện vô lượng thần túc quán sát; quán sát những pháp được nhớ nghĩ trong tâm chúng sanh; những việc được làm trong xó tối cũng có thể nhận biết’. Trưởng giả hay cư sĩ kia, những người chưa có tín tâm, nói với những người đã có tín tâm rằng: ‘Tôi nghe nói có thần chú cà-đà-la có khả năng hiện vô lượng thần biến như vậy... cho đến, đứng cao đến Phạm thiên’.

Phật bảo Kiên Cố, con trai trưởng giả: Những người chưa có tín tâm kia nói như vậy há không phải là hủy báng sao?

Kiên Cố bạch Phật: Đó thật sự là lời hủy báng vậy.

Phật nói: Ta vì vậy không giáo sắc các Tỳ-kheo hiện thần túc, pháp thượng nhân mà chỉ dạy các đệ tử ở nơi thanh vắng nhàn tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức, nên dấu kín. Nếu có sai lầm, nên bày tỏ. Như vậy, này con trai trưởng giả, đó chính là loại thần túc quán sát mà các đệ tử Ta thị hiện.

Thế nào là giáo giới thần túc? Này con trai trưởng giả, nếu Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời, mười hiệu đầy đủ, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn mà tự thân chứng ngộ, rồi giảng thuyết cho người khác, với lời khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối thầy đều chơn chánh, nghĩa vị thanh tịnh, phạm hạnh đầy đủ. Nếu có trưởng giả hoặc cư sĩ, sau khi nghe, ở trong đó phát sanh tín tâm. Khi đã

có tín tâm, vị ấy ở trong đó quán sát, suy nghĩ rằng: ‘Ta không nên sống tại gia. Nếu sống tại gia, trói buộc liên miên, không thể thanh tịnh tu hành phạm hạnh. Nay ta hãy cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia tu đạo, đủ các công đức, cho đến thành tựu ba minh, diệt trừ những sự tối tăm, phát sanh ánh sáng đại trí’. Vì sao vậy? Ấy là do tinh cần, ưa sống một mình chỗ thanh vắng, chuyên niệm không quên mà được vậy. Nay con trai trưởng giả, đó là giáo giới thân túc mà Tỳ-kheo của Ta thị hiện vậy.

Bấy giờ, Kiên Cố, con trai trưởng giả, bạch Phật rằng: Có Tỳ-kheo nào thành tựu ba thân túc ấy không?

Phật nói với con trai trưởng giả: Ta không nói phần lớn các Tỳ-kheo đều thành tựu ba thân túc ấy. Nhưng, này con trai trưởng giả, có một Tỳ-kheo của Ta ở trong chúng này thâm suy nghĩ rằng: ‘Thân này, với bốn đại: đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu?’. Tỳ-kheo ấy phút chốc hướng vào con đường thiên giới, đi đến chỗ Tứ thiên vương, hỏi Tứ thiên vương rằng: ‘Thân này, với bốn đại: đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu?’

Này con trai trưởng giả, Tứ thiên vương kia trả lời Tỳ-kheo rằng: ‘Tôi không biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Trên tôi còn có trời, gọi là Đao-lợi, vi diệu đệ nhất, có đại trí tuệ. Trời kia có thể biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu’. Tỳ-kheo nghe xong, phút chốc hướng

theo thiên đạo, đi lên trời Đao-lợi, hỏi chư thiên: ‘Thân này, với bốn đại: đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu?’ Chư thiên Đao-lợi trả lời: ‘Tôi không biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Bên trên còn có trời, gọi là Diệm-ma, vi diệu đệ nhất, có đại trí tuệ. Trời ấy có thể biết’. Tỳ-kheo liền lên đó hỏi, nhưng nơi ấy vẫn không biết.

Lần lượt như thế, lên Đâu-suất, lên Hóa tự tại, lên Tha hóa tự tại thiên, thầy đều nói: ‘Tôi không biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Bên trên còn có trời, gọi là Phạm-ca-di, vi diệu đệ nhất, có đại trí tuệ. Trời ấy có thể biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu’. Tỳ-kheo ấy phút chốc hướng vào Phạm đạo. Lên đến Phạm thiên, Tỳ-kheo hỏi: ‘Thân này, với bốn đại: đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu?’ Vị Phạm thiên kia trả lời Tỳ-kheo: ‘Tôi không biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Nay có Đại Phạm thiên vương, đáng Vô năng thắng, thống lãnh một nghìn thế giới, phú quý, tôn quý, hào quý, hoàn toàn được tự tại, có khả năng tạo hóa mọi vật, là cha mẹ của chúng sanh. Ngài có thể biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu’. Nay con trai trưởng giả, Tỳ-kheo kia liền hỏi ngay rằng: ‘Ngài Đại Phạm thiên vương kia hiện đang ở đâu?’ Vị trời ấy đáp: ‘Không rõ Đại Phạm nay đang ở đâu. Nhưng theo ý tôi mà xét, Ngài sẽ xuất hiện giây lát’. Chưa bao lâu, Phạm vương hốt nhiên xuất hiện. Nay con trai trưởng giả, Tỳ-kheo kia đến Phạm vương và hỏi: ‘Thân này, với bốn đại: đất, nước, lửa, gió vĩnh viễn diệt tận ở đâu?’ Đại Phạm vương kia nói với

Tỳ-kheo: ‘Ta là Đại Phạm, là đấng Vô năng thắng, thống lãnh một nghìn thế giới, phú quý, tôn quý, hào quý, hoàn toàn được tự tại, có khả năng tạo hóa mọi vật, là cha mẹ của chúng sanh’. Tỳ-kheo kia khi ấy nói với Phạm thiên vương: ‘Tôi không hỏi việc ấy. Tôi hỏi, bốn đại: đất, nước, lửa, gió vĩnh viễn diệt tận ở đâu’.

Này con trai trưởng giả, Phạm vương kia vẫn trả lời Tỳ-kheo: ‘Ta là Đại Phạm vương, cho đến, sáng tạo vạn vật, cha mẹ của chúng sanh’. Tỳ-kheo lại nói: ‘Tôi không hỏi việc ấy. Tôi hỏi, bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu’. Này con trai trưởng giả, Phạm thiên vương, như vậy đến ba lần không thể trả lời Tỳ-kheo, bốn đại này vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Rồi thì, Đại Phạm vương bèn nắm lấy tay phải của Tỳ-kheo, kéo ra chỗ kín đáo, nói rằng: ‘Này Tỳ-kheo, nay các Phạm thiên đều bảo rằng ta là trí tuệ bậc nhất, không có gì không biết, không thấy. Vì vậy ta không trả lời thầy, vì ta không biết, không thấy, bốn đại này nơi đâu vĩnh viễn diệt tận’. Rồi lại nói tiếp với Tỳ-kheo: ‘Thầy thật là đại ngu ngốc mới bỏ Như Lai mà đi tra vấn chư thiên về việc này. Thầy nên đến Thế Tôn mà hỏi việc này. Như những gì Phật nói, hãy ghi nhớ kỹ’. Lại bảo Tỳ-kheo: ‘Nay Phật ở tại Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc. Thầy hãy đến đó mà hỏi’.

‘Này con trai trưởng giả, bấy giờ, Tỳ-kheo hốt nhiên biến mất khỏi Phạm thiên giới, và trong khoảnh khắc như trắng sấm co duỗi cánh tay, đến Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Tỳ-kheo đi đến chỗ Ta, cúi lạy

chân Ta, ngồi sang một bên, bạch Ta rằng: ‘Thế Tôn, nay bốn đại này, đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu?’

Bấy giờ, Ta nói rằng: Tỳ-kheo! Cũng như thương nhưn mang một con ung vào biển. Ở giữa biển, thả chim ung bay các phương Đông, Tây, Nam, Bắc trong hư không. Nếu nhìn thấy đất liền, chim bèn dừng trên đó. Nếu không nhìn thấy, chim bay trở về thuyền. Tỳ-kheo, người cũng vậy. Người lên cho đến Phạm thiên để hỏi ý nghĩa đó, cuối cùng không thành tựu mới trở về Ta.¹⁸⁵

125. Quan điểm của Phật đối với pháp tu khổ hạnh và lỏa thể

25. “Kinh Lỏa Thể Hình Phạm Chí”

Sa-môn Cù-đàm chê bai tất cả các pháp tế tự; mắng những người khổ hạnh là dơ dáy. Cù-đàm, nếu có người nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm chê bai tất cả các pháp tế tự; mắng những người khổ hạnh là dơ dáy’. Đó có phải là pháp ngữ, pháp pháp thành tựu, không phi báng Sa-môn Cù-đàm chăng?

Phật nói: Ca-diếp, người kia nói: ‘Sa-môn Cù-đàm chê bai tất cả các pháp tế tự; mắng những người khổ

¹⁸⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 24. Kinh Kiên Cố, Taiwan, 2000, trang 479~485.

hạnh là dơ dáy’. Đó không phải là lời nói đúng pháp, không phải pháp thành tựu, là phi báng Ta, không phải là lời nói thành thật. Vì sao? Nay Ca-diếp, Ta thấy, trong những người khổ hạnh kia, có người khi thân hoại mạng chung đọa vào địa ngục; lại thấy có người khổ hạnh khi thân hoại mạng chung được sanh thiên, sanh chỗ thiện. Hoặc thấy người khổ hạnh ưa làm việc khổ hạnh, khi thân hoại mạng chung, sanh vào địa ngục. Hoặc thấy người khổ hạnh ưa làm việc khổ hạnh, khi thân hoại mạng chung, sanh thiên, sanh chỗ thiện. Ta đối với trường hợp thọ báo với hai thú hướng ấy, thấy hết biết hết, làm sao có thể Ta chỉ trích người tu khổ hạnh cho là dơ dáy? Điều Ta rõ ràng nói là phải, người kia nói là không phải. Điều Ta rõ ràng nói không phải, người kia nói là phải....

Ca-diếp, có đạo, có tích, đê Tỳ-kheo ở trong đó tu hành mà tự mình thấy, tự mình biết: Sa-môn Cù-đàm nói đúng thời, nói sự thật, nói có nghĩa, nói đúng pháp, nói đúng luật.

Ca-diếp, thế nào là đạo, thế nào là tích, đê Tỳ-kheo ở trong đó tu hành mà tự mình thấy, tự mình biết: Sa-môn Cù-đàm nói đúng thời, nói sự thật, nói có nghĩa, nói đúng pháp, nói đúng luật? Nay Ca-diếp, ở đây Tỳ-kheo tu niệm giác ý, y tịch diệt, y vô dục, y xuất ly. Tu pháp, tinh tấn, hỷ khinh an, định, xả giác ý, y tịch diệt, y vô dục, y xuất yếu. Ca-diếp, đó là đạo, đó là tích, đê Tỳ-kheo ở trong đó tu hành mà tự mình thấy, tự mình biết: Sa-môn

Cù-đàm nói đúng thời, nói sự thật, nói có nghĩa, nói đúng pháp, nói đúng luật.

Ca-diếp nói: Cù-đàm, duy chỉ đạo ấy, tích ấy, Tỳ-kheo ở trong đó tu hành mà tự mình thấy, tự mình biết: Sa-môn Cù-đàm nói đúng thời, nói sự thật, nói có nghĩa, nói đúng pháp, nói đúng luật. Nhưng với khổ hạnh ô ứ, có trường hợp được gọi là Bà-la-môn, có trường hợp được gọi là Sa-môn.

Những khổ hạnh ô ứ nào mà có trường hợp được gọi là Bà-la-môn, có trường hợp được gọi là Sa-môn?

Thưa Cù Đàm, đó là: khóa thân, cởi bỏ y phục, rồi lấy tay che; không nhận đồ ăn từ nồi chảo; không nhận đồ ăn từ chậu nước; không nhận đồ ăn giữa hai vách tường; không nhận đồ ăn giữa hai người, không nhận đồ ăn giữa hai cái chày; không nhận đồ ăn từ gia đình đang ăn; không nhận đồ ăn từ nhà có thai; không ăn đồ ăn có chó đứng trước cửa; không nhận đồ ăn nơi nhà có ruồi; không nhận mời ăn; không nhận của người nói đã biết trước; không ăn cá; không ăn thịt; không uống rượu, không ăn bằng hai bát; một bữa ăn một lần nuốt, cho đến bảy bữa thì thôi; nhận thức ăn thêm của người, không nhận quá bảy lần thêm; hoặc một ngày ăn một bữa; hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày ăn một bữa; hoặc chỉ ăn quả; hoặc chỉ ăn cỏ vục; hoặc chỉ uống nước cơm; hoặc ăn mè; hoặc chỉ ăn lúa liêm; hoặc ăn phân bò; hoặc ăn phân nai; hoặc ăn rễ, cành, lá, hoa, hạt của cây; hoặc ăn trái cây tự rụng; hoặc

mặc áo; hoặc mặc áo sa thảo; hoặc mặc áo vỏ cây; hoặc lấy cỏ đắp lên mình; hoặc khoác áo da hươu; hoặc bện tóc; hoặc áo bện bằng lông; hoặc áo lượm từ bãi tha ma; hoặc thường đưa tay lên; hoặc không ngồi giường chiếu; hoặc thường ngồi chồm hổm; hoặc có người cạo tóc nhưng để râu; hoặc có người nằm trên gai; hoặc có người nằm trên bầu trái; hoặc có người khóa thân nằm trên phân bò; hoặc một ngày ba lần tắm; hoặc một đêm ba lần tắm. Bằng vô số sự khổ mà làm khổ thân này. Cù-đàm, đó gọi là khổ hạnh ô uế, có trường hợp được gọi là Sa-môn pháp, có trường hợp được gọi là Bà-la-môn pháp.

Phật nói: “Những người khóa thân cõi bỏ y phục, bằng vô số phương tiện làm khổ thân này; những người ấy không đầy đủ giới, không đầy đủ kiến, không thể siêng tu, cũng không phát triển rộng lớn.”...

Phật nói với Ca-diếp: Nếu Như Lai xuất hiện ở đời, cho đến, tứ thiên, ở ngay trong hiện tại mà được an lạc. Vì sao vậy? Ấy do tinh cần, chuyên niệm nhất tâm, ưa ở chỗ nhàn tĩnh, không buông lung vậy. Ca-diếp, đó là giới đầy đủ, kiến đầy đủ, thù thắng hơn các thứ khổ hạnh.

Ca-diếp nói: Cù-đàm, tuy nói rằng giới đầy đủ, kiến đầy đủ, vượt hơn các thứ khổ hạnh, vì diệu bậc nhất nhưng pháp Sa-môn thật là khó; pháp Bà-la-môn thật là khó.

Phật nói: “Ca-diếp, đó là pháp bất cộng của thế gian, nghĩa là, Sa-môn pháp, Bà-la-môn pháp là khó. Ca-diếp, cho đến ưu-bà-di cũng biết được pháp đó, là khóa thân

cởi bỏ y phục, cho đến, bằng vô số phương tiện làm khổ mình. Nhưng không biết rằng tâm ấy là tâm có nhuê, hay tâm không có nhuê; tâm có hận hay tâm không có hận; tâm có hại hay tâm không có hại. Nếu biết tâm ấy, thì không nói rằng pháp Sa-môn, Bà-la-môn là khó. Vì không biết, cho nên nói pháp Sa-môn, Bà-la-môn khó.

Bấy giờ, Ca-diếp bạch Phật rằng: Thế nào là Sa-môn, thế nào là Bà-la-môn có giới cụ túc, kiến cụ túc, là tối thượng, là tối thắng, vi diệu bậc nhất?

Phật nói: Hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ, Ta sẽ nói cho ông nghe.

Thưa vâng, Cù-đàm. Vui lòng xin được nghe.

Phật nói: Ca-diếp, Tỳ-kheo kia, bằng tam-muội tâm, cho đến, chứng đắc ba minh, diệt trừ các si mê tối tăm, sanh ánh sáng trí tuệ, gọi là lậu tận trí. Vì sao? Ấy là do tinh cần, chuyên niệm không quên, ưa chỗ nhàn tĩnh, không buông lung vậy. Ca-diếp, đó gọi là Sa-môn, Bà-la-môn có giới cụ túc, kiến cụ túc, là tối thượng, là tối thắng, vi diệu bậc nhất.

Ca-diếp nói: Cù-đàm, tuy nói đó gọi là Sa-môn, Bà-la-môn có giới cụ túc, kiến cụ túc, là tối thượng, là tối thắng, vi diệu bậc nhất nhưng pháp Sa-môn, Bà-la-môn thật quá khó, quá khó! Sa-môn cũng khó biết, Bà-la-môn cũng khó biết.

Phật nói: Ưu-bà-tắc cũng có thể tu hành được pháp ấy, nói rằng: ‘Tôi, kể từ hôm nay, có thể khỏa thân cởi bỏ

y phục, cho đến, bằng vô số phương tiện gieo khổ cho thân này'. Không thể do hành vi này mà được gọi là Sa-môn, Bà-la-môn. Nếu chỉ do hạnh này mà có thể được gọi là Sa-môn, Bà-la-môn thì không thể nói pháp Sa-môn là quá khó, pháp Bà-la-môn là quá khó. Nhưng không vì hạnh ấy mà được gọi là Sa-môn, Bà-la-môn, cho nên nói rằng Sa-môn rất khó, Bà-la-môn rất khó.

Phật lại nói với Ca-diếp: Xưa, một thời, Ta ở tại Duyệt-kỳ, trong hang Thất diệp trên Cao sơn, đã từng giảng về khổ hạnh thanh tịnh cho Phạm chí Ni-câu-đà. Khi ấy Phạm chí sanh tâm hoan hỷ, được tín tâm thanh tịnh; cúng dường Ta, xưng tán Ta, cúng dường, tán thán Ta một cách tối thượng.

Ca-diếp nói: Thưa Cù-đàm, ai đối với Cù-đàm mà không phát sanh hoan hỷ, tịnh tín, cúng dường, xưng tán một cách tối thượng? Tôi nay đối Cù-đàm cũng phát sanh hoan hỷ, tịnh tín, cúng dường, xưng tán một cách tối thượng. Tôi quy y Cù-đàm.

Phật nói với Ca-diếp: Những gì là giới trong thế gian, không có giới nào sánh bằng tăng thượng giới này, huống hồ muốn nói hơn. Những gì là tam-muội, trí tuệ, giải thoát kiến, giải thoát tuệ, không có cái gì sánh ngang với tăng thượng tam-muội, trí tuệ, giải thoát kiến, giải thoát tuệ; huống hồ muốn nói là hơn.¹⁸⁶

¹⁸⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 25. Kinh Lỗa Hình Phạm Chí, Taiwan, 2000, trang 487~494.

126. Quan điểm của Thế Tôn về Phạm thiên và con đường đi đến Phạm thiên

26. “Kinh Tam Minh”

Thế nào, trong số các Bà-la-môn thông tam minh có ai đã từng thấy Phạm thiên chưa?

Đáp: Không có ai thấy.

Thế nào, Bà-tát-tra, tiên sư của Bà-la-môn thông tam minh có từng thấy Phạm thiên chưa?

Đáp: Không ai thấy.

Thế nào, Bà-tát-tra, các Bà-la-môn kỳ cựu, các tiên nơn thông tam minh thời cổ, đọc tụng thông suốt, có thể thuyết cho người khác nghe các tán tụng cổ, các ca vịnh, thi thư, những vị có tên là A-tra-ma Bà-la-môn, Bà-ma-đề-bà Bà-la-môn, Tỳ-bà-thâm-tra Bà-la-môn, Y-ni-la-tư Bà-la-môn, Xà-bà-đề-già Bà-la-môn, Bà-bà-tát Bà-la-môn, Ca-diếp Bà-la-môn, A-lâu-na Bà-la-môn, Cù-đàm-ma Bà-la-môn, Thủ-chi Bà-la-môn, Bà-la-tôn-đà Bà-la-môn; những vị này có được thấy Phạm thiên không?

Đáp: Không có ai thấy.

Phật nói: Nếu Bà-la-môn thông tam minh kia không thấy Phạm thiên, tiên sư của Bà-la-môn thông tam minh cũng không thấy Phạm thiên, các Bà-la-môn thông tam minh, những cựu tiên nơn, như A-tra-ma vân vân cũng không một ai thấy Phạm thiên, thế thì biết rằng những

điều mà Bà-la-môn thông tam minh nói không phải là sự thật.

Phật lại nói với Bà-tát-tra: Như có một người dâm, nói rằng: ‘Tôi cùng với người nữ đẹp đẽ kia thông giao, ca ngợi dâm pháp’. Những người khác liền hỏi: ‘Ông có biết người nữ ấy không? Cô ấy ở đâu? Phương Đông, phương Tây, phương Nam, hay phương Bắc?’ Đáp: ‘Không biết’. Lại hỏi: ‘Ông có biết đất, đai, thành ấp, chòm xóm mà người nữ ấy ở không?’ Đáp: ‘Không biết’. Lại hỏi: ‘Ông có biết cha mẹ cô ấy tên gì không?’ Đáp: ‘Không biết’. Lại hỏi: ‘Ông có biết người nữ ấy là Sát-lợi, hay Bà-la-môn, hay cư sĩ, hay thủ-đà-la không?’ Đáp: ‘Không’. Lại hỏi: ‘Ông có biết người nữ ấy cao hay thấp, mập hay gầy, đen hay trắng, đẹp hay xấu không?’ Đáp: ‘Không’. Thế nào, Bà-tát-tra, sự ca ngợi của người kia có phải sự thật không?”

Đáp: Không thật.

Như vậy, Bà-tát-tra, những điều mà Bà-la-môn thông tam minh nói cũng như vậy, không có sự thật. Thế nào, Bà-tát-tra, Bà-la-môn thông tam minh của người thấy nơi chốn mà mặt trời, mặt trăng mọc, lặn, du hành, chấp tay cúng dường và có thể nói như vậy: ‘Con đường này chơn chánh, có thể dẫn đến xuất yếu, đến chỗ mặt trời, mặt trăng’ được chăng?

Đáp: Thật vậy, Bà-la-môn thông tam minh thấy nơi chốn mà mặt trời, mặt trăng mọc, lặn, du hành, chấp tay

cúng dường nhưng không thể nói như vậy: ‘Con đường này chơn chánh, có thể dẫn đến xuất yếu, đến chỗ mặt trời, mặt trăng’.

Phật nói: Như vậy, Bà-tát-tra, Bà-la-môn thông tam minh thấy nơi chốn mà mặt trời, mặt trăng mọc, lặn, du hành, chấp tay cúng dường nhưng không thể nói như vậy: ‘Con đường này chơn chánh, có thể dẫn đến xuất yếu, đến chỗ mặt trời, mặt trăng’. Nhưng lại thường chấp tay cúng dường cung kính, há không phải là hư dối sao?

Đáp: Thật vậy, thưa Cù-đàm, kia thật sự hư dối.

Phật nói: Ví như có người dựng thang nơi khoảng đất trống; những người khác hỏi: ‘Người bắc thang làm gì?’ Đáp: ‘Tôi muốn lên nhà trên’. Hỏi: ‘Nhà ở chỗ nào? Đông, hay Tây, hay Nam, hay Bắc?’ Đáp rằng: ‘Không biết’.

Thế nào, Bà-tát-tra, người ấy dựng thang để lên nhà, há không phải là hư dối sao?’

Đáp: Thật vậy, kia thật sự hư dối.

Phật nói: Bà-la-môn thông tam minh cũng vậy, hư dối không thật.

“Bà-tát-tra, năm dục khiết tịnh, rất đáng yêu thích. Những gì là năm? Mắt thấy sắc, rất đáng yêu thích. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, rất đáng yêu thích, ở trong pháp Hiền Thánh của Ta, được gọi là dính mắc, là trói buộc, là xiềng xích. Bà-

lã-môn thông tam minh kia bị nhiễm bởi năm dục, ái dục dính chặt nhưng không thấy lỗi lầm, không biết lối xuất yếu. Kia đã bị năm dục trói buộc, giả sử có phụng sự nhật, nguyệt, thủy, hỏa và xưng lên rằng: ‘Xin tiếp đỡ tôi sanh lên Phạm thiên’. Không có trường hợp ấy. Ví như con sông A-di-la có mức nước ngang bờ. Có người ở bờ bên này mình bị quán chặt, kêu sông bờ bên kia rằng: ‘Lại đây, đưa tôi sang’. Bờ kia có đến đưa người ấy sang không?”

Đáp: Không.

Bà-tát-tra, năm dục khiết tịnh rất đáng yêu thích, ở trong pháp Hiền Thánh của Ta, được gọi là dính mắc, là trói buộc, là xiềng xích. Bà-la-môn thông tam minh kia bị nhiễm bởi năm dục, ái dục dính chặt nhưng không thấy lỗi lầm, không biết lối xuất yếu. Kia đã bị năm dục trói buộc, giả sử có phụng sự nhật, nguyệt, thủy, hỏa, và xưng lên rằng: ‘Xin tiếp đỡ tôi sanh lên Phạm thiên’ thì cũng giống như vậy. Trọn không thể xảy ra.

Bà-tát-tra, ví như con sông A-di-la nước tràn ngang bờ, con quạ có thể uống được. Có người muốn sang, không bằng vào sức của tay chân, thân mình, không nhân thuyền bè, mà có thể sang được không?

Đáp: Không.

Bà-tát-tra, Bà-la-môn thông tam minh cũng vậy, không tu hạnh thanh tịnh của Sa-môn, lại tu theo hạnh

không thanh tịnh của đạo khác mà muốn cầu sanh Phạm thiên, không có trường hợp đó.

Bà-tát-tra, cũng như nước trong núi vọt mạnh ra, cuốn trôi khá nhiều nhân dân, và lại không có thuyền, bè cũng không có cầu bến. Người kia nghĩ thầm: ‘Ta nên thâu lượm thật nhiều cỏ và cây, buộc thành chiếc bè thật chắc chắn, rồi bằng sức của thân mình mà sang bờ một cách an ổn’. Bà-tát-tra, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo xả hạnh bất tịnh phi Sa-môn, tu hành phạm hạnh thanh tịnh của Sa-môn, muốn sanh Phạm thiên; trường hợp ấy có xảy ra.

Thế nào, Bà-tát-tra, Phạm thiên có nhuế tâm hay không có nhuế tâm?

Đáp: Không có nhuế tâm.

Lại hỏi: Bà-la-môn thông tam minh có nhuế tâm hay không có nhuế tâm?

Đáp: Có nhuế tâm.

Bà-tát-tra, Phạm thiên không có nhuế tâm. Bà-la-môn thông tam minh có nhuế tâm. Nhuế tâm và không nhuế tâm không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hưởng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung.

Thế nào, Bà-tát-tra, Phạm thiên có sân tâm, hay không có sân tâm

Đáp: Không có sân tâm.

Lại hỏi: Bà-la-môn thông tam minh có sân tâm, hay không có sân tâm?”

Đáp: Có sân tâm.

Bà-tát-tra, Phạm thiên không có sân tâm. Bà-la-môn thông tam minh có sân tâm. Sân tâm và không sân tâm không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hướng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung.

Thế nào, Bà-tát-tra, Phạm thiên có hận tâm, hay không có hận tâm?

Đáp: Không có hận tâm.

Lại hỏi: Bà-la-môn thông tam minh có hận tâm, hay không có hận tâm?

Đáp: Có hận tâm.

Phật nói: Phạm thiên không có sân tâm. Bà-la-môn thông tam minh có sân tâm. Sân tâm và không sân tâm không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hướng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung.

Thế nào, Bà-tát-tra, Phạm thiên có gia thuộc, sản nghiệp không?

Đáp: Không

Lại hỏi: Bà-la-môn thông tam minh có gia thuộc, sản nghiệp không?

Đáp: Có.

Phật nói: Phạm thiên không có gia thuộc, sản nghiệp. Bà-la-môn thông tam minh có gia thuộc, sản nghiệp. Người có gia thuộc, sản nghiệp và người không gia thuộc, sản nghiệp không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hướng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung.

Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có được tự tại hay không được tự tại?

Đáp: Được tự tại.

Lại hỏi: Bà-la-môn tam minh có được tự tại, hay không được tự tại?

Đáp: Không được tự tại.

Phật nói: Phạm thiên được tự tại. Bà-la-môn thông tam minh không được tự tại. Người được tự tại và người không được tự tại cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hướng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung.

Phật lại nói: Bà-la-môn tam minh kia, giả sử có người đến hỏi ý nghĩa sâu xa, không thể trả lời đầy đủ, có thật như vậy không?

Đáp: Thật như vậy.

Bấy giờ, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa, hai người đều bạch Phật rằng: Hãy gác qua một bên các đề tài khác. Tôi nghe

Sa-môn Cù-đàm biết rõ con đường Phạm thiên, có thể giảng thuyết điều đó cho người khác; lại đã cùng Phạm thiên gặp gỡ, qua lại chuyện trò. Cúi mong Sa-môn Cù-đàm vì lòng từ mẫn, xin thuyết con đường Phạm thiên, xin khai thị, phô diễn.

Phật nói với Bà-tát-tra: Ta nay hỏi ngươi. Hãy tùy ý trả lời. Thế nào, Bà-tát-tra, nước Tâm niệm kia cách đây gần xa?

Đáp: Gần.

Giả sử có người sanh trưởng ở nước này được người khác hỏi đường đi đến nước này. Thế nào, Bà-tát-tra, người sanh trưởng ở nước ấy trả lời đường đi cho người hỏi kia, há có đáng nghi ngờ chăng?

Đáp: Không nghi. Vì sao? Vì y sanh trưởng ở nước này.

Phật nói: Dù cho người sanh trưởng ở nước này kia cũng có thể đáng nghi ngờ, nhưng nếu có người hỏi Ta về con đường Phạm thiên, không có điều gì nghi ngờ. Vì sao? Ta đã từng nhiều lần nói về con đường Phạm thiên ấy.

Bà-tát-tra và Phả-la-đọa, cả hai cùng bạch Phật: Hãy gác qua một bên các đề tài khác. Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm biết rõ con đường Phạm thiên, có thể giảng thuyết điều đó cho người khác; lại đã cùng Phạm thiên gặp gỡ, qua lại chuyện trò. Cúi mong Sa-môn Cù-đàm vì lòng từ

mẫn, xin thuyết con đường Phạm thiên, xin khai thị, phổ diễn.

Phật nói: Hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ. Ta sẽ nói cho người nghe.

Đáp: Kính vâng. Xin vui lòng được nghe.

Phật nói: Nếu Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời, đầy đủ mười hiệu, cho đến tứ thiên, ở ngay trong đời này mà hưởng thọ an lạc. Vì sao? Ấy do tinh cần, chuyên niệm không quên, ưa sống một mình nơi thanh vắng, không buông lung vậy. Vị ấy với từ tâm tràn khắp một phương ; các phương khác cũng vậy, rộng khắp không biên tế, không hai, vô lượng, không hận, vô hại, du hí với tâm ấy và hưởng thọ an lạc. Bi, hỷ, xả tâm biến mãn một phương, phương khác cũng vậy, rộng khắp không biên tế, không hai, vô lượng, không kết hận, không có ý nào hại, du hí với tâm ấy và hưởng thọ an lạc.

Thế nào, Bà-tát-tra, Phạm thiên có nhuế tâm không?

Đáp: Không.

Lại hỏi: Tỳ-kheo hành từ tâm có nhuế tâm hay không có nhuế tâm?

Đáp: Không có nhuế tâm.

Phật nói: Phạm thiên không có nhuế tâm. Tỳ-kheo hành từ tâm không có nhuế tâm. Không nhuế tâm và

không nhuế tâm cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

Thế nào, Bà-tát-tra, Phạm thiên có sân tâm hay không có sân tâm?

Đáp: Không.

Lại hỏi: Tỳ-kheo hành từ tâm có sân tâm hay không có sân tâm?

Đáp: Không có sân tâm.

Phật nói: Phạm thiên không có sân tâm. Tỳ-kheo hành từ tâm không có sân tâm. Không sân tâm và không sân tâm cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

Thế nào, Bà-tát-tra, Phạm thiên có hận tâm hay không có hận tâm?

Đáp: Không.

Lại hỏi: Tỳ-kheo hành từ tâm có hận tâm hay không có hận tâm?

Đáp: Không có hận tâm.

Phật nói: Phạm thiên không có hận tâm. Tỳ-kheo hành từ tâm không có hận tâm. Không hận tâm và không hận tâm cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có gia thuộc, sản nghiệp hay không?

Đáp: Không.

Lại hỏi: Tỳ-kheo hành từ tâm có gia thuộc, sản nghiệp hay không?

Đáp: Không có gia thuộc, sản nghiệp.

Phật nói: Phạm thiên không có gia thuộc, sản nghiệp. Tỳ-kheo hành từ tâm không có gia thuộc, sản nghiệp. Không gia thuộc, sản nghiệp và không gia thuộc sản nghiệp cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có được tự tại không?

Đáp: Được tự tại.

Lại hỏi: Tỳ-khe hành từ tâm có được tự tại không?

Đáp: Được tự tại.

Phật nói: Phạm thiên được tự tại. Tỳ-kheo hành từ tâm được tự tại. Được tự tại và được tự tại cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

Phật lại nói với Bà-tất-tra: Nên biết, Tỳ-kheo hành từ tâm, khi thân hoại mạng chung, trong khoảnh khắc như mũi tên được bắn đi, sanh lên Phạm thiên.

Khi Phật nói kinh này, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa ngay trên chỗ ngồi mà xa lia trần cấu, ở trong các pháp phát sanh con mắt thấy pháp.¹⁸⁷

127. Chủ trương của 6 phái triết học

27. “Kinh Sa Môn Quả”

(1. Phái của Bất lan Ca Diếp)

“Nhớ lại, một thời tôi đến Bất-lan Ca-diếp, hỏi rằng: ‘Nhu người cỡi voi, xe ngựa, tập luyện binh pháp ... cho đến, bằng các sự mưu sinh khác nhau, hiện tại có quả báo. Nay chúng đây hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?’ Bất-lan Ca-diếp kia trả lời tôi rằng: ‘Đại vương nếu tự mình làm. Hay sai bảo người khác làm. Chặt, bừa, tàn hại, nấu, nướng, cắt, xẻ, nã loạn chúng sanh, khiến cho sầu ưu, than khóc; sát sanh, trộm cắp, dâm dật, vọng ngữ, trèo tường cướp bóc, phóng lửa thiêu đốt, chặn đường làm chuyện ác. Đại vương, hành động như vậy không phải là ác. Đại vương, nếu lấy kiếm bén mà lóc thịt chúng sanh, làm thành một đồng thịt, ngập tràn cả thế gian; đó không phải là sự ác cũng không tội báo. Ở bờ Nam sông Hằng, lóc thịt chúng sanh, cũng không có ác báo. Ở phía Bắc sông Hằng, thiết hội

¹⁸⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 26. Kinh Tam Minh, Taiwan, 2000, trang 500~508.

bồ thí lớn, bồ thí tất cả chúng sanh, lợi cho tất cả mọi người, cũng không có quả báo của tội phước’.”¹⁸⁸

(2. Mạt-già-lê Câu-xá-lê)

“Nhớ lại, một thời tôi đến Mạt-già-lê Câu-xá-lê, hỏi rằng: ‘Như người cỡi voi, xe ngựa, tập luyện binh pháp, v.v..., cho đến, bằng các sự mưu sinh khác nhau, hiện tại có quả báo. Nay chúng đây hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?’ Kia trả lời tôi rằng: ‘Đại vương, không có bồ thí, không có sự cho, không có pháp tế tự. Cũng không có thiện ác, không có quả báo của thiện ác. Không có đời này, không có đời sau. Không có cha, không có mẹ, không có chư thiên, không có sự hóa sanh, không có chúng sanh. Ở đời không có Sa-môn, Bà-la-môn, bình đẳng hành giả và họ cũng không tự mình chứng ngộ đời này hay đời sau, rồi phô diễn cho người hay. Những ai nói có, thấy đều hư dối.

(3. A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la)

“Một thời, tôi đến A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la, hỏi rằng: ‘Đại đức, như người cỡi voi, ngựa xe, luyện tập binh pháp, cho đến, các loại mưu sinh khác nhau, đều có quả báo hiện tại. Nay đây chúng hội này hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?’ Kia trả lời tôi rằng:

¹⁸⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 27. Kinh Sa Môn Quả, Taiwan, 2000, trang 515.

‘Con người lãnh thọ bốn đại, khi mạng chung, đất trở về đất, nước trở về nước, lửa trở về lửa, gió trở về gió; thủy đều hư rã, các căn trở về hư không’. Khi người chết, nhà đồ khiêng xác để trong bãi tha ma, lửa đốt cháy thành xương như màu bồ câu, hoặc biến thành tro đất. Hoặc ngu, hoặc trí, đến lúc mạng chung, thủy đều hư rã là pháp đoạn diệt”.

(4. Ba-phù-đà Già-chiên-diên)

Một thời, tôi đến Ba-phù-đà Già-chiên-diên, hỏi rằng: ‘Đại đức, như người cỡi voi, ngựa xe, luyện tập binh pháp, cho đến, các loại mưu sinh khác nhau đều có quả báo hiện tại. Nay đây chúng hội này hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?’ Kia trả lời tôi rằng: ‘Không có lực, không có tinh tấn, con người không sức mạnh, không phương tiện. Chúng sanh nhiễm trước không do nhân gì hay duyên gì. Chúng sanh thanh tịnh không do nhân gì hay duyên gì. Hết thủy chúng sanh, những loài có mạng, thủy đều không sức mạnh, không được tự tại, không có cái gì được gọi là oán là thù, ở trong sáu sanh loại mà thọ các khổ hay lạc.¹⁸⁹

¹⁸⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 27. Kinh Sa Môn Quả, Taiwan, 2000, trang 518.

(5. Tán-nhã Tỳ-la-lê Tử)

Một thời, tôi đến Tán-nhã Tỳ-la-lê Tử, hỏi rằng: ‘Đại đức, như người cỡi voi, ngựa, xe, luyện tập binh pháp, cho đến, các loại mưu sinh khác nhau đều có quả báo hiện tại. Nay đây chúng hội này hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?’ Kia trả lời tôi rằng: ‘Đại vương, hiện tại có quả báo của Sa-môn. Hỏi như vậy, đáp sự việc ấy như vậy. Sự việc này là thật, sự việc này là khác; sự việc này không phải khác cũng không phải không khác. Đại vương, hiện tại không có quả báo của Sa-môn. Hỏi như vậy, đáp sự việc ấy như vậy; sự việc này là thật, sự việc này là khác; sự việc này không phải khác cũng không phải không khác. Đại vương, hiện tại vừa có vừa không có quả báo của Sa-môn. Hỏi như vậy, đáp sự việc ấy như vậy; sự việc này là thật, sự việc này là khác; sự việc này không phải khác cũng không phải không khác. Đại vương, hiện tại không phải có cũng không phải không có quả báo của Sa-môn. Hỏi như vậy, đáp sự việc ấy như vậy; sự việc này là thật, sự việc này là khác; sự việc này không phải khác cũng không phải không khác. Hỏi như vậy, đáp sự việc ấy như vậy; sự việc này là thật, sự việc này là khác; sự việc này không phải khác cũng không phải không khác.’¹⁹⁰

¹⁹⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 27. Kinh Sa Môn Quả, Taiwan, 2000, trang 519.

(6. Ni-kiền Tử)

Một thời, tôi đến Ni-kiền Tử, hỏi rằng: ‘Đại đức, như người cỡi voi, ngựa xe, luyện tập binh pháp, cho đến, các loại mưu sinh khác nhau, đều có quả báo hiện tại. Nay đây chúng hội này hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?’ Kia trả lời tôi rằng: ‘Đại vương, tôi là bậc Nhất thiết trí, là người thấy tất cả, biết thấu suốt không sót. Hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, bất cứ lúc nào, trí thường hiện tiền.¹⁹¹

128. Người xuất gia được quả báo trong hiện tại như thế nào?

27. “Kinh Sa Môn Quả”

Thế Tôn, hôm nay tôi đến đây để hỏi ý nghĩa như vậy: như người cỡi voi, ngựa xe, luyện tập binh pháp, cho đến, các loại mưu sinh khác nhau, đều có quả báo hiện tại. Nay đây Sa-môn hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?

Phật nói với vua A-xà-thế: Nay Ta trở lại hỏi Đại vương, xin tùy ý trả lời. Thế nào, Đại vương, có đồng bộ của Đại vương, người làm các công việc trong và

¹⁹¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 27. Kinh Sa Môn Quả, Taiwan, 2000, trang 520.

ngoài, đều thấy Đại vương vào ngày rằm, lúc trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, ở trên điện cao cùng hưởng thụ dục lạc với các thể nữ, bèn suy nghĩ như vậy: ‘Lạ thay, quả báo của hành vi đến như thế sao? Vua A-xà-thế này vào ngày rằm, lúc trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, ở trên điện cao cùng hưởng thụ dục lạc với các thể nữ. Ai có thể biết được đây lại là quả báo của hành vi?’ Người kia, một thời gian sau, cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia tu đạo, thực hành pháp bình đẳng. Thế nào, Đại vương, Đại vương từ xa thấy người ấy đi đến, há có khởi lên ý nghĩ rằng: Đây là nô bộc của ta?

Vua bạch Phật: Không, bạch Thế Tôn. Nếu thấy người ấy đến, phải đứng dậy nghinh đón, mời ngồi.

Phật nói: Đó không phải là Sa-môn được quả báo hiện tại sao?

Vua đáp: Đúng như vậy, Thế Tôn, đó là hiện tại được quả báo Sa-môn vậy.

Lại nữa, Đại vương, có người khách cư ngụ trong cung giới của Đại vương, ăn thóc lúa mà Đại vương ban cho. Người ấy thấy Đại vương vào ngày rằm trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, ở trên điện cao cùng các thể nữ vui thú ngũ dục, bèn nghĩ thầm rằng: ‘Lạ thay, quả báo của hành vi kia đến như vậy sao? Ai có thể biết đó là quả báo của hành vi?’ Một thời gian sau, người ấy cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia tu đạo, hành bình đẳng pháp. Thế nào, Đại vương? Nếu Đại vương từ xa thấy người ấy đi

đến, có khởi lên ý nghĩ rằng; ‘Người ấy là khách dân của Ta, ăn thóc lúa mà Ta ban cho’ hay không?

Vua nói: “Không. Nếu tôi thấy người ấy từ xa đến, tôi sẽ đứng dậy nghinh đón, chào hỏi, mời ngồi.

Thế nào, Đại vương, đó không phải là Sa-môn hiện tại được quả báo chăng?

Vua nói: Đúng như vậy, hiện tại được quả báo của Sa-môn vậy.

Lại nữa, Đại vương, Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời, vào trong pháp Ta, cho đến tam minh, diệt trừ các tội tã, phát sanh ánh sáng đại trí, gọi là lậu tận trí chứng. Vì sao? Ấy là do tinh cần, chuyên niệm không quên, ưa sống một mình nơi thanh vắng, không buông lung vậy. Thế nào, Đại vương, đó không phải là quả báo hiện tại của Sa-môn sao?

Vua đáp: Thật vậy, Thế Tôn, đó thật là quả báo hiện tại của Sa-môn.¹⁹²

¹⁹² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 27. Kinh Sa Môn Quả, Taiwan, 2000, trang 520~521.

129. Vua A-xà-thế trước Phật sám hối về việc ông đã hại vua cha Bình Sa vương

27. “Kinh Sa Môn Quả”

“Cúi mong Thế Tôn nhận sự hối hận của con. Con vì cuồng, ngu si, tối tăm không nhận thức. Cha con là Bình-sa vương, vua nước Ma-kiệt-đà, cai trị bằng chánh pháp, không có thiên vạ. Nhưng con bị ngũ dục mê hoặc, thật sự đã hại phụ vương. Cúi mong Thế Tôn rủ lòng thương xót, nhận sự sám hối của con”.

Phật bảo vua: Ngươi ngu si, không nhận thức. Nhưng đã tự mình hối cải. Ngươi vì mê say ngũ dục mà hại phụ vương. Nay trong pháp Hiền Thánh mà biết hối cải tức là tự làm ích lợi cho mình. Ta vì thương tưởng ngươi, nhận sự sám hối của ngươi.¹⁹³

130. Bà-la-môn hoài nghi Sa-môn che giấu không nói pháp mà đã được chứng đắc

29. “Kinh Lộ Già”

“Bà-la-môn Lộ-già kia khi đi cách Phật chưa xa, khởi sanh ác kiến rằng: ‘Có các Sa-môn, Bà-la-môn biết nhiều thiện pháp, chứng đắc nhiều điều nhưng không nên nói cho người khác mà chỉ tự mình biết an nghỉ. Cũng

¹⁹³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 27. Kinh Sa Môn Quả, Taiwan, 2000, trang 521~522.

như một người phá ngục cũ, rồi lại tạo ngục mới. Đó chỉ là pháp tham, ác bất thiện.’¹⁹⁴

131. Có 3 hạng người làm thầy

29. “Kinh Lộ Già”

Phật bảo Lộ-già: Người chớ sanh ác kiến như thế nữa. Vì sao? Đòi có ba hạng thầy có thể để tự răn dạy. Những gì là ba?

Hạng thầy thứ nhất, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo để rồi ngay trong đời này có thể trừ các phiền não, lại có thể tăng trưởng được pháp thượng nhân; nhưng vị ấy ở trong đời này không thể trừ các phiền não, không chứng đắc pháp thượng nhân; đạo nghiệp của mình chưa thành, lại thuyết pháp cho đệ tử. Các đệ tử ấy không cung kính phụng thờ nhưng chỉ nương tựa, cùng sống chung với nhau.

Này Lộ-già! Các đệ tử ấy nói với thầy rằng: ‘Nay thầy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong đời này đã có thể trừ được các phiền não, được pháp thượng nhân; nhưng nay ở trong đời này, không thể trừ các phiền não, không chứng đắc pháp thượng nhân; đạo nghiệp của mình chưa thành tựu mà lại nói pháp cho

¹⁹⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 29. Kinh Lộ Già, Taiwan, 2000, trang 545.

đệ tử, khiến các đệ tử chẳng cung kính, thờ phụng, cúng dường, chỉ cùng sống chung, nương tựa nhau mà thôi.’

Phật nói: Này Lộ-già, cũng như có người đã phá bỏ ngục tù cũ, rồi lại xây ngục tù mới. Như thế gọi là pháp tham, ô trược, xấu xa. Đó là hạng thầy thứ nhất; có thể lấy đó mà tự răn. Đó là giới của Hiền Thánh, luật giới, nghi giới, thời giới.

Phật lại nói với Lộ-già: Hạng thầy thứ hai, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo để rồi ngay trong đời này mà có thể trừ các phiền não, lại có thể tăng trưởng được pháp thượng nhân. Nhưng vị ấy ở trong đời này không thể trừ các phiền não; tuy có chứng đắc một ít pháp thượng nhân nhưng đạo nghiệp của mình chưa thành tựu mà lại thuyết pháp cho đệ tử. Các đệ tử ấy không cung kính phụng thờ nhưng lại chỉ nương tựa, cùng sống chung với nhau mà thôi. Này Lộ-già! Các đệ tử ấy nói với thầy rằng: ‘Thầy nay đã cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, đáng lẽ ở trong đời này đã có thể trừ được các phiền não, được pháp thượng nhân; nay ở trong đời này mà lại không thể trừ các phiền não, tuy đã có chứng đắc một ít pháp thượng nhân nhưng đạo nghiệp của mình chưa thành tựu, mà lại nói pháp cho đệ tử, khiến các đệ tử chẳng cung kính, thờ phụng, cúng dường mà chỉ cùng sống chung, nương tựa nhau mà thôi’.”

Phật nói: “Này Lộ-già! Giống như có người đi theo sau người khác, đưa tay xoa lưng kẻ ấy, đây gọi là pháp

tham, ô trược, xấu xa. Đó là hạng thầy thứ hai, có thể lấy đó tự răn dạy. Đó là giới của Hiền Thánh, luật giới, nghi giới, thời giới.”

Lại bảo Lộ-già: Hạng thầy thứ ba là, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong đời này, đáng lẽ có thể trừ phiền não, lại có thể tăng trưởng được pháp thượng non; nhưng ở trong đời này lại không thể trừ các thứ phiền não; tuy có chứng đắc một ít pháp thượng non nhưng việc lợi mình chưa thành tựu mà lại nói pháp cho đệ tử. Các đệ tử ấy không cung kính phụng thờ mà chỉ là nương tựa, cùng sống chung vậy thôi. Nay Lộ-già, các đệ tử kia nói với thầy rằng: ‘Thầy nay đã cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong đời này đáng lẽ có thể trừ được các thứ phiền não, được ít nhiều pháp thượng non; nhưng nay ở trong đời này đã chẳng thể trừ các phiền não, tuy được ít nhiều pháp thượng non nhưng việc lợi mình chưa thành tựu mà lại nói pháp cho đệ tử. Các đệ tử không cung kính phụng thờ mà chỉ nương tựa, cùng sống chung thôi’.

Phật nói: Lộ-già, cũng như có người bỏ lúa má của mình, đi cày ruộng người khác. Đó gọi là pháp tham ô trược, xấu xa. Đó là hạng thầy thứ ba, có thể lấy đó tự răn dạy. Đó là giới của Hiền Thánh, luật giới, nghi giới, thời giới.¹⁹⁵

¹⁹⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, 29. Kinh Lộ- Già, Taiwan, 2000, trang 545~547.

132. Nói năng như Chánh pháp im lặng như Chánh pháp

Số 30. “Kinh Thế Ký” ‘Phẩm Châu Diêm Phù Đề’

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Sau bữa ăn, chúng con tập trung tại pháp giảng đường bàn luận rằng: ‘Chư Hiền! Thật chưa từng có, nay đây trời đất này do đâu mà tan hoại? Do đâu mà hình thành? Quốc độ mà chúng sanh ở là như thế nào?’ Chúng con tập trung tại giảng đường bàn luận vấn đề như thế.”

Phật bảo các Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Phạm người xuất gia nên hành hai pháp: một là sự im lặng của Hiền Thánh, hai là giảng luận pháp ngữ. Các thầy tập trung tại giảng đường cũng nên hành sự im lặng của Hiền Thánh hoặc giảng luận Chánh pháp. Nay các Tỳ-kheo! Các thầy muốn nghe Như Lai nói về việc trời đất thành, hoại và quốc độ mà chúng sanh ở chăng?”¹⁹⁶

133. Thế giới quan của Phật giáo

Số 30. “Kinh Thế Ký” ‘Phẩm Châu Diêm Phù Đề’

Phật bảo các Tỳ-kheo: Như trong chỗ mà một mặt trời, mặt trăng vận hành khắp bốn thiên hạ, tỏa ánh sáng

¹⁹⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 1, 30. Kinh Thế Ký: Diêm Phù Đề, Taiwan, 2000, trang 553~554.

chiếu; có một ngàn thế giới như vậy. Trong ngàn thế giới có một ngàn mặt trời, mặt trăng; có một ngàn núi chúa Tu-di; có bốn ngàn thiên hạ, bốn ngàn đại thiên hạ, bốn ngàn biển, bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn rồng, bốn ngàn rồng lớn, bốn ngàn chim cánh vàng, bốn ngàn chim cánh vàng lớn, bốn ngàn đường ác, bốn ngàn đường ác lớn, bốn ngàn vị vua, bốn ngàn vị vua lớn, bảy ngàn cây lớn, tám ngàn địa ngục lớn, mười ngàn núi lớn, ngàn Diêm-la vương, ngàn Tứ thiên vương, ngàn trời Đao-lợi, ngàn trời Diêm-ma, ngàn trời Đâu-suất, ngàn trời Hóa tự tại, ngàn trời Tha hóa tự tại, ngàn trời Phạm; đó là tiểu thiên thế giới. Như một tiểu thiên thế giới, ngàn tiểu thiên thế giới như thế là một trung thiên thế giới. Như một trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới như vậy là một tam thiên đại thiên thế giới. Phạm vi thế giới thành hoại như thế là nơi chúng sanh cư trú, gọi là một cõi Phật.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Cõi đất này dày mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, biên giới vô hạn. Đất nương trên nước. Nước sâu ba ngàn ba mươi do-tuần, biên giới vô hạn. Nước ở trên gió; gió dày sáu ngàn bốn mươi do-tuần, biên giới vô hạn.

Này các Tỳ-kheo! Nước của biển lớn ấy sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, biên giới vô hạn. Núi chúa Tu-di, phần chìm xuống biển là tám vạn bốn ngàn do-tuần; phần trên mặt nước cao tám vạn bốn ngàn do-tuần; chân núi sát đất, phần lớn là phần đất cứng chắc. Núi ấy thẳng đứng, không có lồi lõm, sanh các loại cây; cây tỏa ra các mùi

huong, thơm khắp núi rừng, là nơi mà phần nhiều các Hiền Thánh, các trời đại thần diệu. Móng chân núi toàn là cát vàng ròng. Bốn phía núi có bốn mô đất rấn doi ra, cao bảy trăm do-tuần, nhiều màu đan xen, được tạo thành bởi bảy báu. Bốn mô đất thoải thoải, uốn cong sát mặt biển.

Núi chúa Tu-di có đường cấp bằng bảy báu; đường cấp ở dưới núi rộng sáu mươi do-tuần...

Trên đỉnh núi Tu-di có cung trời Tam thập tam, có bảy vòng thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát, cũng lại như thế.

Vượt lên trời Tam thập tam một do-tuần, lại có cung trời Diệm-ma; qua khỏi cung trời Diệm-ma một do-tuần, lại có cung trời Đâu-suất; qua khỏi cung trời Đâu-suất một do-tuần, lại có cung trời Hóa tự tại; qua khỏi cung trời Hóa tự tại một do-tuần, lại có cung trời Tha hóa tự tại; qua khỏi trời Tha hóa tự tại một do-tuần, lại có cung trời Phạm-gia-di.

Khoảng giữa trời Tha hóa tự tại và trời Phạm-gia-di có cung điện Ma thiên, cao rộng sáu ngàn do-tuần... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát cũng lại như thế. Qua khỏi cung trời Phạm-gia-di một do-tuần, lại có cung trời Quang âm; qua khỏi cung trời Quang âm một do-tuần lại có cung trời Biến tịnh; qua khỏi cung trời Biến tịnh một do-tuần, lại có cung trời Quả thật; qua khỏi

cung trời Quả thật một do-tuần, lại có cung trời Vô tướng; qua khỏi cung trời Vô tướng một do-tuần, lại có cung trời Vô tạo; qua khỏi cung trời Vô tạo một do-tuần, lại có cung trời Vô nhiệt; qua khỏi cung trời Vô nhiệt một do-tuần, lại có cung trời Thiên hiện; qua khỏi cung trời Thiên hiện một do-tuần, lại có cung trời Đại Thiên hiện; qua khỏi cung trời Đại Thiên hiện một do-tuần, lại có cung trời Sắc cứu cánh, qua khỏi trời Sắc cứu cánh, trên có trời Không xứ trí, trời Thức xứ trí, trời Vô sở hữu xứ trí, trời Hữu tướng vô tướng xứ trí, ngang đây gọi là giới hạn của chúng sanh, thế giới chúng sanh, tất cả chúng sanh sanh, lão, bệnh, tử, thọ âm, thọ hữu ngang đây, không vượt qua.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Phía Bắc núi Tu-di có một thiên hạ tên là Uất-đan-viết. Lãnh thổ vuông vức, ngang rộng một vạn do-tuần; mặt người cũng vuông, giống như hình đất.

Phía Đông núi Tu-di có một thiên hạ tên là Phát-vu-đài; lãnh thổ tròn trịa, ngang rộng chín ngàn do-tuần. Mặt người cũng tròn, giống như hình đất.

Phía Tây núi Tu-di có thiên hạ tên là Câu-da-ni, địa hình như nửa mặt trăng, ngang rộng tám ngàn do-tuần; mặt người cũng vậy, giống như hình đất.

Phía Nam núi Tu-di có thiên hạ tên là Diêm-phù-đề, đất đai thì phía Nam hẹp, phía Bắc rộng, ngang rộng bảy ngàn do-tuần, mặt người cũng vậy, giống như hình đất.

Mặt Bắc núi Tu-di có ánh sáng được tạo thành do bởi vàng chiếu sáng phương Bắc. Mặt Đông núi Tu-di có ánh sáng tạo thành bởi bạc chiếu sáng phương Đông. Mặt Tây núi Tu-di có ánh sáng tạo thành bởi thủy tinh chiếu sáng phương Tây. Mặt Nam núi Tu-di có ánh sáng tạo thành bởi lưu ly chiếu sáng phương Nam...¹⁹⁷

134. Mô tả về cuộc sống con người sơ khai cuộc sống vui tươi sung sướng không có chiến tranh

Số 30. “Kinh Thế Ký” ‘Phẩm Uất Đan Viết’

Này Tỳ-kheo! Cõi Uất-đan-viết kia bốn phía có bốn ao A-nậu-đạt; mỗi ao ngang dọc một trăm do-tuần. Nước ao lắng trong, không có cá bần. Có hào cùng bậc thềm bằng bảy báu chung quanh... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau cất tiếng hót buồn bã, giống như sự trang trí của ao Ma-đà-diên không khác. Bốn ao lớn ấy, rộng mười do-tuần, nước sông xuôi dòng ra biển, không có xiết; các loại hoa phủ trên mặt nước, chảy từ từ êm ả. Sát hai bên bờ sông có nhiều cây cối, cành nhánh mềm mại, hoa quả dồi dào. Đất mọc cỏ mềm, xoay về phía phải, màu như đuôi công, hương như bà-sur, mềm mại như áo trời. Đất đó mềm mại, dùng chân đạp đất, đất lún bốn tấc,

¹⁹⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 1, 30. Kinh Thế Ký: Diêm Phù Đề, Taiwan, 2000, trang 554~569.

giở chân lên, trở lại như cũ. Đất bằng như bàn tay, không có cao thấp. Lại đất đai kia không có ngòi rãnh, khe suối, hầm hố, gai góc, gốc cây, cũng không có muỗi mòng, rắn, rết, ong, bò cạp, cạp, beo, thú dữ. Đất thuần châu báu, không có đất cát; âm dương điều độ, bốn mùa thuận hòa, chẳng lạnh chẳng nóng, không có các sự não loạn. Đất đai thâm ướt, bụi dơ không dậy, như dầu bôi trên đất, không có bụi bay. Trăm thứ cây cỏ thường mọc, không có mùa Đông rét mướt, mùa Hạ nóng bức. Cây cối tốt tươi; hoa trái xum xuê. Đất mọc cỏ mềm, xoay về phía phải, màu như lông công, hương như bà-sur, mềm như áo trời. Đất ở đó mềm mại; dùng chân đạp đất, đất lún bốn tấc, giở chân lên lại, trở lại như cũ. Đất bằng như bàn tay, không có chỗ cao, chỗ thấp.

Cối ấy thường có lúa thơm tự nhiên, chẳng gieo trồng mà tự mọc, không có vỏ trấu, như đóa hoa trắng, giống như thức ăn trời Đao-lợi, đầy đủ các vị. Cối ấy luôn có nôi, vạc tự nhiên; có ngọc ma-ni tên là diệm-quang được đặt dưới nôi nấu. Khi cơm chín thì ánh sáng tắt, chẳng cần lửa củi, không nhọc sức người. Cối ấy có cây tên là Khúc cung, lá cây dày đặc chồng lên nhau theo thứ lớp, trời mưa không dột. Đàn ông, đàn bà cư ngụ dưới cây đó. Lại có cây hương cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành. Khi quả ấy chín, vỏ nó tự nứt, tự nhiên xuất ra các loại hương. Hoặc có cây cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, bốn mươi dặm; cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa quả đầy cành. Khi quả ấy chín, vỏ nó tự nứt, tự nhiên hương tỏa.

Lại có cây y cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín vỏ tự nứt ra, tuôn ra các loại y phục; hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, nhỏ nhất là năm dặm, hoa quả đầy cành, tuôn ra các loại y phục. Lại có cây trang nghiêm, cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín, vỏ tự nứt ra, tuôn ra các thứ đồ trang nghiêm thân thể; hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi dặm đều đầy cành hoa quả, tuôn ra đủ các đồ trang nghiêm thân thể. Lại có cây hoa man cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín, vỏ tự nứt ra, xuất ra các loại tràng hoa; hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa quả cũng đầy cành, xuất ra các loại tràng hoa. Lại có cây khí, cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành. Khi quả ấy chín vỏ tự nứt ra. Xuất ra các khí cụ; hoặc có cây sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa quả đều đầy cành, xuất ra các loại khí cụ. Lại có cây quả cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín, vỏ tự nứt ra, xuất ra các loại quả; hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa quả đều đầy cành, xuất ra các loại quả. Lại có cây nhạc khí cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; quả ấy khi chín, vỏ tự nứt ra, xuất ra các loại nhạc khí hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, cây nhỏ nhất cao năm dặm đều đầy cành hoa quả, xuất ra các loại nhạc khí...

Cối ấy trừ mật, nhân dân sung túc. Nếu khi cần ăn thì dùng gạo thơm tự nhiên bỏ vào trong chõ, dùng ngọc

diệm quang để ở dưới chỗ; com tự nhiên chín, ánh sáng ngọc tự tắt. Các người đi đến, tự do ăn com. Người ăn không đứng dậy thì com không hết; người ăn đứng dậy thì com cũng hết. Com ấy tinh khiết như đóa hoa trắng, đầy đủ mùi vị như com cõi trời Đạo-lợi. Người ăn com đó không có các bệnh, khí lực dồi dào, nhan sắc tươi vui, không có gầy còm.

Lại ở cõi ấy, thân thể con người như nhau, hình mạo giống nhau, không thể phân biệt. Dáng người trẻ trung, như người khoảng hai mươi tuổi ở Diêm-phù-đề. Người cõi ấy, răng họ bằng đều, trắng sạch, kín sát không hở; tóc màu xanh biếc, không có cẩu bần; tóc xỏa xuống bằng tám ngón tay, ngang vai thì dừng, không dài không ngắn. Người ở cõi đó nếu khi khởi tâm dục thì nhìn chăm chăm nữ nhon rồi bỏ đi; người nữ ấy theo sau vào trong vườn. Nếu nữ nhon và người nam kia là cha, mẹ hoặc liên hệ trong cốt nhục, không phải là người nên hành dục thì cây không cong xuống che lại, thì họ tự chia tay. Nếu chẳng phải cha, mẹ và nhiều liên hệ đến cốt nhục, đứng là đối tượng hành dâm thì cây cong xuống che phủ thân họ, tùy ý hưởng lạc, một ngày, hai ngày... hoặc đến bảy ngày, khi ấy mới thôi. Người nữ ấy mang thai; bảy hoặc tám ngày thì sanh. Sanh ra con trai hay con gái cũng mang đặt ở ngã tư đường, đầu trực lộ giao thông, bỏ đó rồi đi. Các người đi đường, đi ngang qua bên nó, đưa ngón tay cho nó mút, ngón tay chảy ra sữa ngọt, nuôi lớn thân bé. Qua bảy ngày rồi, bé ấy trưởng thành, bằng với

người lớn; nam thì theo nhóm nam, nữ thì theo nhóm nữ...

Lại nữa, người ở cõi ấy khi đại tiểu tiện, đất liền nở ra; đại tiểu tiện rồi, đất khép trở lại. Nhân dân cõi ấy không lệ thuộc sự tham luyến, cũng không cất chứa, thọ mạng có hạn định; chết rồi sanh lên trời. Vì sao người cõi ấy thọ mạng luôn có hạn định? Đòi trước người cõi ấy tu mùi hạnh thiện, khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi Uất-đan-viết, thọ mạng ngàn tuổi, chẳng hơn chẳng kém. Vì thế, người cõi ấy thọ mạng như nhau.

Lại nữa, người sát sanh đọa vào đường ác; người không sát sanh sanh vào nẻo thiện. Kẻ trộm cắp, tà dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, tham lam, ganh ghét, tà kiến đều đọa vào đường ác. Người không trộm cắp, không tà dâm, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói dối, không nói thêu dệt, không tham lam, không ganh ghét, không tà kiến thì khi thân hoại mạng chung sanh cõi Uất-đan-viết, thọ mạng ngàn năm, chẳng hơn chẳng kém. Vì vậy, người ở cõi kia thọ mạng bằng nhau. Lại nữa, tham lam keo kiệt chẳng thường bố thí thì chết đọa đường ác; tâm thoảng không keo thường hành bố thí sanh chốn thiện. Có người bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn và bố thí cho người bần cùng, ăn xin, bệnh ghẻ, khốn khổ, cho họ y phục, thức ăn uống, xe cộ, tràng hoa, hương thơm, giường chõng, phòng xá; lại tạo lập tháp miếu, đèn đuốc cúng dường thì người ấy khi mạng chung sanh vào cõi Uất-đan-viết, thọ mạng ngàn tuổi, chẳng

hơn chẳng kém, vì vậy, người cõi kia thọ mạng bằng nhau. Vì sao gọi người Uất-đan-viết là hơn hết? Vì nhân dân cõi ấy chẳng thọ thập thiện nhưng toàn bộ hành động của họ tự nhiên hợp với thập thiện, khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi lành. Vì vậy, người ở đó được khen là Uất-đan-viết hơn hết. Uất-đan-viết, ý nghĩa như thế nào? Đối với ba cõi kia, cõi này là tối thắng, tối thượng cho nên gọi là Uất-đan-viết.¹⁹⁸

135. Truyền thống vua Chuyển luân Thánh vương

Số 30. “Kinh Thế Ký” ‘Phẩm Chuyển Luân Thánh Vương’¹⁹⁹

136. Thế giới của Địa ngục

Số 30. “Kinh Thế Ký” ‘Phẩm Địa Ngục’

Bên ngoài của bốn châu thiên hạ này có tám nghìn thiên hạ bao quanh. Lại có biển lớn bao quanh tám nghìn thiên hạ. Kế đó có núi Đại Kim cang bao bọc biển lớn.

¹⁹⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 2, 30. Kinh Thế Ký: Uất Đan Viết, Taiwan, 2000, trang 570~576.

¹⁹⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 3, 30. Kinh Thế Ký: Chuyển Luân Thánh Vương, Taiwan, 2000, trang 577~586.

Bên ngoài núi Đại Kim cang này lại có núi Đại Kim cang thứ hai. Giữa hai núi này là một cảnh giới mờ mịt, tối tăm; mặt trời, mặt trăng, các vị thần, trời dù có uy lực cũng không thể dùng ánh sáng soi chiếu đến đó được.

Ở nơi này có tám địa ngục lớn, mỗi địa ngục lớn có mười sáu địa ngục nhỏ. Địa ngục lớn thứ nhất gọi là Tường. Thứ hai là địa ngục Hắc thằng. Thứ ba là địa ngục Đôi áp. Thứ tư là địa ngục Khiếu hoán. Thứ năm là địa ngục Đại khiếu hoán. Thứ sáu là địa ngục Thiêu chích. Thứ bảy là địa ngục Đại thiêu chích. Thứ tám là địa ngục Vô gián.

Trong địa ngục Tường có mười sáu ngục nhỏ; mỗi địa ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Ngục nhỏ thứ nhất là Hắc sa, hai là Phất thi, ba là Ngũ bách đỉnh, bốn là Cơ, năm là Khát, sáu là một Đồng phủ, bảy là Đa đồng phủ, tám là Thạch ma, chín là Nùng huyết, mười là Lượng hỏa, mười một là Hôi hà, mười hai là Thiết hoàn, mười ba là Cân phủ mười bốn là Sài lang, mười lăm là Kiếm thọ, mười sáu là Hàn băng....²⁰⁰.

²⁰⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 4, 30. Kinh Thế Ký: Địa Ngục, Taiwan, 2000, trang 587~610.

137. Câu chuyện các người mù sờ voi

Số 30. “Kinh Thế Ký” ‘Phẩm Long Điều’

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Lâu xa về thời quá khứ có vị vua tên là Kính Diện. Một hôm nhà vua tập họp những người mù lại một chỗ và hỏi: ‘Này những người mù từ khi mới sinh, các ngươi có biết con voi không?’ Họ đáp: ‘Tâu đại vương, chúng tôi không biết!’ Nhà vua lại hỏi: ‘Các ngươi có muốn biết hình loại con voi ra sao không?’ Họ đáp: ‘Muốn biết’. Bấy giờ nhà vua ra lệnh cho người hầu dắt con voi đến, và bảo những người mù này dùng tay của mình sờ thử. Trong đó có người sờ trúng vòi voi thì vua nói rằng đây là con voi; có người sờ trúng ngà voi, có người sờ trúng tai voi, có người sờ trúng đầu voi, có người sờ trúng lưng voi, có người sờ trúng bụng voi, có người sờ trúng bắp đùi voi, có người sờ trúng cái chân voi, có người sờ trúng bàn chân voi, có người sờ trúng đuôi voi thì vua cứ theo chỗ sờ được của họ mà bảo: ‘Đó là con voi’.

Rồi vua Cảnh-diện liền ra lệnh dắt voi lui và hỏi những người mù: ‘Voi giống như cái gì?’ Trong những người mù này, người sờ trúng vòi thì bảo voi giống như cái cày xe bị cong; người sờ trúng ngà thì bảo voi giống như cái chày; người sờ trúng tai thì bảo voi giống như cái nĩa; người sờ trúng đầu thì bảo voi giống như cái vạc; người sờ trúng lưng thì bảo voi giống như gò đất; người sờ trúng bụng thì bảo voi giống như bức tường; người sờ trúng bắp đùi thì bảo voi giống như gốc cây; người sờ

trúng cái chân thì bảo voi giống như trụ cột; người sờ trúng bàn chân thì bảo voi giống như cái cối; người sờ trúng đuôi thì bảo voi giống như cây chổi. Họ tranh cãi nhau về việc đúng sai, người này bảo như vậy, người kia bảo không phải như vậy, vân vân và vân vân không dứt, đưa đến việc đấu tranh nhau. Lúc ấy nhà vua thấy vậy, hoan hỷ cười to.²⁰¹

138. Mô tả về con người ở cõi Diêm-phù-đề

Số 30. “Kinh Thế Ký” ‘Phẩm Đạo Lợi Thiên”

Thân người ở cõi Diêm-phù-đề cao ba khuỷu tay rưỡi; y dài bảy khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay rưỡi. Thân người ở Cù-da-ni, Phát-vu-đãi cũng cao ba khuỷu tay; y dài bảy khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay rưỡi. Thân người Uất-đan-viết cao bảy khuỷu tay; y dài mười bốn khuỷu tay, rộng bảy khuỷu tay. Thân A-tu-luân cao một do-tuần; y dài hai do-tuần, rộng một do-tuần, y dày sáu lạng. Thân của Tứ thiên vương cao nửa do-tuần; y dài một do-tuần, rộng nửa do-tuần, y dày nửa lạng. Thân của Đạo-lợi thiên cao một do-tuần; y dài hai do-tuần, rộng một do-tuần, y dày sáu lạng. Thân của Diêm-ma thiên cao hai do-tuần; y dài bốn do-tuần, rộng hai do-tuần, y dày ba lạng. Thân của Đâu-suất thiên cao bốn do-tuần; y dài tám do-tuần, rộng

²⁰¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 5, 30. Kinh Thế Ký: Long Điền, Taiwan, 2000, trang 618~619.

bốn do-tuần, y dày một lạng rưỡi. Hóa tự tại thiên cao tám do-tuần; y dài mười sáu do-tuần, rộng tám do-tuần, y dày một lạng. Thân của Tha hóa tự tại thiên cao mười sáu do-tuần; y dài ba mươi hai do-tuần, rộng mười sáu do-tuần, y dày nửa lạng. Từ Chư thiên trở lên, mỗi nơi tùy theo thân hình của họ mà mặc y phục.

Tuổi thọ của người Diêm-phù-đề là một trăm năm, ít ai vượt qua khỏi mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Câu-da-ni là hai trăm năm, ít ai vượt qua khỏi mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Phất-vu-đãi là ba trăm năm, ít ai vượt qua khỏi mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Uất-đan-viết là một nghìn năm, không có tăng hay giảm. Tuổi thọ của nga quý là bảy vạn năm, ít ai vượt qua khỏi mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của loài rồng và kim sí điều là một kiếp, hoặc có giảm đi. Tuổi thọ của A-tu-luân là một nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Tứ thiên vương là năm trăm năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Đạo-lợi thiên là một nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Diệm-ma thiên là hai nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Đâu-suất thiên là bốn nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Hóa tự tại thiên là tám nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Tha hóa tự tại thiên là sáu nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Phạm-ca-di thiên là một kiếp,

hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Quang âm thiên là hai kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Biến tịnh thiên là ba kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Quả thật thiên là bốn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô tướng thiên là năm trăm kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô tạo thiên là một nghìn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô nhiệt thiên là hai nghìn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Thiện kiến thiên là ba nghìn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Đại Thiện kiến thiên là bốn nghìn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Sắc cứu cánh thiên là năm nghìn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Không xứ thiên là một vạn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Thức xứ thiên là hai vạn một nghìn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Bất dụng xứ thiên là bốn vạn hai nghìn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Hữu tướng vô tướng thiên là tám vạn bốn nghìn kiếp, hoặc có giảm bớt. Trong giới hạn ấy, được gọi là chúng sanh; trong giới hạn ấy được gọi là tuổi thọ; trong giới hạn ấy được gọi là thế giới; trong giới hạn ấy là sự luân chuyển của tập hợp uẩn, xứ, giới, qua lại trong các cõi, sanh, già, bệnh, chết.”

Phật bảo Tỳ-kheo: Tất cả chúng sanh do bốn loại thức ăn mà tồn tại. Một là đoàn tể hoạt thực. Hai là xúc thực. Ba là niệm thực. Bốn là thức thực. Những loại thức ăn này chúng sanh ăn không giống nhau. Như người cõi Diêm-phù-đê dùng các loại cơm, bún mì, cá thịt gọi là loại đoàn thực. Y phục, tấm giặt được gọi là tể hoạt thực. Người Câu-da-ni, Phát-vu-đãi cũng ăn các loại cơm, bún mì, cá thịt được gọi là đoàn thực; y phục, tấm giặt là tể

hoạt thực. Người Uất-đan-viết thì chỉ ăn lúa gạo chín tự nhiên, đầy đủ vị trời lấy là đoàn thực; cũng lấy y phục, tắm giặt làm tế hoạt thực. Loài rồng, kim sí điều thì ăn các con giải, con đà, con cá, con ba-ba lấy làm đoàn thực và tắm gội, y phục làm tế hoạt thực. A-tu-luân thì ăn đoàn thực sạch lấy làm đoàn thực và lấy tắm giặt, y phục làm tế hoạt thực. Tứ thiên vương, Đao-lợi thiên, Diêm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên ăn loại đoàn thực sạch lấy làm đoàn thực và tắm giặt, y phục làm tế hoạt thực. Chư thiên từ đây trở lên dùng hỷ lạc thiên định làm thức ăn.

Những chúng sanh nào dùng xúc thực? Những chúng sanh, sinh ra từ trứng dùng xúc thực.

Những chúng sanh nào dùng niệm thực? Có chúng sanh nhờ vào niệm thực mà được tồn tại, tăng trưởng các căn, tuổi thọ không dứt, đó là niệm thực.

Những chúng sanh nào dùng thức thực? Những chúng sanh ở địa ngục và cõi Vô sắc thiên, những loại chúng sanh này dùng thức thực.

Người cõi Diêm-phù-đề dùng các thứ vàng bạc, đồ quý báu, lúa gạo, lụa là, nô bộc để mưu sinh buôn bán mà tự nuôi sống. Người Câu-da-ni dùng bò, dê, châu báu để trao đổi mà nuôi sống. Người Phát-vu-đãi dùng thóc, vải, châu ngọc để trao đổi mà tự nuôi sống. Người Uất-đan-viết tuy không dùng cách trao đổi nhưng cũng mưu sinh để tự nuôi sống.

Người cõi Diêm-phù-đề có sự mai mối hôn nhân, con trai lấy vợ, con gái lấy chồng. Người Câu-da-ni và người Phát-vu-đãi cũng có mai mối hôn nhân, con trai lấy vợ, con gái lấy chồng. Người Uất-đan-viết thì không có vấn đề hôn nhân, không có sự lấy chồng, lấy vợ của con trai và con gái. Loài rồng và kim sí điều cùng A-tu-luân thì cũng có hôn nhân, có giá thú giữa con trai và con gái. Tứ thiên vương, Đạo-lợi thiên,... cho đến Tha hóa tự tại thiên cũng có hôn nhân và có giá thú giữa người nam và người nữ. Chư thiên từ đây trở lên không còn có nam và nữ.

Người cõi Diêm-phù-đề, vì giữa nam và nữ giao hội nhau, thân và thân xúc chạm nhau nên sanh ra âm dương. Những người Câu-da-ni, người Phát-vu-đãi, người Uất-đan-viết cũng dùng thân với thân xúc chạm nhau nên cũng sanh ra âm dương. Các loài rồng, kim sí điều cũng dùng thân với thân xúc chạm nhau nên cũng sanh ra âm dương. Loài A-tu-luân thì thân với thân gần gũi nhau phát sanh khí mà trở thành âm dương. Tứ thiên vương, Đạo-lợi thiên thì cũng lại như vậy. Diệm-ma thiên thì gần gũi nhau mà thành âm dương. Đâu-suất thiên thì cầm tay nhau mà thành âm dương. Hóa tự tại thiên thì nhìn kỹ nhau mà thành âm dương. Tha hóa tự tại thiên thì lách mắt nhìn nhau mà thành âm dương. Chư thiên từ đây trở lên thì không còn dâm dục nữa.²⁰²

²⁰² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 8, 30. Kinh Thế Ký: Đạo Lợi Thiên, Taiwan, 2000, trang 637~640.

139. Chúng sanh ở 3 cõi

Số 30. “Kinh Thế Ký” ‘Phẩm Đạo Lợi Thiên”

(Dục giới)

Phật bảo Tỳ-kheo: Chúng sanh cõi Dục có mười hai loại, đó là: 1. Địa ngục, 2. Súc sanh, 3. Ngạ quỷ, 4. Người, 5. A-tu-luân, 6. Tứ thiên vương, 7. Đạo-lợi thiên, 8. Diệm-ma thiên, 9. Đâu-suất thiên, 10. Hóa tự tại thiên, 11. Tha-hóa-tự-tại thiên, 12. Ma thiên.²⁰³

(Sắc giới)

“Chúng sanh cõi Sắc có hai mươi hai loại, đó là: 1. Phạm-thân thiên, 2. Phạm-phụ thiên, 3. Phạm-chúng thiên, 4. Đại Phạm thiên, 5. Quang thiên, 6. Thiếu-quang thiên, 7. Vô-lượng-quang thiên, 8. Quang-âm thiên, 9. Tịnh thiên, 10. Thiếu-tịnh thiên, 11. Vô-lượng-tịnh thiên, 12. Biến tịnh thiên, 13. Nghiêm-sức thiên, 14. Tiểu-nghiêm-sức thiên, 15. Vô-lượng-nghiêm-sức thiên, 16. Nghiêm-thắng quả-thật thiên, 17. Vô-tướng thiên, 18. Vô-phiền thiên, 19. Vô-nhiệt thiên, 20. Thiện-kiến thiên, 21. Đại-thiện-kiến thiên, 22. A-ca-nị-trá thiên.²⁰⁴

²⁰³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 8, 30. Kinh Thế Ký: Đạo Lợi Thiên, Taiwan, 2000, trang 648.

²⁰⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 8, 30. Kinh Thế Ký: Đạo Lợi Thiên, Taiwan, 2000, trang 648~649.

(Vô sắc giới)

“Chúng sanh cõi Vô sắc có bốn loại, đó là: 1. Không-trí thiên, 2. Thức-trí thiên, 3. Vô-sở-hữu trí thiên, 4. Hữu-tướng vô-tướng trí thiên.”²⁰⁵

(Các Thần)

Phật bảo Tỳ-kheo: Có bốn loại đại thiên thần, đó là: 1. Địa thần, 2. Thủy thần, 3. Phong thần, 4. Hỏa thần.²⁰⁶

140. Ba loại tai họa ở Thế gian

Số 30. “Kinh Thế Ký” ‘Phẩm Tam Tai”

Phật bảo Tỳ-kheo: Ở thế gian có ba thứ tai kiếp; đó là: Một, tai kiếp lửa. Hai, tai kiếp nước. Ba, tai kiếp gió.²⁰⁷

²⁰⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 8, 30. Kinh Thế Ký: Đạo Lợi Thiên, Taiwan, 2000, trang 649.

²⁰⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 8, 30. Kinh Thế Ký: Đạo Lợi Thiên, Taiwan, 2000, trang 649.

²⁰⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 9, 30. Kinh Thế Ký: Tam Tai, Taiwan, 2000, trang 654~670.

141. Chư Thiên và A-tu-la đánh nhau

Số 30. “Kinh Thế Ký” ‘Phẩm Chiến Đấu’

Vào thuở xưa, khi chư Thiên cùng A-tu-luân chiến đấu. Bấy giờ Thích đề-hoàn Nhân lệnh gọi chư thiên Đạo-lợi đến bảo rằng: ‘Nay các ngươi đi đánh nhau với bọn chúng. Nếu thắng, hãy bắt A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la, trói với năm chỗ trói rồi mang đến giảng đường Thiện pháp. Ta muốn nhìn thấy’. Rồi, chư thiên Đạo-lợi sau khi vâng lệnh Đế Thích, mỗi người tự trang bị cho mình.

Lúc bấy giờ, A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la ra lệnh các A-tu-luân rằng: ‘Nay các ngươi hãy đi đánh nhau với bọn chúng. Nếu thắng, hãy bắt Thích đề-hoàn Nhân, trói với năm chỗ trói, rồi mang đến giảng đường Thất diệt. Ta muốn nhìn thấy’. Rồi các A-tu-luân sau khi vâng lệnh của A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa, mỗi người tự trang bị cho mình.

Bấy giờ, chư Thiên cùng chúng A-tu-luân chiến đấu với nhau. Chư Thiên đắc thắng, và A-tu-luân bại trận. Chư thiên Đạo-lợi bắt vua A-tu-luân trói lại với năm chỗ trói, mang về chỗ Thiện pháp đường, cho Thiên Đế Thích nhìn thấy. Khi ấy vua A-tu-luân thấy sự khoái lạc ở trên Trời, sanh lòng quyến luyến vui thích, liền tự nghĩ: ‘Nơi này thù thắng, khả dĩ ở được; trở lại cung điện A-tu-luân làm gì?’ Khi khởi lên ý nghĩ này, thì năm nơi đang bị trói trên thân lập tức được mở ra và năm thứ dục lạc ở trên Trời hiện ra trước mắt. Nhưng nếu A-tu-luân nghĩ

đến việc trở lại cung điện trước kia thì năm nơi trên thân liền bị trói chặt trở lại và năm thứ đục lạc tự biến mất. Khi ấy những nơi bị trói buộc trên thân của A-tu-luân trở nên bền chắc hơn. Sự trói buộc của Ma còn hơn thế nữa. Chấp ta và người là sự trói buộc của Ma. Không chấp ta và người thì sự trói buộc của Ma được cởi mở. Chấp thủ ngã là bị trói, chấp thủ ái là bị trói, ‘tự ngã sẽ tồn tại’ là bị trói, ‘tự ngã sẽ không tồn tại’ là bị trói; ‘tự ngã có sắc’ là bị trói, ‘tự ngã không sắc’ là bị trói, ‘tự ngã vừa có sắc vừa không có sắc’ là bị trói, ‘tự ngã có tướng’ là bị trói, ‘tự ngã không có tướng’ là bị trói, ‘tự ngã vừa có tướng vừa không có tướng’ là bị trói; tự ngã là tai hoạ lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Cho nên, đệ tử Hiền Thánh biết rằng tự ngã là tai hoạ lớn, là ung nhọt, là gai nhọn, nên xả bỏ ý tưởng về tự ngã mà tu vô ngã hành. Hãy quán sát tự ngã kia là một gánh nặng, là buồng lung, là hữu; ‘sẽ tồn tại tự ngã’ là hữu vi, ‘sẽ không tồn tại tự ngã’ là hữu vi; ‘tự ngã có sắc’ là hữu vi, ‘tự ngã không có sắc’ là hữu vi, ‘tự ngã vừa có sắc vừa không có sắc’ là hữu vi; ‘tự ngã có tướng’ là hữu vi, ‘tự ngã không có tướng’ là hữu vi, ‘tự ngã vừa có tướng vừa không có tướng’ là hữu vi; hữu vi là tai hoạ lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Cho nên, đệ tử Hiền Thánh biết rằng hữu vi là tai hoạ lớn, là ung nhọt là gai nhọn, nên xả bỏ hữu vi mà thực hành vô vi hành. ...²⁰⁸

²⁰⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 10, 30. Kinh Thế Ký: Chiến Đấu, Taiwan, 2000, trang 671~683.

142. Những tai họa của thế gian

Số 30. “Kinh Thế Ký” ‘Phẩm Ba Trung Kiếp”

Phật bảo Tỳ-kheo: Có ba trung kiếp. Những gì là ba? Một là kiếp đao binh. Hai là kiếp đói kém. Ba là kiếp tật dịch.

Thế nào là kiếp đao binh?

Người thế gian này vốn thọ bốn vạn tuổi. Sau đó giảm xuống, thọ hai vạn tuổi. Sau đó lại giảm nữa, thọ một vạn tuổi. Lần lượt giảm, thọ một ngàn năm, năm trăm năm, ba trăm năm, hai trăm năm. Như nay con người thọ một trăm tuổi, với số ít vượt quá mà phần nhiều là dưới. Sau đó, tuổi thọ con người giảm dần xuống còn mười tuổi. Khi đó, người nữ sinh ra chừng năm tháng là đi lấy chồng. Bây giờ, các loại mỹ vị có được trong thế gian như bơ sữa, mật, đường thẻ, đường đen, những gì có vị ngon, tự nhiên biến mất; ngũ cốc không sinh sản, chỉ còn có loại lúa hoang mà thôi. Lúc này, các loại y phục cao cấp như gấm vóc, lụa là, kiếp bồi, sô-ma, tất cả đều không còn nữa, mà chỉ còn có loại vải dệt thô sơ bằng cỏ. Bây giờ, mặt đất này hoàn toàn chỉ sinh gai gốc, muỗi mòng, ong, bọ cạp, rắn, rết, trùng độc; còn vàng bạc, lưu ly, bửu bảo, châu ngọc, tự nhiên chúng bị vùi vào đất hết và chỉ có đá, cát, các thứ xấu xí là đầy đầy. Lúc này chúng sanh chỉ làm mười điều ác càng ngày càng tăng, không còn nghe đến danh từ mười điều thiện, cho đến không có cả danh từ thiện, hưởng chỉ là có người

làm việc thiện? Bây giờ, trong loài người ai không có hiếu với cha mẹ, không kính trọng sư trưởng, hay làm việc ác thì được cúng dường, được mọi người cung kính hầu hạ. Cũng người nay ai hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, thường làm việc lành thì được cúng dường, được mọi người cung kính hầu hạ thì người làm việc ác kia lại cũng được cúng dường như vậy. Bây giờ, con người thân hoại mạng chung bị đọa vào trong súc sanh, cũng như con người hiện tại được sinh lên cõi trời. Lúc đó con người gặp nhau thường ôm lòng độc hại, chỉ muốn giết nhau; cũng giống như thợ săn gặp được đàn nai, chỉ muốn giết chúng, không có bất cứ một ý nghĩ thiện nào; con người lúc đó cũng như vậy, chỉ muốn giết nhau, không có một chút ý nghĩ thiện nào. Bây giờ, mặt đất này chỉ là sông ngòi, khe suối, núi đồi, đất đồng, không có chỗ đất nào bằng phẳng cả. Khi có người đi đến, tức thì kinh sợ, run rẩy, lông tóc dựng đứng.

Bây giờ, trong vòng bảy ngày có sự nổi lên của kiếp đao kiếm. Lúc ấy, những thứ cỏ, cây, ngói, đá mà con người cầm trong tay đều biến thành đao kiếm; những thứ đao kiếm này rất bén nhọn, đụng đến vật gì thì vật đó đều sẽ bị cắt đứt. Chúng sát hại lẫn nhau. Trong lúc này có người có trí tuệ thấy đao binh sát hại nhau nên hoảng sợ tránh vào núi rừng, hang động, khe suối, những chỗ không người. Trốn tránh trong vòng bảy ngày, tâm nghĩ miệng tự nói: ‘Ta không hại người, người chớ hại ta’. Trong vòng bảy ngày người này chỉ ăn rễ cây cỏ để tự nuôi sống mình. Qua bảy ngày, sau đó mới lại ra khỏi

rừng núi. Lúc này, gặp được một người, vui mừng nói rằng: ‘Nay gặp được người còn sống! Nay gặp được người còn sống!’ Cũng giống như cha mẹ vì gặp lại một người con bị thất lạc lâu ngày không thấy nhau, nên vui mừng nhảy nhót mà không thể tự kiềm chế chính mình được thì sự kiện người này cũng như vậy, vì sự vui mừng nên nhảy nhót mà không thể tự kiềm chế được cảm xúc vui nơi chính mình. Khi ấy thì người dân trong vòng bảy ngày chỉ có khóc lóc mà thôi; cũng trong vòng bảy ngày này họ lại cùng gặp vui nên vui vẻ chúc mừng nhau. Người lúc bấy giờ khi thân hoại mạng chung đều đọa vào địa ngục. Vì sao? Vì con người ấy luôn luôn ôm lòng sân hận và phẫn nộ, họ chỉ có một tâm hại nhau mà thôi, vì không có tâm nhân từ nên gọi là kiếp đao binh.

Phật bảo Tỳ-kheo: Thế nào gọi là kiếp đói kém? Con người bấy giờ phần nhiều làm những việc phi pháp, tà kiến điên đảo, làm mười nghiệp ác. Vì làm mười nghiệp ác nên trời không mưa xuống, làm cho trăm thứ cỏ cây chết khô, ngũ cốc không thành mà chỉ có gốc rạ mà thôi.

Thế nào gọi là đói kém? Vì lúc bấy giờ, người dân phải thu quét những hạt thóc còn rơi rớt lại các nơi như ruộng vườn, đường sá, đầu ngõ và trong phân đất để tự sống còn, nên mới gọi là đói kém.

Lại nữa, lúc đói kém, người bấy giờ lượm nhặt xương cốt từ những nơi như lò sát sanh, chợ búa, các đường sá và các bãi tha ma, rồi nấu nước trấp mà uống, nhờ vậy mà họ sống, nên gọi là ‘đói xương trắng’.

Lại nữa, vào kiếp đói kém, ngũ cốc được gieo trồng đều biến thành cỏ cây. Con người lúc này lấy bông nấu nước trấp để uống. Lại nữa, vào thời đói kém, bông của các loài cây cỏ rụng phủ kín cả mặt đất, lúc ấy mọi người phải đào đất lấy bông để nấu ăn, nhờ vậy mà tự tồn tại, nên gọi là ‘đói cây cỏ’. Bây giờ, chúng sanh thân hoại mạng chung đọa vào trong ngạ quỷ. Sao vậy? Vì những người sống trong kiếp đói kém này thường ôm lòng tham lam keo bần, không có lòng bố thí nhân ái, không chịu chia sẻ cùng người và không nhớ nghĩ đến những tai ách của người khác.

Đấy là kiếp đói kém.

Phật bảo Tỳ-kheo: “Thế nào là kiếp tật dịch? Người đời bây giờ tu hành chánh pháp, chánh kiến không điên đảo, đầy đủ thập thiện hành. Có quỷ thần thế giới phương khác đến, mà quỷ thần ở đây thì buông lung dâm loạn, không thể hộ vệ con người được. Quỷ thần thế giới khác xâm lấn, nhiễu loạn con người thế gian này, họ dùng tay đánh đập, dùng gậy quật ngã, rồi hút lấy tinh khí, khiến cho tâm người loạn lên, rồi cưỡng bức mang đi. Giống như quốc vương ra lệnh cho các tướng soái những thứ phải bảo vệ, nhưng giặc cướp ở phương khác đến xâm phạm quấy nhiễu, mà các tướng soái ở đây lại buông lung nên nước nhà bị chúng cướp mất. Ở đây cũng vậy, những quỷ thần ở thế giới khác đến bắt giữ mọi người ở thế gian này, chúng đánh đập, quật ngã, rồi hút lấy tinh khí mọi người và cưỡng bức mang đi.”

Phật bảo Tỳ-kheo: Giả sử quỷ thần ở thế gian này dù không buông lung dâm loạn, nhưng khi quỷ thần có sức mạnh lớn ở thế giới khác đến thì quỷ thần ở thế gian này cũng phải sợ hãi mà đi trốn. Các đại quỷ thần kia bèn xâm lấn, quấy nhiễu người ở đây, đánh đập, quật ngã, hút lấy tinh khí, giết chết rồi bỏ đi. Giống như quốc vương, hay đại thần của quốc vương sai khiến các tướng soái bảo vệ nhân dân; tuy tất cả các tướng lãnh này đều trong sạch thận trọng, không buông lung nhưng khi các tướng soái mạnh bạo, có binh lính đông đảo kia lại đến khuấy phá thành ấp, làng xóm mà cướp đoạt người vật. Thì ở đây lại cũng như vậy, nếu quỷ thần ở thế gian này dù không dám buông lung đi nữa nhưng khi các quỷ thần có sức mạnh lớn ở thế giới khác đến thì các quỷ thần thế gian này cũng sẽ sợ hãi tránh đi và những hàng quỷ thần lớn mạnh kia sẽ xâm đoạt, nhiễu hại người thế gian này; đánh đập, quật ngã, hút lấy tinh khí và giết hại mọi người rồi bỏ đi.

Khi ấy, người dân trong kiếp tật dịch, sau khi thân hoại mạng chung đều sinh lên cõi trời. Vì sao? Vì con người lúc ấy đều hướng tâm từ bi đến nhau, thăm hỏi nhau: ‘Bệnh tật của bạn có giảm không? Thân thể có được an ổn không?’ Vì những nhân duyên này nên họ được sinh lên cõi trời. Cho nên gọi là kiếp tật dịch. Đó là ba trung kiếp.²⁰⁹

²⁰⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 11: Ba Trung Kiếp, Taiwan, 2000, trang 684~688.

143. Nhân sinh và vũ trụ quan Phật giáo

Số 30. “Kinh Thế Ký” ‘Phẩm Thế Bồn Duyên”

(Con người sinh ra từ cõi Quang Âm Thiên)

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Sau khi qua khỏi hỏa tai, khi trời đất của thế gian này sắp sửa thành tựu trở lại, một số chúng sanh khác phước hết, hành hết, mạng hết, mạng chung ở cõi trời Quang âm thiên, sinh vào cung điện Phạm thiên trống không, rồi sinh tâm đắm nhiễm chỗ đó, yêu thích chỗ đó nên nguyện cho chúng sanh khác cũng sinh vào nơi này. Sau khi phát sanh ý nghĩ này rồi thì những chúng sanh khác phước hết, hành hết, mạng hết, từ cõi trời Quang âm thiên, sau khi thân hoại mạng chung, sinh vào cung điện Phạm thiên trống không.²¹⁰

(Phạm Thiên)

Bấy giờ, vị Phạm thiên sinh ra trước liền tự nghĩ rằng: ‘Ta là Phạm vương, là Đại Phạm thiên vương, không có ai sáng tạo ra ta, ta tự nhiên mà có, không bẩm thọ cái gì từ ai hết; ở trong một nghìn thế giới ta hoàn toàn tự tại, thông rõ các nghĩa lý, giàu có sung mãn, có khả năng tạo hóa vạn vật; ta là cha mẹ của tất cả chúng sanh’.

²¹⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 12: Thế Bồn Duyên, Taiwan, 2000, trang 689.

Các Phạm thiên sanh sau lại tự nghĩ rằng: ‘Vị Phạm thiên sanh trước kia là Phạm vương, là Đại Phạm thiên vương. Vị ấy tự nhiên mà có, không do ai có sáng tạo; là đấng tối tôn ở trong một nghìn thế giới, không bắt thọt từ ai cái gì, thông rõ các nghĩa lý, giàu có sung mãn, có khả năng sáng tạo vạn vật, là cha mẹ của tất cả chúng sanh. Ta từ vị ấy mà có’.

Nhan sắc dung mạo của vị Phạm thiên vương này thường như đồng tử, cho nên Phạm vương được gọi là Đồng tử.

Hoặc có lúc, khi thế giới này chuyển thành trở lại, phần lớn chúng sanh có kẻ sinh về Quang âm thiên, bằng hóa sinh tự nhiên, sống bằng thức ăn là sự hoan hỷ, mình phát ra ánh sáng, có thân tức bay trong hư không, an vui không ngại, mạng sống lâu dài. Sau đó thế gian này biến thành đại hồng thủy, tràn ngập khắp nơi. Vào lúc bấy giờ thiên hạ hoàn toàn tối tăm, không có mặt trời mặt trăng, tinh tú, ngày đêm và cũng không có năm tháng hay con số bốn mùa. Sau đó, khi thế gian này bắt đầu sắp chuyển biến, một số chúng sanh khác phước hết, hành hết, mạng hết, từ cõi Quang âm thiên sau khi mạng chung sinh đến thế gian này, bằng hóa sinh và ăn bằng sự hoan hỷ, tự thân phát sáng, có thân tức bay trong hư không, an vui không ngại, sống lâu dài ở đây. Khi ấy, không có nam nữ, tôn ty, trên dưới, cũng không có những tên khác nhau. Các chúng cùng sinh ở thế gian này, cho nên gọi là chúng sinh.²¹¹

²¹¹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 12: Thế Bôn Duyên, Taiwan, 2000, trang 689~690.

(Đất)

Bấy giờ, đất này tự nhiên phát sinh ra vị đất, ngưng tụ trong đất. Cũng như đề hồ, vị đất khi xuất hiện cũng như vậy; giống như sanh tô, vị ngọt như mật. Sau đó chúng sanh dùng tay nếm thử để biết vị ra sao. Vừa mới nếm, liền có cảm giác ngon nên sanh ra mê đắm vị ấy. Như vậy, lần lượt nếm mãi không thôi nên sanh ra tham đắm, bèn lấy bàn tay mà vốc, dần thành thói ăn bốc. Ăn bốc mãi như thế, những chúng sanh khác thấy vậy lại bắt chước ăn và cách ăn này không bao giờ chấm dứt. Khi ấy, những chúng sanh này thân thể trở nên thô kệch, ánh sáng mất dần, không còn có thần túc, không thể bay đi.²¹²

(Mặt trời mặt trăng)

Bấy giờ, chưa có mặt trời mặt trăng. Ánh sáng của chúng sanh biến mất. Khi ấy, trời đất hoàn toàn tối om, không khác như trước. Một thời gian lâu, rất lâu về sau, có một trận cuồng phong mạnh nổi lên thổi nước biển lớn, sâu tám vạn bốn nghìn do-tuần, khiến cho biển bị tách làm hai, mang cung điện mặt Trời đặt ở lưng núi Tu-di, an trí quỹ đạo mặt Trời, mọc ở phương Đông và lặn ở phương Tây, đi quanh khắp thiên hạ.

Nhật cung thứ hai mọc từ phương Đông, lặn phương Tây. Chúng sanh khi ấy nói: ‘Đây là ngày hôm qua’ hoặc nói: ‘Không phải ngày hôm qua’.

²¹² Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 12: Thế Bôn Duyên, Taiwan, 2000, trang 690.

Nhật cung thứ ba đi quanh núi Tu-di, mọc ở phương Đông, lặn ở phương Tây. Chúng sanh khi ấy bảo rằng: ‘Nhật định là một ngày’. Ngày, có nghĩa là nhân của ánh sáng đi trước, do đó gọi là ngày. Mặt trời có hai nghĩa: một, trụ thường độ; hai, cung điện. Nhìn xa từ bốn hướng, cung điện có hình tròn. Nóng lạnh dễ chịu, được tạo thành bởi vàng của trời; được xen bằng pha lê. Hai phần là vàng trời, thuần chân không pha tạp; trong suốt từ trong ra ngoài, ánh sáng rọi xa. Một phần là pha lê, thuần chân không tạp, trong suốt từ trong ra ngoài, ánh sáng rọi xa...

Lại nữa vì duyên gì mà mặt trăng có bóng đen? Vì cái bóng cây Diêm phù in vào trong mặt trăng, nên mặt trăng có bóng.

Phật bảo Tỳ-kheo: Tâm hãy như mặt trăng, trong mát không nóng bức, khi đến nhà đàn-việt, chuyên niệm không tán loạn.

Lại vì duyên gì mà có các sông ngòi? Vì mặt trời mặt trăng có độ nóng. Do độ nóng này mà có nung đốt. Do có nung đốt nên có mồ hôi. Do mồ hôi mà thành sông ngòi. Do đó thế gian có sông ngòi.²¹³

²¹³ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 12: Thế Bôn Duyên, Taiwan, 2000, trang 690~700.

(Sông ngòi)

Vì nhân duyên gì mà thế gian có năm loại hạt giống? Có cuồng phong dữ từ thế giới chưa bị hủy diệt thổi hạt giống đến sanh ở quốc độ này. Một là hạt từ rễ; hai, hạt từ cọng; ba, hạt từ đốt; bốn, hạt từ ruột rỗng; năm, hạt từ hạt. Đó là năm loại hạt. Vì nhân duyên này mà thế gian có năm loại hạt giống xuất hiện.

Lúc ở Diêm-phù-đề đang là giữa trưa thì ở Phát-vu-đãi mặt trời lặn. Ở Câu-da-ni mặt trời mọc, ở Uất-đơn-viết là nửa đêm. Câu-da-ni giữa trưa thì ở Diêm-phù-đề mặt trời lặn. Uất đơn viết mặt trời mọc, ở Phát-vu-đãi là nửa đêm; ở Uất đơn viết giữa trưa thì ở Câu-da-ni mặt trời lặn; ở Phát-vu-đãi mặt trời mọc thì Diêm-phù-đề là nửa đêm. Nếu ở Phát-vu-đãi là giữa trưa thì ở Uất đơn viết mặt trời lặn; ở Diêm-phù-đề mặt trời mọc thì ở Câu-da-ni là nửa đêm. Phương Đông của Diêm-phù-đề thì là phương Tây ở Phát-vu-đãi; phương Tây của Diêm-phù-đề là phương Đông của Câu-da-ni; phương Tây của Câu-da-ni là phương Đông của Uất-đơn-viết; phương Tây của Uất-đơn-viết là phương Đông của Phát-vu-đãi.

Diêm-phù-đề, sở dĩ được gọi là Diêm-phù vì ở dưới có núi vàng cao ba mươi do-tuần, do cây Diêm phù sanh ra nên được gọi là vàng Diêm-phù. Cây Diêm-phù có trái của nó như tai nắm, vị của nó như mật; cây có năm góc lớn, bốn mặt bốn góc, ở trên có một góc. Những trái ở bên góc phía Đông của nó được Càn-thát-bà ăn. Trái ở góc phía Nam của nó được người bảy nước ăn. Bảy nước

là: một, nước Câu-lâu; hai, Câu-la-ba; ba, Tỳ-đề; bốn, Thiên-tỳ-đề; năm, Mạn-đà; sáu, Bà-la; bảy, Bà-lị. Trái ở góc phía Tây được hải trùng ăn. Trái ở góc phía Bắc được cầm thú ăn. Trái ở phía góc trên được Tinh tú thiên ăn. Phía Bắc của bảy nước lớn có bảy hòn núi đen lớn, một là Lỗa thổ, hai là Bạch hạc, ba là Thủ cung, bốn là Tiên sơn, năm là Cao sơn, sáu là Thiên sơn, bảy là Thổ sơn. Trên mặt của bảy núi đen này có bảy vị Tiên nhân Bà-la-môn. Trú xứ của bảy Tiên nhân này, một là Thiên đế, hai là Thiên quang, ba là Thủ cung, bốn là Tiên nhơn, năm là Hộ cung, sáu là Già-na-na, bảy là Tăng ích.

Phật bảo Tỳ-kheo: Khi kiếp sơ, chúng sanh sau khi nếm vị đất, rồi tồn tại một thời gian lâu dài. Những ai ăn nhiều nhan sắc trở nên thô kịch, khô héo. Những ai ăn ít nhan sắc tươi sáng, mịn màng. Từ đó về sau mới phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có hơn có kém và sinh ra thị phi với nhau, nói rằng: ‘Ta hơn người; người không bằng ta’. Do tâm của chúng phân biệt kia và ta, ôm lòng cạnh tranh cho nên vị đất tiêu hết. Sau đó sinh ra một loại da đất, hình dáng giống như cái bánh mỏng; màu sắc, hương vị của nó rất là thanh khiết. Bấy giờ chúng sanh tụ tập lại một chỗ, tất cả đều ảo não buồn khóc, đấm ngực mà nói: ‘Ồi chao là tai họa! Vị đất nay bỗng biến mất’. Giống như hiện nay người được đầy ắp vị ngon, bảo là ngon lành nhưng sau đó lại bị mất đi nên lấy làm buồn lo. Kia cũng như vậy buồn lo hồi tiếc. Sau đó, chúng ăn lớp da đất, dần quen cái vị của nó. Những ai ăn nhiều thì nhan sắc trở thành thô kịch khô héo. Những

ai ăn ít thì nhan sắc tươi sáng mịn màng. Từ đó mới phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có xấu có đẹp và sinh chuyện thị phi với nhau, nói rằng: ‘Ta hơn người. Người không bằng ta’. Do tâm chúng phân biệt kia và ta, ôm lòng cạnh tranh nên nắm đất cạn tiêu hết.

Sau đó lại xuất hiện một loại da ngoài của đất, càng lúc càng dày thêm, màu của nó như thiên hoa, mềm mại của nó như thiên y, vị của nó như mật. Bây giờ, các chúng sanh lại lấy nó cùng ăn, sống lâu ngày ở thế gian. Những ai càng ăn nhiều thì nhan sắc càng sút kém. Những ai ăn ít thì nhan sắc tươi sáng mịn màng. Từ đó phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có xấu có đẹp và do thế mà sinh chuyện thị phi với nhau rằng: ‘Ta hơn người. Người không bằng ta’. Vì tâm chúng phân biệt ta và người, sinh lòng cạnh tranh nên lớp da ngoài của đất tiêu hết.

Sau đó, lại xuất hiện loại lúa tẻ mọc tự nhiên, không có vỏ trấu, không cần phải gia thêm chế biến mà chúng đã đầy đủ các thứ mỹ vị. Bây giờ, chúng sanh tụ tập nhau lại nói: ‘Ồi chao là tai họa! Nay màng đất bỗng nhiên biến mất’. Giống như hiện tại người gặp họa gặp nạn thì than rằng: ‘Khổ thay!’ Bây giờ chúng sanh ảo não, buồn than, cũng lại như vậy.

Sau đó, chúng sanh cùng nhau lấy lúa tẻ tự nhiên này ăn và thân thể chúng trở nên thô xấu, có hình dáng nam nữ, nhìn ngấm nhau, sinh ra đục tưởng; họ cùng nhau tìm nơi vắng làm hành vi bất tịnh, các chúng sanh khác thấy

than rằng: ‘Ôi, việc làm này quấy! Tại sao chúng sanh cùng nhau sinh ra chuyện này?’ Người nam làm việc bất tịnh kia, khi bị người khác quở trách, tự hối hận mà nói rằng: ‘Tôi đã làm quấy’. Rồi nó gieo mình xuống đất. Người nữ kia thấy người nam này vì hối lỗi mà gieo mình xuống đất, không đứng lên, liền đưa thức ăn đến. Chúng sanh khác thấy vậy, hỏi người nữ rằng: ‘Người đem thức ăn này để cho ai?’ Đáp: ‘Chúng sanh hối lỗi kia đọa lạc thành kẻ làm điều bất thiện, tôi đưa thức ăn cho nó’. Nhân lời nói này, nên thế gian liền có danh từ ‘người chồng bất thiện’ và vì việc đưa cơm cho chồng nên được gọi là vợ.

Sau đó, chúng sanh bèn làm chuyện dâm dật, pháp bất thiện tăng. Để tự che dấu, chúng tạo ra nhà cửa. Do vì nhân duyên này, bắt đầu có danh từ ‘nhà’.

Sau đó, sự dâm dật của chúng sanh càng ngày càng tăng, nhân đây đã trở thành chồng vợ. Có các chúng sanh khác, khi tuổi thọ hết, hành hết, phước hết, từ cõi trời Quang âm sau khi mạng chung lại sinh vào thế gian này, ở trong thai mẹ, nhân đây thế gian có danh từ ‘mang thai’.

Bấy giờ, trước tiên tạo thành Chiêm-bà, kế đến tạo thành Già-thi, Ba-la-nại, và tiếp theo là thành Vương xá. Lúc mặt trời mọc thì bắt đầu kiến tạo, tức thì lúc mặt trời mọc hoàn thành. Do nhân duyên này nên thế gian liền có tên thành, quách, quận, ấp, là chỗ nhà vua cai trị.

Bấy giờ, khi chúng sanh bắt đầu ăn lúa tẻ mọc tự nhiên, sáng sớm gặt thì chiều tối lại chín, chiều tối gặt thì sáng sớm lại chín. Sau khi được gặt, lúa sinh trở lại, hoàn toàn không có thân cuống lúa.²¹⁴

(Lòng tham lam)

Rồi thì, có chúng sanh thầm nghĩ rằng: ‘Sao ta mỗi ngày mỗi gặt chi cho mệt nhọc? Nay hãy gom lấy đủ cho nhiều ngày’. Nó bèn gặt gộp lại, chứa số lương đủ cho nhiều ngày. Người khác sau đó gọi nó: ‘Nay chúng ta hãy cùng đi lấy lúa’. Người này bèn trả lời: ‘Tôi đã chứa đủ sẵn rồi, không cần lấy thêm nữa. Anh muốn lấy, cứ tùy ý đi lấy một mình’. Người kia bèn nghĩ thầm: ‘Gã này có thể lấy đủ lương cho hai ngày, sao ta không thể lấy đủ cho ba ngày?’ Người ấy bèn chứa dư ba ngày lương. Lại có những người khác gọi nó: ‘Hãy cùng đi lấy lương’. Nó liền đáp: ‘Ta đã lấy dư ba ngày lương rồi. Các người muốn lấy, tùy ý đi mà lấy’. Các người kia bèn nghĩ: ‘Người kia có thể lấy ba ngày lương, sao ta không thể lấy năm ngày lương?’ Rồi chúng lấy năm ngày lương. Bấy giờ, chúng sanh tranh nhau cất chứa lương dư nên lúa tẻ ấy bèn sanh ra vỏ trấu; sau khi được gặt, không mọc trở lại nữa; chỉ còn trơ cọng khô mà thôi.

Bấy giờ chúng sanh tụ tập lại một chỗ, ảo não buồn khóc, đấm ngực than: ‘Ôi, đây là một tai họa!’ và tự

²¹⁴ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 12: Thế Bôn Duyên, Taiwan, 2000, trang 700~704.

thương trách rằng: ‘Chúng ta vốn đều do biến hóa mà sinh, ăn bằng niệm, tự thân phát ánh sáng, có thần túc bay trên không, an vui không ngại. Sau đó vị đất bắt đầu sinh ra, sắc vị đầy đủ. Khi ấy chúng ta ném thử vị đất này, rồi tồn tại lâu trong đời này. Những ai ăn nhiều thì nhan sắc trở thành thô xấu. Những ai ăn nó ít thì nhan sắc tươi sáng, mịn màng; từ đó tâm chúng sanh có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn, bảo rằng: ‘Sắc ta hơn. Sắc người không bằng’. Do kiêu mạn, tranh nhau sắc nên vị đất tiêu diệt. Lại sanh ra lớp da đất, có đầy đủ sắc hương vị. Chúng ta lúc ấy cùng thu lấy để ăn, tồn tại lâu dài ở thế gian. Những ai ăn nhiều thì da sắc trở thành thô xấu. Những ai ăn ít đi thì da sắc tươi sáng mịn màng, từ đó có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn bảo rằng: ‘Sắc ta hơn, sắc người không bằng’. Vì tranh nhau về sắc mà kiêu mạn nên lớp da đất biến mất và xuất hiện lớp da ngoài của đất, càng lúc càng dày lên, đủ cả sắc, hương, mùi vị. Chúng ta khi ấy lại cùng nhau thu lấy ăn, tồn tại lâu dài ở thế gian. Những ai ăn nhiều thì sắc da trở thành thô xấu. Những ai ăn ít thì sắc da tươi sáng mịn màng, từ đó có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn bảo rằng: ‘Sắc ta hơn, sắc người không bằng’. Vì sắc tranh nhau mà kiêu mạn nên lớp da ngoài của đất biến mất, để rồi sinh ra loại lúa tẻ mọc tự nhiên, đầy đủ sắc, hương, vị. Chúng ta lúc ấy lại cùng nhau thu lấy ăn, sớm mai thu hoạch buổi chiều lại chín, buổi chiều thu hoạch sáng mai lại chín, vì thu hoạch xong thì sinh trở lại nên không cần phải gom thu. Nhưng vì chúng ta lúc này tranh nhau tích

lũy nên lúa này sinh ra vỏ trấu và sau khi thu gặt xong không sinh trở lại nữa, mà hiện tại chỉ còn có rễ và thân mà thôi. Nay chúng ta hãy cùng nhau phân phối ruộng nhà, phân chia bờ cõi.’²¹⁵

(Tranh giành, phân chia ruộng đất)

Rồi chúng phân chia ruộng đất, vạch bờ cõi khác nhau, phân biệt của người và của ta. Sau đó mọi người tự cắt dấu lúa thóc của mình, trộm lấy lúa ruộng người khác. Các chúng sanh khác trông thấy, nên nói: ‘Việc người làm là quấy! Việc người làm là quấy! Tại sao cắt dấu vật của chính mình mà đi trộm tài vật của người?’ liền quở trách rằng: ‘Từ nay về sau không được tái phạm việc trộm cắp nữa!’ Nhưng những việc trộm cắp như vậy vẫn tái phạm không dứt, mọi người lại phải quở trách: ‘Việc người làm sai quấy! Tại sao không chịu bỏ?’ Bèn lấy tay mà đánh, lôi đến giữa đám đông, báo cáo cùng mọi người rằng: ‘Người này tự cắt dấu thóc lúa, đi trộm lúa ruộng của người’. Người ăn trộm nói lại: ‘Người kia đã đánh tôi’. Mọi người nghe xong, âm ức rơi lệ, đám ngược nói rằng: ‘Thế gian trở nên xấu ác nên đã sinh ra pháp ác này chăng?’ Nhân đầy mà sinh ra ưu kết nhiệt não khổ báo; Rằng: ‘Đây là cội nguồn của của sinh, già, bệnh, chết; là nguyên nhân rơi vào đường ác. Do có ruộng nhà, bờ cõi riêng khác nên sinh ra tranh giành kiện

²¹⁵ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 12: Thế Tôn Duyên, Taiwan, 2000, trang 704~705.

tụng, đưa đến oán thù, không ai có thể giải quyết. Nay chúng ta hãy lập lên một người chủ bình đẳng, để khéo léo giữ gìn nhơn dân, thường thiện phạt ác. Mọi người trong chúng ta đều cùng nhau giảm bớt phần của mình để cung cấp cho người chủ này.²¹⁶

(Chủng tánh Sát Đế Lợi)

Lúc đó, trong chúng có một người hình thể vạm vỡ, dung mạo đoan chánh, rất có oai đức. Mọi người bảo rằng: ‘Nay, chúng tôi muốn tôn bạn lên làm chủ để khéo léo giữ gìn nhơn dân, thường thiện phạt ác. Chúng tôi sẽ giảm bớt phần của mình mà cung cấp’. Người này nghe xong, liền nhận làm chủ. Ai đáng thưởng thì thưởng; ai đáng phạt thì phạt. Từ đây mới bắt đầu có danh từ dân chủ. Dân chủ ban đầu có con tên là Trân Bảo.

.....

Vua Thanh Ma của dòng thứ mười có vương tử tên là Ô-la-bà. Vua Ô-la-bà có vương tử tên là Cừ-la-bà. Vua Cừ-la-bà có vương tử tên là Ni-cầu-la. Vua Ni-cầu-la có vương tử tên là Sư Tử Giáp. Vua Sư tử Giáp có vương tử tên là Bạch Tịnh vương. Vua Bạch Tịnh vương có vương tử tên là Bồ-tát. Bồ-tát có con tên là La-hầu-la. Do bản duyên này mà có tên gọi Sát-ly.²¹⁷

²¹⁶ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 12: Thế Bôn Duyên, Taiwan, 2000, trang 705~706.

²¹⁷ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 12: Thế Bôn Duyên, Taiwan, 2000, trang 706~708.

(Giai cấp Bà La Môn)

Bấy giờ, có một chúng sanh suy nghĩ như vậy: ‘Tất cả mọi sở hữu như gia đình, quyến thuộc, muôn vật ở thế gian đều là gai nhọn, ung nhọt, nay nên lìa bỏ, vào núi hành đạo, ở nơi vắng vẻ mà tư duy’. Rồi thì, người liền lìa bỏ gai nhọn là gia đình, vào núi, ở nơi vắng vẻ, ngồi dưới gốc cây mà tư duy, hằng ngày ra khỏi núi, vào thôn xóm mà khát thực. Mọi người trong thôn thấy vậy, càng cung kính cúng dường. Mọi người đều cùng khen ngợi rằng: ‘Người này có thể lìa bỏ hệ lụy của gia đình để vào núi tìm đạo’. Vì người này có thể xa lìa được pháp ác bất thiện nên nhân đó mà gọi là Bà-la-môn.

Trong chúng Bà-la-môn có người không hành Thiền được nên ra khỏi rừng núi, du hành trong nhơn gian, và tự nói: ‘Ta không thể tọa thiền’. Nhân đó gọi là Vô Thiền Bà-la-môn. Rồi đi qua các thôn xóm, nó làm pháp bất thiện, thi hành pháp độc, nhân đó tương sinh nên được gọi đó là độc. Do nhân duyên này mà có chúng tánh Bà-la-môn ở thế gian.²¹⁸

²¹⁸ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 12: Thế Bôn Duyên, Taiwan, 2000, trang 708.

(Chủng tánh Phê Xá)

Trong chúng sanh kia, chúng học tập các thứ nghề để tự mưu sống, nhân đây nên có chủng tánh cư sĩ ở thế gian.²¹⁹

(Chủng tánh Thủ Đà La)

Trong chúng sanh kia, chúng học tập các kỹ nghệ để tự nuôi sống, nhân đây mới có chủng tánh thủ-đà-la ở thế gian.

Trước đó trong thế gian đã có dòng họ Thích này xuất hiện rồi, sau đó mới có dòng Sa-môn. Trong giòng Sát-lợi có người tự tư duy: ‘Thế gian ân ái là ô uế, bất tịnh, đáng gì mà tham đắm?’ Rồi người ấy lìa bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục mà cầu đạo và nói: ‘Ta là Sa-môn! Ta là Sa-môn!’

Trong chủng tánh Bà-la-môn, chủng tánh cư sĩ, chủng tánh thủ-đà-la, có người suy nghĩ: ‘Thế gian ân ái là ô uế, bất tịnh, đáng gì mà tham đắm?’ Rồi người ấy lìa bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục mà cầu đạo và nói: ‘Ta là Sa-môn! Ta là Sa-môn!’

Nếu trong chúng Sát-lợi, có người thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện; sau khi hành bất thiện rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ phải thọ

²¹⁹ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 12: Thế Bôn Duyên, Taiwan, 2000, trang 708.

khô. Hoặc có Bà-la-môn, cư sĩ, thủ-đà-la thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện; sau khi hành bất thiện rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ phải thọ khô.

Chung tánh Sát-lợi thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, khi thân hoại mạng chung nhất định sẽ thọ lạc. Bà-la-môn, cư sĩ, thủ-đà-la thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, khi thân hoại mạng chung nhất định sẽ được thọ lạc.

Thân của người sát lợi thân có hai loại hành, miệng và ý cũng có hai loại hành. Sau khi thân, miệng và ý đã hành hai loại ấy rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ thọ báo hoặc khổ hoặc lạc. Bà-la-môn, cư sĩ, thủ-đà-la, thân, miệng, ý có hai loại hành. Sau khi thân, miệng và ý đã hành hai loại này rồi, thân hoại mạng chung chắc chắn sẽ thọ báo hoặc khổ hoặc vui.

Trong chúng Sát-lợi, như có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia cầu đạo. Vị ấy tu tập bảy giác ý. Với tín tâm kiên cố vị ấy xuất gia hành đạo, tu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này, tự thân tác chứng: ‘Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

Ở trong chúng Bà-la-môn, cư sĩ, thủ-đà-la, có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia cầu đạo. Vị ấy tu tập bảy giác ý. Vị ấy do lòng tin kiên cố mà xuất gia hành đạo, tu phạm hạnh vô thượng, ở ngay trong đời này

mà tự thân tác chứng: ‘Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

Trong bốn chủng tánh này, đều có thể thành tựu minh và hành, chứng đắc A-la-hán, là đệ nhất tối thượng.²²⁰

1. Tác giả: Bimala Churn Law (Người Ấn Độ) “A History of Pali Literature”
2. “History of Indian Literature”, vol. ii, Maurice Winternitz (Người Đức)
3. “Tales and teachings of the Buddha” tác giả: John Garreit Jones
4. “A History of Indian Literature - Pali Literature” K. R. Norman (Người Anh)

²²⁰ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, Bộ A Hàm I, Kinh Trường A Hàm Số 1, Phẩm 12: Thế Bôn Duyên, Taiwan, 2000, trang 708-709.